NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút

PHẠM QUỲNH

Tome XX

Nos 113-118

JANVIER — JUIN

1927

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi
1927

NAM-PHONG TẠP-CHI

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ XX (*từ số 113 đến số 118*)

Số 113 — Janvier 1927

Số trang

Sự sinh-hoạt một trường Đại-học nước Mĩ 1
Tình tệ thôn quê (Thường hát) 11
Đạo làm người. III 21
Lược-khảo về văn-học-sử nước Pháp. IV 30
Điều-tra về tình-trạng hương-thôn 41
Văn cổ đời Lê : I. Xin tiền cưới vợ lẽ. — Tờ đáp lại — II Bài phú tụng cảnh Tây-hồ. — Chiến bài tụng cảnh Tây-hồ 49
Khảo về phong-tục nước Tàu. III 57
Phong-tục các dân Thượng-du Ai-lao 71
Quả dưa đỏ (Phiêu-lưu tiểu-thuyết). Hết 75
Văn-uyển 85
Thời-đàm 91

Số 114 — Février 1927

Lịch-sử và học-thuyết của VOLTAIRE I 101
Chính-trị Pháp-Việt 125
Việt-Nam lịch-sử ngũ-ngôn-thi. I 129
Bốn tay hùng-biện về đời Chiến-quốc 141
Dịch thơ đời Lý và Trần. I 146
Khảo về phong-tục nước Tàu. IV 158
Tây-thi diễm-sử (Tiểu-thuyết). I 167
Văn-uyển 175
Thời-đàm 185

Số 115 — Mars 1927

Lịch-sử và học-thuyết của VOLTAIRE. II 201
Gia-đình giáo-dục ký 211
Tư-tưởng của Charles Maurras 218
Việt-Nam lịch-sử ngũ-ngôn-thi. II 221
Cái tai-nạn nước lụt ở xứ Bắc-kỳ năm 1926-1927 230
Dịch thơ đời Lý và Trần. II 238
Khảo về phong-tục nước Tàu. V 243

Số trang
Tùng-đàm : 1. Phong tục Xiêm-la — 2. Tính cần-kiệm người Đức 257
Tây-thi diễm-sử. II 265
Văn-uyển 277
Thời-đàm 286

Số 116 — Avril 1927

Chính-sách Pháp-Việt : Bàn về bài luận của ông *Fontaine* 299
Một quyển sách mới về Ai-cập và Ấn-độ 303
Việt-Nam lịch-sử ngũ-ngôn thi. III 319
Khảo về lối văn ngụ-ngôn ở các nước 332
Dịch thơ đời Lý và Trần. III 340
Đàn bà Đông-phương. VIII 348
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng. I 354
Tây-thi diễm-sử. III 367
Văn-uyển 375
Thời-đàm 385

Số 117 — Mai 1927

Bàn góp về chính-trị Pháp-Việt 397
Đạo làm người. IV 405
Hương-chính tinh-nghĩa. I 417
Khảo về phong-tục nước Tàu. VI 425
Đàn bà Đông-phương IX 435
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng. II 448
Tùng-đàm : 1. Đàn bà nước Mĩ. — 2. Cái đẹp của đàn bà trong thế-giới 459
Tây-thi diễm-sử. IV 465
Văn-uyển 474
Thời-đàm 485

Số 118 — Juin 1927

Chính-trị Pháp-Việt 497
Người ta có bình-đẳng không ? 499
Đạo làm người V 505
Hương-chính tinh-nghĩa. II 517
Bông hoa đầu mùa 523
Luận-thuyết tân-xã-hội. I 538
Khảo về phong-tục nước Tàu. VII (Hết) 549
Tuồng hát Nguyễn-chúa phù Lê-hoàng. III 564
Đoản-thiên tiểu-thuyết : Ái-tình 571
Văn-uyển 575
Thời-đàm 588

Các tranh ảnh

Số 113 — Ảnh chùa Tiên-lữ, núi Tử-trầm và động Long-Châu.
Số 114 — Ảnh Mĩ-thuật nước Pháp.
Số 115 — Ảnh đền Trấn-võ, mộ Tả-Quân Duyệt và lễ khánh-thành nhà diễn-đường Hội Khai-trí.
Số 116 — Ảnh làm đê ở Bắc-kỳ.
Số 117 — Ảnh Hương-tích.
Số 118 — Ảnh đền Gióng (Phù-đổng).

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Số trang

Số 113 — Une réfutation du socialisme par M. Wells..... 1
Ce que disaient d'eux-mêmes les Français du quatorzième siècle. 3
L'insecte et l'Homme..... 5
L'écrivain dans la société d'après-guerre..... 8
Số 114 — Sur la Chine :
1° *Que se passe-t-il en Chine ?*..... 11
2° *Comprendre la Chine*..... 16
3° *De la Chine moderne*..... 18
4° *Idées d'Acrimon sur la Chine*..... 19
5° *La Chine et l'Europe*..... 21
Sur la décadence du style..... 23
Số 115 — Le problème du Pacifique (André Duboscq) :
1° *Les origines*..... 26
2° *Eléments actifs*..... 28
3° *La donnée du l'Ours*..... 32
4° *La donnée de la Baleine*..... 36
Số 116 — Le problème du Pacifique (suite) :
5° *La zone des typhons*..... 39
6° *A la recherche d'une solution*..... 41
7° *Théorie d'une solution amiable*..... 43
Pélerins..... 45
Kim-Vân-Kiều par R. Crayssac..... 49
Số 117 — Quelques notions sur l'histoire de la Chine..... 51
Sur la route de Hương-tích..... 62
Qu'est-ce que l'art ?..... 63
Số 118 — L'Enseignement des langues et littératures indigènes dans les écoles indigènes des colonies..... 65
L'Evolution de l'univers..... 72
Le mécontentement de soi..... 74

No 113 Janvier 1927

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

SỰ SINH-HOẠT MỘT TRƯỜNG ĐẠI-HỌC NƯỚC MỸ (1)

Ở nước Mỹ, việc giáo-dục không có do quyền Chính-phủ chủ-trương như ở nước Pháp; tại kinh-đô Hoa-thịnh-đốn không có một ông quan coi về việc học như chức Học-bộ Tổng-trưởng nước Pháp. Nước Mỹ vốn là một cuộc liên-bang, họp 48 « bang » (*Etats*) lại mà thành nước, nên chỉ trong mỗi « bang » mới có một bộ học riêng, cách sắp đặt tùy mỗi « bang » một khác.

Về việc giáo-dục cũng như về nhiều việc khác, tư-nhân có quyền tự-do muốn mở mang sắp-đặt sự học thế nào cho thích-hợp với sự nhu-yếu trong địa-phương, trong bản-xứ cũng được. Nói tư-nhân đây là nói phàm chủ-trương không phải tự Nhà-nước, mà thuộc về hoặc thành-phố, hoặc giáo-hội, hoặc đoàn-thể công-thương, hay hoặc cá-nhân nào, v.v..

Đây tôi chỉ nói về các trường Đại-học (gọi là *University* hay là *Colleges*), là những sở cao-đẳng-giáo-dục hay là chuyên-môn-giáo-dục, và không nói đến các trường tiểu-học (gọi là *Grammar Schools*) do các thị-tỉnh chủ-trương, và các trường trung-học (gọi là *High Schools*) thể-thức mỗi nơi một khác.

Thường thường, mỗi « bang » có một hay là nhiều trường Đại-học công, gọi là « Bang-lập Đại-học-hiệu » (*State University* hay là *State College*); nhưng mà sánh với các trường tư thì số trường công không thấm vào đâu. Như bang *Ohio* có một trường « Bang-lập Đại-học » đối với đến hai-mươi trường Đại-học tư. Trường Đại-học công, như ở nước khác thuộc quyền Nhà-nước thì có giá-trị lắm, ở Mỹ thì không. Những trường Đại-học có tiếng là trường tư cả, có đặt hội-đồng quản-lý như công-ti buôn vậy. Tỉ như trường Đại-học thành *Cincinnati* là của thành-phố, hội-đồng quản-lý và chức chánh quản-lý là do ông thị-trưởng ủy-nhiệm.

Nghe nói thế, không khỏi có người hỏi rằng: trường không phải của Nhà-nước như thế, thì văn-bằng phát ra có giá-trị gì không? Tôi vừa nói rằng trường Đại-học quản-lý cũng như một nhà buôn-bán hay một xưởng công-nghệ; nay nhà buôn phải có quảng-cáo mới tiêu-thụ được đồ hàng; nhưng quảng-cáo không cũng không đủ, lại phải đồ hàng cho tốt và giá bán cho rẻ mới được. Trường Đại-học cũng theo một cách như nhà buôn đó: nghĩa là đem cái học mà bán cho học trò, thế nào cho giá vừa được rẻ mà học vừa được tốt, đủ dùng trong cuộc cạnh-tranh ở đời. Chỉ khác với công-ti buôn có một điều: là công-ti buôn thì mong có lãi, mà trường Đại-học thì không có lãi, lại mất tiền thêm, thế mà thôi.

(1) Dịch bài diễn-thuyết của ông G. Roy ở Hội Tri-Tri Hà-nội ngày 20 Janvier 1927. Ông Roy hiện làm kỹ-sư ở Công-ti Rượu Hà-nội, năm 1920 có học tại trường Đại-học *Cincinnati* bên nước Mỹ. Bài này là ông thuật những sự kiến-văn của ông trong khi lưu-học ở Mỹ. Nguyên-văn bằng chữ Pháp đề là: *La vie d'un université américaine.*

Ở bên Mĩ, thiên-hạ không ham được bằng-cấp ; các chủ công-ti dùng người làm không hỏi đến có bằng-cấp trường nọ trường kia làm gì ; chỉ cần biết người kỹ-sư hay người làm việc có được lành nghề hay không, thế mà thôi ; có nhiều bằng-cấp hay là không có cái nào, cũng chẳng hề gì. Một người đến xin việc làm ở một công-ti nào, người chủ không có hỏi : Thầy tốt-nghiệp ở trường nào ra ? — chỉ hỏi : Thầy biết làm được gì ?

Vậy thì trường Đại-học cốt nhất là dạy cho học-trò biết được thật nhiều điều có ích. Nhân đó cách dạy học xoay hẳn về đường công-lợi ; cho đến những khoa nghĩa-lý, như các khoa học phổ-thông (gọi là *Academic courses*), tưởng không có cái ích-lợi trực-tiếp gì, thế mà cũng hàm có tính-cách duy-lợi đó. Ở bên Mĩ học phổ-thông, học văn-chương, cũng là để đem ra ứng-dụng cả. Dân Mĩ là một dân trai-trẻ, hăng-hái, có cái sức hoạt-động rất mạnh, người ngoại-quốc trông thấy không thể không lấy làm lạ. Học phổ-thông còn thế, học chuyên-môn như học làm kỹ-sư về các nghệ thì lại cố-nhiên là chuyên-chủ về đường thực-dụng lắm nữa.

Trước khi kể rõ về cách sinh-hoạt một trường Đại-học nước Mĩ, tôi hãng xin nói qua về lịch-sử trường Đại-học mà tôi đã được cấp lương theo học cho đến tốt-nghiệp được bằng kỹ-sư.

Nguyên năm 1870, ở *Cincinnati* có một người thực-dân giòng-dõi đất Ái-nhĩ-lan (*Irlande*), tên là JOHN MAC MICKEN, hiểu biết sự giáo-dục là cái ơn-huệ to cho người ta, nhân có mấy sở đất, đi tặng lại cho thành-phố, để định mở ra một trường Đại-học. Thành-phố nhận lấy đất ấy, dựng lên một cái nhà lớn, đặt trường Đại-học ở đấy, lúc ấy hãy còn là tùng-tiệm, chưa lấy gì làm to-tát. Nhà ấy nay hãy còn, chính là ban Luật-học của trường Đại-học. Sau có một ngọn núi ở gần đấy bỏ không, dựng một cái nhà lên trên, đặt tên là *Mac Micken Hall*, rồi di trường ra đấy. Thế là trường Đại-học phôi-thai từ đó. Hồi ấy chỉ có dạy phổ-thông mà thôi. Kế đấy có hai nhà phú-hào, ông HANNA và ông CUNNINGHAM, cho tiền dựng thêm hai cái tả dực hữu-dực ở hai bên, đặt tên hai ông Tự đấy hễ được ai cho tiền thêm thì lại mở-mang rộng thêm ra : ông VAN WORMER dựng nhà thư-viện ; ông BEECHER dựng nhà ở cho nữ-học-sinh ; rồi kế đến nhà Bác-vật-quán, có đủ cả các bộ sưu-tập về bác-vật và các phòng giảng học. Năm 1905, bắt đầu dựng ban học kỹ-sư, có đủ các phòng thí-nghiệm, các máy chạy nóng và chạy điện ; lại có một nhà riêng về hóa-học, có nhiều các phòng khảo-nghiệm. Tự hồi tôi thôi học năm 1921, lại mới dựng thêm một nhà học công-nghệ nữa.

Lại còn các sở thể-dục (*gymnases*) cho nam-học-sinh và nữ-học-sinh, cũng thuộc về trường Đại-học, mỗi sở có bể nước lội, có sân đánh quần, và trường thể-thao lộ-thiên, dung được tới hai vạn chỗ ngồi. Nguyên hồi mới lập trường Đại-học, đất không đắt mấy, nên các nhà các sở dựng lên được rộng-rãi thênh-thang, chung-quanh những vườn hoa bãi cỏ. Theo thói thường của người Mĩ, trường không có xây tường chung quanh, không có đặt hàng rào sắt, không có người canh cửa, học-sinh ra vào tùy ý.

Muốn kỷ-niệm những học-sinh bị tử-trận, trường Đại-học có đặt một cái nhà ngủ (*dormitory*), tức như nhà trọ để riêng cho nam-học-sinh, mà không có gì là giống như lối ký-túc-xá (*internat*) ; nhà trọ này, tất là phải đặt có thể-lệ nghiêm. Trường Đại-học lại còn có một cái hàng cơm giá ăn rất rẻ đặt theo lối « cộng-tác hội-xã » (*coopérative*), nghĩa là mua lấy bán lấy

không cần đến bọn nhà buôn, để bớt tiền kinh-phí mà được lãi thì chia nhau; lại một hàng sách cũng đặt theo lối ấy; mỗi năm tính ra được lãi cũng khá, chia cho mọi người có phần hội, tùy theo số mua trong một năm. Bữa cơm trưa, nào là thầy giáo, nào là học-trò, nào là chánh-quản-lý đến hàng cơm, nối đuôi nhau (*faire la queue*) mà đợi lấy đồ ăn, cảnh-tượng trông cũng lạ mắt.

Có trường Đại-học đặt ở nhà quê như bên nước Anh, thành hẳn những «xóm học» (*villes universitaires*); «xóm học» thường thường chỉ có các nhà học, nhà thầy giáo, nhà ngủ cho học-trò, và mấy cửa hàng buôn-bán những đồ cần-dùng cho học-trò. Ở cách-biệt nơi thành-thị như thế là có ý muốn cho học-trò được tĩnh mà chuyên-cần về sự học. Ý riêng tôi thì cách đó tưởng cũng không ích-lợi gì cho sự học lắm, nhưng về đường thể-dục thì có lợi nhiều, vì ở nơi không-khoáng tiện tập thể-thao. Ở các xóm học đó, thể-thao là cái thú tiêu-khiển đệ-nhất.

Tôi tả về cách trường Đại-học *Cincinnati* thành-lập thế nào, là có ý tỏ cho rõ cái phần của tư-nhân giúp vào đấy to là dường nào. Những người có công với trường này là người đã làm ăn giàu có đem của ra giúp cho bọn hậu-tiến được hưởng cái ơn-huệ giáo-dục. Tôi đã kể tên mấy người ân-nhân có tiếng nhất của trường Đại-học, nhưng tôi không rõ các bậc ấy giúp tiền nhiều ít thế nào.

Học-sinh đã tốt-nghiệp rồi, không có tuyệt-giao hẳn với nhà trường, và trong anh em bạn học cũ với nhau không phải chỉ có sự giao-tế hững-hờ mà thôi đâu; thường lập hội đặt tên là *Alumni*, những hội này có một địa-vị to trong sự sinh-hoạt của các trường Đại-học. Học-trò cũ thường ân-cần đến công việc nhà trường, coi nơi trường học cũ của mình như người mẹ nuôi (tức tiếng la-tinh gọi là *Alma mater*, thật là đúng lắm), vì đã có công gây dựng cho nên người, và thường giúp-đỡ cho nhà trường, vừa về đường vật-chất, vừa về đường tinh-thần. Năm 1920, tôi có được xem một cuộc lạc-quyên để tăng lương cho các giáo-viên; các học-trò cũ quyên vào nhiều lắm, có trọng mấy tuần-lễ thu được hơn 120 vạn đồng. Xem như một lễ cấp bằng (*graduation*) thì đủ tiêu-biểu cái lòng quyến-luyến của học-sinh đối với trường học: lễ này là lớp học tốt-nghiệp sắp ra phải trồng một cây thường-xuân (*lierre*) ở cạnh nhà trường để làm kỷ-niệm và truyền khoán-lệ lại cho lớp tới sau.

Có điều cũng lạ, là dân Mĩ là một dân tân-tạo, cách thành-lập bác-tạp, không có cổ-tục cổ-điển gì, vậy mà đặt ra cái tục-lệ gì mới, thường hay trân-trọng quyến-luyến lắm. Tôi xin kể một chuyện sau này, có lẽ người Việt-Nam nghe cũng cho là có ý-vị. Ở nhiều «bang» có cái tục cứ ngày chủ-nhật thứ nhất về tháng năm, làm một lễ gọi là «mẫu-đức khánh-điển» (*Mother's Day*), để con-cái nhớ đến công-đức người mẹ. Ở «bang» *Ohio*, quan Tổng-đốc hiểu-dụ cho dân ngày hôm ấy người nào có mẹ ở xa phải viết thư thăm mẹ, người nào mẹ còn đeo một bông vạn-thọ đỏ, người nào mẹ đã mất rồi đeo một bông vạn-thọ trắng.

Phần nhiều các trường Đại-học có đặt thi để tuyển học trò trong giới-hạn số đã định, nhưng vì có nhiều trường nên không có tranh đua nhau dữ như ở các trường Đại-học Pháp. Người nào thi hỏng trường này có thể ra thi trường khác được. Vả lại cứ phương-diện thực-tế, cái tên trường Đại-học không có quan-hệ gì cho lắm. Người

ứng-thí trường Đại-học phải có văn-bằng tốt-nghiệp trường Trung-học (*High School*), sức học cũng ngang-ngang bằng học-trò lớp nhất trường trung-học Pháp.

Hạn học trường Đại học trung-bình là bốn năm tốt-nghiệp thời được bằng tú-tài về văn-khoa hay về cách-trí (*bachelor of Arts, bachelor of Sciences*), cao hơn bằng tú-tài của Pháp ; học thêm một năm hay hai năm nữa thì được bằng cử-nhân cũng chia ra văn-khoa và cách-trí (*Master of Arts or Sciences*), lại có đặt chuyên-môn về lý-học, hóa-học, vân-vân. Lại học hai năm nữa thì được bằng tiến-sĩ, gọi là « tiến-sĩ triết-học » (*Docteur en philosophie*), về văn-học hay về cách-trí cũng vậy.

Thầy giáo thì không có trường sư-phạm nào dạy, thường kén chọn những người có bằng cấp và có danh-giá, tức cũng như cách kén chọn kỹ-sư trong công-nghệ vậy. Trường Đại-học nào cũng muốn kén lấy thầy giáo tốt, để cho càng ngày càng đông học-trò, và được nổi tiếng nhà trường. Các trường Đại-học lớn thường chịu phí nhiều tiền để nuôi lấy những thầy giáo thật giỏi.

Số học-trò trường Đại-học nhiều ít là tùy nhà trường lớn hay nhỏ : có trường mấy trăm học-trò, có trường đến mấy nghìn. Ở *Cincinnati* năm 1921 có hơn bốn nghìn học-trò, nhà trường dung được đến bấy nhiêu là cực-số. Tôi có nghe người ta nói những trường Đại-học lớn ở miền Đông, như *Harvard*, *Yale*, *Princeton*, số học-trò tới tám nghìn, một vạn người. Trong số đó là kể cả những học-trò học lớp tối, là lớp đặt riêng ra cho những người bận công việc không thể đi học ban ngày được.

Học-trò có đặt thành đoàn-thể, cách tổ-chức cũng hay. Thường chia ra bốn hay năm lớp, mỗi lớp bầu lấy một viên chánh một viên phó ban-trưởng, một thủ-quĩ, một thư-ký. Bốn năm ban trị-sự đó họp nhau lại thành hội-nghị học-sinh, công-nhiên làm đại-biểu cho nhất-ban học-sinh đối với hội-đồng quản-trị. Hội-nghị học-sinh không phải là đặt ra cho bị-vị mà thôi, thường là thực-lực hiệp-tác với hội-đồng quản-trị, có việc gì hay hỏi-han đến luôn.

Như một độ có bàn đặt cái lệ gọi là « lệ danh-dự » (*honor system*) trong khi thi ; lệ này là lúc thi thì học-trò lấy danh-dự tự-nguyện rằng không được làm gian và không được để cho ai làm gian ; như thế thì không cần phải canh giữ nữa, và mỗi người chỉ lấy lương-tâm mình làm hạn-chế. Nghe đâu cách đó đã có nơi thi-hành thành-hiệu lắm. Ở *Cincinnati* thì vấn-đề đó có giao cho hội-nghị học-sinh xét, hội-nghị hỏi ý-kiến mọi người, có thảo-luận kỹ, rồi quyết-định rằng không nên đặt lệ đó. Hội-đồng quản-trị cũng ưng theo như thế.

Ngoài hội-nghị học-sinh lại còn một hội-đồng thẩm-phán nữa, cũng do học-sinh bầu nhau lên, để xét-xử những tội như ăn trộm ăn cắp, ăn ở bậy-bạ phạm đến danh-dự, vân-vân, xử thế nào thì tư-trình lên cho ông hiệu-trưởng, ông hiệu-trưởng và hội-đồng các giáo-viên sẽ xét lại rồi quyết-nghị chung-thẩm.

Ở *Cincinnati*, học-trò định trên dưới phải có thi, mỗi tuần-lễ về một môn trong chương-trình, mà phải thi khắp cả các môn. Người nào ít ra phải được phê « thứ » (*passable*) về khắp các môn thì mới được bằng tốt-nghiệp ; hễ hỏng một môn nào thì phải học lại một năm nữa. Có một điều lạ, là dưới số điểm trung-bình, có đặt một cái giới-hạn gọi là « số điểm vớt » (*zone de repêchage*), khiến cho người nào thi không trúng-cách mà được vào cái giới-hạn ấy thì ba tháng sau lại được thi lại. Lần thi sau ấy mà lại không trúng-cách nữa

thì không thể « vớt » được nữa. Mỗi nửa năm thì cộng số điểm, người nào thi hỏng quá nửa phần các môn thi trong sáu tháng ấy thì bảo trước cho biết sáu tháng nữa mà học không tấn-tới sẽ phải đuổi. Nếu có tấn-tới thì phải học lại một năm nữa.

Riêng về khoa dạy kỹ-sư, trường Đại học *Cincinnati* có khai-sáng ra một lối mới gọi là lối « cộng-tác giáo-dục » (*enseignement coopératif*). Ông hiệu-trưởng hiện-chức là ông H. SCHNEIDER nghĩ đặt ra cách ấy là muốn đem cái phương-pháp dạy học-trò thuốc mà ứng-dụng về cách dạy học-trò kỹ-sư. Như người học-trò thuốc, ngoài những khoa thuyết-lý học ở nhà trường, lại có những khoa thực-nghiệm ở nhà thương, để tập về nghề chữa bệnh. Như ở trường kỹ-sư mà cũng muốn dùng cách đó thì học-sinh phải học các khoa thuyết-lý ở trường Đại-học, lại vừa phải qua các xưởng thợ các nhà máy để tập việc trong ít lâu, cho biết cái cách sinh-hoạt của công-nghệ và các vấn-đề về công-nghệ đời nay thế nào.

Thành *Cincinnati* tuy có công-nghệ nhiều, song muốn thi-hành cái cách dạy mới đó không phải là dễ, các chủ công-nghệ không hứng cho học-sinh vào làm trong xưởng mình, sợ tiết-lộ mất những cách chế-tạo bí-mật của mình. Nay thì những sự khó-khăn đã giải-quyết được cả, và hầu hết các nhà máy ở tỉnh-thành và các thành phụ-cận đều cho học-trò vào tập-sự cả.

Học-sinh chia ra làm hai tóp : trong khi tóp nọ học bài ở nhà trường thì tóp kia tập-sự ở nhà máy; trước kia định hạn là hai tuần-lễ, sau tăng lên bốn tuần-lễ, cứ hết hạn thì hai tóp lại lần lượt đổi nhau. Cách dạy học và cách sắp đặt cốt làm sao cho hai tóp cùng được học giống như nhau. Nhờ có liên-tiếp như thế, thì ở nhà máy người chủ xưởng có thể giao cho học-sinh mỗi người mỗi việc nhất-định. Học-sinh đến nhà máy không phải là để tập-sự mà thôi, thực là đến làm việc thật, mà được tiền công hẳn-hoi. Người chủ công-nghệ cũng coi người học-trò như người thợ bạn và hết sức lợi-dụng cái tài riêng của mỗi người cho được việc cho mình.

Trong hai năm đầu thì công việc của học-trò ở nhà máy cũng là việc tầm-thường cả, vì người học-trò lúc bấy giờ kể cũng chưa học được mấy tí. Bắt đầu từ năm thứ ba, công việc làm mới thật có thú-vị và có bổ-ích. Như về phần riêng tôi thì năm thứ năm tôi được vào giúp việc một nhà hóa-học kỹ-sư ở một sở cất rượu, trong khi ấy tôi có thí-nghiệm cách lợi-dụng các bã rượu, trước kia vẫn đem đổ xuống sông không dùng được việc gì. Người học-sinh càng được việc thì tiền công lại càng được cao.

Học-trò kỹ-sư, người nào chuyên-trị về nghề nào thì phải tập-sự ở nhà máy làm về nghề ấy. Tập-sự ở nhà máy nào, thường ở đến một năm hai năm, chứ không có năm ba tháng lại đổi, sợ học-trò chuyên-môn sớm quá, thường không lợi.

Việc giao-thiệp nhà trường với nhà máy đã có một sở riêng chuyên coi, phải chia học-trò đi các xưởng, và thường thường đi khám xét luôn xem tập-sự có chăm-chỉ không. Hết một hạn tập-sự người học-sinh phải làm một tờ báo-cáo trình cho sở ấy biết các công việc làm cùng những điều đã học được trong hạn đó.

Ở trường Đại-học cũng có phòng thí-nghiệm về công-nghệ, nhưng các đồ dụng-cụ và các máy-móc vừa nhỏ và vừa ít ; vả lại không phải thực-dụng về công-nghệ cho nên còn khuyết-điểm nhiều, và không thay đổi được luôn

cho họp-thức, thành ra mau cũ đi lắm. Tỉ như nghề hóa-học, các phương-pháp chắt lọc, hóa-tán, điện-hóa, không phải là những việc đan-độc, chính là những thời-kỳ liên-tiếp nhau thuộc về một cái trình-tự phiền-phức hơn. Chỉ có ở nhà máy thì mới thi-hành cái trình-tự ấy cho trọn vẹn được, và các máy-móc chạy luôn, học tiện hơn là ở nhà trường nhiều.

Người học-sinh trong khi ở nhà máy tập dùng các thứ máy, và các cơ-quan để kiểm-điểm các máy. Lại học biết cách tổ-chức các bộ-phận trong nhà máy, vì tùy sự cần-dùng, người học-sinh thường được đổi bộ nọ sang bộ kia luôn.

Về đường tinh-thần thì cái cách học như thế, hằng ngày tiếp-xúc với thực-tế, cũng lợi-ích cho người học-sinh nhiều lắm. Người học-trò kỹ-sư nhờ đó mà tập biết phục-tòng, vì trên mình còn có người cai-quản ; lại tự mình phải ra tay làm việc, mới tập biết được công việc thế nào và biết đối với người thợ có thể trách-bị thế nào là vừa với sức làm của người ta ; năm cuối cùng, thường được nhà máy giao cho quyền cai-quản thợ, bấy giờ mới tập biết cái cách cầm quyền chủ-trương thế nào, cai-quản người làm thế nào, và làm thế nào cho người ta phải phục-tòng mình.

Các chủ công-nghệ cũng nhờ cách tập-sự đó mà quen biết bọn học-sinh, nhiều khi có thể kén-chọn được người giúp việc cho mình sau này ; có nhiều người học-sinh sau khi đã được bằng tốt-nghiệp rồi vẫn ở làm việc với công-ti tập-sự trước.

Vì thời giờ tập-sự thường phải lâu, cho nên hạn học kỹ-sư phải tăng lên năm năm ; hạn nghỉ hè giảm xuống mỗi năm có bốn tuần-lễ tính vào cái thời-kỳ học bài ở nhà trường, vì thời-kỳ tập-sự ở nhà máy không được nghỉ bao giờ.

Học-trò tập-sự ở nhà máy cũng được tiền công, tuy không nhiều gì, nhưng cũng cao hơn công người thợ thường ; vả lại tùy công việc làm, việc khó thì công cao, việc dễ thì công thấp. Thường thường thì lúc mới đầu một người học-sinh Đại-học tập-sự ở một nhà máy nào cũng được mỗi tuần-lễ mười mười lăm đồng bạc công ; đến năm thứ năm thì mỗi tuần-lễ có thể được 20 đồng, 30 đồng hay 35 đồng. Người học-sinh nào không có gia-tư gì, phải làm lấy để tự-cung, thì được số tiền đó cũng đỡ nhiều.

Lối công-tác-giáo-dục đó, thi-hành tới nay đã được 20 năm, thấy có thành-hiệu lắm. Trường Đại-học thường khi không thể nhận được hết học-trò, vì không có chỗ cho đi tập-sự ; kể nhà trường cũng đã khuếch-trương cái phạm-vi ra rộng lắm, vì thường cho học-trò đi tập-sự xa tới mấy trăm cây-lô-mét. Nay cái lối công-tác-giáo dục đó đã có tới mười-lăm trường Đại-học và trường chuyên-môn theo dùng rồi.

Trường kỹ-sư quận *Massachussetts* ở *Boston* thì lại có một cách dạy kỹ-sư khác. Cách này là cho học-trò vào học ở các nhà máy, khiến cho các nhà máy thành hẳn những sở thí-nghiệm để dạy về nghề kỹ-sư. Thí-dụ như các nghề hóa-học, tuy phiền-phức tỉ ật, nhưng nghề nào cũng có mấy phép chế-tạo cốt-yếu, có thể rút lại mấy phép chính để làm mẫu-mực, rồi chọn sở công-nghệ nào kiêm đủ mấy phép đó mà cho học trò đến học.

Mỗi nhà máy đặt một sở thí-nghiệm như thế, giao cho một ông giáo trường kỹ-sư quản-đốc và giảng dạy cho học-trò ; học-trò không phải là người làm của nhà máy, mà vẫn phải trả tiền học-phí như ở trường. Cách dạy học ở sở thí-nghiệm là phải nghiên-cứu cho kỹ các phép chế-tạo về công-nghệ, phải bắt học-trò thí-nghiệm về phân-lượng các

chất. Thí-nghiệm thế nào phải trình cho ông giáo hay ông đốc xét, cần phải sửa đổi thế nào sẽ bảo cho biết.

Các công-ti nào đã có bụng tốt giúp cho nhà trường như thế, nhà trường muốn trả ơn lại thì đặt ra một ngạch kỹ-sư chuyên-môn, để giúp việc cho công-ti không lấy tiền, mà các giáo-viên nhà trường thì làm cố-vấn cho công-ti. Công-ti nào nhận giúp việc nhà trường như thế, thì chắc là việc tập-sự của học-trò phải giữ cho không khi nào ngăn-trở đến việc doanh-nghiệp của công-ti.

Vả chính học-sinh có thầy dạy trông nom cũng có thể giúp việc cho công-ti được. Đối với nhà máy thì cách đó có lợi, và học-sinh dẫu có trách-nhiệm, nhưng có người trông nom luôn cũng không sợ làm sai làm hỏng quá được.

Người học-sinh Mĩ đến học ở trường Đại-học, không phải chỉ chủ về một đường trí-dục mà thôi, lại còn chủ cả về đường đức-dục nữa; đức-dục đây là cách ăn ở với kẻ đồng-loại mình, tức là đạo xử-thế vậy. Tiếng Anh có một câu tả được rõ cái cách học-tập về đường xử-thế đó, nói là tập dụng khủyu tay với anh em bạn học. Giống Anh Mĩ (*Anglo-saxons*) vẫn có thói hợp-quần, nay lại thêm cái chủ-ý học-tập về đường xử-thế nữa, tạo-thành ra một cuộc xã-hội sinh-hoạt rất phồn-thịnh. Tôi thường thấy mấy viên lãnh-tụ trong phái học-sinh nọ, hội nào cũng có chân, đám nào cũng có phần, câu-lạc-bộ nào cũng đứng chủ-trương được, mà việc học-hành vẫn không trễ-nải một chút nào, hoạt-động biết đường nào, tôi thật lấy làm kinh-dị; cách dùng thời-giờ của họ chắc là tính-toán sắp-đặt giỏi lắm.

Các câu-lạc-bộ thì nhiều quá, không thể kể cho xiết được; phàm các bộ-phận trong cuộc sinh-hoạt một trường Đại-học, — có thể nói là cuộc sinh-hoạt cả loài người, tưởng cũng không sai mấy, — đều có câu-lạc-bộ hết. Có hội nghị-luận, có hội lịch-sử-học, có hội địa-chất-học, có một câu-lạc-bộ về nước Pháp thường diễn-kịch Molière nữa, v.v.. Đã vào hội nọ không thể không vào hội kia được; mỗi người học-sinh thường có chân đến năm sáu hội. Ở trường Đại-học có xuất-bản một cái báo mỗi tuần-lễ ra một kỳ, tám trang đến mười hai trang giấy, thuật về các việc ở trong trường, ở bản-xứ, và cả việc thế-giới nữa.

Ở *Cincinnati* cũng như ở các trường Đại-học Mĩ khác, có một thứ hội đặc-biệt, riêng ở Mĩ mới có, không nước nào có, gọi là «hội anh em» (*fraternités*), tức là một thứ hội bí mật. Các «hội anh em» đó chia ra nhiều hạng: có hội giao-tế, để anh em họp-tập nhau, thường ăn ở cùng nhau; có hội danh-dự, để họp những người học-hành giỏi, được số điểm cao; có hội đồng-nghiệp, thường thường là họp những người cùng chuyên về một khoa hay một môn nào và mục-đích là để cứu-tế lẫn nhau.

Các hội đó đều có những lễ-thức riêng và những tiếng mật-thông với nhau; tên hội thường đặt bằng chữ Hi-lạp, có nghĩa bí-mật, không được lộ cho người ngoài biết. Vào hội phải có người giới-thiệu, lại phải qua hội-đồng bỏ mật phiếu, và phải làm lễ chịu phép nhập-hội, hình-thức cũng ngộ. Các hội «anh em» cũng giống-giống như các «hội tam-điểm» (*franc-maçonnerie*) ở nước Pháp; nhưng trong hội không được bàn việc chính-trị và việc tôn-giáo.

Công việc của các hội anh em thế nào, tôi không thể kể rõ ra được, vì là bí-mật cả. Nhiều hội có nhà riêng vừa làm hội-sở, lại vừa làm chỗ trọ cho học trò trong khi ở trường Đại-học. Cứ ý riêng tôi xét ra thì hội-viên các hội giao-tế, khi thôi học rồi, sự

quan-hệ với hội cũng mỗi ngày một xa cách. Về phần tôi thì hiện tôi vẫn có chân một hội đồng-nghiệp, tên là *Alpha Chi Sigma* (chữ Hi-lạp), là hội riêng của các nhà hóa-học chuyên-môn và các kỹ-sư về khoa hóa-học, hội-viên tới hơn 4000 người, trong số đó có nhiều người đã thành danh-nghiệp lớn trong nghề hóa-học. Khi tôi theo học ở trường Đại-học, phải học tính theo phép cân-lường của nước Anh, thật là phiền-phức, lấy làm khổ quá, cũng nhờ có anh em đồng-nghiệp trong chi hội *Cincinnati* bảo giúp cho mới dỡ khó-nhọc.

Cái tính lập-hội kết-xã đó là một đặc-tính của người Anh Mĩ. Có nhà hoạt-kê đã nói khôi-hài rằng có hai người Anh bị đắm tàu, giạt vào một cái cù-lao giữa bể, không nghĩ đến gì vội, nghĩ ngay lập một cái câu-lạc-bộ trước. Ở Hoa-kỳ thời hội bí-mật vô-số, nhưng xem ra không có cái tư-tưởng phản-đối gì. Cách vận-động ở ngoài thì thường là họp nhau lại ăn tiệc, hay là mặc quần-áo kỳ-dị mà trầy đi ngoài phố.

Ở *Cincinnati* cũng như phần nhiều các trường Đại-học Mĩ khác, có nhận cả nữ-học-sinh. Xưa tôi có đọc nhiều sách về các trường nam nữ đồng-học, nên khi mới vào học, rất chú-ý quan-sát xem cái ảnh-hưởng của đàn bà con gái ở trong đám học-sinh thế nào. Cứ thực thì những chuyện ve-vãn rất là thịnh-hành lắm, vì ở các nước Anh Mĩ đàn bà con gái được hết sức tự-do; nhưng mà họ cũng có tư-cách tự-chủ lắm. Vả lại pháp-luật và phong-tục cũng có nhiều điều nghiêm-nhặt lắm. Một đôi khi có học-trò trai gái lấy nhau ở nhà trường, nhưng phải giữ cho kín. Còn cách giao-tế thường của nam-nữ học-sinh thì thật là thành thực hữu-ái lắm, và cái thái-độ của nam học-sinh đối với nữ-học-sinh rất là có lễ-nhượng, có phép-tắc, ai thấy cũng phải phục.

Ảnh-hưởng của bọn nữ học-sinh thường thấy trong những cuộc hội họp chung như những tiệc trà, cuộc khiêu-vũ, v. v.; những khi ấy có đàn bà con gái cũng có cái vẻ diễm-lệ hơn. Các cô nữ-học-sinh thường xướng-suất cho các câu lạc-bộ mở tiệc trà có khiêu-vũ, mời vợ các ông giáo làm chủ tọa. Trong những cuộc ấy, cái thói ve-vãn cũng vẫn có, nhưng không bao giờ để lộ quá đến phạm đến luân-lý bề ngoài, điều đó là điều cốt-yếu.

Ngoài cách khiêu-vũ, học sinh Mĩ lại còn tập thể-thao dữ lắm, khiến cho thiên-hạ chỉ trích đã nhiều. Người Mĩ vẫn có tính ưa cái gì hay ưa đến quá-độ. Tôi đây cũng là người thích thể-thao, cho thể-thao là một cách giải-trí sau khi làm việc về tinh-thần, khiến cho thân-thể với tinh-thần được điều-hòa thích-hợp với nhau. Song tôi không cho cách giải-trí đó là việc quan-trọng dệ-nhất, là cái mục-đích tuyệt-cao.

Tôi thiết-tưởng người Mĩ cũng nghĩ như thế, nhưng ngày nay thời thiên-hạ đua nhau mà tranh đặt giải, hết sức cho được toàn thắng trong những cuộc đánh thi, nên trường nào lớp nào cũng phải chọn lọc lấy mấy tay giỏi, luyện-tập cho thật cứng, tổ-chức thành đội để ra đối-địch ở trên trường thể-thao. Ngoài mấy tay giỏi ấy, có một hạng trung-bình để giúp cho bọn kia tập. Còn thời đại-đa-số là những tay tầm-thường, chỉ biết khi ra trường thể-thao dang tay ra mà vỗ, giương cổ ra mà hét mà thôi. Ấy là người quan-sát bề ngoài thì thấy như thế; nhưng không biết đâu rằng ngoài những hạng như trên đó, còn có số nhiều người, trong các môn thể-thao không thật giỏi về môn gì cả, mà chiều nào cũng ra trường thể-thao (*gymnase*) một hai giờ để tập-luyện cho thân-thể được mạnh khỏe.

Trường thể-thao thế nào, ở đây không thể tả rõ ra được. Thường chia ra từng gian rộng có lát ván và có đủ các đồ dụng-cụ. Trường thể-thao cho nam-học-sinh lại có đặt lưng-chừng một con đường lát cao-su, để tập chạy về mùa đông.

Những học-sinh được vào đội thứ nhất thì phải theo một cách ăn ở rất nghiêm, do ông đốc thể-thao định-đặt và kiểm-điểm, như: không được hút thuốc, không được uống rượu, không được dùng các chất mạnh, phải hạn-chế sự nam-nữ, phải đi ngủ sớm, v. v. Cách cấm đoán ấy, không ai phản-đối cả. Được ra trước mặt cả các nam-nữ học-sinh, các ông giáo, mà tiêu-biểu cho hiệu cờ của trường Đại-học mình ở giữa nơi đua tài đấu sức, thời thật là một cái danh-dự to, dẫu có phải hạn-chế một đôi chút tưởng cũng là đáng vậy. Xem như học-sinh các trường Đại-học thường chiếm được giải ở các cuộc thi thể-thao và các cuộc đấu-võ Vạn-quốc, thì biết cách luyện-tập ấy có công-hiệu vậy.

Mỗi ngày học sinh thuộc về các đội phải ra tập cùng với anh em, có những người trợ-giáo ăn lương đứng coi. Cách tập này có phương-pháp lắm, chứ không phải là tập hỗn-độn như các hội thể-thao của ta đâu. Tập thật khó-nhọc lắm, có người đã sợ tập quá hại đến sự học, đến nỗi có trường Đại-học đặt lệ học-sinh phải có được số điểm bao nhiêu mới được vào đội thể-thao thứ nhất.

Nhưng một đội thể-thao vào trường thi mà được 5, 6 vạn con người vừa phất cờ hiệu của trường Đại-học mình, vừa vỗ tay reo mừng, thì bấy giờ vẻ-vang sung-sướng biết dường nào! Cái cảnh-tượng một cuộc thi thể-thao, không thể tả được; phải mắt thấy tai nghe mới biết náo-nhiệt là dường nào: trong khi các đội đương đấu nhau, công-chúng ở ngoài reo hò luôn để thúc giục cho hăng-hái lên; mỗi xảy ra một tí gì thời có người cầm nọc (*Cheer leader*) ra hiệu, thế là tiếng reo tiếng hò nổi lên ầm-ầm; lại tiếng kèn tiếng trống om-sòm nữa, để giục cho ba-mươi người đầu đội mũ da, mình mặc áo bông, tranh nhau một quả ba-lông ở trên một cái bãi bùn.

Đến cuối năm học, người nào có tài xuất-sắc về khoa thể-thao thời được cái danh-dự đặc-biệt đeo chữ hiệu trường Đại-học thêu vào trên ngực áo cánh. Cái thưởng danh-dự đó ban cho ai là phải xét đi xét lại kỹ lắm mới được.

Cũng đến cuối năm học thì làm lễ gọi là lễ «Khởi-thủy» (*Commencement*). Chính là lễ cấp bằng cho học-sinh đã tốt-nghiệp, là cái việc cuối cùng trong đời người học-trò thế mà đặt tên là « Khởi-thủy » thì cũng lạ thật. Nhưng chữ ấy là có ý thủ-nghĩa rằng từ đó thì người học-sinh mới bắt đầu bước vào trong cõi đời, ra tranh đua với đời. Ngày ấy thì các giáo-sĩ về Tân-Cựu-giáo làm lễ cầu-nguyện Thiên-chúa giáng phúc cho các thầy học-sinh đã tốt-nghiệp, rồi các thầy đầu đội mũ vuông, mình mặc áo đen dài ra nhận lấy cái bằng ở tay ông Chánh Quản-lý trường Đại-học trao cho. Ở *Cincinnati* thì suốt một tuần-lễ trước ngày làm lễ, anh em bạn đồng-khoa hội họp nhau luôn. Một buổi mũ cao áo dài, cùng nhau ra cái vườn rộng ở cạnh trường Đại-học, một bọn cô con gái mặc trắng và tay mang những cành cây thường-xuân đi trước. Đến đấy, một thầy học-sinh thuật lại lịch-sử lớp học mình, một thầy nữa ngâm một bài thơ vịnh, rồi thì xúm nhau lại nghe thầy số đoán số cho mỗi người. Đoạn về phòng đại-tiệc ở nhà trường nghe ông Chánh Quản-lý diễn-thuyết khuyên bảo

mọi điều thích-hợp với buổi hôm ấy. Rồi cùng nhau theo lệ thường đi giồng cây thường-xuân.

Nay trước khi biệt các anh em bạn học của tôi, tôi muốn nói mấy câu về các thầy ấy. Người học-sinh Mĩ, tính-thực-thà vui-vẻ, hơi có ý con dại một chút, không được lão lỉnh như học-sinh các nước. Tôi và mấy anh em bạn người Pháp suốt trong thời-kỳ theo học ở trường Đại học được các anh em Mĩ tiếp-đãi một cách hữu-ái lắm, sẵn lòng yêu-mến và giúp-đỡ luôn luôn, vì phải học bằng tiếng ngoại-quốc lúc đầu cũng lấy làm khó nhọc lắm, lại thêm phải tính theo cách đo-lường của Anh, thật là phiền phức vô-cùng.

Học-sinh trường Đại-học *Cincinnati* là thuộc về khắp các giai-cấp trong xã-hội. Con nhà triệu-phú với con hạng thợ-thuyền cũng ngồi học cùng với nhau. Tôi có nhiều người bạn học phải làm-lụng lấy để lấy tiền ăn và tiền học, thật là nhẫn-nhục, thật là cần-cù, tôi thường lấy làm phục. Những hạng học-sinh như thế, ở các trường Đại-học Mĩ nhiều lắm. Như trường *Harvard* là một trường to nhất về miền Đông, số học-trò nghèo phải làm lấy để tự-cung đó có tới 40 phần trăm (40%). Ở *Cincinnati* lại còn nhiều hơn, vì nhờ có lối công-tác-giáo-dục, học-trò nghèo cũng có điều được dễ hơn các nơi khác.

Người thanh-niên đã biết cái giá-trị của sự học, cho nên muốn hết sức học cho thành-tài để chiếm được địa-vị cao trong xã-hội. Xưa nay biết bao nhiêu người xuất-thân hàn-vi mà thân lập lấy thân, làm nên ngôi cao chức trọng trong Chính-phủ cùng trong công-nghệ.

Người thanh-niên không có gia-tư thời chỉ có thể cậy ở mình để tự-cung lấy tiền học-phí. Nhà nước không biết đâu đến, và không mong xin lương học được, vì lối cấp lương cho học trò ở Mĩ hầu như không có. Vậy thời phải tự mình lao-động mà làm thế nào tự-cung được, thế là vinh. Cho nên bất-cứ nghề gì làm cũng được; phát vé xe điện, hầu sáng hàng cơm, làm bồi dọn buồng, bán vé nhà chớp bóng v. v. Trong bốn năm trời học, thật là lao-động luôn từng giờ từng phút, vì nghỉ hè cũng phải làm.

Công khó nhọc hằng ngày đó gây thành cho người học-sinh cái tính cương-nghị, và học có khó như thế mới càng biết sự học là quí. Sau này sẽ hết sức lợi-dụng cái học của mình không để cho hoài-phí đi được. Nếu về sau ra doanh-nghiệp mà được thành-công, sẽ tìm cách trả ơn lại cho trường Đại-học của mình, hoặc là mở thêm khóa học, noặc là giúp tiền trợ cấp, nhưng không có đặt ra lương học để cho kẻ khác tránh khỏi cái công-phu mình đã qua, công-phu khó-nhọc mà tốt-lành.

Chính nhờ ở những người làm ăn phát-đạt, trở nên giàu có to, có hằng-sản lại có hằng-tâm, đem một phần của giúp vào việc giáo-dục như thế, nên các trường Đại-học nước Mĩ mới mở-mang được to-tát như vậy. Quan Giám-quốc COOLIDGE trong một bài diễn-thuyết đã có câu rằng: sự giáo-dục không phải là cái đặc-quyền của một giai-cấp nào; chính là cái nghĩa vụ chung bắt buộc cả mọi người vậy.

Học trò theo học các trường Đại-học cần phải chuyên-chủ về đường thực-tế trước nhất; các khoa dạy đều theo về một phương-diện công-lợi cả; cứ theo ý tôi thì cách dạy học như thế có phương-hại về đường phổ-thông giáo-dục và đường tư-tưởng nghĩa lý. Tôi tưởng đó là một cái khuyết-điểm của phép giáo-dục nước Mĩ; người ngoại-quốc mới đến Mĩ, tất nghiệm thấy điều đó ngay.

Thành ra ở Mĩ vẫn có học nhiều mà ít có văn-hóa, tôi tưởng cái khuyết-điểm đó là duyên bởi tình-trạng riêng nước ấy mà ra. Thổ-địa rộng, tài-nguyên nhiều mà chưa khai-phá hết, cư-dân hàng triệu người đều là người tứ-xứ đi đến ở, chỉ cốt để mở-mang các lợi-nguyên mà thôi. Hiện nay còn là thời-kỳ kiến-thiết, việc cấp phải làm trước. Công-nghệ khuếch-trương ra to-tát cần đến những nhà chuyên-môn, những tay hoạt-động, hơn là những bậc văn-sĩ, những nhà tư-tưởng. Tôi vẫn biết rằng nước Mĩ cũng có tay văn-học, triết-học có tài, nhưng chiếu với dân-số thì các bậc ấy còn ít lắm.

Ta lại cũng phải biết rằng lớp người trước ở nước Mĩ toàn là người di-dân ở các nơi lại, hay là con bọn di-dân cả. Hạng người đó khi bước chân đến đất Mĩ còn nghèo hết, tất là phải nghĩ đến đường làm ăn trước, chứ chưa rảnh đâu mà nghĩ đến chuyện tri-thức. Lúc mới đầu đó cái vấn-đề nhật-dụng nó còn đương cấp-bách lắm. Đến lớp ngày nay, thời trình-độ học-thức đã hơn trước rồi. Các lớp sau này chắc là còn tiến-bộ hơn nữa.

Song cũng mong rằng qua thời-kỳ hiện nay là thời kỳ trục-lợi rất dữ, rồi dân Mĩ cũng tỉnh ra không có hăng-hái kiếm tiền như bây giờ nữa, đến khi ấy tất sẽ nghĩ đến cách trau-dồi trí-não, và mở mang tri-thức thêm ra. Bấy giờ nước Mĩ cũng sẽ có hạng tinh-anh tài-trí như các nước vậy.

T. - C. *dịch*

TÌNH-TỆ THÔN QUÊ

Tuồng hát

(Dùng cho các học-trò nam nữ tập hát trong ngày nghỉ ở các trường làng.)

LƯỢC THUẬT ĐẦU ĐUÔI TRUYỆN

Mục-đích tuồng có hai :

1° *Khuyến-khích các con gái đi học cho nhiều, và đề-phòng cho sự học khỏi sai đường lạc lối về cái phong-trào tự-do thái-quá.*

2° *Khuyến-khích các con trai sau khi đến tuổi thành-nhân, ăn ở với làng xóm, phải biết mưu-trù công-ích và cải-cách hết các tệ-tập.*

Nàng Ngọc-nương là con quan Thị-lang hưu-trí, ra khuyên bảo bạn gái đi học để tranh quyền-lợi với đàn ông. Sau nàng kết đôi với học-trò đồng-trường là Tiêu-tử, bị chàng đi thi hỏng, không có tiền về, vắng tanh tin-tức ; ở nhà lại rủi bị mất trộm, hết cả tiền của, nàng phải dắt mẹ chồng đi tìm chồng, ra đường lại bị Hoàng-sinh trêu ghẹo, nàng cứ thủ-tiết một bề, Hoàng-sinh phải bái-phục và đem vàng tặng cho mẹ con để ăn đường. Khi tìm được Tiêu-tử rồi thì liền tiếp khoa thi khác. Chàng thi đỗ Hoàng-giáp, nàng cũng giả nam-trang vào thi đỗ Tiến-sĩ.

Khi Tiêu-tử đỗ rồi, chưa chịu đi làm quan, còn nín lại ở làng, mà cầu-khẩn hiểu-sức về sự cải-lương hương-chính, để hưng lợi trừ hại cho đồng-dân, mà bàu đi bàn lại chẳng có ai nghe, chàng phải chịu một lúc gian-nan khốn-khó để hiểu-đạo cho tới nơi; đến khi hương-lý chịu vâng lời rồi, hai vợ chồng mới từ-giã làng để đi theo bề công-sự.

Còn cả toàn-truyện thì phân ra hai hồi:

1° — *Ngọc-nương tủi phận, khuyên bảo nữ-lưu.*

2° — *Tiêu-tử thành danh, cải-lương hương-hội.*

Tên người trong truyện

Ngọc-nương,	*con Trần-công, vợ Tiêu-tử.*
Thu-nương,	*bạn gái ở đồng-xứ.*
Thanh-sơn,	*Trợ-giáo hương-trường.*
Trần-công,	*quan Thị-lang, cha nàng Ngọc-nương.*
Tiêu-tử,	*chồng Ngọc-nương.*
Lê-bà,	*mẹ Tiêu-tử.*
Mụ-Hai,	*người làm mối cho vợ chồng Tiêu-tử.*
Hoàng-sinh,	*khách qua đường.*
Lý-trưởng,	*đồng làng với Tiêu-tử.*
Các hương-chức,	*đồng làng với Tiêu-tử.*

Bài giáo đầu

Nay gặp hội dinh-hoàn mở rộng, khắp năm châu cờ trống linh-đình; chốn hương-thôn cũng tiểu triều-đình, họp muôn xã tức thành một nước. Chúc làng ta văn-minh tiến bước, sự cải-lương đi trước bước đầu; trên sắc-bảo một dạ lo âu, dưới dân-hộ cùng nhau gắng sức; đều hớn-hở xuất-tài xuất-lực, để mưu-trù công-ích công-yên. Nay xin bày một truyện đoản-thiên, để biết sự hào-quyền áp-chế; chúng tôi xin bắt đầu kể-lể, trước ra vai nữ-sĩ Ngọc-nương.

HỒI THỨ NHẤT

(Ngọc-nương Thu-nương ra)

Ngọc-nương nói: — (Này này), Tôi Ngọc-nương danh-tự, bấy lâu nay nương-tựa đài-trang; nguyên phụ-thân quan-chức Thị-lang, tôi phận gái phòng hương khuê-các; sinh nhằm lúc hoàn-dinh tiến bước, thấy trăm công ngàn việc mở-mang; lại gặp hồi học-giới khuếch-trương, nam-giới đã lên đường tiến-hóa.

Nam-giới đã lên đường tiến-hóa,
Nữ-lưu ta dễ khả làm thinh?
Đương hồi phong-hội văn-minh,
Chị em gắng sức mà tranh lợi-quyền.

Thu-nương nói: — Em tên gọi là Thu-nương, cũng trong hàng nữ-giới; lắng tai nghe Ngọc-nương mới nói: «Rủ nhau ra tranh lại lợi-quyền», hãy ôm lòng nghĩ-ngợi chưa yên, dám hỏi chị xin phiền tỏ giải. (Ơ chị này! chị nói như vậy, thực là tôi chưa hiểu, chị bảo đâu mà ra tranh nhau lợi-quyền với ai? hay là ra tranh lợi-quyền với hàng đàn ông? thì họ đánh cho mà chết; hay là để ngày sau cứ tranh lợi-quyền với chồng, cứ chửi chồng, cứ đánh chồng, thì sao cho phải đạo?)

Ngọc-nương nói: — Ơ em hỡi Thu-nương, chị phân tường em rõ. (Chứ chị đây có ngu dại chi mà lại đi xui-giục đàn-bà chửi chồng và đánh chồng! Nếu dễ-xướng ra một cái lý-thuyết như vậy, thì chắc là thiên-hạ chửi chị đến muôn đời, chứ chị đâu mà lại dại đâu như vậy. Nhưng mà) Em phải biết cái tình cực-khổ, của nữ-lưu phần thụ trăm bề, (như là khi rửa đọi, khi quét nhà, khi hái rau, khi cho heo ăn, đều là bọn

nữ-lưu ta phải chịu cả. Còn như những sự chủ-trương ở trong gia-đình, sự ngôn-luận ở ngoài xã-hội, thì không tham-dự được chút nào; thực quả cái thân chị em ta, không khác chi cái thân con trâu và con ngựa, em nạ; bây giờ mà), muốn cho thoát khỏi nặng-nề, ta nên phải thu về quyền-lợi.

Ta phải thu về quyền-lợi,
Cho lợi-quyền sánh với nam-nhi;
Quần-thoa sánh với tu-mi,
Hai đàng hạnh-phúc phân chia cân bằng.

Thu-nương nói: — Vậy em xin hỏi chị, giờ ta phải nghĩ làm sao? muốn cho hạnh phúc dồi-dào, ta phải nghĩ làm sao mới được?

Ngọc-nương nói: — (Em Thu-nương ơi), việc này không phải nói chơi, phải nên biết tới nơi nguồn gốc; em thử xem đàn-bà Pháp-quốc, người người đều văn-học thông-tinh; khách nam-nhi thấy cũng nể tình; nào ai dám quyền hành áp-chế; còn nước ta thì là không thế, bạng nữ-lưu ít kẻ học-hành; bọn nam-nhi thấy thế mà khinh, mới nên nỗi sinh tình ức-hiếp; nay ta phải chăm bề học nghiệp, để thoát-li cái kiếp tôi đòi.

Gái trai âu cũng thân người,
Làm sao cho đặng cả đời vinh-hoa?
Thôi thì nhắn chị em ta,
Đua nhau ăn học để mà thành thân;
Trước là phải biết quốc-văn,
Sau cho thiên-lý nhân-luân đủ điều.

(Hề ra tùy ý mà dặm vào)

Hề nói: — (Tôi là thằng hề đây). Tôi nghe cô nói dại, tôi ra cãi vài lời: cô muốn tranh quyền-lợi với đời, phải luận lý rạch-ròi mới được.

Ngọc-nương nói: — Ừ thì anh cứ nói lý đi.

Hề nói: — Đại-phàm muốn lập ra một cái phép luật chi, đều phải suy-cứu cho đến cái lý tự-nhiên của trời đất mới được. Nay tôi hỏi cô: nếu đem hai hạng người đàn ông và đàn bà mà so-sánh với nhau, thì ai lớn hơn, ai bé hơn, ai cao hơn, ai thấp hơn, ai mạnh hơn, ai yếu hơn?

Ngọc-nương nói: — Thì đàn ông lớn hơn, cao hơn, và mạnh hơn chứ ai.

Hề nói: — Thế là trời đất đã chia định cái trật-tự cho đàn ông hơn đàn bà rồi, mà cô còn tranh lợi-quyền sao được nữa? Hay là cô nói đàn bà trắng da hơn, dài tóc hơn, yểu-điệu hơn và thanh-lịch hơn đàn ông hay sao?

Ngọc-nương nói: — Mà có khi các điều đó hơn đàn ông cũng có.

Hề nói: — Cho cô nói chi, tôi cũng ra sức tôi cãi cô mãi mãi: vì bọn đàn ông tôi nhờ được bọn đàn bà ngu-mê dốt-nát, để hà-hiếp, để đập đánh cho sướng cái đời, nay cô lại xui đàn-bà ra tranh lợi-quyền thì chết nữa, tôi một hai không chịu.

Thu-nương nói: — Sao mà anh không chịu?

Hề nói: — Cô bảo tôi chịu thua đi, thì sau rồi vợ đánh, vợ chửi, chịu sao cho nổi?

Thu-nương nói: — Chứ chú hề phải biết này: chứ cái mục-đích của chị em tôi nói là chỉ muốn cho cái quyền-lợi gần gần được bằng đàn ông cho được ra ngôn-luận các việc hương-thôn xã-hội một đôi chút đó thôi, chứ đời nào mà đàn bà lại dám đánh chồng, dám chửi chồng bao giờ. Ai lại có dã-man đến như thế. Thôi chú không hiểu cái chi cả, cứ đi đi.

(Hề vào, Ngọc-nương Thu-nương vào. — Thanh-sơn ra và bốn năm người bạn gái đều ra).

Thanh-sơn nói: — Tôi Thanh sơn là hiệu, hiện chức là Trợ-giáo trường này; chốn học-đường thanh-thả tháng ngày, mảng vui được anh-tài giáo-dục.

Ngọc-nương Thu-nương và các bạn gái nói : — Kính chào thầy Trợ-giáo, chị em tôi liễu yếu nào non, nghe tiếng thầy giáo tập trẻ con, xin bái-yết cập-môn thụ nghiệp.

Thanh-sơn nói : — Các con đà tìm tới, thầy đâu lại từ nài, dù gái cũng như trai, cũng dạy bày hết sức ; gái thì học mấy điều nội-tắc, cho đủ điều tứ đức tam-tòng, cho đủ điều nữ-tắc nữ-công, lại nên biết phổ-thông các món.

Ngọc-nương nói : — Dám thưa thầy tam-tòng là chi ?

Thanh-sơn nói : — Tam-tòng là đàn bà có ba chữ tòng, là : « *tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử* », nghĩa là khi ở nhà thì theo cha, khi đã gả đi thì phải theo chồng, khi chồng đã chết rồi thì ăn ở theo con trai.

Thu nương nói : — Dám hỏi thầy tứ-đức là gì ?

Thanh-sơn nói : — Tứ-đức là bốn đức của đàn bà, tức là phụ-công, phụ-dung, phụ-ngôn, phụ-hạnh. Phụ-công là nghề nghiệp của đàn bà, như tằm tơ, thêu thùa, may vá, bánh trái, chả nem, v. v. ; phụ-dung là dáng diệu của đàn bà phải cho yểu-điệu khoan-thai mới được ; phụ-ngôn là lời ăn nói của đàn bà phải dịu-dàng êm-đềm mới được ; phụ-hạnh tức là nết-na của đàn bà phải đằm thắm khoan-hòa mới được.

Các gái nói : — Dám hỏi thầy phổ-thông là chi ?

Thanh-sơn nói : — Phép học đời nay chia có hai cách : một là chuyên-môn, hai là phổ-thông. Chuyên-môn là học nghề nào cho tinh-thông nghề nấy, như học thiên-văn thì biết cho khắp cả trên trời, học địa-lý thì biết cho khắp cả dưới đất, v. v. ; còn phổ-thông là phải học cho khắp cả các món, như là địa-dư, toán-pháp, sử-ký, cách-trí, thiên-văn, địa-lý, vân vân, món chi cũng học cho biết sơ-sơ, thế gọi là phổ-thông. Thôi đã hết giờ rồi, các con cứ về đã, mai sẽ dạy thêm.

(Thầy trò đều vào.— Trần-công, Ngọc-nương, Bồi, Mụ Hai, Lê-bà, Tiêu-tử đều ra.)

Trần-công nói : — Ta hiệu Trần-công, đã từng xuất-sĩ ; nguyên quan-chức Thị-lang hưu-trí, hiện ngồi sân hòe quê đôi hàng, (trừ ra mấy đứa trai thì đã học-hành nên danh-phận, duy chỉ có một đứa con gái đang còn bé, tức là con Ngọc-nương này thôi), này con hỡi Ngọc-nương, mau ra đây cha hỏi ; con bấy nay bút nghiên theo dõi, chắc học-hành tấn-tới nhiều bề ; xét tuổi con nay đã cập-kê, cha muốn liệu mọi bề gia-thất ; nhưng không rõ trong hàng nghiên bút, có trò nào siêu-xuất hơn người ? Con nói thật cha hay, để liệu bài hôn giá.

Ngọc-nương nói : — (Dám thưa cha), con như nay tuổi vừa hai tám, việc thất-gia chưa dám mơ-màng ; nhưng xem trong lớp học đồng-trường, danh-sĩ có một chàng Tiêu-tử, đã thuộc tốt Âu-văn Á-tự, lại tinh-thông quốc-sử thiên-văn, nhưng nghe đâu thân lão gia bần, chưa chắc đã Châu-Trần để bụng.

Trần-công nói : — Như lời con nói, cha đã nghe rành, quả là chàng Tiêu-tử tài-danh, ta phải cậy mối-manh qua lại ; nghe đâu ở trong làng sở-tại, có mụ già tên gọi mụ Hai, (bồi đâu hay), kíp qua nhà đòi mụ tới đây, mày cứ nói quan tôi đòi hỏi, (mau nghe).

(Bồi đa ra đi, rồi về).

Bồi nói : — Vâng lời ngài dạy, tôi đi gọi mụ Hai, nay mụ đã tới đây, xin trình ngài đặng rõ.

Mụ Hai nói : — Kính trình quan lớn, tên tôi gọi mụ Hai, lệnh quan lớn truyền đòi, tôi tới nơi ứng hậu.

Trần-công nói : — Mụ già nghe lão nói : gái lão nay tuổi tới xuân xanh.

nghe sĩ-nhân Tiêu-tử tài-tình, phiền chịu khó mối manh nói hộ.

(Mụ Hai đi. Trần-công, Ngọc-nương đều vào. Lê-bà, Tiêu-tử, mụ Hai ra).

Lê-bà nói : — Con ơi Tiêu-tử, mẹ rất buồn tình ! con bấy lâu theo việc học-hành, hiềm chút nỗi gia-đình khốn-khổ.

Chút nỗi gia-đình khốn-khổ,
Biết lấy chi đổi vợ rước dâu !
Xuân xanh con đúng tuổi đầu,
Lương-duyên gia-ngẫu biết đâu mà tìm ?

Tiêu-tử nói : — Nay con Tiêu-tử, ra ứng-hậu thưa lời, đạo vợ chồng kết-hợp bởi trời, nhưng cũng phải tìm nơi con-cái ; nay đương lúc văn-minh thời-đại, dù gái trai đều phải học-hành ; trai mà gặp người vợ thông-minh, mới hưởng được gia-đình hạnh-phúc.

Hưởng được gia-đình hạnh-phúc,
Chốn phòng-môn ung-mục đời đời.
Giai-nhân tài-tử xứng đôi,
Êm-đềm ân-nghĩa đôi-đai ái-tình.

Mụ Hai nói : — Tôi tên gọi mụ Hai, xin chào bà sức mạnh, nghe lệnh-lang học-hành nổi tiếng, mối xích-thằng chưa đính nhân-duyên, quan Thị-lang hiện có gái hiền, xin chắp mối bách-niên Tần-Tấn.

Lê-bà nói : — *(Chứ con ơi !)* mẹ than thở vừa rồi, tiếp mụ Hai mới tới ; mụ đem lời mối-lái, cùng con gái Thị-lang, con nghĩ có nên chăng, phải phân tường mẹ rõ.

Tiêu tử nói : — *(Dám thưa mẹ con ngỡ là ai, chứ té ra mụ Hai nói người con quan Thị).* Người con quan Thị, tên chữ Ngọc-nương, cùng con học đồng-trường, là một gái thiên-hương quốc-sắc ; mẹ con ta cửa nhà đơn-bạc, biết lấy chi thù-lạc vãng-lai ; nhưng quả người có bụng đoái-hoài, con cũng muốn duyên-hài Tần-Tấn.

(Mụ Hai ơi), mụ về trình quan lớn, mẹ con tôi vâng thuận như lời, ngày lành xin sẽ chọn ngày mai, xin định để liệu bài hôn-thú.

(Trần-công và mụ Hai ra.)

Mụ Hai nói : — Tôi tới nhà Tiêu-tử, hai mẹ con đều đã vâng lời ; cát-nhật đã xem đặng ngày mai, xin phục mệnh để ngài qui-liệu.

(Họ ra đi cưới, dâu ra chào họ, đem dâu về rồi đều vào. — Tiêu-tử và Ngọc-nương ra).

Tiêu-tử nói : — *(Em hỡi Ngọc-nương !)* Từ ngày em về chốn gia-đường, kể đã một tinh-sương có lẻ ; nay nhà nước khai-khoa thủ-sĩ, người người đua bẻ quế cung trăng ; anh muốn ra đua-đuổi khoa-tràng, hiềm một chút tại-đàng lão-mẫu ; xét mình em liễu bồ thơ ấu, e chưa quen cái đạo thần-hôn ; phó mặc ai cá nhảy Vũ-môn, anh đành chịu huơng-thôn lão-tử.

Ngọc-nương nói : — *(Tiêu-tử anh ơi !)* Em nghe anh năn-nỉ mấy lời, anh thật quả khinh người hết sức ; dù sang trọng đến đâu tột bậc, đã lấy chồng sướng cực phải cam ; dầu anh đi bể bắc trời nam, để từ-mẫu em cam tận-hiếu.

Từ-mẫu em cam tận-hiếu,
Anh cứ đi lo liệu công-danh ;
Chúc anh dự yến cung quỳnh,
Chim bằng muôn dặm vân-trình cao bay.

Tiêu-tử nói : — *(Em đã có lòng như vậy thì)*

Từ-mẫu để nhờ em tận-hiếu,
Anh cứ đi lo liệu công-danh ;
May anh dự yến cung quỳnh,
Để mong hai chữ hiếu tình vẹn hai.

(Tiêu tử đi thì. — Ngọc-nương đi theo tiễn chân.)

Ngọc-nương nói : — *(Anh ơi là anh ơi)*

Anh theo việc trường-môn ứng-thi,
Để mẹ già cam chi giao em ;
Chúc anh bẻ quế cung thềm,
Ái-tình một cuộc êm-đềm trăm năm.

Tiêu-tử nói : — *(Em ơi là em ơi !)*

Em ở lại phòng hương khuê-thất,
Xin đoái thương bạch-phát lão-thân ;
May anh đắc lộ thanh-vân,
Ơn em hiếu-dưỡng muôn ngàn không quên.

(Tiêu-tử đi, Ngọc-nương vào. — Quân trộm ra ăn, trộm nhà Tiêu-tử, na hết đồ-đạc. — Lê-bà, Ngọc-nương ra.)

Lê-bà khóc và nói : — Ở làng ở xóm, xin cứu mẹ con già : lúc đêm thâm quân trộm đến nhà, nào của cải đều na hết sạch.

Ngọc-nương khóc và nói : — Mẹ ơi là mẹ ! chồng con đi bể quế thềm-cung ; kể đến nay hơn một năm ròng, vắng tin tức đêm mong ngày đợi ; rủi lại gặp cơn đen xẩy tới, trộm vào nhà đào bới sạch không (ôi mẹ ôi !) nhà cha con tiếng có miếng không, khôn liệu việc thay chồng nuôi mẹ.

Khôn liệu việc thay chồng nuôi mẹ,
Xin dắt nhau vượt bể trèo non.
Lộ-đồ cơ-khổ mặc con,
Tìm sao cho thấy phu-quân mới là !

Lê-bà nói :

Con có bụng thay chồng nuôi mẹ,
Mẹ theo con vượt bể trèo non :
Lộ đồ cơ khổ nhờ con,
Tính sao cho đặng vuông tròn là hơn.

(Mẹ con dắt nhau đi, nửa chặng đường gặp một người học-trò là Hoàng-sinh.)

Hoàng-sinh nói : — Tôi tiểu - hiệu Hoàng-sinh, vốn giàu có cửa cao nhà mát ; (chứ này này !) cô đâu lạ mặt, dắt một bà già ; xem hình-dung giống thể tiên-nga, sao đến nỗi cơ sa bước lỡ ?

Sao đến nỗi cơ sa bước lỡ ?
Xin đem về ăn ở cùng tôi !
Bà già để lại tôi nuôi,
Qua cơn bĩ-cực đến hồi thái lai.

Ngọc - nương nói : — Dám trình chàng quân tử, tôi dắt mẹ tìm chồng ; xin lượng cả bao - dong, chớ buông lòng hoa-nguyệt :

(Hề ra.)

Hề nói : — Cô đâu lạ mặt, mà nghe nói quen quen ? giống hình như năm kia cô đi học ở trường thì phải ?

Ngọc nương nói : — Thưa phải, tôi có đi học.

Hề nói : — Chứ cô đi học, thế thì cô có biết chữ quốc-ngữ và chữ tây không ?

Ngọc-nương nói : — Chữ tôi biết cả.

Hề nói : — Chứ cô có biết chữ, mà hiện nay gặp một cậu học-trò này có lòng yêu cô, sao cô không viết cho cậu này một cái « thư tình » bằng chữ Pháp mà trả lời lại ? Chứ cô có đủ biết chữ Pháp viết cái « thư tình » không ?

Ngọc-nương nói : — Chữ Pháp tôi chẳng thông gì cho lắm, nhưng cũng đủ biết, đủ dùng, giá viết cái thư gì cũng có thể được. Nhưng mà anh hề ơi ! anh phải biết như vầy : Đàn bà biết chữ để đem ra nội-trợ giúp chồng, để biết điều hiếu-kính cô-công, để biết đạo ở cùng xã-hội ; (chứ biết chữ mà) nếu dùng để viết thư tình ngãi, thì hóa ra hạng gái ngu hèn ; thôi thôi đừng nói nữa thêm phiền, để tôi được băng miền tếch dặm.

(Hề vào).

Hoàng-sinh nói : — Dám trình cô thiếu - nữ, tôi thất - lễ cùng nường (chứ như nường là) đàn bà mà giữ trọn cương-thường, thực đáng gọi can-trường thiết-thạch.

Đáng gọi can-trường thiết-thạch,
Một tấm lòng tuyết-bạch đoan-trang.
Chúc mừng hai chữ bình-khang,
Sẵn đây dâng một nén vàng tiền chân.

Ngọc-nương nói : — Chàng đem vàng cho thiếp, thiếp đội ơn ngàn kiếp không quên, nhưng bạc tiền đã sẵm vừa ăn, xin trả lại ân-cần cảm tạ.

Lê-bà nói : — (Thôi con đừng từ chối mãi mà mất lòng cậu con nạ), con trọng ngãi khinh vàng, mà người cũng khinh vàng trọng ngãi ; người ta quả có lòng rộng rãi, có lẽ chi ta lại từ nài ; (thôi thôi) già này xin cảm bội ơn ngài, xin bái lĩnh để lần hồi lộ-phí. (Thôi tôi xin tạ ơn cậu).

(Lê-bà Ngọc-nương đi. — Hoàng-sinh vào).

(Lê-bà Ngọc-nương đi đến kinh-đô, gặp Tiêu-tử. — Tiêu-tử ra thấy mẹ và vợ.)

Tiêu-tử khóc nói : — (ơ mẹ ơi là mẹ ơi mẹ đi đâu thế mẹ ? Ơi em ơi là em ơi ! em đi

đâu thế em?) Nguyên tưởng rằng đua đuổi khoa-trường, không ngờ sự văn-chương thất-lợi ; lại thêm nỗi dặm trường xa ngại, phải tìm phương ở lại sinh-nhai. (Thưa mẹ chứ con thì vào trường tư bị rớt, tiền thì hết mà đường thì xa, không biết sao về được, phải ở lại đi viết thuê từng ngày, để độ khẩu bôm mai: mà lại gặp cái thời-vận rủi quá, xin mẹ nghĩ như cái học-lực của con mà không hề có một người nào rước làm thầy học, đến tối phải đi viết thuê, họ chỉ dọn cho một ngày hai bữa cơm, chứ không hề có một xu ; mà con thì con người học-trò, quen tính ngay thẳng, không thể làm phi-nghĩa mà lấy của ai được đến năm đồng xu mua cái « tem » mẹ nạ). Kể đến nay năm đã hơn hai, qui-trang hãy liệu bài chưa đủ.

(Ôi mẹ ôi là mẹ ôi!)
Qui-trang hãy liệu bài chưa đủ,
Xui mẹ già cực-khổ tha-phương.
Thân con nhiều nỗi thảm-thương,
Tội con kể đã cao bường Thái-sơn!

(Ôi em ôi là em ôi!)
Qui-trang hãy liệu bài chưa đủ,
Xui hiền-thê lần lữa đường xa.
Cách nhau mấy dặm quan-hà,
Gặp nhau xiết nỗi châu sa lệ rời!

Hề ra nói: — Ờ chứ tôi mới nghe cậu này nói « quen tính ngay thẳng, không làm phi-nghĩa lấy được năm xu », nhưng tôi chỉ e cậu không lấy năm xu, chứ sau lại cậu thi đậu ra cai-trị dân, thì cậu lại giam-cùm dọa-nạt, mà lấy cho được năm trăm đồng hay năm chục đồng, chứ cậu có lấy chi năm đồng xu.

Tiêu-tử nói: — Ơ chú hề, chú đừng có giặm ba-lơn, khi nào tôi có như vậy, cho chú cứ nói.

Lê-bà khóc nói: — (Chứ con ơi là con ơi!) mẹ bước chân đã mấy tháng trời, khôn xiết nỗi băng vời vượt bể!

Xiết nỗi băng vời vượt bể,
Gặp con đây như thể chiêm bao.
Bây giờ con tính làm sao?
Tính sao cho khỏi lao-đao lòng già?

Ngọc-nương khóc nói: — (Chứ anh ơi là anh ơi!) bấy lâu nay mặt bể chân trời, nay mới được tìm nơi giáp mặt.

Nay mới được tìm nơi giáp mặt,
Thỏa bấy nay ruột cắt lòng đau.
Quan-sơn cách-trở dường bao,
Xin anh kíp liệu mau mau hồi-trình.

Tiêu-tử nói: — Trước thưa cùng lão-mẫu, sau tỏ với hiền-thê, đường về thì vẫn muốn đường về, nhưng lại gặp khoa-kỳ gần tới ; nay xin hãy gắng công ở lại, cho bõ công sơn-hải thê-hàng.

May mà tên chiếm bảng vàng,
Mẹ con sẽ liệu hồi-trang một lần.
(Ba mẹ con và hề đều vào.)

HỒI THỨ HAI

(Lê-bà và Tiêu-tử Ngọc-nương ra)

Tiêu-tử nói: — Kính trình mẹ, nay đã đến khoa-kỳ, con xin phép đi thi, họa may được danh đề hổ-bảng.

Ngọc-nương nói: — Anh ơi Tiêu-tử, như anh nay tùng sự khoa-tràng, em cũng xin ăn bận nam-trang, để theo dõi vào tràng ứng thí.

(Vợ chồng đều đi thi. Xem bảng tràng có tên chồng đỗ hoàng-giáp, vợ đỗ tiến-sĩ).

Tiêu-tử nói: — (Chứ em ơi!) bảng vàng lồng-lộng, hai ta đều tuyển trúng ngao-đầu ; tên anh thì hoàng-giáp đứng đầu, em tiến-sĩ cách nhau không mấy.

Ngọc-nương nói: — Nhờ giang-sơn phù-tưởng, nay hai ta chiếm bảng trường văn, kíp mau về báo với từ-thân, để ngài được đôi phần thỏa-nguyện.

Hề ra nói: — Chứ ai lật-đật rứa tê, ngô nộ như thì đỗ phải không? chứ đỗ cái chi chi làm rứa?

Tiêu-tử nói: — Chứ tôi đỗ đại-khoa anh nạ.

Hề nói: — Chứ họ kêu đại-khoa và tiểu-khoa, chừng hơi tức là đại-trường và tiểu-trường đó hè, có phải không?

Tiêu-tử nói : — Anh thì cứ hay nói xước thôi, đại-khoa là cái trật-tự của khoa-mục, chứ đại-trường tiểu-trường là ruột già ruột non sao anh lại nói tức là đại-trường tiểu-trường được ?

Hề nói : — Chứ tôi nghe người ta nói các ông khoa-mục, ăn rồi chỉ biết ngâm ba bài kinh-nghĩa, ngâm ba câu thi, câu phú mà rung đùi và nói láo, chứ ngoài ra nữa, sự chi cũng không biết cả, có phải không thầy ?

Tiêu-tử nói : — Người ta nói cũng có, nhưng cũng tùy theo người, những bạng người hủ-lậu thì vẫn có như vậy, chứ những bạng tân-ban, thì tuy là khoa-mục, mà ngoài ra việc chi họ cũng biết cả. Khoa-mục chẳng qua là cái thang bước của học-trò đấy thôi. Chứ nếu toàn-trọng khoa-mục cả cũng không được, mà nếu khinh-bỉ khoa-mục, thì tôi tưởng không biết nên trọng ai anh nạ.

(*Tiêu-tử Ngọc-nương và hề vào.*)
(*Hương-lý dân làng ra*).

Hương-lý nói : — Xin dâm trình làng, chúng tôi hương-lý, được tin báo Tiêu-lang trúng thi, áng văn-hoa rạng vẻ phần-hương, mau truyền thượng-hạ cả làng, đem cờ trống ra đàng đón rước.

(*Dân làng hát*) :

Chế-khoa gặp hội trường văn,
Tiêu Trần cùng chiếm bảng xuân một ngày
Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ bạnh hương bay dặm phần.

(*Tiêu-tử Ngọc-nương Lê-bà cùng hương-lý dân-hộ đều đi về nhà.*)

Tiêu-tử nói : — Trước bái-tạ giang-sơn, sau đội ơn lân-lý ; tôi nay đã khoa-trường toại-chí, sẽ đi ra tùng sự nước nhà ; nghĩ hương-thôn cũng tiểu-quốc-gia, các ông phải bày ra ước-lệ ; phải bớt sự quyền-hào áp-chế, cốt sao cho dân-trí mở mang ; cốt mong cho dân-hộ giàu sang, để mở mặt với hàng châu-quận.

Hề nói : — Bẩm quan Hoàng-giáp tân-khoa, chứ tôi mới nghe ngài nói các hương-lý phải lập ra một cái ước-lệ ; nhưng tôi chưa biết cái ước-lệ là cái chi chi đó nạ ?

Tiêu-tử nói : — Ước-lệ là làm ra một quyển sách, trong có chia ra từng mục từng khoản, để khi làm việc chi thì cứ giở đó ra mà làm, chứ chi nữa.

Hề nói : — Bẩm lạy ngài, tôi tưởng là cái chi, chứ quyển lệ chia ra từng khoản, thì tôi thấy các ông hương-lý làng ta có làm một quyển đã lâu ngày mà chia ra thật nhiều khoản, cái đã không dợi ngài phải lo nữa.

Tiêu-tử nói : — Thế thì mày có nhớ trong đó có những khoản chi không ?

Hề nói : — Bẩm ngài chứ tôi nhớ nhiều lắm.

Tiêu-tử nói : — Ừ thì mày nhắc lần cho tao nghe chơi !

Hề nói : — Dạ, tôi xin nhắc : Điều thứ nhất, định từ rầy về sau, hễ khi hương-chức nhóm họp, đều phải có làm thịt một con heo, hoặc lấy tiền làng, hoặc lấy tiền bắt vạ, để cùng nhau đánh chén cho sướng, nếu không đủ tiền mua heo, thì ít ra cũng phải có một con cầy.

Tiêu-tử nói : — Đồng tiền làng phải lo gìn-giữ, để làm cho được nhiều việc công-ích công-lợi, nếu làm như vậy sao được. Chứ còn điều nữa thì sao ?

Hề nói : — Bẩm điều thứ hai, định từ rầy hễ nhà nào có tang ma, mà rượu thịt dọn không vừa bụng ta, thì ta cho phép dân cứ chửi mà không cho đưa quan ra huyệt.

Tiêu-tử nói : — Sự chết không ai tránh khỏi ; sự đưa đám là một sự người đời giúp lẫn nhau. Vả chăng trong khi hiếu-chủ đương đầu tang tóc chế, mà lại dọn bàn cỗ thết khách,

là một cái tục rất dã man, lẽ là nên cách cái tục ấy đi, mà cứ để cho hiếu-chủ rộp một món tiền công-khố, sẽ do một hương-chức nào liệu biện dọn ăn nơi khác mới phải; nay nếu làm như vậy thì ra phong-tục tệ bạc quá. Chứ còn điều nữa thì sao?

Hề nói : — Bẩm, điều thứ ba định từ rầy chúng ta hễ tiêu tiền làng trăm chuyện, đều không được biên sổ chi-tiêu, cứ để lu-loa cho dễ chối; nếu người trên ta tra-hỏi thì ta cứ trích một ít tiền mua lễ mà đi tết họ; nếu dân-hộ nài coi sổ, thì cứ làm vài ba con cầy, mời họ đánh chén, để trám miệng họ lại, cho xong chuyện.

Tiêu-tử nói : — Tiền làng hễ khi tiêu món chi, đều phải biên vào sổ chi-tiêu, để bất-thời chiếu tính cho được minh-bạch, cho trăm con mắt đều thấy, mới thỏa-thiếp tất cả dân-tình; nay nếu làm như vậy, thì rồi không khỏi dân kiện sinh lôi-thôi. Chứ còn điều nữa thì sao?

Hề nói : — Bẩm, điều thứ bốn, định từ nay hễ đường sá bùn lầy nê-ninh đến thế nào, ta cũng không được bàn đến sự tu-bổ, là cốt cố để cho mất sự vệ-sinh, để dân-sự đau ốm chết lần, cho con cháu ta sẽ được quyền-hành mãi mãi.

Tiêu-tử nói : — Đường sá nên đắp cho cao ráo, cho rộng rãi, cho ngay thẳng, thế đã là đúng nhằm cách vệ-sinh, mà lại đồng dân ai nấy đều đi giầy dép phong-lưu, thì lại càng thêm sự văn-minh nữa, nay nếu cố tâm đừng bồi-trúc, thì sao cho được. Chứ điều nữa thì sao?

Hề nói : — Bẩm điều thứ năm định từ nay về việc học, thì chỉ trừ ra con các quan trong làng, ta không thể cấm được, kỳ-dư con dân-sự, thì ta phải dùng phương-pháp cấm ngăn lại đừng cho chúng nó đi học đông, rồi sau càng ngày thông-thái, ta không thể ức-hiếp lừa gạt nó được.

Tiêu-tử nói : — Đời văn-minh này là chỉ cốt lấy sự nhiều người biết chữ, nên chi đã có nhiều nơi đã dùng phương-pháp để cứu-trợ cho con nhà bần-khổ đi học, nếu ai không học thì phải phạt, như thế mới hợp đúng cái nhân-đạo của người đời cứu giúp lẫn nhau; nay lại cấm người ta không cho đi học, thì còn dã-man quá. Chứ còn điều nữa thì sao?

Hề nói : — Bẩm, tôi u-mê quá, chỉ nhớ được năm điều đầu hết như vậy mà thôi, còn dư nước độ năm mươi điều nữa thì không nhớ; nhưng đại-khái điều chi cũng tương-tự như vậy cả.

Lý-trưởng nói : — Bớ hề con, con đừng hay nói thêm chuyện.

Hề nói : — Chứ người nào kêu tôi bằng con thế hả!

Lý-trưởng nói : — Chứ tao kêu mi bằng con chứ ai, mà tao kêu mi bằng con không đáng hay sao?

Hề nói : — Chứ ông có đẻ ra tôi đâu, mà ông kêu tôi bằng con được?

Lý-trưởng nói : — Tao không đẻ mi, nhưng tao lại không đáng làm cha mi hay sao?

Hề nói : — Đáng làm sao được, chỉ có một cha tôi mới đáng cha tôi mà thôi, chứ nào có ai mà đáng cha tôi, nào tôi có dại gì mà đi nhìn người thiên-hạ làm cha.

Lý-trưởng nói : — Mi thì chỉ nói bậy, sao mà tao nghe họ kêu các quan bằng « dân chi phụ mẫu »?

Hề nói : — Họ kêu vậy chứ sao, là vì các quan phải lo hưng-lợi trừ-hại, thế nặt cha mẹ cho dân, thì họ mới kêu như vậy. Chứ nếu cứ tìm điều quấy-quá những nhiễu cho dân, thì dân có kêu lắng phụ mẫu đâu? Vả chăng bốn

chữ «dân chi phụ-mẫu» là chẳng qua chỉ mượn tiếng Tàu mà nói đó thôi, chứ quan nào mà lại đi xưng cha với dân như bác lý ta đây bao giờ ? Thôi xin bác ! xin bác !

Tiêu-tử nói : — Hương thôn tích-tệ không phải một làng ; nay cần nhất là sự cải-lương, các ông phải tìm phương bổ-cứu.

Hề nói : — Bẩm ngài, chứ ngài bắt cải-lương mà đi giáo, thì tôi thật là ưng quá, là tôi muốn đi giáo cho đỡ cái món tiền cúng quảy ông mệ ra để mà ăn cho sướng ; nhưng mà không biết dân làng có thuận đi hết cả không ?

Tiêu-tử nói : — Thằng này thì chỉ nói dại thôi, cải-lương là có phải để đi giáo đâu mà mày nói ; cải-lương là chỉ cải hết tất cả các điều dở cho ra điều hay đó thôi.

Hề nói : — Dạ, bẩm ngài, chứ nay tôi mới biết rõ nghĩa hai chữ cải-lương đó nạ ; nhưng xin bẩm ngài, hiện làng ta bây giờ cải-lương những điều gì ?

Tiêu-tử nói : — Thôi thôi, này hề, mày không nên vội hỏi làm chi, rồi đây tao sẽ kể cho các hương-chức nghe, thì mày sẽ biết. Chứ nào mấy ông hương-chức đâu cả rồi ?

(Hương-bản, hương-bộ, hương-kiểm, hương mục cùng ra)

Bốn Hương-chức nói : — Kính trình ngài rõ, này hương-bản hương-bộ là tôi, cùng hương-kiểm hương mục mọi người, nghe lệnh triệu ra đây ứng-hậu.

Tiêu-tử nói : — Nào sắc-hào dân-hộ, cũng đồng trong dòng họ tổ-tông ; (xin cứ lặng mà nghe tôi nói nghe) : Việc làng ta hủ-bại vô-cùng, ta phải gắng đem lòng săn-sóc ; một là nơi trường học, ép trẻ con ăn học theo đòi, hai là các đường sá mọi nơi, phải gắng sức tu-bồi cao-ráo ; ba là phải làm nhiều xích-hậu, để tuần-phòng kiếp-đạo bất-thường ; bốn là phải lập sở xã-thương, để phòng lúc hung-hoang rủi tới ; năm là phải làm các nhà hương-hội, để đứng ngồi rộng rãi hẳn hiên ; sáu là phải lập một sở công-viên, để đến lúc xuân-thiên thưởng-ngoạn ; mấy việc ấy đều là quan-khẩn, các ông nên án-khoản thừa-hành, đợi đến khi các việc hoàn-thành, dân tộc sẽ văn-minh tiến-bộ,

Dân-tộc sẽ văn-minh tiến-bộ,
Đứng giữa bồi Á-vũ Âu-phong ;
Lời tôi dặn bảo gan-cùng,
Dặn đi dặn lại các ông phải làm.

Hương-chức nói : — Vẫn đã biết lệnh ngài truyền bảo, bởi tấm lòng khai-đạo ngu-dân ; nhưng việc làng nhiều sự khó-khăn, không có thể ép dân làm được ; cũng có kẻ khai-đoan bàn trước, lại nhiều người xuôi ngược xôn-xao, chúng tôi xin vâng lệnh truyền rao, được không được tôi nào dám quyết.

Hề nói : — Bẩm ngài, chứ có phải họ nói buông trôi cho qua truyện không nạ ? Bẩm ngài chứ quả thực là khó quá, không tài chi mà ngài bàn-bạc ngài hiểu-đạo cho nổi, tôi dám nói chắc như vậy.

Tiêu-tử nói : — (Ơ các ông ơi !, Ơ các ông ơi ! các ông phải nghe lời khuyên dỗ ; người đã có quê hương tổ-phụ, phải toan điều ! áo-bồ giang-sơn ; sách có câu : « thống dưỡng tương quan » *(nghĩa là đồng một bà con lân-lý, người này đau ngứa thì người khác cũng đau ngứa theo)* ta phải biết tương-tri ân tương-ái.

Phải biết tương-thân tương-ái ;
Phải mưu-trù ích-lợi cho nhau,
Dựng lên dân-tộc sang giàu,
Non sông đất tổ tô điểm mầu xinh tươi.

Lý-trưởng và bốn hương-chức nói : — Chúng tôi hương lời, ra thú lỗi cùng ngài ; vẫn chúng tôi hủ-lậu quen đời, chưa có kẻ xoi tai móc miệng, chỉ quen

thói ăn lười ở biếng tranh lẫn nhau cái miệng ở làng, nay nghe ngài hiểu-cáo chu-tường, mới biết sự cải-lương là quí.

Biết sự cải-lương là quí,
Quyết ra tay chấn-khỉ đồi-phong ;
Lợi-quyền mong đặng hưởng chung,
Mong cho tỏ mặt non sông quê nhà.

Tiêu-tử nói : — Thôi các ông đã nhận lời việc cải-lương thì tôi cám ơn, và xin từ-giã các ông, tôi phải đi ra làm quan để khai-hóa cho nơi khác.

Nói rồi hát :

Trên có vua quan trị nước nhà,
Hương-thôn trách-nhiệm thuộc về ta ;
Dã-man tình-thái đà quen cũ,
Thế-giới phong-trào mới thoảng qua ;
Dìu-dặt muốn lên đường tiến-bộ,
Thuốc-thang quyết chữa bệnh trầm-kha ;
Cải-lương chức-vụ giao hào-lý,
Ta phải theo đòi việc quốc-gia.

Ngọc-nương nói : — Còn tôi cũng xin mời các cô, các chị em ra đây, để tôi xin dặn thêm một vài lời, rồi xin từ-giã để đi theo phu-quân.

Nói rồi hát :

Ơi bạn quần-thoa các chị ơi,
Lặng nghe tôi thán một vài lời;
Liễu-bồ yếu-ớt thương thân gái,
Hồ-hải tung-hoành tức bạn trai ;
Cũng mặt cũng mày thân-thể một,
Mà thầy mà tớ lợi quyền hai !
Chị em gắng sức đua ăn học,
Hạnh-phúc ngày sau sẽ tới nơi.

TRẦN TỬ-VIÊN

ĐẠO LÀM NGƯỜI (1)

III

Nói về sự đẹp ở đời

Phàm công-nghiệp của tạo-vật vẫn có cái vẻ lớn-lao, đẹp-đẽ mà dịu-dàng vô-cùng.

Đối với công-nghiệp ấy, người ta phải chịu rằng không có tài sáng-tạo được bằng, nhưng mà sức người ta là có thể đem tài-trí kỹ-năng của mình mà sắp-đặt, mà tổ-chức những vật-liệu của tạo-hóa. Làm như thế cũng có thể gọi là sáng-tạo được ít nhiều, cũng là gây dựng ra được sự đẹp ở đời.

Như nhà kiến-trúc đi tìm kiếm các thứ đá đẹp trên núi đem về xây ra những lâu-đài tráng-lệ, tự tay mình vẫn không chế ra được các vật-liệu ấy thật, nhưng mà có công xẻ, đẽo, chuốt, chạm, sắp đặt xây dựng cho thành những hình-thể đẹp-đẽ, mầu sắc bóng-bẩy, khiến cho người ta có nơi nhà ở phong-quang, sánh với những cái hang cái hốc mà các tiên-dân ta tranh nhau cùng các thú dữ để ở ngay bên sườn núi đá nọ, thì thật đẹp hơn biết dường nào.

Nhà nông-phố nọ khéo trồng những cây những hoa đẹp ở chung quanh các nhà ở, khiến cho người ở trong nhà giờ nào cũng được ngắm các cảnh thiên-nhiên phong-thú, cảnh ấy nếu không có người sửa-sang thì không sao được ngoạn-mục như thế ; vì rằng cây cỏ trời sinh ra, cứ để cho mọc tự-nhiên thời ùm-tum rậm-rạp, giống xấu giống tốt lẫn nhau, phải có người kén chọn, vun trồng, chiết cây, pha giống, mới làm thành ra được lắm thứ hoa thơm cỏ lạ như bây giờ.

(1) Xem N.-P. số 109, 111.

Lại như nhà hội-họa kia, con mắt cảm những cái cảnh rừng nước núi non, những cái cảnh chiều-dương, tịch-dương, mà tay khéo hình-dung tả-mạc ra được ở trên tấm lụa, vẫn biết rằng mười phần bất-quá truyền-thần ra được một hai mà thôi, nhưng mà cũng nhờ có cái tay khéo ấy nên những cái cảnh đẹp thấp-thoáng của tạo-vật cũng có thể lưu-truyền lại được mãi mãi, khiến cho người ta đem về được mà tô-điểm nơi nhà ở, để giờ nào cũng có thể ngắm được cái ánh sáng hồng-hồng buổi sáng chiếu tỏ trên ngọn cây, hay là cái ánh sáng ua-úa buổi chiều lấp-loáng trên mặt nước, dẫu những ngày đông tháng rét, đất trụi cây tàn, những cảnh ấy cũng vẫn ở quanh mình cả.

Lại còn nhiều các nhà mĩ-thuật khác nữa, đem cái đẹp tư-tưởng hòa với cái đẹp thiên-nhiên, làm nên những công-trình tuyệt-tác biết bao nhiêu.

Như nhà hội-họa, nhà điêu-khắc, truyền-thần những bậc vĩ-nhân trong nhân-loại, những việc kỳ-công trong lịch-sử để lưu cái tiếng thơm gương tốt cho mãi mãi về sau này.

Lại như nhà âm-nhạc kia đem tiếng người hòa với các nhạc-khí, làm thành ra những bản đờn tuyệt-diệu, khiến cho linh-hồn siêu-việt ra ngoài cõi đời, thật trên thế-gian này không có cái thanh-âm gì sánh tầy ; nhà âm-nhạc ví lại hiệp-lực với một bậc thi-sĩ đem tiếng đàn giọng hát mà ca-tụng công-đức người đời xưa đời nay, tả những cái cảnh vui buồn sướng khổ, đau đớn thương yêu của loài người, thì những tiếng gợi ra lại càng não-nùng cảm-động biết dường nào.

Thế mà ở đời có kẻ không biết cảm những cái đẹp cái thú đó.

Ta nên phàn-nàn cho những kẻ đó không hiểu rằng người ta có cái nghĩa-vụ phải biết khéo lợi-dụng những tài-liệu về vật-chất và về tinh-thần mà mình sẵn có ; không hiểu rằng hễ biết khéo lợi-dụng thì tự mình được hưởng khoái-lạc, tự mình gây được hạnh-phúc để cho bớt những cảnh khổ nỗi buồn ở đời ; không hiểu rằng tô-điểm cho tạo-vật tức là tô-điểm cho mình, vì mượn tài-liệu của tạo-vật mà vẽ-vời nên những cái đẹp cái thú trong cảnh vật không có ; không hiểu rằng thờ sự đẹp, ấy là nâng cao nhân-cách mình lên, làm cho muôn sự muôn vật quanh mình cũng được nên có giá-trị cao-quí vậy.

Thờ sự đẹp không những là chỉ để cho thỏa sướng những cái giác-quan tinh-nhuệ của người ta mà thôi, lại còn là để tập cho trí-tuệ cho tâm-tư nữa.

Người nào biết cảm-mộ sự đẹp thì cái thẩm-mĩ-tinh-thần ấy như thấm-thía cả tâm-hồn. Bấy giờ muốn cho cảnh ngoài đã đẹp, cảnh trong cũng đẹp ; muốn cho tâm-hồn bay-bổng tuyệt vời, càng ngày càng được thanh-cao hơn lên, ở trong cõi trần-tục mà phảng-phất như có cái vẻ bồng-lai vậy ; muốn cho người mình cũng có những tư-cách hòa-nhã dịu-dàng, tức là cái vẻ đẹp vô-hình của tình-tính vậy ; lại gia-công sửa mình cho trong lòng không có một cái tì-vết gì làm cho giảm sắc mất cái bức tranh tinh-thần đó.

Mà cái đẹp trong tinh-thần đó mới thật là của báu vô-ngần, mới thật là cái danh-dự tối-cao mà người ta có thể mong-mỏi cho tới được.

Nói về phận-sự người đàn ông ở đời

Việc quan-hệ nhất trong đời người ta là việc lập-thành gia-thất, thường là đồng-thời với việc lập-thành chức-nghiệp. Vậy thì lúc lấy vợ sinh con, ấy là lúc cái phận-sự người đàn ông trong xã-hội đầy-đủ hơn cả ; lúc bấy giờ bao nhiêu trách-nhiệm, bao nhiêu nghĩa-vụ ở đời như tập-hợp cả vào

mình, nhà luân-lý nên đem hết lời mà khuyên răn cho biết phận-sự.

Người ta đến cái thời-kỳ ấy rất không nên lười biếng trễ-nải một chút nào, không nên để cho cái lòng vị-kỷ nó cám-dỗ mình. Tâm-tư trí-lự, sức hoạt-động phải như cái máy chạy luôn luôn, không bao giờ nghỉ, để mà phục-dịch cho gia-đình cũng cho xã-hội.

Pháp-luật đã trao cho mình cái chức và cái quyền làm người gia-trưởng, chức ấy là cái chức danh-dự, như ông tướng cầm quân, không thể trút bỏ cho ai được, gánh-vác nặng-nề, trách-nhiệm trọng đại, một mình phải đảm-đang lấy hết.

Đối với người đàn bà lòng mình đã thừa nhận làm người bạn sánh đôi ở đời, đối với con cái sinh đẻ ra, phận-sự mình trước hết là phải hết sức bênh-vực che chở cho được an-toàn. Làm người đàn ông vốn có sức mạnh, không phải những cái khổ yếu đau sinh đẻ như người đàn bà, phải có cái trách-nhiệm ngày đêm chăm-nom cho gia-đình mình khỏi mọi sự nguy-hiểm về phần xác cũng về phần hồn. Nếu thấy sức can-đảm kém đi, thì phải mạnh-bạo phấu-phát lên, nghĩ đến nghĩa-vụ, đến trách-nhiệm mình, vì không làm hết chức-trách thì xấu-hổ biết thế nào, làm cho vợ con cũng mất lòng yêu kính.

Làm người gia-trưởng phải bênh-vực cho vợ con, lại phải hết sức làm-lụng để nuôi vợ con. Người vợ có thể giúp chồng, lâm-thời có thể tạm thay cho chồng, nhưng người chồng không bao giờ được ủy cả công việc cho vợ mà ăn báo vợ, như thế là không xứng-đáng làm người đàn ông ở đời. Dẫu vợ chồng phải cùng nhau làm việc mới đủ kiếm ăn, nhưng việc nặng-nề khó nhọc là phần người chồng phải đương lấy và phải gắng sức làm cho đến xong.

Phải làm việc cho chăm-chỉ đã đành, lại phải ăn ở cho cẩn-thận nữa. Những chuyện cờ bạc, chuyện đầu-cơ là không nên nghĩ tới. Không nên mơ-tưởng những sự đâu đâu, như mong ăn kế-nghiệp ông chú bà bác, mong nhờ cậy anh em giúp đỡ, mong-tưởng hão như thế, mà không chịu làm ăn cần-kiệm chỉ đủ làm cho gia-đình có ngày khốn-quẫn. Một cái nhà có nền-nếp thì gia-sản chỉ ở công làm ăn dành-dịn mà thôi, không mong ở những sự may rủi bất-kỳ.

Người chồng phải một lòng thương yêu vợ, phải trung-thành với vợ, dẫu trong tư-tưởng cũng vậy, vì nếu không chăm bài-trừ những cái manh-tâm xấu đi thì có ngày đến ăn ở sai ước trăm năm mà khiến cho cái lòng tin yêu của người đàn bà cũng dần dần vắng-vẻ trong chốn gia-đình.

Chồng phải thương yêu vợ, lại phải kính nể nữa, ở các nước văn-minh, người đàn ông ở với người đàn bà phải như thế. Phải đãi bằng-đẳng với mình, lại phải chăm-chút chiều-chuộng, vì người đàn bà là cái thân bồ-liễu, mà là cái giống hữu tình. Ăn ở tử-tế như thế không có sợ thiệt đâu, chủ-quyền vẫn ở trong tay mình mà khéo thi-hành một cách dịu-dàng êm-ái thì người đàn bà đối-đãi lại cũng sẵn lòng kính mến mà phục-tòng.

Nếu chẳng may ra kén chọn lầm mà phải người vợ làm cho gia-đình tan-nát, chồng con nhục-nhằn, thì cái lầm tại mình cũng không thể vì đó hành-hạ người kia cho cam lòng. Phải đem hết sức can-đảm mà chịu cái cảnh khổ ấy, tìm phương lập kế, ngăn-ngừa sự hại, và dù thế nào mặc lòng không nên để vỡ-lở ra cho miệng tiếng với đời, và thứ nhất là giữ kín cho con cái khỏi biết.

Đối với con, người cha phải làm gương cho bắt-chước, phải là cái gương sáng-sủa trong-sạch vô-cùng.

Cái trách-nhiệm của cha với con là nặng-nề lắm. Về ba đường thể-dục, trí-dục, đức-dục, phải chăm nom cho được hoàn-toàn, phải dạy-dỗ thế nào cho nên người xứng-đáng, lại phải lo-liệu về tương-lai cho ra ăn ở với đời được dễ-dàng trót-lọt. Phải làm thế nào cho con-cái đối với mình nó có bụng tin yêu, nó ngỏ lòng ngỏ dạ cho mình biết, không có giả-dối giấu giếm một chút nào. Muốn được thế thì cái quyền người cha phải biết cứng mà lại phải biết mềm, có nghiêm mà không có nóng, mệnh-lệnh có quả-quyết mà vẫn dịu-dàng. Phải làm thế nào cho trẻ con nó hiểu biết rằng mình thương-yêu nó, mình chăm - chút cho nó, mình tưởng-lệ cho nó, và đối với nó nhất-thiết một bụng công-bằng.

Ngoài gia-đình còn có xã-hội, người ta lại còn phải cống-hiến một phần đời mình cho công việc xã - hội. Trong các nghĩa-vụ làm dân có một nghĩa-vụ cao-trọng hơn cả nghĩa - vụ đối với gia - đình, là nghĩa-vụ bảo - toàn cho tổ-quốc. Tổ-quốc gặp khi hoạn-nạn, gọi đến con dân ra chống - giữ, thì người đàn ông phải ủy quyền gia-trưởng cho vợ mình, giao công việc làm ăn cho kẻ chuyên-trách, rồi bỏ hết, bỏ cả vợ con công việc để mà đi tòng-quân. Có lẽ đi thế là chết mà để lại sự nghèo-khổ khốn-nạn cho vợ con, nhưng mà nghĩa-vụ đối với nước nhà là trọng, thế-tất phải đương không thể tránh được.

Ngoài cái nghĩa-vụ đó là nghĩa-vụ thần-thánh, nghĩa-vụ tối - yếu, còn thời mỗi người cũng phải tận-tâm về việc công, tự mình suy xét thế nào là nên là phải thì làm.

Vẫn biết rằng phàm làm người công-dân trong một nước thì cái bổn-phận đối với nước phải làm cho hết, và kẻ đồng-bang mình đã có bụng tin yêu cử vào chức việc gì chung trong xã-hội, dẫu không có lương - bổng mà sức mình kham được cũng phải sẵn lòng nhận lấy ; tuy-nhiên phải lấy điều này làm cốt, là bao giờ cũng phải vị gia-đình trước, không nên đem quyền - lợi gia-đình mà hi-sinh cho quyền-lợi xã-hội, không có luật-pháp xã-hội nào bắt người ta thế được, và làm người phải biết cân-nhắc, không nên hăm-hở vô-ích.

Sau này bàn về việc xã-hội sẽ nói rõ, nay nói về người ta và nhất là người làm gia-trưởng phải trông cậy ở cái sức làm của mình để tự nuôi mình và nuôi vợ con, chứ không thể ngưỡng-thực ở người được. Như vậy thì cái công của mỗi người làm việc cho xã-hội quyết không thể ngăn-trở được cái nghĩa-vụ cốt-yếu là phải mưu sự hạnh-phúc cho mình và cho nhà mình trước. Cho nên không nên bỏ vợ bỏ con, bỏ công việc trong chức-nghiệp mình để mà tranh-cạnh trên trường chính-trị, cầu lấy cái quyền-chức nọ hay cái danh-giá kia, nhiều khi là những chuyện hão-huyền cả.

Nếu mà để cho đắm - đuối vào cái đường công-danh đó, thì trước hết là trái cái nghĩa-vụ làm gia-trưởng, sau nữa việc nhà đã không làm xong thì việc nước mưu sao được, cũng chưa phải là người có tư-cách lo việc công được ; vì rằng đã không có bụng chăm nom cho kẻ thân-thích mình, bênh-vực quyền-lợi cho người nhà mình, bỏ chức-nghiệp riêng để ra tranh đua với đời mà mua chuộc lấy hư-danh, thì người ấy quyết không có tư-cách quản-lý được việc xã - hội, mà cũng không đáng ra gánh vác việc xã-hội nữa.

Nói về phận-sự người đàn bà ở đời

Địa-vị người đàn bà trong xã-hội sánh với người đàn ông phải thế nào ?

Vấn-đề này không thể giải-quyết theo một cách nhất-định được, vì cái nguyên-tố của nó thường thay đổi luôn

luôn, như chủng-tộc, khí-hậu, phong-tục, tôn-giáo, mỗi xứ một khác, không đâu giống đâu, thì địa-vị người đàn bà cũng không thể khái-luận mà định được.

Cái vấn-đề lại cũng khó giải nữa, là vì cho dẫu không kể đến sự khác nhau như trên kia nữa, xét ngay cái địa-vị người đàn bà ở những nơi đã có nếu-nếp hẳn-hoi, nghĩa là ở những xã-hội đã tới trình-độ văn-minh cao, thời ngay ở đấy cũng thấy cái chế-độ thuộc về người đàn-bà vẫn còn bất-nhất lắm, chưa định được rõ trong những sự yêu-cầu của bọn nữ-lưu phần nào là phần chánh-đáng, phần nào là phần không chánh-đáng mà đặt cái giới-hạn quyền-lợi của người đàn bà thế nào.

Tuy-nhiên, nếu để riêng những điều tiểu-tiết không xét đến vội, thiết-tưởng cũng có mấy điều đại-cương, có thể đặt ra làm tiêu-chuẩn, phàm người thành-thực ai cũng phải cho là phải

Trước hết có một điều phải công-nhận, là thuộc về địa-vị trong xã-hội và về đường trí-thức tinh-thần, đàn ông đàn bà thật là tuyệt-đích bình-đẳng nhau. Tâm-lý mỗi người hoặc có điều sai-biệt, là vì thân-thể khí-huyết không giống nhau, lại vì chức-vụ trong gia-đình trong xã-hội có khác ; nhưng mà giá-trị thì hai bên cũng ngang nhau. Vậy thì cứ lý không có ai hơn mà ai kém. Hoặc có nơi tôn-giáo hay lễ-tục có đặt ra tôn-ti để phân-biệt người đàn ông người đàn bà, tục ấy truyền từ xưa mà nay hãy còn, thì phải nên bãi bỏ đi.

Đàn bà đã bằng-đẳng với đàn ông thì có quyền được tự-do độc-lập ; muốn cho thi-hành được cái quyền ấy, người đàn bà phải có quyền được làm việc để mưu-sinh và để bảo-toàn lấy danh-giá mình.

Có nhiều ông chủ-trì cái thuyết rằng đàn bà chỉ nên dạy cho biết cái bổn-phận làm vợ làm mẹ cùng những công việc nội-trợ tề-gia mà thôi ; tôi tưởng cái thuyết ấy là sai lầm. Làm thân người con gái có phải là tự-chủ được cuộc đời của mình đâu. Muốn cùng người quân-tử sánh đôi để lập-thành gia-thất, mà có khi không có người hỏi đến, hoặc có người hỏi mà mình không ý-hợp tâm-đầu, không nguyện trăm năm kết tóc được. Lại có khi lấy chồng mà chẳng may góa-bụa, phải tự mình lo-liệu lấy đường sinh-kế cho mình và cho con-cái mình. Như vậy thì tất phải học-hành, phải dự-bị cho biết một chức-nghiệp gì, nói tóm lại là phải phòng-bị về đường sinh-tồn cạnh-tranh.

Người con gái dẫu nhà mình giàu, dẫu được định-hôn với người con trai có đủ tài đảm-đương công việc gia-đình sau này, sự học-hành, sự dự-bị đó cũng phải cần. Giàu có không miễn-trừ cho người ta khỏi làm việc được. Vả lại sự phú-quí nó hay bất-thường, không bao giờ nên trông cậy vào đấy.

Tình-trạng như thế thì người đàn ông phải thành-thực công-nhận cho đàn bà có quyền được làm việc để mưu-sinh, không nên nghĩ giữ lấy chuyên-quyền một nghề gì của mình, cũng không nên lạm-dụng sức mạnh hay quyền-thế mà cấm-đoán người ta.

Lẽ công thì như thế, song lẽ ấy có phải là không có tình-trạng đặc-biệt, không có giới-hạn gì không ? có phải là nghề-nghiệp gì, chức-việc gì cũng phải nên mở rộng cả cho người đàn bà không ? có phải là người đàn bà cũng được toàn-quyền cả như đàn ông không ?

Các bà chủ-trương cái thuyết nữ-quyền rất hăng-hái, có lẽ cũng không yêu-cầu đến thế. Vậy nay ta thử phân-biệt cho rõ xem những điều yêu-cầu thế nào là chánh-đáng.

Có nhiều công việc đàn ông làm được mà đàn bà không làm được, dẫu

không ngăn-trở gì đến cái phận-sự sinh-đẻ hay là cái chức-trách trong gia-đình mặc lòng, là bởi lẽ hoặc việc nguy-hiểm hay khó-nhọc quá mà đàn bà không kham nổi, hoặc việc phải đứng ngồi chung-chạ lẫn-lộn với đàn ông, trái với lẽ nam-nữ hữu-biệt. Thí-dụ như việc làm tầu bể, cùng nhiều thứ việc nông, công, thương khác nữa.

Những cái tình-trạng đặc-biệt đó thì ai cũng cho là cố-nhiên, không ai thảo-luận làm gì, nhưng đến cái vấn-đề nên cho hay không nên cho người đàn bà có quyền được bầu-cử và được đảm-đương các chức-quyền chung, thì thiên-hạ nghị-luận nhiều lắm.

Muốn giải-quyết cho được, nên phải phân-loại các vấn-đề ra mà xét, trước hẳng xét nhất về quyền người đàn bà được đảm-đương các công-chức.

Thuộc về các chức hành-chính, thì chức nào người đàn bà có đủ tài đủ sức kham nổi, chức nào là hợp với tính-cách đàn bà, thì không có lẽ gì ngăn-trở người đàn bà không đảm-đương được. Các chức ấy có thể mở rộng cho người đàn bà được, như những sở công-chính, vệ-sinh, nông-nghiệp, thương-nghiệp, công-nghệ, muốn dùng bao nhiêu đàn bà sung các việc cũng không trở-ngại gì; nhưng mà đến chức-quyền chung mà hơi dài có cái tính-cách chính-trị, hay có hàm chứa quyền-hành của nhà nước, thì cái vấn-đề nữ-quyền phải nên giải-quyết một cách khác hẳn.

Như trên kia vừa nói, phận-sự người đàn ông là phải đảm-đang lấy những công việc nặng-nề, đàn bà được miễn chước; công việc ấy lại chính là những công việc hệ-trọng cho xã-hội. Đàn ông phải giữ trật-tự ở trong nước, phải đương việc cảnh-sát, lâm-thời phải dẹp loạn để yên dân. Lúc quốc-gia hữu-sự, phải vác súng đeo gươm để đánh đuổi kẻ ngoại-địch mà chống giữ cho nước nhà. Phải kinh-doanh những công trình lớn để mở-mang việc kinh-tế cho nước. Như thế là người đàn ông phải đương những việc nguy-hiểm, những trách trọng-đại; nay phàm người có trách-nhiệm phải được toàn-quyền tự-chủ công việc mình, lại phải có đủ quyền-lực để làm việc trách-nhiệm, không sợ ngăn-trở.

Vậy thời phàm quyền lập pháp, hành-pháp, tư-pháp, nghĩa là quyền chủ-trương chính-trị trong nước, phải để cho người đàn ông giữ cả mới được. Không thể để cho đàn bà chiếm đa-số ở Nghị-viện, cử-động thất-thố, mà thế chân hẳn đàn ông để chủ-trương mọi việc nội-chính, ngoại-giao, tài-chính, tư-pháp, lại lâm-thời quyết-định việc gì là quan-hệ đến quốc-thể, gây ra cuộc chiến cuộc hòa, mà chỉ-định cho đàn ông khi nào nên hay không nên đem thân ra hi-sinh cho nước.

Thuộc về phạm-vi quốc-sự đó, đàn ông nhượng-bộ cho đàn bà phần nào là nguy-hiểm phần ấy, vì cái kết-quả về sau sẽ không biết thế nào mà lường được. Phải biết rằng số đàn bà thường-thường là nhiều hơn số đàn ông, đàn ông vừa phải cái nạn chiến-tranh, cái nạn lao-động, chết hại cũng nhiều; nay nếu cho đàn bà được bầu-cử vào các chức công, thì tất phải cho đàn bà cũng được quyền bỏ vé. Làm như thế thì kết-quả đến rằng số vé đàn bà nhiều hơn số vé đàn ông, đàn bà sẽ chiếm lấy các quyền-chức trong chính-phủ, đàn ông người nào không đồng-ý với phái nữ-lưu thì không được dự nữa, thế là chủ-quyền trong nước không thuộc về tay đàn ông nữa.

Song đàn bà dẫu không thể để cho quyền được bầu-cử vào chức công, nhưng ít ra có nên cho quyền được bỏ

vé bàu để kén chọn những người sung các chức ấy không?

Trả lời rằng không thì sợ mất lòng các bà đương yêu-cầu được quyền chính-trị, nhưng thật không thể trả lời có được.

Tư-tưởng ý-chí người đàn bà, thường thường không giống đàn ông. Học-thức kém, lịch-duyệt cũng kém đàn ông, phàm những vấn-đề lớn về nội-chính, về ngoại-giao, không có tư-cách giải-quyết cho đứng-mực được bằng người đàn ông; lại tính cả thẹn dễ cảm, không đủ sức cả quyết can-đảm mà chống với những sự kích-động đến thần-kinh, những sự ảnh-hưởng của ngoại giới. Vậy thời không thể để cho đàn bà có quyền bỏ vé mà làm sai mất cái phương-châm chính-trị trong nước đi, khiến cho những người ý-kiến đặc-biệt, khác với ý-kiến phần nhiều người cầm quyền chính-trị, cũng được tham-dự vào quyền lập-pháp, như thế không khỏi sinh ra tạp-loạn.

Nay xét đến địa-vị người đàn bà trong gia-đình, đại-khái cũng phải theo một cái lẽ chung đó.

Người đàn ông có nghĩa-vụ bảo-hộ cho gia đình cũng như có nghĩa-vụ chống giữ cho quốc-gia, phải mưu làm sao cho gia-đình được thịnh-vượng. Muốn cho làm được trọn cái nghĩa-vụ đó, đương được nổi cái trách-nhiệm đó, thì cần phải được cả nhà công-nhận cho cái chủ-quyền của mình. Cho nên pháp-luật nước nào cũng bắt buộc người đàn ông phải bênh-vực, phải cung-cấp cho người đàn bà, mà đổi lại thì người đàn bà phải phục-tòng người đàn ông.

Bởi người đàn ông có quyền chủ-trương trong nhà, nên đối với vợ cũng như người ngoài, nếu quản-lý việc nhà không nên, thì luật bắt phải chịu trách-nhiệm, dù là vì người đàn bà phung-phá mà hại đến gia-sản cũng mặc lòng; bởi thế cho nên nhà lập-pháp bắt người đàn bà phàm làm việc gì có trực-tiếp gián-tiếp đến gia-sản chung phải có chồng cho phép mới được.

Người đàn bà thường phàn-nàn là phải tùy-thuộc quá như thế; nhưng phải biết rằng luật đã cho phép mình được đặc-quyền để bảo-hộ tài-sản riêng của mình đối với chồng và đối với người ngoài, thì về phần người chồng cũng phải cho người ta được quyền phòng-bị sự ăn tiêu phung-phá của vợ, nếu không thì vì vợ phải đến sa-sút mà lại phải mang trách-nhiệm sự sa-sút đó.

Đó là mấy điều đại-cương về công-pháp tư-pháp thuộc về cái chế-độ người đàn ông và người đàn-bà đối-đãi với nhau trong gia-đình và trong xã-hội.

Ngoài mấy điều đó, bọn nữ-lưu còn yêu-cầu những gì nữa? Bất-quá chỉ có giảm ba bà cô tính tự-cao quá, mà thiếu cái đức nhu-thuận của người đàn bà, không chịu cho chồng coi mình là người bạn hiền để khuyên để bảo, lại tự mình cho sự hôn-nhân chỉ là một cuộc hợp-đồng quyền-lợi mà thôi, ngoài mặt là chung đụng với nhau, kỳ-thực là mỗi người ăn ở một đường, vợ đi đường vợ, chồng đi đường chồng, vật-chất thượng, tri-thức-thượng, tinh-thần-thượng, không có gì là quan-hệ với nhau cả; chỉ có mấy bà cao-kỳ và khó tính khó nết đó, là mới yêu-cầu một cái cách sinh-hoạt kỳ-khôi như thế mà thôi.

Thường thường là các bà học-thức, hay là các bà giả học-thức mới có cái tâm-lý và có những giọng ngôn-ngữ đó. Các bà các cô được học nhiều hơn chị em, được làm những chức-nghiệp tự-do, mới sinh ra cái lòng tự-cao tự-đại, tưởng mình là tài giỏi lắm, hơn người lắm, bèn lạm-dụng cái quyền tự-nhiệm mà đàn ông đã rộng lòng mở-mang cho.

Cái tâm-lý đó là cái tâm-lý hư, cần phải nên phản-kháng lại.

Như trên kia đã nói, người đàn bà có quyền không lấy chồng, có quyền được tự-chủ lấy đời mình. Tuy cái thiên-chức đàn bà là phải có chồng có con, nhưng vì muốn cố ý trái cái thiên-chức ấy, cũng mặc ý, có quyền tự-do, không ai bắt buộc. Nhưng khi đã nhận lấy cái thiên-chức ấy rồi, khi đã kết-hợp với một người làm chồng rồi, thời không có quyền tự-do muốn sao muốn vậy được nữa, tự-do như thế là trái với lẽ thiên-nhiên, trái với ước xã-hội. Trong các đường lối sinh-hoạt ở đời, đã chọn lấy một đường, đã thuận lẽ tự-nhiên mà theo về đường tình-ái, thì phải giốc lòng mà làm vợ làm mẹ cho hết cái phận-sự của mình, không được có cái dã-tâm gì nữa.

Phàm đàn bà mà yêu-cầu độc-lập, là một sự cử-động không khôn-khéo, tỏ ra còn thiếu trí khôn. Trong cuộc hôn-nhân, dù theo pháp-luật, dù giữ tự-do, có phải rút lại bao giờ người đàn bà cũng đứng cái địa-vị chủ-quyền không? Có phải bao giờ người chồng cũng vì kính-nể mà tự đứng vào địa-vị phục-tòng không, (có khi tự-nhiên không biết, có khi biết mà cũng cam chịu, không cưỡng lại)? Lệ thường tự cổ chí kim vẫn là thế, mà cái thâm-ý ông Tạo-vật cũng là muốn cho từ nay về sau vẫn cứ thế mãi.

Vậy tôi xin khuyên các cô thiếu-nữ một câu này: Các cô học-hành từ trước đến giờ là dự-bị cho sau này, hoặc vạn-nhất chẳng may gặp phải cái nghịch-cảnh ở đời, thì nhờ đó mà tự-lập để bảo toàn danh-tiết, nhưng cứ thuận cảnh lấy chồng, đẻ con, lập thành gia-thất, thì chẳng thèm cái quyền độc-lập ấy làm gì, các cô ạ. Các cô cứ lấy tình-ái đối với người, người sẽ lấy tình-ái trả lại các cô. Cứ ung-dung mà hưởng khoái-lạc chốn gia-đình, và phải biết tự nhận-chân mình là bà hoàng-hậu trong gia-đình, vẫn có quyền chúa-tể ở trong nhà, quyền này không phải yêu-cầu một cách cứng-cỏi mà được, thực là đem tấm lòng từ-ái cao-thượng làm hết cái bổn-phận người vợ người mẹ mà tự-nhiên được cái địa-vị cao-quí đó vậy.

Nói về cuộc hôn-nhân

Có đàn ông thanh-niên, cô đàn bà trai-trẻ cố-ý không muốn lấy vợ lấy chồng vội. Lại có người tình-nguyện bất-hôn-thú hẳn.

Khi lòng tình-nguyện đó là vì cái chí muốn làm trọn một sự-nghiệp gì có ích mà sợ lấy vợ lấy chồng ngăn-trở không làm được chăng, thì thật đáng khen đáng kính lắm; nhưng mà nếu tình-nguyện như thế chỉ cốt để tránh những trách-nhiệm nặng-nề về gia-đình, thì thật đáng thống-trách lắm.

Trời sinh ra người ta là để nối dõi lấy nòi giống mình, nếu vì lòng vị-kỷ mà quyết không lấy vợ lấy chồng, thì là không trọn được cái thiên-chức ấy. Tức là trốn cái nghĩa-vụ trọng-yếu của mình đối với xã-hội, nghĩa-vụ ấy là phải lập thành gia-thất để giúp cho nước nhà được cường-thịnh vẻ-vang. Ăn ở như thế là cái tư-cách người hèn, chỉ muốn bo-bo lấy một mình sợ phải khó-nhọc vì kẻ khác, trốn tránh cả những sự trách nhiệm, những sự lo-lắng về gia-đình, sợ phải lo mà không dám nếm đến cái khoái-lạc gia-đình nữa. Nói tóm lại là người sợ làm người, sợ làm người một cách cương-cường hoạt-bát, tức là người sống mà cam-tâm tự-sát vậy.

Lại tỏ ra người thiển-cận vụng suy nữa, vì không lấy vợ lấy chồng không phải là tránh hẳn được những nỗi khổ nỗi buồn ở đời mà lại không được cái vui-thú gì chân-chính để đền-bù lại. Vui

của họ là cái vui đem tiền đem bạc mà mua lấy trong chốc lát, qua đi rồi chỉ còn cái mùi cay-đắng để lại, với lại cái cảm-giác thấy tinh-thần suy-sút đi, có khi cả thân-thể hao mòn đi nữa. Rồi trở về già là cái cảnh cô-độc, không có ai để mà thương yêu, cũng không có ai thương yêu đến mình; không có ai để mà kể-lể những nông-nỗi sướng-khổ của mình; không có ai để phù-trì yên-ủi cho những khi bệnh-tật yếu đau; không có ai nối dõi lấy cái tên mình, kế-tục lấy sự-nghiệp mình, hưởng-thụ lấy công-phu mình. Lại cũng không có một cái tay thân-yêu để vỗ-về cho lúc hấp-hối mà nhắm mắt cho lúc lâm-chung.

Vậy thời hỡi các trai tơ gái tơ ở đời, giữa tuổi xuân xanh nên lấy vợ lấy chồng đi, vì tuổi này là tuổi ái-tình thêm cót hi-vọng là tuổi tâm-lực khí-lực còn đầy, lòng người chưa nếm phải mùi đời cay-đắng, cuộc đời vẫn còn mới-mẻ thanh-tân hết cả. Nên lấy vợ lấy chồng đi, rồi sẽ được sung-sướng.

Những kẻ ích-kỷ, tấm lòng khô ráo, cùng những kẻ làng chơi, chỉ vụ hiếu-kỳ, thấy tả cái cảnh hôn-nhân vui-thú, tất làm mặt cao-kỳ mà tủm-tỉm cười. Họ nói rằng: Phải, vợ chồng lấy nhau, vui-thú được buổi đầu, như giấc mộng đêm xuân, được mấy chốc mà tàn, tỉnh dậy thời thấy mình bị bó buộc suốt đời, rồi cứ lẽo-đẽo mà chịu đựng nhau mãi cho đến già, có khi khốn-nạn mà ăn ở cùng nhau như ở tù ở ngục vậy.

Cuộc đời, thường thường mình sắp đặt ra thế nào nó sẽ ra thế ấy. Kẻ nào chỉ biết ham cái khoái-lạc nhục-thể mà thôi, thì kẻ ấy không sao có ái-tình chân-chính được. Kẻ ấy không bao giờ được sung-sướng. Mà cũng không đáng được sung-sướng.

Vẫn biết rằng cuộc hôn-nhân không phải là một cái mộng trường-xuân, không phải là một cái nguồn tình bể ái, không bao giờ dứt, không bao giờ cạn được, nhưng mà đời người ta có phải chỉ có chuyện tình-ái mà thôi dư?

Lại cũng vẫn biết rằng cái xuân xanh, cái nhan-sắc, rồi nó cũng một ngày một phôi-pha biến-đổi đi, nhưng mà lòng người bao giờ cũng còn đó, cái tình-dục khoái-lạc rồi dần dần đổi ra tấm lòng yêu-mến thâm trầm, không phai không nhạt đi nữa, mà lại càng bền chặt, càng cao quí biết bao nhiêu.

Hai người trai thanh gái sắc, cùng nhau trao đổi ái-tình, thời cái khoái-lạc hưởng chung tự-khắc làm cho bền chặt mối đồng-tâm, và hình như đem một cái giây ân-nghĩa ràng buộc nhau đời đời vậy. Có ngày má răn, có ngày tóc bạc; nhưng hai người cũng không nhận biết nữa, vì chỉ quen nhìn con mắt nhau để mà soi cho thấu đến tấm-lòng vậy. Mà cái miệng cười thì dẫu lúc trẻ lúc già bao giờ cũng vậy. Hai người ấy cùng nhau bách-niên giai-lão, cùng nhau chia sướng chia buồn, dẫu gặp cảnh trái cảnh ngược cũng đủ sức mà chống lại được. Nếu nhờ trời lại được con đàn cháu đống nữa, thì ở đời còn có hạnh-phúc nào bằng!

Nay được cái hạnh-phúc ấy, phải biết tận-hưởng, chớ nên dại mà làm hư-hỏng đi mất.

Người dẫu già mà nên cố giữ lấy cái tính vui-vẻ như lúc tuổi trẻ, đừng có ủ-rũ, âu-sầu. Đối với nhau phải biết khoan biết thứ, biết rộng-rãi mà chớ khắt-khe. Đừng có chấp nệ những chuyện nhỏ-nhen, đừng có phiền nhau những điều lặt-vặt. Vợ chồng già lại càng nên thương yêu nhau lắm, mà người chồng đối với người vợ vẫn phải tỏ cái lòng kính-nể là cái cách phong-nhã lịch-sự của đàn ông đối với đàn bà. Lại dù xảy ra thế nào mặc

lòng, cách ăn ở với nhau cũng vẫn phải thủy chung như nhất. Cứ như thế thì lương-tâm được yên-ổn mà gia-đình cũng được ấm-vui. Hai người đã một lòng một dạ với nhau như thế thì cái ơn nghĩa ấy nặng đến trọn đời báo-đáp lẫn nhau cũng chưa thỏa vậy.

(*Còn nữa*)

T.-C. *dịch*.

LƯỢC-KHẢO VỀ VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC PHÁP (1)

IV

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP VỀ THẾ-KỶ THỨ 17 (*tiếp theo*)

Thể thơ cổ-điển ngoài lối diễn-kịch

Nói về La Fontaine. — Có một nhà làm thơ chuyên về một lối tầm-thường, là lối ngụ-ngôn, mà cũng trổ ra tài sáng-tạo, nổi nên được danh-giá, chẳng kém gì những tay soạn kịch trứ-danh mới kể trên, như Corneille, Racine, Molière. Nhà làm thơ ấy là La Fontaine (1621-1695), có công khôi-phục lại được cái tinh-thần hoạt-bát của người Pháp từ xưa, đem một cái giọng văn vừa rất tự-nhiên vừa rất tinh-xảo, chỉ soạn có một tập « Ngụ-ngôn » (*Fables*, 1668-1690), mà làm thành ra được (theo như chính lời ông nói) « một tấn kịch lớn-lao có trăm hồi từng-tạp » (*une ample comédie à cent actes divers*).

Ông giả-thiết các giống vật mà tả về loài người một cách rất bao quát, dùng những cách ăn nói, những lối phong tục đương-thời mà hình-dung ra khắp các hạng người trong xã-hội, vẽ thành một bức tranh thế-thái nhân-tình như hệt. Những người đóng vai trong cái tấn kịch lớn-lao đó là khắp cả chúng ta đây, là cả nhân-loại đời xưa đời nay, phương Đông phương Tây, mà ăn mặc theo lối y-phục nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 vậy. Ông giả hình đủ các giống vật, nhưng hình-dạng là giống vật mà tính-tình là tính-tình người, lời ăn tiếng nói, cách cử-động đi-đứng rõ ra từng hạng người trong xã-hội, không còn sai được nữa. Nào là bậc vua chúa, nào là kẻ thị thần, nào là dòng quí-tộc, nào là hàng công-khanh, cho chí ông quan tòa, bác phú-hộ, thầy tu-hành, anh nhà quê, hạng người nào cũng có tả ra trong tấn kịch ấy cả, so với người đương-thời đã là đúng mà sánh với người thiên-cổ lại càng hệt lắm nữa. Nhà khảo-cứu ngày nay xem tập ngụ-ngôn của ông còn tưởng-tượng được cái xã-hội đương-thời thế nào, đủ biết tập sách của ông là một tấm gương lịch-sử đã sáng-suốt lắm; còn sự thực thiên-nhiên thì không cứ nhà khảo-cứu, kẻ tầm-thường mới đọc đến cũng phải cảm. Cả cái tài ông La Fontaine là biết khéo dùng lối ngụ-ngôn để tả về nhân-sự, mà cái cách tả ấy đủ tỏ ra một nhà thi-văn có tài mà lại kiêm một nhà triết-học sâu-sắc nữa.

(1) Xem N.-P. số 92, 96, 103.

Luân-lý trong truyện ngụ-ngôn của La Fontaine là ở cách tả-thực sự đời, cũng giống như luân-lý trong hài-kịch của Molière, nghĩa là xét sự đời thế nào cứ tả ra hiển-nhiên như thế, chứ không tưởng-tượng sự đời thế nào là nên mà bằng-không kết-cấu ra đâu. Luân-lý này không phải là chủ dạy người ta phải sửa những tính xấu của mình, chính là bày-tỏ những tính xấu của kẻ khác để cho mình biết đấy mà khỏi lầm, biết cái thân-phận của loài người ở trên đời này, ở trong xã-hội là thế, nên cam-tâm nhẫn-nhục mà chịu lấy, đừng có mơ-màng những chuyện cao xa.

La Fontaine làm có một tập ngụ-ngôn cũng đủ nổi danh thi-nhân về lối cổ-thể. Ngoại-giả ông còn soạn một tập «Truyện hơi» (*Contes*, 1665-1696) nữa, truyện này toàn là những truyện dâm-bôn cả, bắt-chước các lối dâm-thư ở Ý đại-lợi đời bấy giờ. Lại còn một tập «Diễn-kịch» nữa, ngày nay không ai đọc, chỉ có những nhà khảo-cứu văn-học mới xét đến mà thôi.

Nói về Boileau. — Tiêu-biểu cho lối thơ cổ-điển về đời Louis thứ 14, còn có ông Boileau nữa (1636-1711). Thi-văn của ông thì không lấy gì làm đặc-sắc lắm, nhưng mà ông là một người rất có thế-lực và rất có ảnh-hưởng trong làng văn đương-thời. Ông có làm một bộ «Thơ trào-phúng» (*Satires*, 1660-1705), và một bộ «Thơ từ-hàn» (*Epitres*, 1669-1695), để tưởng-lệ cho các nhà làm văn hay và công-kích những nhà thơ-văn nhảm. Lại có một bộ «Thi-học» (*Art poétique*, 1674), định phép-tắc về các lối thơ-văn, nhân sách đó mà ông được tên gọi là «nhà lập-pháp của làng thơ» (*le législateur du Parnasse*). Còn sách «Cái giá sách» (*Le Lutrin*, 1674) cũng là một quyển thơ trào-phúng, mà thuộc về lối diễn-kịch, nhiều đoạn tả cũng hay và cũng ngộ.

Rút lại ông Boileau cốt nhất là một nhà phê-bình văn-học; lối phê-bình của ông cũng không khỏi có cách chật-hẹp một chút, nhưng lời văn thì thật là cứng-cáp mạnh-mẽ, sác-tạc rõ-ràng. Trong các thi-nhân cổ-điển nước Pháp không có mấy nhà ngày nay còn lưu-truyền được nhiều câu thơ rắn-rỏi mạnh-mẽ, mà sáng-sủa rạch-ròi như ông, không khác gì những lời phương-ngôn ngạn-ngữ vậy.

Nói về các thi-nhân bậc nhì

Ngoài mấy tên vừa kể trên là những bậc thi-nhân thật trứ-danh về thế-kỷ thứ 17, còn ít nhiều các nhà làm thơ khác nữa, hoặc chuyên về lối diễn-kịch, hoặc theo các tạp-thể khác, cũng phải kể qua ra đây không thể bỏ quên đi được, vì cũng có người trước-tác có giá-trị, cũng có người thì đương-thời đã có nổi tiếng tăm trong một hồi, cũng là có quan-hệ gần xa đến văn-học-sử nước Pháp vậy. Các nhà làm thơ ấy, ta gọi là các thi-nhân bậc nhì, nghĩa là sánh với các bậc trên thì không bằng, nhưng không phải là không có giá-trị vậy.

Về lối thơ diễn-kịch có những người sau này nên ghi nhớ:

Quinault (1635-1688), sáng-tạo ra một lối thơ nhạc-kịch (*poème d'opéra*), thể-điệu cũng êm-ái Boileau thường hay công-kích, nhưng thật không đáng;

Boursault (1638-1704), Dancourt (1661-1725), Regnard (1655-1709), ba người đời bấy giờ cũng có tiếng là soạn hài-kịch giỏi, tuy bài vở kém không được bằng Molière, nhưng cũng có nhiều bản có giá-trị, đến ngày nay cũng còn có nơi diễn đến;

Về lối bi-kịch thì có Lafosse (1633-1708), soạn kịch về lịch-sử La-mã;

Thomas Corneille (1625-1709), là em Corneille ở trên, cũng bắt-chước

anh soạn kịch, tuy không hay-ho gì nhưng nhờ được tiếng anh cũng đã có phen nổi danh nhất-thời.

Còn những tay như giáo-sĩ BOYER (1618-1698), PRADON (1632-1698), cũng tấp-tểnh ra tranh đua với CORNEILLE và RACINE, mưu mô lập bè lập đảng để gièm-pha văn-chương của hai ông, đã làm nên tai-tiếng một thời, mà tự mình thì thật không có văn-tài lỗi-lạc gì.

Thuộc về các tạp-thể, có những người sau này, cũng là tay có tiếng :

RACAN (1589-1670), làm lối thơ điền-viên, cũng có nhiều bài nghe được ;

BENSERADE (1612-1691), đã có tiếng sở-trường về lối thơ thù-tạc ở trong triều, như những bài thơ khiêu-vũ của ông lời-lẽ nghiêm-trang có vẻ lắm ;

GOMBAULD (1570-1666), MAYNARD (1582-1646), DES BARREAUX (1599-1673), ba người đã nổi tiếng về lối thơ luật *sonnet* ;

SCARRON (1610-1660), ở giữa đời cổ-điển nghiêm-trang, mà biệt-lập ra một lối thơ khôi-hài cợt-nhả ;

CYRANO DE BERGERAC (1609-1655), tư-tưởng rất tự-do mà văn-chương rất phóng-khoáng ;

SEGRAIS (1624-1701), có biệt-tài về lối thơ điền-viên, khiến cho người đương-thời mê đọc đến quên cả các lối tiểu-thuyết diễn-kịch khác ;

DESHOULIÈRES phu-nhân (1637-1694), vừa làm lối thơ điền-viên, vừa soạn kịch thơ nữa, nhưng những bài kịch của bà không có giá-trị gì, mà bà lại mang tiếng với đời sau là vì lòng ghen-ghét ông RACINE mà tùng với đảng gièm-pha nói xấu ông ;

BACHAUMONT (1624-1702), CHAPELLE (1639-1686) và CHAULIEU (1639-1720), là ba tay chơi có tiếng, có tài làm những bài thơ nho-nhỏ về lối hoa-nguyệt, được các công-khanh đời bấy giờ thưởng-thức lắm.

Có một điều cũng đáng lạ, là thế-kỷ thứ 17 ở nước Pháp, nhất là đời vua LOUIS thứ 14, chính-thể quân-chủ đương toàn-thịnh, người đời ưa những vẻ trang-nghiêm tráng-lệ, thế mà lối thơ tụng trường-thiên tuyệt-nhiên không có, mà lời ca tán-thán, cũng vắng-ngắt không thấy có mấy người làm. Còn về lối anh-hùng-ca thì cũng có rằm bà kể, nhưng văn-chương khoa-đại mà không có vẻ trang-nghiêm, không được bài nào đáng lưu-truyền đến nay.

Nói về lối tản-văn cổ-điển, về các khoa thần-học, luân-lý và lối diễn-thuyết về tôn-giáo.

Tản-văn về đời vua LOUIS thứ 14, phát-đạt nhất là trong lối văn thuyết-giáo. Đạo Cơ-đốc bấy giờ cũng đương thịnh, trong Giáo-hội có hẳn một phái nhà văn và nhà diễn-thuyết, lời lẽ nghiêm-trang, thật trong từ xưa đến nay cũng ít mấy khi được những tay giỏi như thế. Kẻ làm sách, người diễn-thuyết, giảng về đạo-đức, về giáo-lý, đều chan-chứa một cái chủ-nghĩa về thần-linh rất thâm-trầm.

NÓI VỀ BOSSUET. — Đứng đầu trong phái nhà văn của Giáo-hội đó là ông BOSSUET (1627-1704), về khoa thần-học, về khoa biện-thuyết đều sở-trường cả, bọc đạo thì kiêm-thông bằng cả các nhà tôn-giáo cổ kim, diễn-thuyết thì lời lẽ hùng-hồn, hoặc khi giảng đạo, hoặc khi biện-bác, hoặc khi tán-tụng công-đức một người chết, hoặc khi ngợi khen ơn-huệ của Thiên-chúa, giọng nào cũng sành hết cả.

Lối diễn-thuyết về tôn-giáo của ông có hai thể : một thể « Thuyết-giáo » (*Sermons*) và « Tụng-đức » (*Panégyriques*) (1657-1670), hiện nay không còn mấy bài giữ được toàn-văn, nhưng còn được đoạn nào xem ra văn-chương cũng có khí mạnh-mẽ, có vẻ đột-ngột và ly-kỳ ; một thể « Văn tế » (*Orai-*

sons funèbres, 1665-1687), ngày nay còn giữ được toàn cả, lời lẽ nghiêm-trang mà cảm-động, lại kết-cấu tuyệt khéo, có thể làm mẫu-mực cho lối văn tế đời xưa đời nay.—«Sách Tổng-luận về lịch-sử Vạn-quốc » (*Discours sur l'histoire universelle*) của ông soạn vào khoảng năm 1672, không phải là kỹ-thuật các việc cũ về lịch-sử, chính là lấy cái thuyết « Thiên-lý » mà sắp đặt, mà sai-khiến các việc cho hợp với lẽ đạo, không phải là sách sử-học, chính là sách biện-chứng về giáo-lý vậy. — Sách « Chính-trị rút trong Thánh-thư » (*Politique tirée de l'Ecriture sainte*), là một bộ di-thư của ông, đến năm 1709 mới xuất-bản, cho phép trị dân cũng là thuộc quyền Thiên-chúa như phép tôn-giáo. — Ông là tay cự-phách trong phái Cựu-giáo, đời bấy giờ nhà vua hạ lệnh bách-hại phái Tân-giáo, ông lấy làm mừng lắm ; ông lại thường thảo-luận với các giáo-sĩ đạo mới, nhân cuộc tranh-luận ấy nhiều khi cũng kịch-liệt mới làm ra bộ sách « Bày giải về đạo Gia-tô » (*Exposition de la foi catholique*, 1671) và « Lịch-sử những sự thay đổi của các phái đạo mới » (*Histoire des variations des Eglises protestantes*, 1688), bộ sau này tỏ ra ông là một tay sử-học lão-luyện. Ông không những phản-đối các phái đạo mới, mà ngay trong Giáo-hội cũ có phe nào muốn giải-nghĩa đạo ra một cách khác với nghĩa chính-truyền, như phe « tĩnh-tịch luận» (*quiétisme*) của ông Fénelon, ông cũng cực-lực bài-bác ; ông có làm hẳn một pho sách để là « Thuật-giải về luận tĩnh-tịch» (*Relation sur le quiétisme*, 1698) để phản-đối phe ấy. Về phần riêng ông thì thật là giốc lòng tin đạo, cảm về lẽ mầu-nhiệm trong đạo một cách thâm-trầm vô cùng ; xem những sách « Tâm-niệm về kinh Phúc-âm » (*Méditations sur l'Evangile*), « Mặc-tưởng về lẽ thần-bí » (*Elévations sur les mystères*), thì đủ biết vậy.

Nói tóm lại xem các sách vở của ông, đọc lại văn-chương của ông thì rõ ông là một nhà tôn-giáo cao-nghiêm, đem hết cái tài làm văn, cái tài biện-thuyết để siển-minh lẽ đạo, để bênh-vực Giáo-hội, dẫu người không có lòng tin đạo cũng phải cảm-phục, vì phàm làm văn hễ giốc lòng thành-thực thời bất-cứ nói về chuyện gì lời văn vẫn có cái giọng thâm-thiết dễ cảm người ta.

Nói về Fénelon. — Sau Bossuet đến Fénelon (1651-1715). Ông cũng là nhà tôn-giáo, giữ chức đại-tư-giáo. Văn-chương tư-tưởng ông vừa đằm-thắm trong nguồn đạo Thiên-chúa, lại vừa tắm gội trong cổ-học Hi-lạp, cho nên dù giảng về nghĩa-đạo, dù bàn về luân lý, dù kết-cấu ra bộ tiểu-thuyết hay dù nghiền-ngẫm về lẽ mầu-nhiệm, vẫn có cái vẻ thanh-tao điền-nhã vô-cùng.

Bộ sách thứ nhất của ông là sách « Bàn về giáo-dục con gái » (*Traité de l'éducation des filles*, 1679), sách có nhiều ý-kiến hay, mà chủ-ý là muốn bồi-thực cái lòng tin đạo của bọn thiếu-nữ, lời văn lưu-loát dễ nghe. Năm 1689, ông được cử làm phụ-đạo cho Hoàng Thái-tử, bèn đặt ra những sách « Ngụ-ngôn » (*Fables*), sách « Cổ-nhân vấn-đáp » (*Dialogues des morts*) để sửa tính-nết cho thái-tử ; lại soạn hẳn một bộ tiểu-thuyết để là *Télémaque* (xuất-bản năm 1699), giảng về chính-trị, về luân-lý, về xã-hội, người đương-thời lấy làm thích lắm, có người cho là bộ tiểu-thuyết trào-phúng, có người cho là bài anh hùng-ca bằng tản-văn, vì tả về sự phiêu lưu của một bậc chí-sĩ Hi-lạp, nhưng kỳ-thực chỉ là một bộ sách giáo-khoa làm theo lối tiểu-thuyết mà văn-chương rất hay, thế mà thôi, chứ không có ngụ ý gì khác nữa. — Về văn-học thì ông có viết một « Bức thư cho Hội Hàn-lâm » (*Lettre à l'Académie française*), tức là một bài đại-luận về các thể văn

và phép làm văn, bàn-bạc sác-đáng lắm ; lại có soạn một tập « Vấn-đáp về nghề biện-thuyết » (*Dialogues sur l'éloquence*, sách này sau khi ông mất rồi mới xuất-bản), bàn giải về phép diễn-thuyết phải thế nào, và thứ nhất là phép diễn-thuyết ở nơi giáo-đường phải thế nào. — Về tôn-giáo, ông có sách « Luận về lẽ có Thiên-chúa » (*Traité de l'existence de Dieu*. 1713), sách chia hai phần, phần thứ nhất là quan-sát về cảnh-tượng thế-gian và khái-niệm tới đấng Tạo-vật tuyệt-đích, phần thứ nhì xét về thuần-lý mà chứng rằng cứ lý-tưởng, cứ cảm-tình, Thiên-chúa không thể không có được. Năm 1697 ông có xuất-bản một quyển sách đề là « Giảng-giải về cách-ngôn của các thánh » (*Explication des maximes des saints*), nói rằng người ta có thể lấy cảm-tình mà yêu-mến Thượng-đế, lòng yêu-mến ấy là một cái ái-tình rất thuần-túy của lòng người, nhân sách đó gây lên một cuộc thảo-luận kịch-liệt với ông Bossuet ; cứ kể về nghĩa chính-truyền của Giáo-hội thời ông Bossuet có lẽ phải, mà ông Fénelon thua, nhưng cứ cái tài biện-bác thì Fénelon cũng bằng Bossuet, mà về nhân-cách cao-thượng thì lại có phần hơn vậy. Còn những bài thuyết-giáo của ông thì phần nhiều là ứng khẩu mà nói, không cầu lấy văn-chương, mà chỉ một lòng tín-ngưỡng thâm-trầm, một lòng từ-bi bác-ái cũng nên được giọng hùng-hồn cảm-động.

Ông cũng trung-thành với Giáo-hội như ông Bossuet, cũng hết sức phản-đối các phái tân-giáo, nhưng trong cách giao-tế thường tỏ ra cái tính-cách khoan-dung đại-độ, không có khăng-khăng câu-chấp như ông Bossuet, hậu-thế vẫn phục ông về cái thái-độ đó và cho ông chính là một người khởi-xướng ra trước nhất cái thuyết tự-do ở giữa đời chuyên-chế vậy.

Nói về Bourdaloue, Fléchier, Mascaron, Massillon. — Trong Giáo-hội đời bấy giờ còn nhiều tay biện-thuyết tài nữa, giá sinh-trưởng vào đời khác thì cũng đủ nổi tiếng to, nhưng sinh-trưởng vào đời lắm kẻ đại-tài như thế-kỷ thứ 17 này thì cũng là đứng vào bậc nhì bậc ba mà thôi. Mấy người đáng nhớ tên là những người sau này :

Bourdaloue (1632 - 1704), người nghiêm-khắc, cách thuyết-giáo chỉ thuần trọng lý không trọng tình, không ưa những lối văn-chương phù-phiếm, mà người đương-thời cũng phục về cách lý-luận chặt-chẽ lắm ;

Fléchier (1632-1710), có tiếng là tay văn-chương nho nhã, thường đi lại hội *Salon* bà Rambouillet, nên cách thuyết-giáo có văn-vẻ lắm, mà lối văn-tế lại cũng hay nữa, có người cho nhiều bài chẳng kém gì văn-tế Bossuet ;

Mascaron (1634-1703), cũng có tiếng làm văn-tế hay, nhưng văn-chương khoa-đại, còn kém Bossuet và Fléchier nhiều ;

Massillon (1663-1742), có người quá khen đã gọi là « ông Racine về nghề thuyết-giáo » (*le Racine de la chaire*), lời diễn-thuyết khí rườm, nhưng văn-vẻ lắm, lại có bộ-dạng khéo, người nghe dễ cảm-động.

Các nhà diễn-thuyết và nhà luận-lý ở ngoài Giáo-hội. Các nhà sử-ký

Nói về Pascal và viện Port Royal. — Ở nước Pháp về thế kỷ thứ 17 có một viện tu-hành tên là *Port Royal*: Các thầy tu ở đấy theo về cái thuyết tiền-định của Jansénins là một thuyết rất nghiêm-khắc, nên ít có giao-tế với đời. Chợt trong bọn đó nổi lên một người, tuổi còn nhỏ mà đã có đại-văn-tài, Blaise Pascal (1623-1662), năm 1656 xuất-bản một quyển sách đề là « Thư của người tỉnh xa » (*Lettres provincia-*

les), để thảo-luận về nghĩa đạo với phái *Jésuites* và bênh cho cái chủ-nghĩa khổ-hạnh của nhà giòng mình. Sách lý-luận chặt-chẽ mà lời văn hùng-hồn, mới công-bố ra thiên-hạ lấy làm cảm-phục lắm, có người cho là một nền kiệt-tác trong tản-văn nước Pháp về đời bấy giờ. Ông PASCAL đã thảo-luận với phái *Jésuites*, lại phải chống lại với cái hoài-nghi-chủ-nghĩa của học-phái MONTAIGNE, chủ-nghĩa này mới thâm-độc hơn nữa vì nó ngấm-ngầm mà thấm-thía, khiến cho cái lòng tin đạo của người ta dần dần suy-vi đi ; ông biết rằng đối với phái ấy không thể dùng những cách lý-luận thiển-cận của người đời được, ông bèn nghĩ ra làm một bộ sách vĩ-đại để biện-hộ cho đạo Thiên-chúa, chẳng may đau yếu rồi chết không làm trọn vẹn được, nhưng những tài-liệu còn lại, anh em đồng-viện cóp nhặt lấy, biên-tập thành một quyển đề là « Tư-tưởng lục » (*Pensées*), lời lẽ cao-siêu, thật là một áng kỳ-văn thiên-cổ. Chỉ có một quyển tản-văn đó mà ông nổi danh đại-văn-hào, đại-tư-tưởng nước Pháp. Nếu sống lâu mà trước-tác được nhiều nữa, thì còn hiền-hách biết thế nào!

Trong viện *Port-Royal*, còn nhiều nhà tu-hành có tài văn-học triết-học nữa, tuy không bằng PASCAL, nhưng tư-tưởng cũng có cái đạo-vị thâm-trầm mà lời văn thời có cái phong-vị khắc-khổ mà nghiêm-trang, như : ARNAULD (1612-1694), thường thường thảo-luận về tôn-giáo với người các phái khác, lại soạn sách giáo-dục nữa ; NICOLE (1612-1695), học-vấn yêm-bác mà văn-chương dồi dào, có tiếng là nhà luân-lý-học.

NÓI VỀ CÁC NHÀ LUÂN-LÝ-HỌC VÀ THUẦN-LÝ-HỌC. LA ROCHEFOUCAULD, LA BRUYÈRE, MALEBRANCHE. — Về phái luân-lý-học còn có hai nhà văn làm hai bộ sách trứ danh nữa, là LA ROCHEFOUCAULD (1613-1680) làm sách « Cách ngôn » (*Maximes*) và LA BRUYÈRE (1645-1695) làm sách « Nhân-phẩm » (*Caractères*). LA ROCHEFOUCAULD thời mang cái bi-quan chủ-nghĩa, cho giống người là chẳng ra gì cả, nên tả những cái tính xấu của loài người một cách rất khám-phá mà cũng rất tàn-nhẫn ; tư-tưởng ông không có quan-hệ gì với cái phong-trào tôn-giáo về đời ấy. LA BRUYÈRE thời đem cái ngọn bút tiêm-xảo mà tả về các nhân-phẩm trong xã-hội một cách kỹ-càng tinh-tế, lại hàm có ý muốn tán-dương cho cái thuyết tính-linh của đạo Thiên-chúa, sách ông vừa có giá-trị về văn-chương, vừa có giá-trị về luân-lý.

Trong các nhà triết-học thuộc về học-phái DESCARTES, có thầy MALEBRANCHE (1638-1715) về giòng *Oratoriens* là người có văn-tài hơn cả. Ông có soạn sách « Phép nghiên-cứu chân-lý » (*Recherche de la vérité*), bình-giải về học-thuyết DESCARTES, có lẽ cũng chửa được đúng lắm, nhưng văn-chương thật hay.

NÓI VỀ CÁC NHÀ TIỂU-THUYẾT VỀ THẾ-KỶ THỨ 17 : H. D'URFÉ, LA CALPRENÈDE, CÔ SCUDÉRY, BÀ LA FAYETTE. — Người ta thường cho là lối tiểu-thuyết về thế-kỷ thứ 17 không được thịnh, thực thì ngay từ đầu thế-kỷ lối này đã chiếm một địa-vị to trong văn-học nước Pháp, và ảnh-hưởng cũng sâu-xa lắm. Bộ tiểu-thuyết đầu nhất là bộ *Astrée* của HONORÉ D'URFÉ (1568-1625), thuộc về lối điền-viên-tiểu-thuyết (*pastorale*), mà trong pha tạp cả chuyện lịch-sử, chuyện thần-tiên, chuyện ái-tình, kết-cấu bề-bộn mà tài-liệu phong-phú, các nhà thơ nhà kịch đời bấy giờ thường mượn tích để ngâm-vịnh cùng bày trò. Rồi đến những tiểu-thuyết dài dằng-dặc của LA CALPRENÈDE (1610-1663 ; *Cléopâtre*, *Cassandre*) và nữ-sĩ SCUDÉRY (1607-1701 : *Le Grand Cyrus*, *Clélie*, giả mượn truyện cũ Hi-lạp La-mã mà tả các nhân-vật trong thượng lưu xã-hội đương-thời, tình-tự rắc rối, văn-

chương cầu-kỳ, thật là hợp với cái thời-thượng bấy giờ. Rồi đến tiểu-thuyết của nữ sĩ La Fayette (1634-1693), truyện vắn mà văn hay (như bộ *Zaydé*, *La Princesse de Clèves*) ; bà này đã được Boileau khen là « người đàn bà ở Pháp làm văn hay hơn nhất » (*la femme de France qui écrivait le mieux*). Lời khen ấy cũng đáng, vì tiểu-thuyết của bà không có tập theo cái lối cầu-kỳ như các nhà trên kia, mà kết-cấu gọn-ghẽ, sáng-sủa, tả về tình-dục mà lời-lẽ thanh-tao, văn-chương bình-dị, có cái vẻ cổ-nhã, ngày nay đọc cũng còn hứng-thú. Lối văn như của bà mới thật là tiêu-biểu cho lối tản-văn cổ-điển về thế-kỷ thứ 17 vậy.

Nói về sử-ký. Các sách sử-ký và sách Từ-hàn. Mézeray, Saint-Simon. Bà Sévigné, v. v. — Văn sử-ký về thế-kỷ thứ 17 không được thịnh bằng các lối văn khác, và cái trí phê-bình (*esprit critique*) là tư cách cốt-yếu của nhà sử-học cũng thấy kém. Như Bossuet có sách « Sử-luận » nhưng chẳng qua mượn lịch-sử để làm cái đầu bài thảo-luận và tán-dương về tôn-giáo, không phải là sử-học chân-chính. Chuyên về sử-học, chỉ có bọn sử-quan (*historiographes*) ở Triều-đình, trứ-danh nhất là Mézeray (1610-1683), tính-cách khẳng-khái, nhưng mà văn-chương tầm thường, làm một bộ « Lịch-sử nước Pháp từ đời Faramond » (*Histoire de France depuis Faramond*).

Có cái trí phê-bình tinh-nhuệ, duy có nhà bác-học Bayle (1647 1706), thuộc về phái hoài-nghi, nhưng không làm văn-chương, chỉ chuyên khảo-cứu mà thôi. Nay đem cái trí phê-bình ấy mà ứng-dụng về sử-học, thời có Saint-Evremond (1613-1703), là một nhà văn tư-tưởng rất tự-do làm bộ sách « Suy xét về các cái tinh-thần của dân-tộc La-mã » (*Réflexions sur les divers génies du peuple romain*), nghị-luận bạo quá, phải tránh sang ở bên nước Anh mãi.

Sách lịch-sử đích-đáng thì thế-kỷ thứ 17 không có, những các sách « ký-ức » (*Mémoires*) để lưu về đời sau làm tài-liệu cho lịch-sử thì nhiều. Có nhiều tập « ký-ức » văn-chương thật hay, như tập của giáo-chủ Retz (1614-1679), của nữ-sĩ Motteville (1621-1689), của công tước Saint Simon, thật là những bức tranh truyền-thần về các công-việc và nhân-vật đương-thời Thứ nhất là tập « ký-ức » của công-tước Saint-Simon, nghị-luận đường-đột, văn-chương li-kỳ, khám-phá được nhiều điều u-ẩn về đời Louis thứ 14.

Ngoài các tập « ký-ức », lại có các tập « Từ-hàn » (*Correspondances*) là sưu-tập những bức thư-trát hay của các danh-nhân tài-nữ đời bấy giờ, cũng là bức ảnh truyền-thần, tấm gương phản chiếu về người và về việc đương-thời. Tập « Từ-hàn » (*Lettres*) của bà Sévigné (1629-1696), thật đã nổi tiếng một thời, mà còn lưu-truyền mãi mãi, coi là một áng văn-chương tự-nhiên mà nền-nếp, tiêu-biểu cho một cái xã-hội rất văn-minh. Phần nhiều các bức thư của bà là bà viết cho con gái ở xa, lời thư như câu nói chuyện thường, nói khắp các chuyện, chuyện nhỏ cho chí chuyện lớn, chuyện gia-đình cho chí chuyện xã-hội, bình-phẩm người nọ, thảo-luận lẽ kia, có khi bàn đến cả những vấn-đề rất cao-thâm về triết-học về tôn-giáo, mà giọng vẫn cứ bình-dị như thường, thế mới tài, thế mới khéo. Tập thư của bà tức là một quyển nhật-ký tuyệt-bút, vừa có giá-trị về văn chương vừa có giá-trị về lịch-sử, mà giá-trị văn-chương lại còn cao-quí hơn giá-trị lịch-sử vậy. Bà không định làm văn, mà văn-chương bà hay đến thế, đủ biết văn-chương cổ-lai vẫn quí tự-nhiên hơn cả. Đại-để về thế-kỷ thứ 17, ở nước Pháp, các bậc thượng-lưu, các bà khuê các đều có cái tài viết văn tự-nhiên cả, bà Sévigné là người lỗi-lạc hơn nhất vậy.

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP VỀ THẾ-KỶ THỨ 18.

Phong-trào triết-học và các nhà chủ-trương phong-trào ấy. Các văn-sĩ kiêm triết-học

TÍNH-CÁCH CHUNG CỦA THẾ-KỶ THỨ 18. — Về đường văn-học thì thế-kỷ thứ 18 không khác thế-kỷ thứ 17 mấy, mà về đường tư-tưởng, tôn-giáo với triết-học thì hai đàng cách-tuyệt nhau như trời vực vậy. Về thế-kỷ thứ 18, phong-trào tư tưởng quan-hệ hơn là hình-thức văn-chương, những sách vở trứ-danh nhất là những sách có ảnh-hưởng đến thời-thế, đến những cuộc tranh-luận, cuộc truyền-bá đương-thời. Người tiêu-biểu cho thế-kỷ thứ 18 là VOLTAIRE (1694 1778), tự mình vẫn sùng-mộ văn-hóa đời trước, mà lại đứng chủ-trương cái phong-trào tư-tưởng mới sẽ xô-đẩy mà khuynh-đảo cả nền gốc của cái văn-hóa ấy.

NÓI VỀ VOLTAIRE. — VOLTAIR có cái tài cai-quát, kiêm đủ các lối, nhưng có khuynh-hướng về triết-lý hơn là về mĩ-thuật, làm sánh vở rất nhiều, mà phần nhiều là dùng văn-chương không phải để công-kích hẳn đạo Thiên-chúa, nhưng để công-kích những cái thói ngoan-ngu, thói mê-tín thường giả danh đạo Thiên-chúa mà hại đời. Tuy-nhiên, ông không phải là có ác-cảm gì với đạo Thiên-chúa, nhiều sách hay của ông lại là sở-cảm ở nghĩa-lý thâm trầm của đạo Thiên-chúa mà làm ra.

VOLTAIRE chính tên là AROUET (tên VOLTAIRE là biệt-hiệu của ông), thuả nhỏ học ở trường các thầy giòng Tên (*Jésuites*), khi mới bắt đầu làm văn, đã có cái chí lớn thấy trong văn-nhương nước Pháp về thể anh-hùng-ca chưa sản được bài nào xuất-sắc, muốn tự-soạn một bài trường-thiên cho đích-đáng; bèn viết bài *La Henriade*, vịnh về đức nghiệp vua HENRI thứ 4, xuất-bản năm 1723. Sách ấy ngày nay xem thì có người cho là điệu thơ tẻ và lời văn nhạt, nhưng hồi bấy giờ được thiên hạ hoan-nghênh lắm, và kể cũng có nhiều đoạn hùng-hồn cao-thượng.

Thuả trẻ ông đã tập soạn kịch, có làm một bài tuồng đề là *Œdipe* (1717) thuộc về lối bi-kịch, cũng có thay đổi về cách kết-cấu ít nhiều, nhưng không xa lối cổ-kịch mấy. Đại-khái trong bài-kịch hạn chế bớt cái phần tả về tình dục, bài-trừ bớt những chuyện hoang-đường không thực đi. Những bài kịch của ông soạn trước sau cũng nhiều, như *Marianne* (1723), *Zaïre* (1732), *La Mort de César* (1735), *Alzire* (1736), *Mahomet* (1741), *Mérope* (1743), *Rome sauvée* (1749), *Sémiramis* (cùng năm ấy), *Oreste* (1750), v. v., vừa muốn hoán-khởi cái lòng cảm-động của công-chúng, vừa muốn khiến cho người ta suy nghĩ mà phán-đoán, vừa muốn bảo-tồn cái cổ-điển của đạo Thiên-chúa, lại vừa muốn khai nguồn cho cái tư-tưởng tự-do độc-lập. Có một điều cũng đáng lấy làm lạ, là VOLTAIRE là một người rất khôn-ngoan linh-lợi mà thật không có tài về lối hài-kịch.

Ông có làm ít nhiều thơ trường-thiên, nhưng không chuyên-trị về lối thơ tán thán; đến lối thơ thông thường du-hí, thì ông lại sở-trường lắm, (như những bài *Le Temple du Goût*, vừa thơ vừa văn; *les Vous et les Tu*, v. v.); lối thơ từ trát, (như bài *Epître à Horace*, *à Boileau*, v. v.), lối thơ nghị-luận triết-lý, như những bài « Nói phải với nói trái » (*Le Pour et le Contre*), « Vịnh các Học-thuyết » (*les Systèmes*), « Ca-vịnh về luật thiên-nhiên » (*Poème de la loi naturelle*), « Ca-vịnh về thiên-tai ở thành *Lisbonne* » (*Sur le Désastre de Lisbonne*), ông cũng có biệt-tài cả, lời thơ khi thì nghiêm-trang, khi thời diễm-lệ, có động đến tình-cảm, đến tưởng-tượng đến lý-tính người ta. Ông lại làm

nhiều bài thù - tạc, bài ngẫu - hứng. (như *Le Mondain*, *Le Pauvre diable*, v. v.), có ngụ-ý trào-phúng, chỉ-trích. Còn về lối thơ đại-trường - thiên, thì ông có làm một bài rất dài vịnh bà JEANNE D'ARC, đề là *La Pucelle*, xuất-bản năm 1755, mà sửa đi sửa lại nhiều lần, làm ra thể khôi hài giễu-cợt một cách rất tự-do phóng-túng.

Về tản-văn thì VOLTAIRE chính là một tay khai-sáng ra lối sử-ký, mở-mang cho cái phạm-vi rộng-rãi ra. Văn chép sử ông kiêm đủ lối, từ lối cá-nhân biệt sử, như sách « Truyện vua CHARLES thứ XII » (*Histoire de Charles XII*, 1731), thực đủ làm mẫu-mực cho lối ấy, cho đến lối lịch-sử triết-lý-luận, như sách « Tổng-luận về tinh - thần cùng phong-tục các dân các nước » (*Essai sur l'esprit et les mœurs des nations*, 1755-1758), cũng là nền văn kiệt-tác trước nhất về thể sử luận. Sách « Thời-đại vua LOUIS thứ 14 » (*Le Siècle de Louis XIV*, 1752), cũng là mở đường cho một lối chép sử mới : nhân chép truyện một ông vua mà nghiên-cứu cả về chế-độ, phong-tục, tư-tưởng, văn-học, mĩ-thuật một thời đại, tức là gồm cả « lịch-sử thần-trí người ta » (*l'histoire de l'esprit humain*). Trong bộ sách này, ông tỏ lòng tôn-sùng vua LOUIS thứ 14 khi quá.

Về triết-học thời vấn-đề gì cũng là cái đầu bài để cho ông thảo-luận hay là truyền-bá. Ông có sang qua nước Anh, biết được những học-thuyết về chính-trị tự-do của người Anh, vật-lý-học của NEWTON, thuần-lý-học của LOCKE, ông bèn làm sách để giảng-giải và truyền-bá những thuyết ấy ở nước Pháp. Ông lấy chính-lý, lấy nhân-đạo, lấy lẽ cách-vật trí-tri mà cực-lực công-kích những điều thiên-kiến, những thói mê-tín, những sự sai-lầm, những cách độc-đoán. Ông coi đó như một cái chức-trách của ông, cho nên bất-cứ trước-thuật về đường nào cũng muốn thi-hành cái chức-trách ấy, hoặc làm tiểu-thuyết, như những truyện *Zadig*, *Candide*, *l'Ingénue*, v. v., lời lẽ vừa tinh-xảo mà vừa phóng-túng ; hoặc bàn triết-lý, như sách « Tự-điển Triết-lý » (*Dictionnaire philosophique*, 1764), nghị-luận rất tự-do ; hoặc viết văn công-kích, trong một đời ông không có đoạn nào là không thường dùng đến lối văn-chương này, nên lối này nhiều lắm, mà trứ-danh nhất là bài « Thuật về cái án JEAN CALAS, và kiêm luận về lòng khoan dung về tôn-giáo » (*Traité sur la Tolérance à propos de la mort de Jean Calas*, 1763); hoặc thư-trát vãng-lai với khắp các bậc danh-nhân cự-khanh ở Âu-châu đời bấy giờ, nhưng thư ông sưu-tập lại rất nhiều và thật là những tài-liệu văn-chương rất quí. Ông lại cùng với ông DIDEROT chủ trương bộ « Bách-khoa Tự-điển » (*Encyclopédie*), có nhà phê-bình đã gọi là bộ súng thần-công đại-bác của phái triết-học thế-kỷ thứ 18 để đánh phá cái thành-quách tôn-giáo chính-trị đời bấy giờ. Khi trở về già, ông về ẩn ở cái trại *Ferney*, ngót nửa thế-kỷ một tay giữ quyền nhất-thống trong cõi trí-thức, thật là Thái-sơn Bắc-đẩu một thời.

NÓI VỀ JEAN JACQUES ROUSSEAU. — Tên ông ROUSSEAU (1712-1778) là liền với tên ông VOLTAIRE. Ông cũng mang cái chủ-nghĩa nhiệt thành muốn khai-phóng cho người đời, nhưng phương-pháp của ông có khác ông VOLTAIRE. Bốn mươi tuổi mới bắt đầu làm văn, viết hai bài luận thi Hội Hàn-lâm về ảnh hưởng văn học đối với phong-tục (1750) và về lẽ bất-bình-đẳng trong xã hội (1755). Sau soạn một bộ tiểu-thuyết ngôn tình đề là *La Nouvelle Héloïse* (1760), kể chuyện tình mà pha thêm cả nghị-luận, tình-tứ cảm-động, lời văn li-kỳ, mới xuất-bản liền nổi tiếng văn-hào. Sau kế đến một bộ tiểu-thuyết nữa về giáo-dục đề là *Emile* (1762), người đương-thời không chú-ý

về phần nghị-luận về giáo-dục mà lại cho sách này là tuyên-bố ra một cái đạo thiên-nhiên mới. Phần cốt-yếu trong sách là thiên-đề « Lời tuyên-ngôn của ông cố đạo đất *Savoie*» (*Profession de foi du Vicaire savoyard*), chủ ý muốn đề-xướng ra một cách tín-ngưỡng mới về Thiên-chúa, lấy lương-tâm của người ta làm cơ-sở, vẫn theo các giáo-lý trong kinh Phúc-âm nhưng không có mê-tín cái hình-thức cùng cái tử-văn ở ngoài mà muốn đắm-thắm với tinh-thần, với tình-cảm ở trong.

Cũng vào một hồi đó, ông xuất-bản sách «Xã ước»(*Contrat social*,cùng năm 1762), lấy tưởng-tượng mà kết-cấu ra một cái xã-hội lý-tưởng để làm mẫu cho xã-hội thực-tế, cho xã-hội thực-tế là hủ-bại quá, phải nhất-đán canh-tân đi hết cả. Cách nghị-luận của ông trọng tình hơn trọng lý, nên dễ cảm-động người ta, nhưng lý-thuyết thì kém, không có căn-cứ gì ở sự-thực, chỉ khiến cho người ta mơ-tưởng hão-huyền, cũng vì đó mà ảnh-hưởng rất sâu-xa. Nếu bỏ những phần văn-chương lãng-mạn đi, thì sách « Xã-ước» có thể coi là một cái chương-trình cải-cách xã-hội, do một nhà tư-tưởng cô-độc tự nghĩ mà đặt ra. Theo cái chương-trình ấy thì cái gì cũng qui về xã-hội hết, cá-nhân không có quyền tự-do gì nữa. Sau này khởi ra cuộc Đại-Cách-mệnh ở nước Pháp, sách ấy cũng có một phần to vậy.

Khi trở về già, ROUSSEAU buồn-bực vì nỗi người đời không hiểu mình, nhớ lại những công việc cùng nông-nỗi trong một đời, cứ thực biên chép cả ra, làm một bộ sách đề là « Sám-hối-lục » (*Confessions*), khi mất rồi mới xuất-bản (năm 1781 - 1790). Sách này văn-chương cực hay, chan-chứa một tấm lòng sùng-mộ thiên-nhiên, giọng thành thực, cảm người thật sâu-xa. Lối văn-tả mà có cái vẻ thiệt-thà, có cái giọng thâm-trầm, gây ra cái phong-trào lãng-mạn sau này, thật là phôi-thai từ đó.

NÓI VỀ MONTESQUIEU. — MONTESQUIEU (1687-1755) là một nhà tư-tưởng trầm-tiềm hơn. Tuy cũng có theo cái thói công-kích đời bây giờ, làm những bài văn trào-phúng như sách « Thư Ba-tư » (*Lettres persanes*, xuất-bản ở *Amsterdam* năm 1721), nhưng sau chuyên-tâm khảo-cứu soạn ra hai bộ sách rất có giá-trị, tư-tưởng sâu-sắc, lời văn nghiêm-trang, xét về nguyên-lý của các chế-độ trong xã-hội và cái lý-do duyên-cách phát-đạt thế nào. Bộ thứ-nhất đề là « Tổng-luận về nguyên-nhân thịnh-suy dân La-mã »(*Considérations sur les causes de la grandeur des Romains et de leur décadence*, 1734), sách này ông D'ALEMBERT đã phê-bình một câu cho là « một bộ sử La-mã để cống-hiến cho các nhà chính-trị và nhà triết-học » (*une histoire romaine à l'usage des hommes d'Etat et des philosophes*). Bộ thứ hai đề là « Tinh-lý của Pháp-luật » (*L'Esprit des lois*, 1748), không thuộc về lối sử-học mà chính là lối triết - lý về sử-học. Trong sách này ông lấy cái lẽ rằng các công việc của người ta cũng như các hiện-tượng trong vũ-trụ, mà đến cả sự hành vi của quỉ-thần, đều có phép tắc tự-nhiên cả, nghĩa là vốn có quan-hệ tất-nhiên với nhau, ông bèn tổng-quát cả các chế-độ về xã-hội, về chính-trị, về dân-sinh của các dân các nước đời xưa đời nay, mà thảo-luận về các duyên-cớ sở-dĩ làm sao mà các chế-độ ấy sinh-thành được, sống lâu được, hay phải đến-diệt vong. Nghị-luận cao-thâm, mà lời văn nghiêm-nghị; câu văn vắn-tắt như lời cách-ngôn, thuần là lý cả, mà thỉnh-thoảng có một câu văn-chương bóng-bẩy, như sáng sủa thêm ra.

NÓI VỀ BUFFON. — BUFFON (1707-1788), vốn là một nhà bác-vật-học trứ-danh, mà cũng được liệt vào hàng «tứ-kiệt » trong văn-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 18. Tư-tưởng ông cũng là thuộc về cái tư-trào chung về thế-kỷ

ấy. Ông làm một bộ sách vĩ-đại, đề là « Bác-học - vật » (*Histoire naturelle*, 1749-1788, 36 quyển), xét các cảnh-tượng cùng phép-tắc của vũ-trụ, chủ-ý không phải là chỉ để thỏa cái lòng ham biết tự-nhiên đâu, nhưng lại muốn thỏa cả cái trí tự-do tư-tưởng, là cái đặc-tính của thời-đại ấy ; cốt nhất lại là nhân quan-sát vạn-vật mà lấy tài-liệu để làm một lối văn-chương tả-mạc khéo. Văn - chương ông thì thật là nghiêm-trang tráng-lệ, xứng-đáng với cái cảnh-vật bao-la trong vũ-trụ. Ông có bài « Diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm » (*Discoures à l'Académie*) luận về văn-chương cũng hay lắm. Chính câu : « Văn tức là người » (*Le style c'est l'homme*) của ông là ở trong bài đó.

Nói về Diderot. — Ngoài bốn bậc « tứ-kiệt » trên kia, còn có một nhà văn nữa, cũng có tiếng lắm, có thể liệt bằng-đẳng được, là Diderot (1713-1784). Ông có phần to trong cái phong-trào tư-tưởng tự-do đời bấy giờ. Chính ông chủ-trương bộ « Bách-khoa Tự-điển » (*L'Encyclopédie*, 1751-1772), là cái trung-tâm-điểm của phong-trào ấy. Trong hai mươi năm một tay ông biên-tập bộ sách ấy, nhiều khi cũng nguy-hiểm. Ông có làm cả tiểu thuyết, văn-chương rất tự-do, tư-tưởng rất phóng-túng (như bộ *Le Neveu de Rameau*). Lại thường phê-bình về văn-học, về mĩ-thuật, như trong tập *Salons* (1765-1767). Sau hết lại có soạn kịch nữa, như những bài « Con ngoại tình » (*le Fils naturel*, 1757), « Người gia-trưởng » (*Le Père de famille*, 1758), chủ-ý dùng lối diễn-kịch để tả những cái tình-cảnh thông-thường ở đời, chứ không phải chỉ tả những sự-nghiệp đặc-biệt của các anh-hùng hào-kiệt đời xưa, tức là gây ra lối « trung-lưu-kịch » (*tragédie bourgeoise*), hay là lối « tân kịch » (*drame moderne*) đời nay.

Nói về mấy tay văn sĩ kiêm triết-học khác. — Trong cái phong-trào truyền-bá triết-lý và cải-cách xã-hội về thế-kỷ thứ 18, còn có mấy tay văn-sĩ kiêm triết-học như sau này nữa, tuy không hiển-hách bằng mấy bậc trên, nhưng cũng có tiếng cả :

Fontenelle (1657 - 1757), sống vừa được một trăm tuổi, có văn-tài, có bác học, kiêm đủ các lối thơ văn, diễn-kịch, nghị-luận, phê-bình, một mình gồm cả tính-cách hai thế-kỷ mà tựa-hồ như điều-hòa được cả, đối với thế-kỷ thứ 17 là đời bảo-thủ thì ra mặt duy tân, đối với thế-kỷ thứ 18 là đời duy tân thì lại ra mặt bảo-thủ, cũng là một nhân-vật lạ ;

D'Alembert (1717-1783), trong phái triết-học đời bấy giờ là một tay đại-biểu cho sự khoa-học tự-do ; chính ông làm bài Tổng-luận sách « Bách-khoa Tự-điển » của Diderot (*Discours préliminaire de l'Encyclopédie*) ; ông lại là một tay làm sử cho Hội Hàn-lâm nước Pháp;

Turgot (1727-1781), là quan tư-pháp kiêm triết-học, chính là một tay sáng-tạo ra khoa kinh-tế-học, tư-tưởng khoan-dung, làm người liêm-chính, có danh-vọng lớn, văn-giới, học-giới đời bấy giờ cũng được thơm lây ;

Condorcet (1743-1794), học trò ông Turgot, thường làm sách tán-dương Voltaire và chủ-trì cái thuyết nhân-loại có thể tiến-hóa vô-cùng, là một thuyết mới-mẻ đời bấy giờ ;

Condillac (1715-1780), nguyên làm giáo-sĩ, về triết-học chủ-trì cái thuyết « cảm-giác-luận » (*sensualisme*), cho tinh-thần người ta chẳng qua là ở sự cảm-giác và sự ký-ức mà thôi, thuyết này đã từng thịnh-hành lâu lắm ; ông lại có làm sách về văn-pháp và về giáo-dục ;

Helvétius (1715-1771) và d'Holbach (1723-1789), làm người thật cao thượng, nhưng về triết-lý thì lại chủ-trương cái duy-vật-luận (*matérialisme*) một cách quá-đáng, không khỏi có phương-hại về đường nhân-cách, về đường đạo-đức.

(Còn nữa)

Hồng-nhân *biên-dịch*

ĐIỀU-TRA VỀ TÌNH-TRẠNG HƯƠNG-THÔN

Việc bầu-cử lý-trưởng và các người chức-dịch, ngày xưa do những người khá-giả trong làng độ vài mươi người hoặc mười người, số ấy là số ít, cùng nhau kén chọn lấy một người mẫn-cán đứng-đắn, phần nhiều là ngoại ba-mươi tuổi trở ra, đã có lịch-duyệt, làm nổi việc quan và việc làng, đối với trong làng, người trên yêu người dưới sợ. Khi bầu-cử thì kẻ khá-giả cùng nhau làm đơn ký kết đem trình quan, quan dẫu có lòng thiên-tư không cho cũng không được, mà người khác trong làng cũng ít người ra tranh nhau, kẻ ra làm việc làng thường không tổn-hại gì mấy. Về phần kẻ khá-giả trong làng chỉ đứng về địa-vị giám-đốc, hoặc có việc khó thì ra tay bang-trợ. Nếu kẻ làm việc làng công-vụ không được thỏa-tế, hay hoặc tân-nhẫn khắc-bạc, nhiều người không bằng lòng, thì kẻ khá-giả thường gọi đến răn-bảo đe-nẹt, hay hoặc làm giấy kể những điều tội-lỗi đem trình quan, làm cho người ấy phải bãi chức mới nghe, rồi lại cùng nhau bầu-cử người khác. Sự bầu-cử chánh-phó-tổng, chánh-phó-lý, hương-trưởng, khán-thủ, trương-tuần, đều theo nền-nếp ấy cả. Lối ấy cũng có cái tệ, vì kẻ khá-giả với kẻ làm việc làng gián-hoặc có phong phù-đồng những-lạm, hay hoặc thiên-tư bầu-cử. Lối ấy ẩn-nhiên là quí-tộc-chính-thể, mà có ý chuyên-chế. Nhưng cũng có nhiều điều lợi. Vì là kẻ làm việc làng phần nhiều là kẻ đã đứng tuổi, xếp đặt khôn-ngoan, công-vụ mau-mắn, đối với việc quan, có ý cứng cỏ, quan-nha thường phải kiêng-nể, không dễ dành hay hoặc hà-hiếp được. Vả lại cũng đủ có thế-lực, trong làng những kẻ đàn em phải nể, những kẻ đầu-bò bất-lương phải sợ; những đứa du-thủ du-thực tuy chưa có thanh-tích gì, nhưng xét ra quả là đứa ác, thì hết sức trừng-trị, hoặc bày mưu bày mẹo mà làm cho tiệt nọc đi. Còn như những đứa đã có thanh tích bất-lương, thì thường bắt nó theo vào ban đi tuần, hay hoặc theo vào hàng nô-lệ, để phòng-kiềm nó; trong làng nếu có sự gì xảy ra, thì lại ký-kết đem quan giải-nạp, quan trên cũng thường lấy sự đó làm bằng, mà ra ý nghiêm-trị. Cho nên trong xã-hội trừ những phen có giặc cướp to không kể chi, còn thì phần nhiều vẫn được ninh-thiếp, mà trong làng kẻ trên người dưới, bao giờ cũng có trật-tự, người nào người ấy, yên phận làm ăn; tự nội-hương-ấp cho chí ngoại-đồng-điền sai đâu có chỗ thỉnh-cầu đấy. Ngày xưa có cái phong có sự bất-bình với nhau thì đem ra cáo làng, làng cũng đủ có thế-lực phán-đoán được phải trái, hoặc răn bảo cho hòa đi, trong khi phán-đoán răn bảo ấy, chửa tất đã toàn hợp lẽ công bằng. Nhưng thế nào mặc lòng, sẽ biết làng cũng có phương-diện. Làng đó là ai? chẳng qua mấy người khá-giả, với mấy người đương-chức trong làng, vì những người ấy phần nhiều là những người có vai-vế, có tai-mặt, ăn nên nói nổi ở trong làng cả. Hoặc cũng có khi kẻ đàn anh trong làng phải lớp hư-đốn, làm nhiều sự trái lẽ, thì kẻ đàn em số nhiều trong làng hợp với nhau thành một đoàn-thể, để đối-kháng với đàn anh, đem những sự đàn anh trái lẽ lên kêu quan, hay là sinh-xuất mọi sự lôi-thôi hoặc gớm-ghê, ký cho người đương-chức trong làng lớp ấy phải thay đổi đi mới thôi, đó là sự kiện-cáo to. Cho nên ngày xưa có cái kiện to, ít có cái kiện vặt.

Tự khi thay đổi ra dân-đinh thẻ đỏ bỏ vé công-cử, kẻ ra làm việc làng tranh nhau bỏ tiền ra lấy lòng số nhiều dân-đinh, thường-thường hết nghiệp; mà những kẻ ra làm việc làng chửa tất đã đắc-nhân, vì những kẻ dân-đinh chỉ tham đồng tiền, không kể đến người hay người dở, mà lại làm cái mối cho kẻ tham-quan ô-lại vẫn vèo thẻ nhiều thẻ ít, và tư-cách hơn tư-cách kém để lấy tiền, kẻ khá-giả trong làng tuy lịch-duyệt tri-thức có hơn người, nhưng đứng về cái địa-vị bình-đẳng với dân-đinh, dẫu biết phải trái mười-mười, cũng không sao ngăn-trở được, kẻ làm việc làng không kiêng nể gì kẻ khá-giả nữa; muốn sao muốn vậy, mà kẻ dân-đinh đối với kẻ làm việc làng chẳng qua lấy tiền bỏ vé xong thì thôi, vỗ đít đứng dậy, hay dở mặc hay, bằng dường không quan-hệ gì cả. Kẻ làm việc làng khi ấy, tư-cách đã kém-cỏi, lại không có người giám-đốc, chẳng qua làm kẻ nô-lệ ở của huyện cửa phủ thừa-hành việc quan mà thôi, đến như việc làng không hung-khởi được việc gì có ích cả, được người lý-trưởng nhù-nhờ thật-thà thì còn khá, nếu người lý-trưởng tham-ô quỉ-quyệt, thì trong làng sẽ khó ăn khó ở, làng thì cá mè một lứa, không ai bảo được ai, cái trật-tự trong làng đã phá-hoại đi tự hồi ấy.

Kịp đến khi có cái phong-trào cải-lương, họ nào họ ấy đều có tộc-biểu, nào nghị trưởng, nào thư-ký, nào thủ-quĩ, nào trưởng-bạ để chia quyền lý-trưởng, mới nói thì tưởng là văn-minh. Nhưng cái văn-minh ấy thuộc về lý-tưởng, chứ khó mà thực-hành lắm, xem ra lại phần nhiều tệ hơn xưa. Càng cải-lương lại càng nát, câu ấy đã thành ra câu sáo-ngữ ở cửa miệng người đời. Khốn-nạn nhất là một sự những kẻ khá-giả trong làng ít người chịu ra nhận các hương-chức về việc cải-lương. Nếu biết rằng những kẻ khá giả trong làng, cũng có nhiều nhân-phẩm, nào ông hưu-quan, nào ông cử ông tú, nào ông nhà giàu thủ-quê, nào ông học-vấn nhất nhị trường, nào ông cai-tổng cựu, nào ông bá-hộ già, vân-vân, những các ông ấy chỉ đứng về cái địa-vị ở nhà mà giám-đốc việc làng thì được, không thể lóc-cóc đi ra theo đuổi việc quan với việc làng như người khác được, gia-chi-dĩ các địa-phương-quan đối với các người hương-chức, cũng không kính-trọng biệt-đãi gì cho lắm, sự đó cũng có cái cớ tất-nhiên. Vì nhân-phẩm kẻ hương-chức các làng sai-thù nhau xa lắm, làng thì hương-chức là ông nọ ông kia, làng thì hương-chức là tên lẻo tên cột, kịp ra đến cửa huyện cửa phủ thì đại-loạt là tụi hương-chức cả đấy thôi. Địa-phương-quan nghĩa-vụ đối với dân, không lẽ trọng người nọ mà không trọng người kia, mà trọng cả thì chửa có thể trọng cả được. Nay cầu lấy các ông khá giả lóc-cóc ra theo đuổi việc quan việc làng, thì thật là khó lắm. Những các ông khá-giả ấy, người có tiền của thì có tính bảo-thủ, người có phẩm-tước thì có tính tôn-nghiêm, người có đức-hạnh học-vấn thì có tính cao-thượng, tính ấy cũng là cái đặc-tính của các ông ấy, mà cũng là cái đặc-tính của loài người ta; trừ những bậc thánh-hiền ra không kể, còn thì cũng không vội trách các ông ấy được.

Trong làng giản-hoặc cũng có một hạng người tuy chửa danh-giá gì, nhưng cũng là kẻ lịch-duyệt thông-thạo. Duy làm việc làng thì chỉ có nghĩa-vụ không có lương-bổng, dù có lương-bổng cũng chẳng có bao nhiêu, nói gần nói xa chẳng qua nói thật, không ai cơm nhà mà làm việc làng. Nếu ra mà ăuôm khua-khoét, thì trái mất lương-tâm. Nếu thuần-hồ nghĩa-vụ, thì thiệt-hại mất thì-giờ chức-nghiệp. Cho nên

những hạng người ấy cũng ít người ra làm việc làng.

Thành ra những người ra nhận chức về việc cải-lương, tuy cũng có người khá, nhưng phần người khá thì ít lắm. Còn thì phần nhiều là những hạng người ít tuổi, ra tranh nhau cái chánh-phó lý-trưởng, hết kẻ nghìn cũng không quản ; đối với kẻ trên người dưới trong làng thì chửa biết đường ăn ở, đối với nghĩa-vụ việc làng chửa quen lối xếp đặt, đối với công pháp, công-lý việc quan thì nhút-nhát hớ-hênh, đối với bản-thân thì hoặc cờ-bạc xa-sỉ phá-gia. Hay hoặc tranh nhau ra làm một vài năm hương-chức mới, để chiếm lấy chiếu ăn chiếu ngồi ở trong làng, cũng như kiểu mua nhiêu mua xã đấy thôi, chứ kỳ-thực cũng không biết sự cải-lương là cái gì.

Và những hạng người tai-quái gian-hiểm, dụng-tâm khua-khoét, thừa cái phong-trào cải-lương, ra nhận hương-chức ; đối với trong ban tộc-biểu, thường về bè với kẻ tham-lam tinh-quái, để nói rối những kẻ ngu-dốt thật-thà ; đối với quan-nha thì làm kẻ rõ lệ, hay hoặc bày việc kiếm lợi ; việc làng với tiền công của làng, phần nhiều ở trong tay những người ấy ; khi vỡ-lở ra, thường sinh ra lắm nỗi rắc rối lôi-thôi, tích nọ nhằng ra tích kia, người này đổ du cho người khác, quan trên không biết đâu mà xét, thậm-chí phải bãi cả hội-đồng ấy đi, mà bầu ban hội đồng khác thì mới đoạn việc ; nhưng khác lọ cũng là một nước, ban hội-đồng sau chưa tất đã hơn gì ban hội-đồng trước, dân-sự còn nát mãi đến bao giờ.

Và những hạng người tộc-biểu ra cho đủ đầu đủ số, chữ không biết, kiến-thức gì không có, nói hươu hay hươu, nói vượn hay vượn, chờ khi lập biên-bản, hễ người ta ký trước, thì mình ký sau, không biết ký thì giơ tay cặp-chỉ ; rút lại chỉ để cho kẻ gian tham quái-quyệt họ lợi-dụng mà thôi.

Lại có một hạng người thấy sự cải-lương, có bụng nhiệt-thành, kỳ-thủy cũng hăng-hái thẳng tay, không kiêng-nể gì ai, mong cho việc làng được ông-chuốt. Lạ gì nảy dây mực thẳng, thì mất lòng cây gỗ cong ; bè thẳng chỉ có một mình, bè cong thì nhiều người, thành ra mình là kẻ chúng-ố, làm không ai theo, nói không ai nghe, thành ra mình là người thừa, rồi sinh ra bụng chán-nản, người thì cố từ-chức, người thì mong cho chóng hết lượt, lạy ông xin về mà thôi.

Dở-dang nhất là những người ra làm chánh-phó-tổng hoặc chánh-phó-lý; ít tuổi chửa lịch duyệt kiến-thức gì mấy, chỉ cậy là con nhà giàu, với biết đôi ba chữ quốc-ngữ, mà quốc-ngữ thì đã có gì, việc quan chửa sành, việc lợi hại trong làng chửa biết, đối với người làng thì kẻ trên ít biết vì-nể, kẻ dưới ít biết qui yêu ; đối với quan-nha thường khinh rẻ, dễ dọa-nạt dễ dỗ-dành. Ngày xưa thường có ông chánh-tổng ông lý-trưởng, quan-nha phải trọng phải nể, vì người ta cũng xứng-đáng là kẻ dân-hào, ngày nay thì ít có. Sự đó cũng có cớ, vì ngày nay bầu-cử, kén lấy người có tư-bản và biết quốc-ngữ, người có tư-bản thì không biết quốc-ngữ, người biết quốc-ngữ thì không có tư-bản, người có tư-bản kiêm thông quốc-ngữ, thì được mấy người, sự ấy đã khó rồi. Mà những người đã có lịch-duyệt, không thạo việc làng việc quan, phần nhiều kém bề tư-bản quốc-ngữ-lại thuộc về phần nhiều tuổi ; ừ thì quốc ngữ có thể học mà biết được, chứ tư bản thì học mà bằng người được sao, cho nên những người có tài-năng làm nổi việc quan việc làng, mà nhiều tuổi đứng-đắn, phần nhiều đứng về cái địa-vị ngõ ngoài cả. Rút lại chỉ

những con nhà giàu, bình-nhật nhờ cha nhờ mẹ, vẫn ăn dưng ở nề, hãy còn ít tuổi, định ra ứng-cử, mới đi học quốc-ngữ, hay hoặc mượn thày mượn thợ cho chôi lúc bầu-cử mà thôi, rồi quốc-ngữ lại xếp xó, hay là vọc-vạch ít nhiều ; hễ có đơn-từ hoặc sổ-sách gì, thì lại thường nhờ các thầy nha-lại trên cửa phủ làm hộ cho, về làng thì đã là ông nọ ông kia hoặc chơi-bời phóng-túng, người ấy mới dễ phá-gia.

Người ấy đối với việc làng, từ việc công-ích cho đến việc phân-giải việc phòng-bị, ít làm nổi được việc gì. Vì người làng đối với người ấy, tự kẻ trên cho đến người dưới ai cũng sẵn lòng coi nhờn, người ấy nói ít người nghe, mà cũng ít người muốn đem sự gì nhờ đến người ấy. Người đầu-mục tư-cách đã kém, trong làng mới sinh ra nát bét nhiều tệ-đoan. Tuy có bọn tộc-biểu giúp việc, nhưng tư-cách các người tộc-biểu đã kể ra như trên, nào có phần nào là toàn đúng với nghĩa-vụ cải-lương. Cuộc cải lương thì bọn tộc-biểu được chuyên-trách được đặc-quyền, không có người giám-đốc, phủ-đồng với nhau, làm thế nào nên thế, cái phong tệ-lạm lại quá ngày xưa. Ngày xưa dân anh tệ-lạm mà vỡ lở ra thì dân em còn dễ có thể đi kêu quan mà trị tội được, vì ngày xưa không có bút mực làm bằng, quan trên chỉ lấy cái lẽ hà-hiếp con em, sự thuộc dịch-tình mà trị tội mà thôi. Cuộc cải lương thì đã có biên-bản làm bằng, cái biên-bản ấy đã khỏi quanh-co nhẳng-nhụa đủ làm bằng-cứ hay chưa ? huống-chi lại còn nhiều khoản ẩn-vi ở ngoài biên-bản nữa, thậm chí sổ-sách cũng ít được sóng-sõi phân-minh. La gì người không biết làm, việc không ông-chuốt, lại có thói tinh-ma hỗn-hợp ở trong, nay xảy ra sự này, mai xảy ra sự khác, kiện-cáo chẳng ra kiện-cáo, phần nhiều là cái kiện vặt, làm rác cửa quan, nay bãi lớp hội-đồng này, mai bầu lớp hội-đồng khác, được ông quan thẳng-thắn có lòng vị dân còn khá, nếu phải ông quan ái-tài, thì lợi-dụng ngay một sự cải-lương cũng đủ nặng túi.

Việc tuần-phòng, ngày xưa cũng không có lệ nhất-định, cũng có làng chia cắt nhau đi tuần lượt, cũng có làng do đồ-đệ của một hai người đương-chức ra đi tuần ; chỗ hàng tổng thì phó-tổng là kẻ đốc-suất, chỗ xã-thôn thì phó-lý hương-trưởng là kẻ đốc-suất. Nhưng phần nhiều là do làng ủy-quyền cho người chánh-phó lý-trưởng kén chọn người làng hoặc gia-nhân hay hoặc kẻ đầy tớ trú-ngụ ra đi tuần, gọi là tuần mộ, tự nội hương-ấp cho chí ngoại đồng-điền làng cũng không kể người đi tuần là ai, hễ xảy ra đâu thì cứ người đầu-mục là lý-trưởng phải chịu trách-nhiệm. Bổng-lộc của làng có những khoản gì để đãi về việc tuần-phòng, thì làng cũng nhất-thiết giao cho chánh-phó lý-trưởng cả, chánh-phó lý-trưởng với người đi tuần khi ấy thành ra sư-đệ chi-binh, việc tuần-phòng thường mạnh-mẽ mau-mắn, hễ có giặc cướp to, thì cũng có khi hiệp-đồng với hàng tổng cùng nhau lập ra đoàn-ước, để cùng nhau giữ-gìn, công việc đều do chánh-phó tổng chánh-phó lý đảm-đang cả. Vì những người chánh-phó-tổng chánh-phó-lý khi ấy, phần nhiều là người khôn khéo đứng-mực, có lịch-duyệt có bề-thế, ra phết người đàn anh. Mà bình-nhật cũng đủ có thế-lực xét-nét kẻ đàn em, cái phong cờ-bạc, cái phong say rượu tức khi đánh nhau đầu-đả, với cái phong trộm-cướp, những cái phong ấy không muốn để cho dưỡng-thành lên mà có ý hết sức bài-trừ. Dân-cư trong hàng tổng hàng xã hoặc xảy ra có sự gì nhỏ-nhặt bất-bình với nhau, thì người dân chỉ cầm năm ba quả cau, hay hoặc nói miệng, chạy lên thưa ông chánh-phó-tổng hay hoặc ông lý, thì kẻ làm trái đã xanh mắt lên. Trong

dân-gian kẻ lương-thiện phần nhiều được yên phận làm ăn, kẻ trên người dưới thật là có trật-tự. Duy cũng có cái tệ, các ông ấy là phương-diện đàn anh, bổng-lộc của làng các ông ấy thường chiếm phần nhiều, vị-thứ trong làng các ông ấy thường ngồi chiếu trên, khi hương-ẩm các ông ấy thường cỗ to, lại có phần kính-biếu nữa. Những khi chi-phí về việc hương-công, như tu-tạo đình chùa đắp đường xây cống, hoặc về việc sự-thần mở hội mở đám, các ông ấy thường được quyền thu quyền phát. Hồi nào gặp phải người đương-chức là kẻ tham-lam, không khỏi có điều những-lạm, hiếp-chế dân em. Nhưng mà hồi nào gặp được người đương-chức là kẻ sưng-sõi được việc, có bụng rộng-rãi, có chí hào-hiệp, trên quan-nha không ăn-hiếp nổi, dưới trộm-cướp phải lánh mình xa, cư-dân an-phận lạc-nghiệp, thì xã-hội không hạnh-phúc nào bằng. Xã-hội đã có câu ngạn-ngữ rằng: **áo cứ tràng làng cứ xã, nghĩa là làng cốt ở người đầu-mục xứng-đáng là hơn.** Thậm chí đã có nhiều người nhớ đến cái phong-thể ngày xưa, mà nói ra rằng bổng-lộc của làng là bổng-lộc chung, thà rằng để cho số ít người hưởng mà được việc còn hơn tan ra để cho số nhiều người hưởng mà nát bét không được việc gì. Thế thì cái chính-thể thiểu-số chuyên-chế chửa tất đã toàn là dở, cái chính-thể đa-số bình-đẳng chửa tất đã toàn là hay.

Kịp khi có cuộc cải lương, thì bọn hội-đồng tộc biểu ra cầm quyền, việc tuần-phòng đặt ra có ban tuần. Kỳ-thủy cũng có nhiều làng theo lối mới, cắt-cử người làng phải đi tuần lượt. Nhưng cái lối người làng đi tuần lượt, có lắm điều không tiện, nhiều làng lại phải châm-chước đi. Vì kẻ đi tuần cũng có một cái tư-cách riêng, không thể ai ai cũng làm được, cái lối tuần mộ có lẽ là tiện hơn. Nhưng lại phải một nỗi tự khi cải-lương về sau, tư-cách người đầu-mục giám-đốc ban tuần, ít người đủ có tài-năng có thế-lực khôn-khéo cứng-cáp như ngày xưa. Phần nhiều là thói cụ-văn, nào chức quản-tuần, nào sở tuần-kiểm, bề ngoài tựa-hồ tráng-quan, bề trong chửa tất đã có thực-hành được sự gì cấm-chấp gian-ác, thấy trộm nhỏ thì phần nhiều giả cách làm thinh, thấy cướp to thì phần nhiều ôm đầu chạy trước. Tệ nhất là cái phong ẩn-nặc sự cướp to đi, mà khai trình là sự trộm nhỏ; vùi rập cho qua-quýt đi, khiến cho kẻ lương-thiện bị thiệt-hại riêng, kẻ gian-phi vẫn xuất-nhập như thường, không bị một phen trừng-trị. Vì kẻ đương-chức trong làng ít có người cứng-cáp thẳng tay, sợ phải đền bồi, trốn-tránh tội-lỗi, mà ông địa-phương-quan phần nhiều cũng **không muốn trong hạt mình có sự xấu xảy ra. Có biết đâu cái phong ấy là cái phong nuôi cho kẻ giau-phi lớn lên, cấy cho giống gian-phi nhiều ra, dân-tình mới khốn-nạn.**

Lại khoản chi-phí lương tuần, từ xưa đến nay làng nào cũng phải lấy cái sương-túc làm đối-khoản, khoản ấy là khoản bổng lợi to. Ngày xưa thì nhất-thiết giao cho chánh-phó-lý hương-trưởng, sắp đặt với nhau chia ra từng cánh đồng mà giữ; đến tháng năm tháng mười thì lấy lúa lấy rạ, mỗi sào là một lượm một bó, mất-mát đâu thì trừ lúa trừ rạ đấy. Lối ấy cũng có cái tệ, vì cũng có lượm to lượm nhỏ, bó lớn bó bé, vân vân. Nhưng cũng có cái tiện, vì miếng ăn đến nơi, chánh-phó lý hương-trưởng với tuần, tháng năm tháng mười săn-sóc ở ngoài đồng, phía nào phía ấy đều lập chòi ra ở giữa cánh đồng, ngày đêm coi giữ tuần-phòng, kẻ gian-phi cho đến kẻ rông-rài đứt một không dám những-nhiễu. Các điền-chủ cứ nằm nhà ngủ yên, sáng sớm lên chòi trình qua với tuần, tuần đến khám lúa, được nguyên-vẹn thì

điền-chủ cứ gặt lúa đem về, nếu thất-thác ít thì trừ ngay sương-túc hôm ấy, nếu thất-thác nhiều thì trừ sương-túc cả mùa. Đến khi cải-lương, thì nhiều làng tiền sương-túc khấu ngay tự lúc nộp thuế, mỗi sào chỉ độ năm sáu xu, để chi-phát cho tuần, tựa-hồ cũng có tiện đấy thật. Nhưng sự chi-phát có mấy làng được ông-chuốt đâu, hoặc tộc-biểu với lý-dịch chia tay nhau dùng cách u-âm tiêu-lạm đi, chỉ năm ba người tuần ốm-đói, gọi là có tiếng tù-và cho đủ lệ, còn mong đánh-chác gì được trộm cướp. Gia-dĩ người tuần tháng năm tháng mười đối với thóc lúa ở ngoài đồng, không hi-vọng gì, ra ý hững-hờ, tuy có đi tuần, nhưng cũng chiếu-lệ mà thôi. Lý-trưởng là người đầu-mục trong làng, cậy rằng đã có tuần chuyên-trách, cũng không ra chi đến đồng. Kẻ gian - phi kẻ dứt - mót thường làm những-nhiễu vặt, có thất-thác, không có lúa hiện-tại mà trừ, mỗi chốc mà trừ vào lương tuần, dù có trừ chăng nữa, thì tiền sương-túc đã nộp rồi ấy, hồ-dễ tính-toán mà lấy về được chăng; chỗ thất-thác to thì còn có thể trừ được, chứ thất-thác vặt thì biết thế nào mà trừ. Phải biết rằng sự thất-thác vặt ở ngoài đồng ấy, rất hại cho người điền-chủ. Người tuần khi tháng năm tháng mười lại lấy nê tuần-phòng, nghèo-ngặt chửa có thóc ăn, ra xin lúa của người điền-chủ, không cho thì mang tiếng bần - thỉu, vậy kẻ nhiều người ít ai cũng phải cho, rút lại chỉ thiệt cho người điền-chủ thôi. Cái phong tuần ăn trộm lúa ăn trộm ra, giản-hoặc lại có xảy ra, vì người chánh - phó-lý là kẻ đầu mục trong làng, tháng năm tháng mười đã không biết đấy là đâu, chẳng qua giao cho ban tuần nhận trách-nhiệm, những người tuần phần nhiều là người hạ-lưu, đói đạ kiếm-chi-dĩ đói mắt, cái phong ấy khó mà giữ được cho khỏi xảy ra. Thậm-chí các bạn điền-chủ không tin-cậy gì được ở tuần, lại phải rủ nhau đêm hôm đi tuần lấy, để giữ-gìn lấy nắm thóc, thì ra khó-nhọc quanh năm, tiền sương-túc đã phải nộp để nuôi tuần, mà cũng chẳng biết là để nuôi tuần hay để nuôi ai, đến ngày có thóc, lại không trông cậy được ở tuần, thế mới chán nỗi chứ. Cái phép sương-túc nộp bằng lúa hay nộp bằng tiền, đều có lợi có tệ cả, phép cũ chưa tất đã toàn là dở, phép mới chửa tất đã toàn là hay, hay dở chỉ ở người châm-chước khéo vụng đấy thôi. Nước ta là một nước nông-quốc, nông-dân có quan-hệ với xã-hội phần nhiều, sự tuần-phòng tháng năm tháng mười là sự lớn, không phải sự nhỏ đâu.

Lại cái phong trộm-cướp. Phàm dân-sự làm ăn, đối với tính-mệnh tài-sản, cốt nhất là sự ninh-thiếp. Ngày xưa phong du-thủ du-thực khó sinh ra được với kẻ đàn anh, thói gian-ác bất-lương khó mọc ra được với kẻ hào-kiệt, vì kẻ đàn em xem kẻ đàn-anh như thầy, kẻ bất-lương sợ kẻ hào-kiệt như cọp. Tự khi có cái phong-trào cải-lương, những người lịch-duyệt đứng-đắn, hay hoặc nhiều tuổi, phần nhiều là hạng người xếp-xó, không làm việc làng, những người ra làm việc làng, phần nhiều là những người kém-cỏi hay hoặc ít tuổi, kẻ đàn em họ không trọng, kẻ bất-lương nó không sợ, bình-nhật cũng chẳng răn-bảo gì được kẻ đàn em, mà lại hoặc thường tiong-dả cờ-bạc làm đầu-têu cho những thói chơi-bời, cái phong du-thủ du-thực trong làng, mới một ngày một sinh nhiều ra. Ngày xưa người lý-dịch đủ có tư-cách có thế-lực trừng-trị kẻ bất-lương, đứa nào làm ác, thì đem quan giải-nạp, để cho yên dân Nếu phải ông quan có tình thiên tư lại phóng nó về, thì sai đầy-tớ đi rình, hễ thấy nó vô-cố đi đêm, thì cứ đánh cho què cũng là một

cái thủ-đoạn của các ông ấy. Ngày nay thì không những đứa bất-lương ít có sợ người lý-dịch, mà người lý-dịch hoặc lại có phần sợ đứa bất-lương, vì chúng nó là kẻ liều-lĩnh, mà cậu thì ít có tư-cách làm kẻ đàn anh. Dân-tình phần nhiều ngao-ngán, thậm-chí có nhiều kẻ nhàn-đàm, nói đến cụ chánh nọ, cụ bá kia ngày xưa, oanh-liệt bao nhiêu, sông-sối bao nhiêu, làng nước được nhờ bao nhiêu, ước gì các cụ lại sinh ra đời bây giờ thì hay, nhưng mà đời bây giờ không phải là đời các cụ thường sinh ra nữa. Người lý-dịch ngày nay, giàu hoặc cũng có người kha-khá, thống-tâm về sự đó, trong làng hoặc xảy ra có trộm-cướp thì hết sức trinh-thám rình-mò, đem tên những đứa du-thủ du-thực có tiếng là làm ác lên trình địa-phương-quan. Song sự trộm-cướp lại thuộc về tòa-án xét-xử, quan tòa-án thì cứ chiều lệ thường, nó chửa có tang-tích gì quá lắm, thì lại phóng nó về. Khi nó về, nó thường đắc-sách, nó khinh-miệt những người lý-dịch, lý-dịch mới càng sinh chán, lương-dân mới càng thất-vọng. Ngày xưa chửa có quan tòa án riêng, việc xét-xử án trộm-cướp, còn thuộc về quan cai-trị; quan cai-trị có cái trách-nhiệm trị-an, am-hiểu cái ẩn-tình của dân-gian, đối với việc trộm-cướp, thường đặc-biệt lưu-ý; đứa có tang-tích đã đành, đứa tuy chửa có tang-tích mà đã trứ-danh bất-lương, thì cũng không cho nó được lỏng-lẻo; dân-sự thường được nhờ về phần nhiều. Ngày nay cũng có nhiều người ước-nguyện rằng phẩm án trộm-cướp, nếu để cho quan cai-trị đặc-quyền xét-xử như ngày xưa, thì lý-dịch mới có đường thi-thố, kẻ bất-lương mới có cơ bớt chửa, người lương-thiện mới có thể yên-cư lạc-nghiệp được.

Sự phong-hóa trong hương-thôn, cũng có màu biến-đổi khác xưa, ít có nhà toàn giữ được nền-nếp cũ. Sự học trong hương-thôn thì nhiều làng tịch-mịch buồn tênh. Song hai cái vấn-đề ấy, một cái là vấn-đề đông tây luân-lý, một cái là vấn-đề tân-cựu học-phương, hai cái vấn-đề ấy là hai cái vấn-đề to-tát phiền-phức. Muốn bàn ra cái phương-pháp để tàm-tạm giải-quyết, thì còn phải tốn nhiều thì-giờ, phí nhiều bút giấy, chứ ở đây chưa có thể kể ra cho xiết được. Còn sự ăn uống trong hương-thôn, thì tự khi cải-lương đến giờ, đã kinh-qua một hồi phá-hoại, cũng không còn bó buộc gì mấy. Nên biết rằng trong họ-hàng làng-mạc, cái tình vui-vẻ liên-lạc với nhau, không thể ngăn-chỉ được sự ăn-uống, miễn là đừng có xa-xỉ quá, hay hoặc bó-buộc nhau lắm thì thôi.

Trong dân-gian cũng không phải là không biết sự cải-lương là hay; duy biết cho rõ-ràng, mà khôn-khéo châm-chước, thì cũng ít có mấy người. Lại còn một phần hiếu-danh nữa, đại-để là những người làm việc làng chiều ý quan trên, để lấy tiếng khen với quan trên, hay hoặc những người hơi có thế-lực ở trong làng vui-vẻ về sự mới, để lấy tiếng khen với làng khác. Khi bày đặt về sự cải-lương, nào sở hội-đồng, nào sở tuần-kiểm, nào trường học, nào đường cái, nghênh-tiếp quan trên, cũng có làng có cả ấu-trĩ-viên nữa; bề ngoài thì coi cũng sạch-sẽ sáng-sủa, mà bề trong thì cũng chửa có gì. Song phần hiếu-danh ấy cũng không hại gì cho mấy, chẳng qua mới có hình-thức mà chửa có tinh-thần đấy thôi.

Nói ra cho quả-đáng, cuộc cải-lương này, cũng có những làng sắp-đặt được khôn-khéo, thi-hành được ông-chuốt, thực-hành được mọi sự cải-lương, phàm sự trong làng đều có tấn-tới, mà xem ra cũng có thành-hiệu, bề ngoài có hình-thức, mà bề trong cũng có tinh-thần ít nhiều. Nhưng xem ra, không phải là làng ấy số nhiều người

sai ai cũng biết nghĩa-vụ cải-lương. Chẳng qua có một hai người số ít, hoặc ông hưu-quan ông khoa-mục kiến-thức, hoặc người hào-trưởng người phú-gia đứng-đắn, bình-nhật có danh-vọng có thế-lực. Hay hoặc người tri-sĩ tuy không có danh-vọng thế-lực, nhưng sẵn bụng nhiệt-thành, giao-thiệp với quan trên, quan trên cũng tin-trọng là người đứng-mực, cũng có thể hiển ra được danh-giá, tạo ra được thế-lực. Những các ông khả-giả ấy, khi xếp-đặt việc làng về sự cải-lương, cũng có điều lấy tình ra mà dùng cách thỏa-thuận, cũng có điều lấy thế-lực ra mà dùng cách cưỡng-bách. Các ông ấy chỉ tin ở cái lương-tâm của mình, không quản gì kẻ yêu người ghét, rồi lâu-lâu cái sự chính-đáng với cái bụng công-bằng của các ông ấy bày tỏ ra, cũng đủ khiến cho người làng tin cậy, cho nên sự cải-lương dễ có thành-hiệu. Cũng có ông ra nhận hương-chức, hoặc làm nghị-trưởng, hoặc làm thủ-quĩ, hoặc làm lý-trưởng, cũng có ông chỉ ở nhà, kỳ-thủy sắp-đặt ban hội-đồng, kỳ-kế giám-đốc bọn hương-chức. Kẻ biết rõ sự-tình, cũng dám nói rằng cái hội-đồng cải-lương ở làng ấy làng nọ, là cái hội-đồng cải-lương của ông ấy ông nọ, chứ không phải là cái hội-đồng cải-lương của làng ấy làng nọ. Sự ấy cũng có cái nguyên-nhân sâu xa, người lưu-ý về việc cải-lương cũng nên xét. Vì dân-tộc ta vốn là một dân-tộc sẵn có trật-tự, quốc-dân phong-phú về chủ-nghĩa phục-tòng, phục-tòng kẻ khá, không phục-tòng kẻ hư ; phục-tòng sự hay, không phục-tòng sự dở, cũng là cái đặc-tính của quốc-dân ta. Trong các làng, những các ông khả-giả ấy, phần nhiều ngoại bốn năm mươi tuổi trở ra, cũng có ông sáu bảy mươi tuổi. Trừ những ông đã liệt vào hàng hủ-bại, đứng về phe tham-lam, thuộc về số đào-thải ra không kể, còn thì cũng có nhiều ông đứng-đắn, ra cách kẻ đàn-anh, đối với trong chốn hương-thôn, còn có ảnh-hưởng nhiều lắm. Duy đối với cuộc cải-lương, các ông ấy không có đặc-quyền, thì các ông ấy cũng không làm gì được. Mà đối với nghĩa-vụ cải-lương, các ông ấy không phải là tư-cách cứng-cáp, tư-cách công-bằng, thì các ông ấy cũng không làm gì được. Chỉ có những làng nào kẻ trên người dưới có trật-tự vẫn giữ được nền nếp cũ, mà các ông ấy lại sẵn có thế-lực, có bụng nhiệt-thành, thì sự cải-lương thật là dễ quá, không khó-khăn nỗi gì. Người mới sẽ làm được việc mới, câu ấy thật là lầm. Kẻ thức-giả cũng nên cải-chính lại rằng người cũ sẽ làm được việc mới. Cái tinh-thần trong chốn hương-thôn, cốt ở đàn-anh ra đàn-anh, đàn em ra đàn em đó mà thôi ; cái tinh-thần ấy là cái tinh-thần cũ, mà lời nói ấy cũng là lời nói giản-ước mà có vị. Sự cải-lương thành-hiệu hay không thành-hiệu thế nào, tưởng cũng nên xét ra cho kỹ cái tình-trạng chốn hương-thôn, mà tùy-nghi châm-chước vậy.

N. Đ.-P.

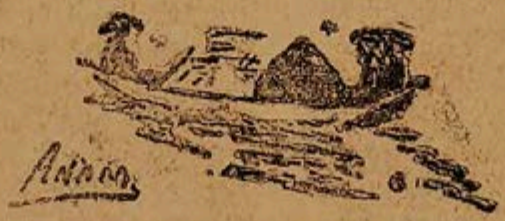

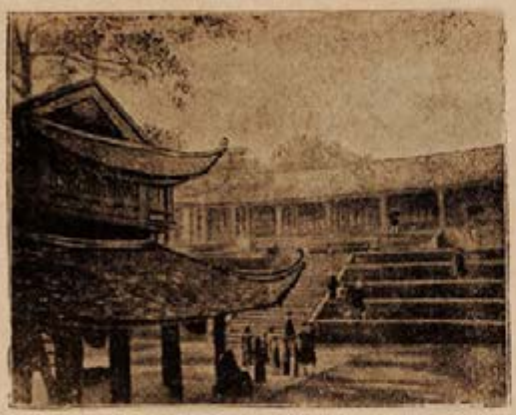

Chùa Tiên-lữ

Núi Tử trầm

Chùa Tiên-lữ

Động Chân-long

Kinh đô ảnh ký [illegible]

VĂN CỔ ĐỜI LÊ

I

Tờ xin tiền cưới vợ lẽ

(Của ông Dương-xuyên-hầu)

Từng mảng rằng : Kết bạn đề mong tương-ích, truyện chia vàng ngày trước chửa bao xa ; làm ơn chẳng khéo nhân thời, tình bọc của tuổi già còn chưa lẫn. Đạo trời đất thi đành có báo, nghĩa xưa sau đạt ắt hơn cùng. Tôi, vũ-ngọc giá hèn, ngưu-kê tài mọn. Văn góp nhặt mấy lần vào trận bút, hóa may nhờ nửa cánh phượng-loan ; vũ theo đòi tự-lạc tới màn nhung, nên lạm - dự sau đuôi kỳ-ký. Tình nghiễn-tịch hằng chung cửa sổ ; nghĩa tháp-chu há một chuyến đò. Hoặc cùng vui cửa mận sân đào, trong nhất-kiến tình-cờ duyên gã Lý ; hoặc may gặp nhà lan tiệc cúc, trước ba-sinh run-rủi phận chàng Hàn. Tình tuy rằng có nhạt có nồng ; tiếng cũng gọi là bầu là bạn. Khi hữu-sự dẫu bốn phương cũng lạy, quản chi điều nói khó với anh em ; lòng thành-nhân dù một chút cũng hay, nữa là việc đề thơm cho cháu chắt. Người trọng nghĩa ắt tiêu rồi lại có, đứa thủ-tài tuy có cũng như không. Vả, tôi nay : Chước vụng tư-thân, tác hầu tri-mệnh. Chỉ hồ-thỉ mười phần tiêu tám chín, biết tuổi xanh hơn sức đã vâng nhường ; nợ phong-hoa một gốc hóa hai ba, thấy yếm thắm cáo-lòa còn chưa được ! Tuy tố-vị đã nên tri-túc, song hồng-nhan ai chẳng động-tâm. Tôi thấy Thị-mỗ, sinh chốn thôn - trang, cách dòng thi - lễ. Da dương - liễu phất-phơ tựa gió, vị phì-điền rã sạch hóa nên vừa ; miệng phù-đào chúm-chím kề trăng, vẻ cơ-cảo nhìn lâu càng thấy ngụ. Việc đã dành mười hẹn mười nên, may vãn-cảnh được thêm nơi cấy ngọc ; thế còn ngại một đồng một khó, đuốc hàn-gia khôn đủ giá mua vàng. Dám xin liệt vị tri-cố tôn thai, mở rộng tâm-điền, lăm chung phúc quả. Việc làm phúc chớ nề hơn thiệt ; sự làm duyên chẳng lọ ít nhiều. Hoặc đỡ-dần lạng bạc đồng vàng, gạo nước nọ bớt ra không cạn bề ; hoặc xan-xẻ quan tiền tấm lụa, hòn đất kia chất lại cũng nên non. Đến ngày sau con chi bảo con em, rằng thuả trước có ta vì có bác.

.·.

Tờ đáp lại

(Của ông Tả-hình-hầu)

Từng nghe rằng : Đạo giao-hữu thấy nhau nguy phải giúp, song giúp có từng điều ; phận cùng-nhân lâm lúc túng thì xin, nhưng xin cho có lẽ. Truyện trước có đưa vàng nuôi bạn ; sự đời không giúp của cưới hầu. Tôi cùng anh : Nghĩa trước đồng-khoa ; tình xưa khế-phả. Phô tài mọn buổi gian tay tên lá, mười sáu thu trần-mộng cũng đều chung ; nhờ lượng xa may họp mặt sân đào, năm ba kẻ cựu-giao còn chưa mấy. Bề gia-thất đòi cơn mặn nhạt, rượu hiên mai đỡ lúc tỉnh say. Hoặc đến việc nhường cơm xẻ áo, dám đâu đề nặng tiếng vàng. Song việc này là danh-nghĩa vì đâu ; dù có cũng tình văn chưa hợp. Vả, anh nay : Dòng cao tài - tử ; bậc nhất phong-lưu. Gương nhị-kiều trong buồng quế đưa duyên, đủ cả chị hái tần nhặt tảo ; sao tam-tú dưới cây cù chực phận, thiếu chi người sửa túi nâng khăn. Nói đến hàng tự - tức cũng dài ; nghĩ chưng kiếp nhân - sinh đã phỉ. Dù muốn thêm tì - thiếp làm vui, cho đủ có chị nâng chén cúc có chị dọn bình hoa ; thì tính trong gia-đình tư-cấp cũng vừa, đã em nhậm phủ Từ đã em tri huyện Cẩm. Đã vâng biết già càng trái thói ; sao chẳng suy nói chẳng

lựa lời. Khá bao lăm đồng bạc đồng vàng, của Kinh-bắc tiếc chi trong bầu bạn ; e mai mốt tiếng chì tiếng bấc, giọng Hà-đông đay-đả đến anh em. Dám xin liệt-vị tri-cố tôn-thai : Xét lẽ thị phi, nghĩ đường khả phủ. Ai tri-thức tấm lòng thơm thảo, hoặc mồng năm ngày tết gọi có thường-nghi ; ai giao-du tình nghĩa yêu đương, hoặc bánh thuốc lạng chè cũng là lịch-sự.

II

Bài phú tụng cảnh Tây-hồ (1)

(*Dùng độc vận* Hồ)

Lạ thay cảnh Tây-hồ ; lạ thay cảnh Tây-hồ !

Trộm nhớ thuở đất chia chín cõi ; nghe rằng đây đá mọc một gò.

Trước bạch-hồ vào ở đó làm hang, Long-quân trổ nên vùng đại-trạch ; sau kim-ngưu chạy vào đây hóa vực, Cao-vương đào chặn mạch hoàng-đô.

Tiếng nghe gọi Dâm-đàm Lãng-bạc ; cảnh ngắm in tinh-chử băng-hồ.

Sắc rờn-rờn nhuộm thức chàm xanh, nghĩ động bích nổi lên dòng lẻo-lẻo ; hình lườn-lượn uốn vòng trăng bạc, tưởng vầng ngân rơi xuống mảnh nhò-nhò.

Dư nghìn mẫu nước trời lẫn sắc, trải bốn bên hoa cỏ chiều mùa.

Đám đất bày mỏ phượng còn in, kẻ rằng đài - thượng - nguyệt ; vũng nước hút hàm rồng chẳng cạn, người gọi trản-trung-tô.

Tòa thạch-tháp nọ nơi tiên để báu ; chốn thổ-đôi kia chỗ khách chôn bùa.

Đền Mục-lang hương hỏa chẳng rời, tay lưới phép còn ghi công bắt hồ ; quán Trấn-vũ nắng mưa nào chuyển, lưỡi gươm thiêng còn để tích giam rùa.

Kề bến nọ quán Thiên-niên lớp-sớp ; cách ngàn kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhô.

Tòa kim-liên sóng nổi mùi hương, bia Trấn-quốc tưởng in vùng tĩnh-phạm ; hàng cổ-thụ gió rung bóng lộc, tràng Phụng-thiên nhận sắn thú Nghi Vu.

Dấu Bố-cái rêu in nền miếu, cảnh Bà-Đanh hoa khép cửa chùa.

Trông mơ-màng đường đỉnh Thứu nơi kia, và tổ thước cuối làng kêu chinh-chích ; nghe phảng - phất ngỡ động đào mái nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

Lò Thạch-khối khói tuôn nghi-ngút ; ghềnh Nhật-chiêu sóng giật ỳ-ồ.

Rập-rềnh cuối bãi đuôi-nheo, thuyền thương-khách hãy chen buồm bươm-bướm ; thanh-lảnh đầu hồ cồ-ngựa, tháp cao-tăng còn hé cửa tò-vò.

Chầy Yên - thái nện trong sương chềnh - choảng ; lưới Nghi-tàm ngăn ngọn nước quanh-co.

Liễu bờ kia bay tơ biếc phất-phơ, thoi oanh ghẹo hai phường dệt gấm ; sen vũng nọ nảy tàn xanh lác-đác, lửa đóm trêu năm xã gây lò.

Cầm ve gảy lầu thư ánh-ỏi, mõ cuốc khua án kệ rì-rù.

Gò Châu - long khi ngọn gió đưa quanh, hồi thú-cổ thấy kề bên khóm trúc ; non Phục-tượng lúc vầng trăng hé nửa, tiếng hàn-châm nghe cách dải sông Tô.

Người ngoạn - cảnh thần-thơ đòi chốn ; khách thâu-nhàn lai-láng từng khu.

---

(1) Truyền rằng bài này của ông Trương-lĩnh-hầu Hữu Hộ-Lượng làm ra từ đời Lê-mạt. — Trước đã lục-đăng trong N.-P. số 85, trang 69, nhưng còn thiếu, nay lại có người sao được đủ cả và có đôi ba câu khác với bài trước, nên lại đăng để tồn-cổ.-N.-P.

Mảnh áo tơi lớp-sớp trong mưa, ca Thanh-thảo quyến đàn trâu gã Ninh ; con thuyền trúc lân-la trước gió, khúc Thương-lương đưa gánh củi chàng Chu.

Vầy cuộc ẩn mọi nghề chẳng thiếu : mượn thú vui bốn bạn gồm no.

Cảnh Khán-sơn chưa gác cuộc cờ, lòng thơ đã bồi-hồi ban lãnh-thổ ; làng Vọng-thị còn đô g tiệc rượu, tiếng cầm đà não-nuột buổi tà-ô.

Khách Ngô Sở chợ tâ ngồi xan-xát; người Hi-Hoàng song bắc ngáy o-o.

Bến giặt tơ người vốc nước còn khuya, gương thiềm đựng trên tay lông-lánh ; vườn hái nhị kẻ giây sương hãy sớm, túi xạ rơi dưới gót thơm-tho.

Ngang thành-thị ghé yên-hà một thú ; dọc phố-phường tung phong-nguyệt hai kho.

Gió hiu-hiu dòng Nhị-thủy đưa lên, lồng hơi mát tới chùm hoa khóm trúc ; trăng vằng-vặc mái Tam-sơn rọi xuống, bớp bóng trong từ lũ cá đàn cò.

Phong-cảnh cũ nhiều nơi thắng-lãm ; triều đời xưa mấy lớp thanh-ngu.

Tựa bóng hoa đặt quán quan-ngưu, kìa đời Hưng-khánh ; đè mặt sóng đem đường dụ-tượng, nọ thủa Kiền-phù.

Trải Trần trước đã nhiều phen xe ngựa ; tới Lê sau càng lắ n độ tản dù.

Trộm thấy thiên *bát-vịnh-du-hồ*, trong tỉ-hứng cũng ngụ lời qui-phúng ; chệnh nhớ khúc *liên-ngâm-thưởng-nguyệt*, lúc tiếu-đàm dường thỏa ý giao-phu.

Tòa đá nọ hãy ghi câu canh-họa ; dòng nước kia đương nổi chén tạc-thù.

Năm sau từ nổi bụi tiêu-tường, ba thước nước khôn cầm màu hiệu-khiết ; buổi ấy cũng góp phần tang-hải, sáu thu trời bao xiết nỗi hoang-khô.

Hình cây đá mưa trôi gió giạt ; sắc hoa chim mây vần sương mù.

Chốn tri-đường làm bợn về thanh-quang, xuôi ngược những vẩy đuôi khoa-đẩu ; nơi viên-vũ để che màu sảng-lãng, dọc ngang trao mặc bóng tri-thù.

Hương cổ-miếu đòi chòm lạnh-lẽo, đèn viễn-thôn mấy ngọn lù-đù.

Kênh đâu đâu đều chạy xuống trung-sa, lầu túc-điểu gió còn sớm quạt ; sen chốn chốn đã bay về tây-vực, vũng du-ngư nguyệt hãy tối mò.

Kêu trị loạn đau lòng con đỗ-vũ ; gọi công tư mỏi miệng cái hà-mô.

Lũ cày mây lần tưởng bóng nghê, thơ thất-nguyệt thở-than cùng mục-thụ ; khách điếu nguyệt biếng tìm tăm cá, chữ tam-mô bàn-bạc với tiều-phu.

Nghe xóm nọ dù-dì ong kiến ; ngắm ghềnh kia thấp-thoáng chai cò.

Thú thượng-lưu chếch-mác thế cờ, người nhạo-thủy ôm cầm khi rạng quế ; màu yên-cảnh bâng-khuâng hồn rượu, khách đăng-đài gác bút buổi bay ngô.

Chiều phong-vị xem dường quạnh-quẽ ; dấu đồ-thư ngắm hãy mơ hồ.

Dưới cầu vồn ; nước chảy mênh-mông, đường xưa đua ngựa ; trên thành trĩ đá xây chơm-chởm, bến cũ gọi đò.

Trước cổ cung treo nửa mảnh gươ g loan, vầng trăng he-hé ; sau cổ-tự gửi mấy phong da ngựa, đám cỏ lù-rù.

Lớp canh-dịch người xưa man-mác : vẻ tiêu-lương cảnh cũ thẹn-thò.

Ấng phồn-hoa vì cảnh muốn phô người, người trải khi vật đổi sao dời, cảnh phải chiều người buổi ấy ; thời thanh-lãng có người còn mến cảnh, cảnh có sẵn nước trong trăng sáng, người nên phụ cảnh này ru ?

Vành trăng nọ buổi tròn buổi khuyết; ngọn nước kia nơi hoằm nơi nhô.

Tới mậu-thân từ rỡ vẻ tường-vân, ông núi khắp nhờ ơn đăng-dịch ; qua anh-tuất lại tưới cơn thời-vũ, cỏ cây đều gội đúc chiêm-nhu.

Vũng tri-chiều nước dần dần lặng ; nơi đình-đài hoa phơi-phới đua.

Chốn bây cây còn mấy gốc lăng-vân, chẳng tùng-bá cũng khoe hình thương-lão ; nơi một bến đã đông đoàn hí-thủy, tới uyên-ương đều thỏa tình trầm-phù.

Vẻ hoa-thạch châu thêu gấm dệt ; tiếng trùng-cầm ngọc gõ vàng khua.

Bãi cỏ non trâu thả ngựa buông, nội Châu đã lắm người ca ngợi ; làn nước phẳng kình trầm ngạc lặn, ao Hán còn mấy trẻ reo hò.

Mặt đất đủn này thóc này rau, dầu lòng Cô-trúc ; làn nước chảy nọ dòng nọ bến, mặc chí Sào Do.

Cây quán kia còn đứng dậy thần-uy, đoàn Mán tới dám khoe lời tây hữu ; sen chùa nọ lại bay về cảnh phật, lũ Ngô về từng niệm chữ nam-vô.

Dấu linh-dị rành-rành vẫn sáng ; mạch hậu-nhân đẳng-đặc bao rò.

Mặt thành xưa đem lại thế kim-thang, đất xây phẳng-lặng ; cảnh hàn cũ sửa ra hình chỉ-trụ, đá xếp xô-bồ.

Nghé vùng danh nẻo lợi bấy lâu, cảnh tuy rằng nhỏ ; song nước trí non nhân mấy chốn, cảnh đã chi thua.

Trải mấy thu từng tựa bóng tàn xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ-trụ ; song nghìn dặm đã xa vời bệ tía, góp cảnh còn gọi chốn biên-ngu.

Tuy thú-vị đã dãi bày ra đó ; nhưng thanh-dung còn trang điểm lại cho.

Nay mừng :

Trời phù chính-thống ; đất mở hoành-mô.

Quyền tạo-hóa tóm vào trong động-tác ; khí-càn khôn vận lại trước đô-du.

Nền hoàng-thành đặt vững Long-biên, ngôi bắc-cực muôn phương đều cùng-hướng ; đàn bắc-trạch xây kề Ngưu chử, cảnh Tây-hồ trăm thức lại phương-phu.

Chòm hủ-thảo chưa qua tuần đom-đóm ; áng tường-vân đã cách độ tua-đua.

Ngắm nguyệt-chiêm từ Cấu-tượng bốn hào, ống âm-dương đã quét bụi ; xem tuế-luật đến Di-tân bảy tắc, lò thiên-địa mới bay tro.

Cơ vãng-phục lạnh thôi lại ấm ; lẽ hư-doanh bớt đã lại bù.

Dưới lục-âm vừa sinh-khí nhất-dương, vạn-phẩm đã nhờ ơn khuôn tạo ; trên cửu-đạo lại tầy ngôi thất-chính, bốn mùa đều theo hướng dầu-xu.

Hương khâm-kính xông miền hiệu-đăng ; rượu cung-kiền thấm cõi minh-u.

Ánh năm mây bày ngọc-bạch đôi hàng, thảo mộc hãy ca công Thang Vũ ; vang chín bệ nổi tiêu-thiều mấy chập, điểu thú đều vũ đức Đường Ngu.

Vẻ hoa lần dấu cờ năm thức ; mặt nước in bóng giáo ba ngũ.

Trước huân-phong nghe phẳng-phất cung đàn, làn thâm-thủy muốn vái lên ngũ-bái ; dưới ngọ-nhật thấy vang-lừng tiếng chúc, hình viễn-sơn đều gục xuống tam hô.

Lễ-nhạc ấy nghìn thu ít thấy : phong-cảnh này mấy thủa nào so.

Trên dưới đều rồng mây cá nước phải duyên, giọt vũ-lộ tưới đòi nơi uyên-lộ ; gần xa cũng bờ cõi non sông một mối ; tấm đan-thành dung khắp lũ nghiêu sô.

Hơi yêu-mị quét dưới cờ thanh-đạo ; áng tường-quang tuôn trước ngọn huyền-lô.

Rặng đầu ghềnh người mượn chữ vu-viên, ran loài hồng-nhạn ; ca cuối vũng kẻ ngâm câu lại-chử, nhủ lũ ê-phù.

Lời ca-ngợi tưởng ngồi trong Châu-nhã; điệu ngâm-nga nghe dứng giữa Nghiêu-cù.

Ngẫm nay đà vui thú tạc-canh, đành chốn chốn cũng ca-đồng vũ-tấu; nhớ trước đã thỏa loài động-thực, hẳn đâu đâu đều bặt thỏ êm hồ.

Nay lệnh-tiết đã tin đềm thái-lãng; xin thánh-nhân càng ghín chữ dự-du.

Ngọn nguồn tuôn giàn-giựa mái kia ghềnh, đèn chiếu-thủy chia dòng Kinh Vị; chòm cỏ mọc tần-vần bên nọ miếu, trống thôi-hoa rẽ khóm huân đo.

Nhận giá-sắc xét dân-phong cần nọa; ngắm thanh-quang soi vật-tính thanh ô.

Chốn chiều-đài xem cá nhảy chim bay, thâu sĩ-lộ nơi thông nơi trệ; miền thôn-ổ lắng chim kêu gà gáy, lượng dân-gian đâu hảo đâu trù.

Tình u-ẩn khắp bày trên thị-thính; hiệu trị-bình đành rắp dưới tề-tu.

Nơi mạch kia dân tựa lấy làm trời, hang chuột ẩn há ngừa nơi có khuất; bờ liễu nọ kẻ xây đà vững đất, lỗ kiến đùn nên kín buổi nguồn xô.

Đem phong-cảnh lại một bầu trí nhỏ; mở thái-bình ra bốn bề mới to.

Tôi nay: Hồ mình thiền-lậu; dại trí sơ-thô.

Dự một kỷ yên bề vu-lịch; ngoài năm tuần thẹn bóng tang-du.

Trước phượng-đàn đứng sánh hàng loan, trông hồ-cảnh tiến một chương lại-ngự; bên ngự-đạo ngửa trông vầng nhật, nổi thanh-sơn mừng muôn kỷ dao-đồ.

* * *

Chiến bài Tụng cảnh Tây-hồ

Bài này là của ông Chiêu Lý đời Lê, họa theo tám mươi nhăm vần của bài « Tụng cảnh Tây hồ » ở trên và có lời dẫn của ông rằng:

« Năm canh-thân mùa hạ, ta đến chơi với bạn ở Tràng-an, nghe bạn ngâm bài « Tụng cảnh Tây-hồ ». Hỏi ai làm bài ấy mà hay thế? Bạn rằng: Chương-lĩnh-hầu Hữu-Hộ-Lượng làm ra. Ta rằng: Chao ôi! Hữu-Hộ-Lượng a! xưa hẳn làm tôi triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây-hồ mà chẳng thẹn mặt, ghét đứa nịnh làm sao! Nhớ xưa có bài thơ « chiến-cổ », nay nhân bỉ kẻ làm bài tụng, ta cũng làm bài « chiến-tụng » để góp một chút trò cười với đời ».

Ngán nhỉ tụng Tây-hồ; ngán nhỉ tụng Tây-hồ!

Vốn trước đã lở hầm hoang-hoác vũng: có lẽ đâu mọc đá nhấp-nhô gò?

Người rằng nơi Long-tử khoét làm vùng, bởi được bùa quái chú Huyền trao, vậy cáo trắng hách hơi vào đại-trạch; kẻ bảo ấy Cao-vương đào chặn mạch, vì mảng tiếng chuông thầy Khổng nện, nên trâu vàng theo dấu đến trung-đô.

Bốn mặt chứa châu-cung kim-điện; một doành thu băng-chử ngọc-hồ.

Bãi Dâm-đàm gió thét trận Trưng-vương, khí chướng-vụ khua tan đầu lĩnh ngất; gò Lãng-bạc tuyết tan đồn Bắc-tướng, đoàn lộ-âu tắm lẫn bóng trăng nhò.

Có thu-nguyệt mới nước trời in sắc; chửa xuân-thiên sao hoa cỏ chiều mùa.

Cát xô lên mỏ phượng lù-sù, hình thu-nữ thẹn lên lầu nguyệt-kính: nước chảy xuống hàm rồng róc-rách, dáng xuân-lang giót lại chén đồ-tô.

Tòa thạch-tháp đã tan bình xá-lị; đống thổ-đôi đà nát dấu linh-phù.

Lưới Mục-lang au nát mất cả giường, gian chẳng bắt nữa hoài công bắt hồ; gươm Trấn-võ chỉ còn trơ những sống, giặc không giam mà có sức giam rùa.

Thiên-niên nếu được lâu sao quản nát; vạn-bảo nào có bàu để ghềnh nhỏ.

Ngẫm tăng-ni thơ-thẩn khổ tu-hành, anh xe vóc chị mũ vàng, đỏng-đảnh thế, ở làm giông phạm-vũ ; xem đồng-quân dở-dang chiều lý-thú, đứa quả đào thẳng khăn thắm, láo-lức thay, chạy đến quấy Nghi Vu.

Ông Đá dãi-dầu hình tượng miếu ; Bà Đanh vắng ngắt tiếng chuông chùa.

Nhà tranh-đua đều khấn bụt cầu ma, đường Quan thánh khéo lăng-nhăng lít-nhít ; chợ xao-xác những buôn hùm bán quỉ, mái Trường-lương nghe lếu-láo ỷ-o.

Khói lò gạch thổi lưng trời ngùn-ngụt ; sóng cánh hàn xô sườn đá ồ-ồ.

Bãi Đuôi nheo tanh ngắt giống tinh-chiên, nước trong hơn vẻ nguyệt chẳng còn ưa, thuyền du-tử lái cạy ra cho chóng ; hồ Cồ-ngựa thối hoăng mùi niệu-thỉ, hoa thơm giận chiều xuân sao nỡ phụ, lều cư-nhân gianh nát đã như vò.

Yên công-tử ắt đà long cổ nối ; mộc vũ-thần âu hẳn gẫy tay co.

Thoi oanh dầu dệt liễu nên tơ, của Nam khó xỏ kim thêu túi ; đèn đóm dẫu soi sen thấy lửa, quân Tây khôn hút điếu hun lò.

Quyên oán hạ-thiên mà khoái-khoắc ; ve hờn nam-địa mới rỉ-rủ.

Chùa Châu-long hương cúng khét mù, nghe mõ cá đã rúc vang cầu Trúc ; hồ Bạch-mã sen bay mất cả, làm giấy hoa đem bán giả sông Tô.

Ngẫm cảnh-trí cũng mảng vui mấy thú ; xem phong-quang nào có vẻ một khu.

Cái cô-đình cho gió lọt hoa kề, lơ-thơ cảnh đượm màu sương, đường tạo-hóa đã in châu thủy biếc ; con tiểu-đình đã mây che nước chở, lóng-lánh sóng vin sắc nguyệt, ngỡ khuôn trời còn đúc bạc dào châu.

Góp cảnh-vật đủ tháng ngày cũng khó ; lấy cỏ-hoa làm bầu bạn mà no.

Cành dưới trên sương hãy nhuộm mầu xanh, ca ngư-tử đã xua tan vắng ngọc-thỏ ; cây dọc ngang tuyết vừa đông bãi bạc, dịch mục-nhi đà thổi sáng bóng kim-ô.

Truyện Tần Hán kẻ kia cười lả-tả ; giấc Hi-Hoàng người nọ ngáy phi-pho.

Cuộc doanh-thâu bàn-bạc bảo-nam chơi, khúc lưu-thủy gảy và cung réo-rắt ; thơ thanh-nhã đề-ngâm phong-nguyệt mới, rượu kiền-khôn giot mấy chén thơm-tho.

Vuông đất tròn trời thu về chật túi ; ngang sông dọc núi chở lại đầy kho.

Hỏng thanh-phong nằm khểnh tót Tam-sơn, phơi bụng trí để dãi đoàn ong kiến ; chở minh-nguyệt tếch về ngay Nhị-thủy, giương mắt thần mà ngắm thế chai cò.

Bấy nhiêu đã lấy chi làm thắng-khái ; còn những đâu mà dám nói nhân-ngu ?

Cao-minh chi mà biết phép quan-ngư, nào có phải Ba-la thích sắt ; tài-cán ấy khó làm mưu dụ-tượng, dễ mà như Huyền-Tĩnh khéo thư-phủ.

Đường ngoạn-thưởng lờ-mờ móng ngựa ; cung du-quan mù-mịt bóng dù.

Đồ ăn thức mặc, ngán nỗi phố phường, xem phong-vị khó như đời đại-hữu ; kẻ ám người gian, gớm thay quân tướng, ngẫm minh-lương nào phải đạo trung-phu.

Chữ lối của bò lằng-nhằng thư thảo ; thơ giông chó chạy láo-nháo xướng thù.

Nhạc tiêu-thiều còn lõm-bõm khúc xưa, tiếng thanh-điểu gọi người đi kẻ lại ; sắc chương-phủ hãy lờ-mờ dấu cũ, ngọn kim-phong lay lá rụng chồi khô.

Con tục-vụ mờ-mờ về lĩnh quạnh ; cái cô-hồng thăm-thẳm tếch sương mù.

Chốn thi đình ve giục mới hè sang, bốn vách in sầu thơ bạch-nhạn ; mái cầm-viện dế kêu liền thu đến, và gian kết thảm lưới thanh-thù.

Đàn dế rúc sương cung ánh-ỏi ; lửa huỳnh đưa gió bóng lù-đù.

Cát xô lên mặt nước trắng phau-phau, nghĩ ấy thầy Tân đem hạc múa ; trăng lặn xuống đáy hồ trong vắng-vặc, tưởng rằng ông Lý cưỡi kềnh mò.

Khóc khí-vận tối căm con đỗ - vũ ; kêu cơ-hoang sớm tủi cái hà-mô.

Quyên thét lâu thì luống để hờn lâu, bên cầu vồng nghe dịp trống khua trăng, vì Nam-tướng phải căm lòng Bắc - sĩ ; ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trĩ lắng ngọn còi huýt gió, bởi Tây-triều mà ghét chí Đông-phu.

Than với đất cả đàn ong lũ kiến ; thở cùng trời từ con cóc con cò.

Thưởng nghiên-trà cho cá lội hạc bay, khi hứng-vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế ; nhớ lư-khí sẵn ngồi sâu nước rộng, buổi qui-lai gió thổi rụng cành ngô.

Kẻ cao-sĩ ít nhiều nơi trực-bút, đứa tiểu-nhân âu lắm lúc hàm-hồ.

Phường Khán-sơn hoa kết võng vừa rồi, đoàn kỹ-nữ bẻ-bai hình đến phố ; chợ Võng-thị rượu nồng hương mới chín, lũ túy-ông tất-tưởi dáng sang đò.

Khói viễn-thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoáng-thoáng ngỡ nhà ma cửa lấp ; trăng cổ - quán lúc tấm mây cuốn mở, thấy xa xa đường núi ngất cây rủ.

Chim bay nhảy đầu non vì-vụt ; cá xuống lên mặt nước thập-thò.

Cảnh vừa khi quân-tướng những ta xưa, thú cỏ hoa thì ai cũng chiều chơi, nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với ; người đến buổi quan-hà về kẻ khác, thù non sông nghĩ mình chưa trả được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào mà vui với cảnh ru !

Quảy cả văn-chương hòn đất lấp ; chảy băng danh-vọng khúc sông nhỏ.

Qui dạ-soa quấy bụt xuống chi đây người bách-nghệ đến đâu đều khổ-não ; thần hạn- bạc nát ai ra đấy tá, kẻ tam-nông mong chẳng được tô-nhu.

Cơn binh-hỏa trải mấy tao dời đổi ; buổi phong-trần thêm mấy dịp tranh đua.

Lớp tang-thương rơi rụng tựa hoa tàn, ngẫm thiên - đạo cũng vui thay cảnh thú ; cuộc nam-bắc được chăng dường chớp giật, nghĩ thời-cơ thêm ngán nỗi diêm-phù.

Đường vinh-nhục nọ dòng nước chảy ; áng lợi-danh kia đá lửa khua.

Gánh quân-thân ai đã mỏi vai rồi, kẻ chí - sĩ làm thinh đi chẳng đứt ; chiếc quốc-bảo khách còn giang cánh kéo, đứa nhâm-nhân gắng sức lại mà hò.

Du hồ dễ mấy ai Phạm Lãi ; phù hải âu chẳng một Tử Do.

Cửa âm-dương khép mở sớm khuya liền, cơ huyền-diệu khó lường sinh với tử ; xe nhật-nguyệt rầy rủi xuôi ngược mãi, kiếp phù-hư khôn tính hữu hay vô.

Vầng trăng nọ tròn rồi thời lại khuyết ; bình nước kia đầy lắm có khi dò.

Nhớ khi thanh-dạ tuần trăng, hương thoang-thoảng đưa phong trà ướp mộc ; tưởng buổi đoan-dương quạt gió, lửa bằng-bằng đun ấm rượu ngâm bồ.

Thanh-cung khi hạ tới nắng đương nồng, giồi phấn phan hương, so thanh-lãnh với đông kia chẳng kém ; Lãng-uyển lúc thu tàn hoa chưa rã, thêu hồng kết gấm, vi phương - phi cùng xuân ấy không thua.

Thủa ngự - du đua đình phượng thuyền rồng, thẻ thanh-hồng hoa cắm chật áo tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng ; khi tứ-yến bày đàn loan quán phượng, khúc vũ- nghê gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng đều thành-thị hải-ngu.

Nông-nỗi ấy, kể càng thêm thảm nhỉ ; cơn cớ này ai hầu dễ biết cho.

Đến nay : Tan-tành phong-cảnh ; nát-mát qui-mô.

Cơn thảo-muội những gặp điều biến-cải, lúc phong-trần khôn thấy hội đô-du.

Đông-châu mấy kẻ múa gươm trung, buồm cần-vương quấn ngược ngọn nam-phong, thù khấu-tặc chí còn chưa thỏa ; bắc-khổn những người đem việt nghĩa, cờ chính-khí phất tàn lò hạ-hỏa, nợ quân-vương lòng ứng chẳng phu.

Thấy địa-trận lắm nơi quay gió lốc; xem thiên-văn dương lúc thẳng sao tua.

Thuở bán-chuyên rồn đến lại thêm phiền, canh-thân ấy nghĩ còn bền tựa đá; quẻ lục-hiệp bói ra thời cũng phải, nhâm-tuất kia âu hẳn nát như tro.

Vận-hội nọ nghĩ ra thì đã biến, huân-lao kia xem chưa chút nào bù.

Nếu ra tay thì núi lở non mòn, thề chí ấy để vững ngồi trong nhân-thế ; hễ chớp mắt là trời xoay đất chuyển, quyết gan này đem yên đứng giữa thiên-xu.

Có trung-nghĩa ắt không cùng lưỡng-chúa, để tinh-linh cho thấu đến cửu-u.

Rửa quan-hà cho sạch dấu tanh-hôi, vạn-vũ được mừng ca hữu-tượng; quét thành-thị cho trơn bề gai-góc, bốn phương đều đội chúc vô-ngu.

Bởi con tạo có tơ gây ra mối, vậy thợ trời không thấm nhuộm nên ngù.

Kèn Thọ-xương đưa khách bắc-nam về, thổi vu-ký vu-qui hồ tí-hi ; văn Quảng-bố giục người khanh-tưởng chết, khóc vô-cô vô-cố vị ô-hô.

Kèn thổi thế dễ ai đua ngọn được : văn khóc kia mấy kẻ đặt lời so.

Thấy phong-quang mà thêm cảm-cảnh thay, thử ghé mắt nhắm cùng con vụ-lộ ; nghĩ thời-thế ra càng ngao-ngán nữa, sẽ rỉ tai bàn với đứa mục sô.

Rằng thiện ác vì ai tung rách lưới ; buổi thịnh suy nào kẻ đạp toang lò.

Dân hoang-niên nào có ít tử-vong, được vui thỏa hẳn quên câu oán-nhạn : người loạn-thế biết là bao cơ-cận, lúc say sưa mới nghĩ khúc ca-phù.

Máy trị-loạn chẳng khác chi bàn rối, vòng cổ-kim xem tựa giống đèn cù.

Chính-sự này đừng nói với ta chi, nỏ kim-qui dễ nhắm con quái-thỏ ; văn-chương ấy chớ khoe cùng tớ nữa, cung mộc-tinh dành bắn cái yêu-hồ.

Gẫm thiên-đạo biết rằng cơ trọc-loạn ; xem hồ-quang đà không dấu thanh-du.

Con lộc kia nào có phép toàn đâu, ông ngồi trên ngựa những theo nhanh, còn đeo thói gian-tà mà chỉ lộc ; khóm do nọ hẳn đến ngày thì cắt, kẻ muốn gian tay mà nhổ sạch, bỗng quen tuồng gian-ác lại giống do.

Chào bụt cơm trời mớm no quả độc ; nồi trời rế đất bắc cạn trần-ô.

Dùi bàn-châm dương nện nguyệt công-kênh, khúc thú-cổ những đong sầu viễn cận ; chầy cổ-tự mới đâm sương loảng-choảng, dịch chinh-nhân đà bát oán điêu trù.

Dẫn tiên cũng khó lòng đây hóa ; huống phật kia khôn xuống đấy tu.

Vũ-bộ xem ra khổ man-di, thằng trọc tới dứa bề vào, chiến-trận ấy cũng cờ giong trống giục ; văn-chương ngẫm chẳng soi hiền thánh, kẻ đặt đi người chữa lại, thơ ngây chi mà cửa chật sân xô.

Khí-tượng ấy cũng không vương được nhỏ ; anh-uy này toan lại để cho to.

Đề nay : Chơi thời đã trải ; ở cũng không thô.

Nghĩ thân trước đã dự mùi chung-đỉnh ; nên mình nay còn nhận dấu tang-du.

Giận vì thằng nữa đặt « Tụng Tây-hồ », bình ngụy-tặc bỏ quên thần dế-thế ; cho nên tớ phải họa thiên « Chiến tụng », nguyện ngô-quân đem lại nếp hoàng-đồ.

ĐINH MINH-PHẤN

sao-lục

KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU

II V

CHƯƠNG THỨ II. — *Đời Lưỡng-Hán.*

1° *Khái-luận.* — Lấy người đời sau mà thuật lại phong-tục đời cổ, thì vẫn không đích-xác bằng người đương-thời họ tự-thuật lấy. Người đời Hán mà tự-thuật lấy phong-tục thời ấy, thì chỉ có sách *Sử-ký Hóa-thực truyện* 貨殖傳 là đích-xác hơn cả. Sách *Hán-thư địa-lý-chí* 地理志 thì cũng có thêm bớt ít nhiều, nhưng vẫn không thoát khỏi cái phạm-vi *Sử-ký*. Nay lược-trích một đoạn trong truyện *Hóa-thực* nói về phong tục và dưới lại phụ chép thêm một đoạn sách *Địa chí* của họ Ban để cho rõ phong-tục đời Lưỡng-Hán.

« Quan-trung từ đất Nghiên Ung trở về phía đông đến đất Hà-hoa, cảnh đồng béo tốt rộng đến hàng nghìn dặm, đời Ngu đời Hạ vẫn nộp cống về hạng thượng-điền. Kể từ đời Công-Lưu đến ở đất Mân, Thái-vương, Vương-Qui trị ở đất Kỳ, Văn-vương dựng ra ấp Phong, Võ-vương định-đô ở đất Kiều, vậy nên dân ở đấy vẫn có cái di-phong tự các đời tiên-vương để lại, chăm việc cày cấy, gieo giống năm giống thóc, quen thói trọng-hậu, không dám làm việc gian-tà. Kịp đến đời Tần Văn-hiếu-công đóng đô ở đất Ung-khích, hàng-hóa Lũng Thục tải đến buôn bán cũng nhiều. Hiến-hiếu-công dời đến ở Lịch-ấp, phía bắc đuổi được rợ Nhung-địch, phía đông giao-thông với Tam-tấn, cũng nhiều cửa hàng buôn to. Đời vua Võ-chiêu trị ở đất Hàm-dương, lại nhân nhà Hán đóng đô ở Chư-lăng, bốn phương đều quây-quần lại họp ở đấy, đất hẹp mà người nhiều, cho nên nhân-dân càng đua khéo mà theo về đường mạt-nghệ »

Sách *Ban chí* rằng : «Từ đời Hán khởi lên định-đô ở đất Trường-an, dời họ Điền nước Tề và họ Chiêu, Khuất, Cảnh nước Sở cùng các công-thần đến ở Trường-lăng, đời sau lại thiên các nhà quan nhị-thiên-thạch và các đại-phú-gia cùng các nhà hào kiệt kiêm-tính đến ở chư-lăng, bởi người tứ-phương đến ở tạp-nhạp như vậy, nên phong-tục không thuần. Các nhà thế-gia thì ưa thích lễ-văn, người giàu thì chăm buôn bán cầu lợi, kẻ hào-kiệt thì du-hiệp thông-gian. Giáp Nam-sơn gần Hạ-dương thì nhiều nơi hiểm-trở và khinh-bạc, dễ sinh ra trộm cướp, thường làm náo-động thiên-hạ. Vả lại các nơi quận-quốc giao-thông bức tấu, phần nhiều ăn uống xa-xỉ, các nhà liệt-hầu quan sang, xe ngựa áo mặc đều tiếm làm xa-xỉ, các kẻ dân-chúng đều bắt-chước, muốn làm cho bằng. Việc cưới xin thì lại càng xỉ-mĩ, việc tang-ma cũng làm quá-độ. Đất Thiên-thủy đất Lũng-tây rừng núi nhiều gỗ, dân thường xẻ ván để làm nóc nhà. Còn những đất An-định, Bắc-địa, Thượng-quận đều tiếp gần rợ Nhung-địch, thường phải tu-tập đồ chiến-bị, đua chuộng khí-lực, thường hay đi săn bắn, thói dân thì chất-phác mà không lấy trộm cướp làm xấu-hổ. Ba-thục, Quảng-hán vốn là đất nam-di, đời Tần mới chiếm làm quận huyện, dân ở đấy quen ăn cá ăn cơm nếp, không lo năm mất mùa, không có thói sầu-khổ,

(1) Lược-dịch theo sách « *Trung-quốc phong-tục sử* » của Trương Lượng-Thái. Xem N.P từ số 111, 112.

nhưng có thói khinh-dị dâm-dật, nhu-nhược hẹp-hòi. Đời vua Cảnh vua Võ nhà Hán, Văn Ông ra làm thái-thú cai-trị đất Thục, dạy dân học-hành, nhưng chưa hay hiểu được pháp-lịnh mà lại hay thích văn-chương cơ-phúng, ham-mộ quyền-thế. Từ khi người Thục có Tư-Mã Tương-Như đi vào du-hoạn đất kinh-sư, lấy văn-chương hiển-đạt ở đời, nên các hương-đảng đều mộ danh tiếng mà ganh đua, sau mới xuất-hiện ra được những người tài giỏi như Vương Bao, Nghiêm Tuân, Dương Hùng, tài văn-chương hơn cả thiên-hạ, đó cũng bởi Văn Ông xướng lên trước, sau lại được Tương-Như làm tiêu-biểu. Vậy nên Khổng-tử có nói : Không cứ nòi giống rào cũng có thể giáo-hóa được cả.

« Ba đất Hà (Hà-đông, Hà-nam, Hà-nội) ở về giữa nước Tàu, đứng chia ra như chân vạc, các đời vương-giả đều thay nhau ở đấy, dựng nước đều và trăm nghìn năm, đất cõi hẹp nhỏ mà nhân-dân thì nhiều, các nước chư-hầu đều đến tụ-hội, cho nên phong thói nhỏ-nhặt bỏn-sẻn ».

Ban-chí rằng : « Đất Hà-nội đã xa mất cái phong ông Đường-Thúc mà cái hóa của chúa Trụ vẫn hãy còn, cho nên phong thói cương-cường mà nhiều kẻ hào-kiệt hay lấn cướp, bạc bỏ cả nhân-ân lễ-nghĩa, chỉ thích chia của ra ở riêng. Người nước Châu thì lỗi tại xảo-ngụy mà chỉ xu-lợi, qui của khinh nghĩa, chuộng giàu khinh nghèo, thích đi buôn-bán, chứ không thích ra làm quan. Nước Trịnh đất hẹp mà hiểm, dân ở dựa theo hang núi, trai gái hay tụ-hội, cho nên tục dâm.

« Đất Triệu phía bắc giáp rợ Hồ, nó thường vào ăn cướp. Nhân-dân đua hăng-hái, hiếu-khí nhiệm-hiệp, hay làm gian-dối, không chăm nghề nông nghề thương, nhân-dân thì dữ-tợn không thuần, tự đời Tấn đã lo là hung-tợn, thế mà Triệu Võ-linh-vương lại càng khích-lệ thêm, cho nên lời ca-dao vẫn còn có cái phong-thói nước Triệu. Trung-sơn thì đất xấu mà người nhiều, hãy còn có bọn di-dân chúa Trụ ở Sa-khâu, vậy nên thói dân lâu-lỉnh cấp-bách, chỉ mưu-mẹo bóng lợi mà ăn. Đàn ông thì chỉ họp nhau chơi đùa, bi-ca khảng-khái, khi nào khởi lên thì theo nhau đi cướp-phá, nghỉ ở nhà thì làm những thói gian-trá xảo-quyệt, nhiều người đẹp đi làm con hát. Con gái thì hay đánh dân sắt, chân đi kéo lê đôi dép, đua-nịnh các nhà sang giàu, vào làm bầu-hạ trong cung vua khắp các nước chư-hầu ».

Ban-chí rằng : « Đất Thái-nguyên đất Thượng-đảng nhiều con cháu nhà họ công-tộc nước Tấn, chỉ lấy trá-lực khuynh-loát lẫn nhau, khoe-khoang công-danh, báo-thù nhau có khi quá đáng, việc giá-thú việc tang-ma rất là xa-xỉ, đời Hán đã cho làm khó cai-trị, thường phải chọn bổ những ông tướng nghiêm-khắc dữ-tợn ra đó, hoặc phải dùng đến sát-phạt để gia-uy. Nếu cha anh nó bị giết thì con em nó oán-tức mãi, đến thưa kiện cả quan Thứ-sử nhị-thiên-thạch, có khi nó giết đến thân-thuộc để báo-thù. Còn đất Định-tương, Vân-trung, Ngũ-nguyên thì nhân-dân quê mùa, ít lễ-văn, hay đi săn bắn.

« Tục nước Trịnh nước Vệ đại-loại cũng giống như nước Triệu, nhưng gần với nước Lương nước Lỗ, thì phong-thói cũng hơi trọng-hậu mà biết giữ-gìn liêm-tiết. Cái ấp trên sông Bộc là chỗ Dã-vương ở, Dã-vương hay hiếu-khí nhiệm-hiệp, cho nên cái phong nước Vệ cũng thế ».

Ban-chí rằng : « Đất nước Vệ cách-trở đất Tang-gian Bộc-thượng, trai gái thường hay họp-tập, cho nên sinh ra say đắm về thanh-sắc, nên tục mới bảo

thanh-âm Trịnh Vệ là dâm. Cuối đời Châu thì có thầy Tử-Lộ, người Hạ Dục là tay dũng-tợn, nhân-dân lấy làm hâm-mộ, cho nên sinh ra thói cương-võ chuộng khí-lực. Đời vua Tuyên-đế, có sai Hàn Duyên-Thọ làm quan Thái-thú quận Đông-hải. Thọ vâng thánh-ân, tôn lễ-nghĩa, chuộng can ngăn, đến nay ai cũng khen Duyên-Thọ là khéo dùng giáo-hóa trị Đông-quận. Nhưng phong-tục cũng hơi xa-xỉ, việc giá-thú việc tang-ma có khi làm quá-độ.

« Nước Yên cũng là một nơi đô-hội ở khoảng Bột-kệ, nhân-dân ở thưa, thường bị giặc cướp, phong-tục cũng đại-loại như nước Triệu nước Đại, nhân-dân thì bạo-tợn, ít biết lo-lắng.»

Ban-chí rằng: «Xưa kia Yên thái-tử Đan đón nuôi kẻ dũng-sĩ, chứ không thân-yêu kẻ gái đẹp ở chốn hậu-cung, dân cũng hóa theo cái tục ấy, đến bây giờ vẫn còn thế. Có tân-khách đến chơi thường đem vợ ra bồi tiếp. Buổi tối hôm tiệc cưới, trai gái không có phân-biệt gì cả, thường lấy thế làm vẻ-vang. Phong-tục thì khinh-bạc không có nguy-nghiêm, nhưng cũng có điều hay là quả-cảm cứu-cấp cho người, cũng là theo cái di-phong của Yên thái-tử Đan vậy.

« Đất Lâm-chi là một nơi đô-hội ở khoảng Hải-đại, phong-tục khoan-hoãn khoát-đạt, mà đủ có trí-khôn hay nghị-luận, thói đất trọng-hậu khó lay chuyển, họp chúng đánh nhau thì dát, cầm giáo đâm người thì tợn, cho nên hay ăn-hiếp bắt nạt người, cũng là cái phong-thói của một nước lớn ».

Ban-chí rằng : « Quản-trọng là kẻ bồi-thần mà lấy ba nàng Qui, cho nên cái thói xa-xỉ lại càng tệ. Kẻ học-trò thì hay thích kinh-thuật mà khoe công-danh, nhưng lỗi tại hay xa-khoa bằng-đẳng, lời nói với nết khác nhau, phần nhiều là giả-dối không thực. Lúc cấp-nạn thì lia-tan, lúc thong-thả thì phóng-túng. Từ đời anh Hoàn-công là Tương-công dâm-loạn quá, chị em gái trong nhà không gả chồng ra ngoài, bởi vậy trong nước các nhà dân-gian có con gái trưởng cũng không gả chồng, gọi là ả Vu-nhi 巫 兒, để lưu nòi giống lại chủ việc tế-tự trong nhà, nếu gả đi thì nhà ấy không lợi, dân-gian đến bây giờ vẫn còn giữ cái thói ấy.

« Trong nước Tề thì đủ cả năm hạng dân, mà đất Châu Lỗ gần về phía sông Thù sông Tứ, hãy còn có di-phong của Châu-công, chuộng thói nho-nhã, đủ lễ-văn, cho nên thói dân ốc-súc kiệm sẻn, sợ tội lỗi tránh xa điều tà. Đến lúc suy kém thì lại hay xu-lợi đi buôn có phần hơn người nhà Châu ».

Ban-chí rằng : « Lễ tang lễ tế thì văn-hóa đủ mà thực-thà ít, nhưng có cái thói hiếu-học là hơn cả).

« Từ đất Hồng-câu trở về phía đông, đất Mang-đường trở về phía bắc, có cánh đồng to là về phần đất nước Lương nước Tống, hãy còn có cái di-phong của đấng tiêu-vương, trọng-hậu nhiều người quân-tử, sông núi tuy không có nhiều nơi đất tốt, nhưng được cái thói hay ăn mặc tần-tiện, nên hay chứa chất được nhiều ».

Ban-chí rằng : « Đất Bái đất Sở thì phải cái thói cấp-bách hay tự chuyên đất xấu mà dân nghèo, mà đất Sơn-dương thì hay có thói gian-trộm . (Trở lên là nói về tục phương bắc).

« Đất Việt đất Sở thì có ba nơi phong-tục khác nhau. Tự đất Hoài-bắc, Bái-trần, Nhữ-nam, Nam-quận, là thuộc về đất Tây-sở, phong-tục nhanh-nhẹ mà hay phát giận, đất xấu không tích-tụ được mấy. Đất Giang-lăng cũ là Sinh-đô, phía tây thông đất Vu-ba, phía đông có chằm Vân-mộng là nơi đất tốt, nước

Trần ở về chỗ giáp đất Hạ, có sản cá muối buôn bán thông-đồng, thói dân thì thanh mà khắc giữ gìn lời vâng ».

« Tự đất Bành-thành trở về phía đông, và đất Đông-hải, đất Ngô Quảng-tăng thuộc về Đông-sở, thì cái thói cũng không khác nhau mấy. Đất Câu-tăng trở về phía bắc, thì phong thói thư nước Tề, đất Giang-nam thì phong thói như nước Việt. Đất Ngô từ khi Hạp-lư, Xuân-thân, Vương Tị ba người thường hay chiêu họp những kẻ đệ-tử chơi bời trong thiên-hạ lại, nên đất Giang-đông cũng thành ra một nơi đô-hội.

« Tự đất Hành-sơn, Cửu-giang, Giang-nam, Dự-chương, Trường-sa là thuộc về Nam-sở, cái thói cũng đại-loại như Tây-sở, mà cũng tạp-nhạp lẫn cả với thói Mân-trung, Ô-Việt, ưa chộng văn-từ, khéo nói ít tin thực. Đất Giang-nam thì ti-thấp, dân ông hay chết non ».

Ban-chí rằng : Nước Sở khi xưa có hiền-thần là Khuất-Nguyên làm ra những bài phú Ly-tao, nhiều giọng thương đau. Sau lại có lũ Tống-Ngọc, Đường-Lặc hâm-mộ bắt-chước làm theo giọng Ly-tao, cũng đều nổi tiếng cả. Đến đời Hán thì có Mai Thừa, Châu Dương, Nghiêm phủ-tử nổi tiếng lên ở đời vua Văn vua Cảnh. Lại có Hoài-nam-vương An đóng ở Thọ-xuân, chiêu-tập tân-khách lại làm ra sách-vở. Ở đất Ngô thì có Nghiêm Trợ, Chu Mãi-Thần hiển-đạt lên, vậy nên văn-từ triều Hán phát-đạt lắm. Người đời bảo rằng giọng Sở-từ lỗi tại xảo-quá mà ít tin-thực. Hoài-nam vương An lại lấy những con gái của nhà dân nước khác đem về để đãi những người du-sĩ mà gả cho, vậy nên đến nay vẫn nhiều con gái mà ít con trai.

« Đất Cửu-nghi, Thương-ngô, phía nam đến đất Đam-nhĩ, phong-tục cũng đại-đồng như đất Giang-nam, mà đông-đúc nhất là đất Dương Việt, còn đất Phiên-ngung cũng là một nơi đô-hội.

« Đất Dĩnh-xuyên, Nam-dương phần nhiều người Hoa-hạ ở, người Hạ chịnh-trị chuộng thực-thà chất-phác, còn có di-phong đẳng tiên-vương. Thói đất Dĩnh-xuyên thì đôn-hậu cẩn-nguyện. Cuối đời Tần đời những dân phạm phép đến ở đất Nam-dương, cho nên phong thói tạp-nhạp mà hiếu-sự, phần nhiều làm nghiệp buôn ». (Trở lên nói về phong-tục phương-nam).

Trở lên là đại-lược khảo về phong tục hai đời Hán, nhưng đời Tây-Hán thì trọng thế-lợi, đời Đông-Hán thì trọng khí-tiết, muốn xét phong-tục đương-thời ấy cũng phải nên biết.

2° *Ăn uống.* — Người đời Hán cách ăn uống ngoài ăn gạo uống chè uống rượu ra, lại còn có thứ bánh nếp, bánh vừng, bánh nướng, để làm đồ ăn tráng miệng. Cái cách phổ-thông chế đồ ăn uống, thì hay pha dấu bằng muối, mắm, tương, dấm để chế các thứ đồ ăn, nước đường và mật cũng dùng để pha các đồ nấu. Các vị hương-liệu thì trừ vị gừng vị quế ra, lại hay dùng bành tỏi, mùi và vừng để làm vị pha nấu. Cách nấu thịt ăn thì có thứ cắt nướng, Lưu Hi thích-nghĩa bảo rằng ngày xưa thường quay nướng cả con, rồi dùng dao cắt ra mà ăn. Khi ấy lại hay ăn thịt chó, cho nên có nghề giết chó, kẻ hào-kiệt cũng thường làm anh hàng thịt chó. Cái thói uống rượu thì cũng tệ lắm, khi Hán Cao-tổ mới định yên nước Tàu, thì những kẻ đình-thần thường hay uống rượu tranh công, Cao-tổ lấy làm chán lắm. Đời vua Võ-đế mới đặt ra thuế rượu để nghiêm-cấm, nhưng chửa bao lâu lại thỉ-cấm, cái thói quần-ẩm lại như cũ. Ít người được như Bình Nguyên đi học mà

không khi nào uống rượu, và cũng ít được như khi ông Gia-Cát Võ-hầu trị nước Thục, ngoài đường không thấy có một người nào say rượu.

3° *Áo-mặc.* — *Hán-thư Ngũ-hành-chí* nói rằng: Khi nào phong-tục ngông-cuồng dại-dột, làm biến-đổi cả tiết-độ đi, thì hay làm những lối mặc kỳ-quái khinh-phiêu, cho nên có thứ y-phục yêu-quái. Vương Phù luận về xa-xỉ có nói: Xưa vua Văn-đế nhà Hán mình mặc áo lụa dầy, chân đi giầy da, thắt lưng da, thế mà nay chốn kinh-đô các nhà quí-thích những thức áo mặc, ăn uống, xe cộ, cửa nhà, đều xa-xỉ hơn nhà vua, đã tệ quá lắm rồi. Vả lại những quân hầu-hạ, đứa đầy tớ, cô nàng-hầu cũng đều mặc thứ lụa đẹp, thứ vải mùi, gấm vóc lượt là, vải cát, vải nhỏ, các đồ sừng tê tượng châu-ngọc, hổ-phách đồi-mồi, chạm đá vẽ sơn, nặm vàng bịt bạc, đều làm cho cùng-cực mĩ-lệ, để khoe-khoang nhau. Xem thế thì biết phục-sức đương lúc bấy giờ rất là xa-xỉ. Nhưng đến cuối đời Hán thì các nhà Vương Công và các nhà danh-sĩ, đều đổi bỏ cái thói vương-phục đi mà lấy đội bức-cân làm nhã, nay xem những các liệt-truyện: Trịnh Khang-Thành, Vi-Bưu, Phùng-Diễn, Pháo-Vĩnh, Châu-Bàn, Phù-Dung, và truyện dật-dân Hàn-Khang thì biết là khi ấy đều đội bức-cân, coi khinh thứ mũ quan-miện, chỉ lấy tiêu-sái làm cao, không những là gây ra cái thói đội giốc-cân như ông Đào Tĩnh-Tiết, mà cái thói thanh-đàm khinh-thoát đời Tấn Ngụy cũng khai ra từ đó.

Các đồ áo mặc thường dùng lượt, là, sa, đoạn, vóc, nhiễu, lụa, cát-bá. Có khăn bịt đầu, có mũ đội đầu. Đàn bà cũng có một thứ mũ riêng. Các thứ mặc thì có: quần đùi, quần ống, có đai buộc ngang bụng. Lại có thứ giầy rơm, dép cỏ, và hài phục-hổ. Đồ thủ-sức của đàn bà thì có thứ hoa thông-thảo ngũ-thái, hoa tai. Còn như thứ áo trũi ngắn là áo của kẻ hèn mặc, áo cánh ngắn là thứ áo của kẻ nhà bếp mặc, còn thì cũng giống như đời nhà Tần cả.

4° *Xét về đường sĩ-hoạn.* — Người đời Hán trọng thế-lợi, kẻ quyền-hãnh tung-hoành, người hay phạm phép, đường sĩ-hoạn lạp-nhạp, chỉ quen thói lừa dối tư-túi, trá-ngụy khuynh-loát nhau, xem như thời vua Nguyên-đế ông Cống Vũ có bài tấu nói về phong-tục rằng: « Vua Vũ-đế phóng-túng thi-dục, tiêu dùng không đủ, bèn biến đổi cả phép tắc, cho những kẻ phạm phép được nộp tiền để chuộc tội, ai muốn làm quan được nộp thóc vào thì bổ quan, vì thế trong nước sinh ra xa-xỉ, quan loại dân nghèo, kẻ vong-mệnh trốn đi nhiều, trộm giặc đều nổi lên. Ngoài quận huyện sợ phải bị tội, nên mới chọn những kẻ thư-lại khôn khéo quen làm những sổ sách giả dối để nói lừa quan trên, nên sinh ra gian dối rất nhiều, lại chọn những kẻ dũng-mãnh thao-thiết để làm hại trăm họ, chỉ lấy uy-dữ mà hà-hiếp. Kẻ ở dưới thì cho lên làm quan to, cho nên những kẻ vong-nghĩa mà có của ấy, đều được hiển-đạt ở đời, kẻ khi-mạn mà viết tốt ấy được tôn-biền ở trong triều, kẻ bội nghịch mà mãnh-tợn ấy được ở ngôi quan. Vậy lời tục có nói rằng: « Hiếu để có làm gì, chỉ cốt nhiều của mà vẻ-vang là hơn; lễ nghĩa có làm gì, chỉ cốt viết chữ tốt tính giỏi mà ra làm quan là hơn; cẩn-thận làm gì, chỉ lấy mạnh-tợn mà làm việc quan là giỏi; vậy nên những kẻ đã phạm tội ác rồi mà lại vẫn được vênh-vang làm quan ở đời; tuy rằng tính nết chó má mà chỉ cốt nhà giàu có thế-lực sai khiến trỏ bảo được người là hơn. Cho nên thường khen những người làm quan mà chứa của được giàu là hùng-kiệt, những kẻ làm gian mà được lợi là tráng-sĩ, anh khuyên em, cha bảo con đều

như thế cả, phong-tục bại-hoại biết là chừng nào ! Xét ra là đều bởi tại cho những kẻ phạm phép được nộp tiền vào chuộc tội, chọn người không được kẻ thực-hiền, chỉ chuộng lấy tài-lợi nên mới đến nỗi thế vậy. » Trọng Trường-Thống lại nói rằng : « Đời ấy những kẻ hào-phú nhiều của thì sung sướng hơn vua, thế mạnh hơn quan phủ huyện, chỉ lấy tiền của dút lót, dẫu phạm-phép cũng không phải tội. Sách *Sử-ký* truyện *Hóa-thực* nói rằng : « Khi ấy từ những kẻ sĩ ở chốn lang-miếu triều-đình đều đua về thói phong-lưu giàu-có, còn đến những kẻ lại-sĩ thì khua múa văn-pháp làm thư-từ giả-dối để ăn tiền, không còn sợ gì hình phép cả, xem thế thì cái tệ cho quyên tiền chuộc tội, nộp tiền làm quan thực là quá-lạm lắm».

5° *Thích-khách nhiệm-hiệp.* — Đời Chiến-quốc đã có bọn người Dự-Nhượng, Nhiếp Chính, Kinh Kha, Hầu Doanh chỉ chuộng ý-khí mà dám làm những điều người ta không dám làm, nên người đời đều đua nhau bắt chước. Đầu đời Hán thì có bọn gia-khách của Điền-Hoành 500 người và Quán Cao, Điền Thúc, Chu Gia, Quách Giải, những người ấy đều đem mình giúp người, một lời vâng hẹn không sai dối, để giữ lấy danh-tiết. Rồi lại có Quán Phu, Cấp Ảm, Trịnh Đương-Thời, Chu Vân, Lâu Hộ, Trần Tuân cũng đều khen là người nhiệm-hiệp. Đến đời Đông-Hán cái phong thói ấy lại càng thịnh, thì có Đỗ Qui-Lương là người hào-hiệp hiếu-nghĩa, lo việc lo của người, thấy người vui thì mình mới vui, chỉ đi giúp đỡ cho người, nên đến khi có tang cha cả mấy huyện đều đến phúng viếng, dẫu ông Mã Viện cũng phải lấy làm trọng. Lại còn cha người Cảnh Hấp là Cảnh Huống cũng lấy chữ du-hiệp để đặt tên tự, xem thế thì biết thời ấy chuộng cái thói hào-hiệp, mà nhiều kẻ lại mộ cái thói người Kinh Kha, như Công-Tôn Thuật thường khiến kẻ thích-khách đi chực giết Lai Hấp, Sầm Bành. Mã Viện thường nói với Quang Vũ rằng : « Tôi từ phương xa mới lại đây, bệ-hạ biết đâu là không phải kẻ thích-khách mà dám dễ dàng như thế. Thế thì biết đời ấy nhiều kẻ thích-khách ai cũng phải lấy làm rằn sợ. Vả lại thời nhà Hán tiến-cử dùng người, đều chọn lấy người có danh-dự, bởi vậy hễ cái gì làm được danh thì hết sức đua nhau, làm cầu-kỳ cho khó ra, đã tập thành thói quen rồi. Đại-khái như những việc sau này : Khi ấy kẻ quận-lại đối với quan Thái-thú chẳng khác gì như danh-phận vua tôi, kẻ duyện-lại thường hay châu-toàn những lúc hoạn-nạn sống chết để giúp đỡ quan thầy, như là khi Lý Cố bị giết, kẻ đệ-tử là Quách Lượng dâm dâng thư lên để xin thu-nhặt lấy thây Lý Cố. Đỗ Kiều bị giết thì kẻ duyện-lại là Dương Khuông dám cứ ngồi thủ-hộ lấy thây mà không đi, bởi thế rồi đều nổi tiếng. Đệ-Ngũ Chủng khi làm tướng, có kẻ môn-hạ là Tôn Bân thân yếu lắm. Khi ấy Chủng vì dâng sớ hặc kẻ hoạn-quan là Dan Siêu, phải bị đầy ra Sóc-phương, mà quan Thái-thú đất Sóc-phương là Đồng-Viện, Viện lại là cháu ngoại Siêu. Bân biết là Chủng mà bị đầy ra đến đấy thì tất chết, bèn đi theo kịp Chủng đến giữa đường, đánh chết kẻ đi áp-giải, rồi cùng với Chủng đều trốn đi cho thoát. Quan Thái-thú Thái-nguyên là Lưu Chất vì đánh chết kẻ Hoàng-môn là Triệu Tân, phải giam chết trong ngục, Vương Doãn là kẻ quận-lại đem đưa tang Chất về đất Bình-nguyên, thủ-tang hết ba năm mới trở về. Công-Tôn Toản làm kẻ quận-lại, vì có quan Thái-thú là Lưu-Quân bị tội phải đi đầy đến đất Nhật-nam, Toản thân đưa đi, có làm bài văn tế mồ cha nói rằng : « Xưa là con cha, nay làm tôi người, con xin đi đưa quan Thái-thú đến đất Nhật-nam,

sợ không trở về được, xin từ đây cáo-từ ». Toản khấn xong lạy từ mà đi. Đó đều là những kẻ hết sức về phận-sự mà làm lấy những việc nghĩa - hiệp đó. Còn đến như cảm cái ân tri-ngộ mà chế-phục để trở theo về đường hậu thì có Phó Dịch, Lý Tuân, Nhạc Khôi, Hoàn Điển, Tuân Sảng. Lấy nhường quan-tước làm cao, thì có Vi Huyền-Thành, Đặng Bưu, Lưu Khải, Hoàn Đô, Đinh Hồng, Quách Hạ, Từ Hạ. Liều chết để báo thù thì có Hà Dung, Chất Hồn, đó đều là những người nhiệm-hiệp thượng-khí đã thành thói quen. Bởi vậy những kẻ sĩ chí tiết, thường hiếu-kỳ làm cho khó ra, để cầu cho hơn cả sài-bối, thành riêng ra một cái nết trác-tuyệt, mà vẫn không biết là không phải. Nhưng nếu trong nước có được nhiều người hào-hiệp cao-thượng như thế, thì gặp lúc nhà nước hoãn-cấp, cũng còn có thể chống-chỏi được lúc khuynh - nguy, tỉ với cái nước ít có người danh-tiết, gặp khi nước nguy-vong thì im-ỉm đi không có một tí gì sinh-khí, thì hai dáng cách nhau biết chừng nào!

6º *Gia-pháp*. — Tiêu Hà làm tướng-quốc mà dựng nhà không có sửa-sang tường nóc, nói rằng để làm phép cho con cháu hiền đời sau bắt-chước cái nền kiệm-ước của ta, gặp đứa con cháu chẳng hiền ra nữa cũng không bị phải những nhà thế-gia nó lấn cướp mất. Nhà họ Vạn-Thạch thì lấy điều hiếu-cần nổi tiếng ở trong quận-quốc. Sơ Quảng dạy con cháu rằng đứa hiền mà để cho nó nhiều của thì càng thêm tổn-hại cái chí của nó đi, đứa ngu mà để cho nó nhiều của cũng càng thêm tội lỗi nó ra. Đời sau ai cũng lấy câu ấy làm phải. Mã Viện viết thư răn các cháu rằng: Ta muốn cho chúng bay bắt-chước cái tính đôn-hậu cẩn-thận của ngươi Long Bá-Cao, chớ không muốn cho chúng bay bắt-chước cái lối hào-hiệp hiếu-nghĩa của Đỗ Qui-Lương. Ấy những lời giới-sức cẩn-thận như thế, cũng là một cái cách các nhà sĩ-đại-phu thường để cứu-chính cái lệ kiêu-túng của các con em. Đời Hậu-Hán truyện Đảng-cố có chép truyện Phạm Phang vì đảng-cố mà phải bắt, người mẹ quyết-biệt bảo rằng: Con nay cùng mắc trong bọn đảng-cố tề-danh với họ Lý họ Đỗ, thì dẫu chết đi nữa có ân-hận gì! Ấy mẹ ngươi Phang là một người đàn bà mà còn hay lấy trung - nghĩa khích - lệ con, thế thì Phạm Phang mà thành-danh được cũng là nhờ mẹ, xem thế thì biết đời ấy phong-tục bận. Còn như Trần Vạn-Niên làm đến Tam-công mà chỉ dạy con nghề siểm-nịnh, thì thực là vô-xỉ. Hoắc Quang không trị được nhà để cho con cháu hư, nên về sau phải cái tai-va giết cả họ, thế thì việc trị-gia phải nên coi đó làm răn.

7º *Phân-cư*. — Người đời Hán lấy tục ở riêng làm tục xấu. Thái-sử-công có nói: Tự khi Thương-quân cai-trị Tần, hễ nhà dân nào có hai con trai trở lên mà không cho ở riêng, thì đánh thuế gấp hai. Giả Nghị cũng có nói thói người nhà Tần hễ nhà giàu con lớn lên thì cho ra ở riêng, nhà nghèo con lớn lên thì cho đi ở rể. Sách *Địa-lý-chí* họ Ban nói rằng: Đất Hà-nội bạc ân-lễ hay cho ra ở riêng, đất Dĩnh-xuyên hay tranh kiện nhau cũng hay cho phân-sản ở riêng, vậy nên Hoàng Bá, Hàn Diên-Thọ cai-trị những đất ấy đều cho cái tục ở riêng là cái tục xấu trong nước. Đời vua Hoàn-đế nhà Hán có câu tục ngữ rằng: Người không biết chữ lại đỗ tú-tài, anh đi ở riêng thì đỗ hiếu-liêm. Đó là cái câu chê tuyển-cử quá-lạm mà lấy đến cả kẻ dốt-nát có cái thói xấu phân-cư. Sái Ung cùng với chú và em đồng-cư, ba đời không chia của, chốn hương-đảng đều khen là cao - nghĩa. Ứng

Thiệu bàn về phong-tục có nói rằng: Cái thói lúc bấy giờ đã lấy huynh-đệ đồng-cư làm hay, thì tất là lấy phân-cư làm xấu. Thế thì lấy cái thói đồng-cư làm mĩ-tục, đã thành ra cái quan-niệm phổ-thông trong xã-hội đời bấy giờ. Khi ấy chỉ duy có Lục Giả nhà ở đất Hiếu-chí, sinh được năm con trai, khi sang sứ nước Việt trở về, Giả mới đem những đồ tư-nang bán đi được nghìn vàng, rồi chia cho mỗi con hai trăm để cho ở riêng tự-lập sinh-nghiệp. Như thế thật là đạt-thức, âm-hợp với cái học-lý sinh-kế ngày nay. Cái thói đồng-cư cộng-sản, thì dễ gây ra cái tính ỷ-lại cho con em, cơm ăn áo mặc của con em đều ngưỡng-cấp cả vào cha anh, con em chỉ là người phân-lợi mà thôi, chứ không hay sinh-lợi. Cho nên có con em càng nhiều thì cha anh càng khốn, cha anh mà túng-thiếu thì con em thành ra vô-lại. Nếu tất cả người cha anh trong nước mà cùng chủ-trương về việc đồng-cư cộng-sản, thì thành ra tất cả con em trong nước đều là người phân-lợi cả. Tất cả cha anh trong nước đều vì cái thói đồng-cư cộng-sản mà khốn-quẫn, thì tất cả con em trong nước đều thành ra vô-lại cả, há chẳng trái với cái lẽ sinh-kế học-lý lắm du? Còn như người Bùi Thực ở Bắc-Ngụy thường tự nơi châu-lỵ đưa bổng-lộc về biếu mẹ và cấp cho các em, nhưng các em đều có tài-sản riêng, tuy rằng đồng-cư nhưng vẫn biệt-táo, trong một nhà chia ra đến và bếp. Diêu Sùng đời Đường nghĩ rằng con cháu các quan về sau thất-lộc di thường đến nỗi bần-hàn, hay sinh ra sự tranh-cạnh nhau, nên muốn bắt chước cái di-ý của Lục Giả, dự định chia của cho các con để tuyệt sự tranh-cạnh về sau, ấy đều không mộ cái hư-danh đồng-cư cộng-sản, muốn làm cho thiết-thực là hơn.

Xét cái thói chia của ở riêng, xưa nay các đời vua và các nhà sĩ-phu đều không cho làm phải, như vua Túc-tôn, Huyền-tôn nhà Đường, vua Thái-tổ, Thái-tôn, Chân-tôn nhà Tống, và vua Liêu Thánh-tôn đều hạ-lệnh cấm-chỉ không được phân-cư. Lưu Tư-Đạo đời Tùy sang sứ nước Trần có câu thơ chê người phương nam rằng: « Cùng sanh đều nấu cả, cùng chỗ lại chia cơm », ý cũng là chê cái thói chia của. Đời Đường Lý Nghĩa-Sơn cũng nói rằng khi cha mẹ còn mà cũng đòi chia của ở riêng là ngu. Đời Tống Lư An-Thế tấu hặc Chương Đôn khi cha còn mà chia của biệt-tịch ở riêng, thực là tuyệt-diệt mất cả luân-lý. Mã Lương khi làm Ngự-sử-trung-thừa tâu rằng nhà còn ông cha, không dám chia của ở riêng. Cố Đình-Lâm rất bài-bác cái tục đất Giang-nam hễ đã lấy vợ cho con thì cho chia của ra ở riêng. Sài Thiệu-Bình nói rằng cái tục lũy-thế đồng-cư xưa nay vẫn lấy làm khen, như là nhà Dương Xuân, Trương Công-Nghệ, nhà họ Trần ở Giang-châu, họ Trịnh ở Phố-giang đều vì đồng-cư mà được tinh-biểu. Viên Quân-Tài có nói rằng thường thấy những nhà đồng-cư sinh ra ghen-ghét tranh-cạnh nhau tệ hơn người ngoài đường, thế thì cái tục đồng-cư là rất tốt mà thành ra không tốt, vậy nên trong anh em nên sớm-định phân-cư là hơn, nếu biết thân yêu nhau, thì dẫu chia của ra ở riêng, cũng không hại gì hiếu-nghĩa. Ta bảo trong một nhà nội ngoại lớn nhỏ, nếu hay đồng-tâm hiệp-lực thì đồng-cư là hơn. Nếu còn có điều sâm-si tử-ngữ thì dẫu muốn cưỡng-hợp cũng không được, chẳng bằng phân-cư là hơn. Còn như cha con biệt-tịch như là Sái Kinh, Sái Du đều lập ra môn-hộ riêng, thì thực là một cái thói xấu. Xem thế thì phân-cư không phải là không hay. Duy *Tam-quốc-chí* có nói cái thói ở Ký-châu cha con ở riêng mà lại hay bài bác nhau. Cố-thị *Nhật tri-lục* có nói cái thói ở Giang

Tích cha con anh em đều chia bè-đảng ganh nhau, từ đời Minh Vạn-lịch trở về sau này vẫn còn thấy cái thói ấy, thì thực là ác-tục.

8º *Thói ở làng.* — Đời Hán kẻ sĩ-phu ở làng như là Triệu Tuấn đức-hạnh thực-thà, Trương Trạm nghiêm-chỉnh giữ lễ, Hứa Thiệu phê-bình những hạng người trong làng, Hoàng-Phủ Qui không thèm tiếp kẻ ô-lại, mà trọng người học trò có nết, Vương Liệt hóa được kẻ trộm cắp. Quách Lâm-Tôn hóa được kẻ hung tợn ra hiền lành, Tư-Mã Quân, Trần Thực, Sái Diễn hay sử hòa được kiện tụng, đều là nên khen cả. *Hậu-Hán-thư* có chép truyện Đỗ Mật, khi Mật làm quan ở Bắc-hải, đã cáo quan về nhà rồi, thường khi lên yết các quan phủ huyện bày tỏ nói các việc. Đồng-quận có Lưu Thắng cũng đã cáo quan về ở làng, thì chỉ đóng cửa ở nhà không có đến cửa quan thỉnh-yết điều gì cả. Quan Thái-thú là Vương Dục bảo Mật rằng : Lưu Qui-Lâm là người thanh-cao, các quan công-khanh đều muốn đề-đạt lên. Mật biết là Dục nói khích mình, mới thưa rằng : Lưu Thắng là bậc đại-phu, các quan trọng-đãi là bậc thượng-tân, mà biết người thiện không tiến lên, nghe điều ác không nói ra, ẩn-tính giấu-giếm như con hàn-thiền, thì thực là tội-nhân. Nay Mật thấy những người hiền có chí-nghĩa học-hành thì tiến-đạt lên, những kẻ sĩ trái đạo thất tiết thì cú-sát mà nói ra, để cho minh-phủ biết rõ mà thưởng-phạt cho đáng, cũng có thể giúp cho tiếng tốt ngài một hai phần. Dục nghe nói phải chịu là phải. Hồ-thị có bàn rằng: Như lời Mật nói thì du-dương khích-phát, người thường không thể kịp được. Còn như Lưu Thắng thì đức-hạnh trầm-tĩnh có thể làm căng-thức cho làng xóm. Như Mật thì không khỏi cái tiếng chê cười, mà có khi không khỏi bị nhục, may gặp Vương Dục là người hiền dung-thứ cho mà thôi. Ta bảo rằng Lưu Thắng ở làng thì giữ một cách cần-nguyện, Đỗ Mật ở làng thì có ý khích-ngang, như thế thì làm Lưu Thắng dễ, mà bắt chước làm Đỗ Mật khó. Vì là cái thói ghen ghét kẻ chính-trực xưa nay vẫn thịnh-hành; làm như Lưu Thắng thì là một người hương-nguyện, làng xóm ai cũng ưa ; còn như ở làng mà muốn đem tài-cán ra giúp việc, gặp việc gì cũng can-thiệp thì không khỏi vô-đoán, hay bị phải những tiếng chê bai. Đỗ Mật tuy không đến nỗi vô-đoán, nhưng phần nhiều bị phải người ghét. Đời Tam-đại mà thịnh-trị được là trước nhất phải sửa sang phong-tục trong làng, nhờ về có một vài kẻ hiền-đức mà có thế lực họp người làng lại mà cùng mưu lấy địa-phương tự-trị. Nếu người nào cũng như Lưu Thắng cả, thì còn ai ra mà gánh vác lấy việc trong xã-hội nữa. Ông Cao Trung-Hiến đời Minh có bức thư đáp ông Chu Bình-Hàm rằng: Kẻ sĩ-phu khi ở trên miếu-đường thì lo cho dân, khi ở ngoài giang-hồ thì lại lo cho vua, đó là cái bụng thực của kẻ sĩ-phu. Lại khi ở miếu-đường thì không việc gì là không vì vua mà làm, khi ở giang hồ thì không việc gì là không vì dân mà làm, ấy là cái thực sự của kẻ sĩ-phu, cái thực-tâm thực sự ấy dẫu đến lúc tam-quang mờ, vạn vật nát, mà vẫn còn mãi. Ôi ! kẻ sĩ-phu tuy ở chốn giang-hồ mà vẫn lo về việc nước việc dân, thì không phải như bọn hương-nguyện, chỉ nhất-vị mua lấy cái danh-dự của người làng mà thôi. Xem thế thì Lưu Thắng là kẻ khôn ngoan khéo lắm, sao hay vì bằng Đỗ Mật được.

9º — *Lời bình phẩm trong làng.* — Đời Lưỡng-Hán có phép hương cử lý-tuyển, trước nhất phải khảo-sát cái đức-hạnh lúc bình-sinh, hễ người nào bị thanh-nghị chê bai thì suốt đời

không ai kể vào đâu nữa. Vậy nên người quân-tử sợ phạm đến hình-luật, mà kẻ tiểu-nhân thì có cái thói biết xấu hổ mà đổi làm điều thiện, giáo-hóa tự nhiên thành ở dưới mà người trên không phải dùng đến nghiêm-khắc, nghị-luận định ở trong làng mà dân không dám phạm phép. Xem như Hàn Tín là người vô-hạnh thì không được thôi-bổ làm kẻ lại, Trần Thang là người vô-tiết thì không được tiếng khen của châu quận, Chủ-Phủ Yển đi học phép tung-hoành thì nhà nho bài bác không dung, Lý Lăng hàng rợ Hung-nô, thì những kẻ sĩ-phu ở Lũng-tây đều lấy làm thẹn, Phạm Phang khi nhỏ khích-lệ thanh-tiết thì châu-quận đều phục cả, Sái Ung hay cùng với chú và em họ đồng-cư, ba đời không chia của, hương-đảng đều khen là cao-nghĩa. Cuối đời Đông-Hán cái phong bình-phẩm kẻ hay người dở thực là thịnh-hành ở đất Nhữ-nam thì có Hứa Thiệu cứ đến mồng một đầu tháng thì bình phẩm mọi người đã thành thói quen. Còn như cái thói mượn người làm văn gà để cầu may thi đỗ ra làm quan, thế-tục cũng đều lấy làm xấu hổ, Dương Cầu có bài sớ tâu rằng: Trong quán Hồng-đô văn-học có nhiều kẻ mượn người gà văn, quỉ-quái trăm chiều, người thức-giả lấy làm xấu hổ. Ấy những lời công-thị công-phí bình-phẩm như thế, cũng còn hơi có một chút trực-đạo đời Tam-đại.

10° *Việc hôn thú.* — Khi ấy lấy vợ gả chồng rất sớm, mà cái tục cưới xin rất xa-xỉ, nhà nghèo không theo được, thì thường không dám đẻ con. Lúc cưới thì thường lấy cha làm chủ-hôn; khi có dâu mới về thì có cái tục lấy sa che mặt, hoặc che màn dâu rể cùng ngồi; lại có cái thói kết-hôn tự-do như Văn-quân theo Tư-Mã Tương-Như, ly-hôn tự-do như vợ Chu Mã-Thần bỏ Mã-Thần, lúc lấy nhau không có nệ gì vai trên vai dưới. Cái thói lấy nhiều vợ thực là thịnh-hành, trong cung các nhà công hầu có đến và trăm mĩ-nữ các nhà khanh-sĩ có đến và mươi kẻ tì-thiếp. Cái thói trọng-nam khinh-nữ cũng thịnh. Vương Cát có tâu vua Tuyên-đế nói rằng: Tục nhà Hán các liệt-hầu lấy công-chúa thì gọi là thượng công-chúa 尚公主, người dân mà lấy con vua chư-hầu thì gọi là thừa ông-chúa 承翁主, thế ra con trai phải thừa-phụng con gái, chồng phải chịu kém vợ, làm trái ngược cả ngôi âm-dương, ấy cũng là không hiểu cái nghĩa vợ chồng là địch-thể với nhau. Khi ấy con gái thường có chồng riêng mà cũng không hay-kỵ gì cả, như là chị vua Võ-đế là Quán-Đào công-chúa ở góa mà yêu mến Đổng Yển đến hơn mười năm, Võ-đế đến chơi nhà công-chúa thường gọi Đổng Yển là chủ-nhân-ông, sau công-chúa lại cùng hợp-táng với Đổng Yển một hố. Chị vua Chiêu-đế là Cáp công-chúa khi ở góa cũng tư-thông với kẻ Đinh ngoại-nhân, vua với Hoắc Quang đều biết cả mà không muốn làm mất vui của Công-chúa, lại cử cho Đinh ngoại-nhân vào hầu. Hoàn Khoan nói rằng: Một đám ma thì nhà hết của, một đám cưới thì của đầy xe. Đó đều là nói về cái tục ma chay cưới xin xa-xỉ, Tư-Mã Thiên, Ban Cố cũng lấy làm lo nghĩ về cái tục ấy. Mã Dung nói rằng: Cái tục cưới xin có kiệm-ước, thì trai gái hôn-nhân mới kịp thời được; lệ ma-chay có kiệm-ước, thì người chết mới được chôn sớm. Những câu ấy đều là hữu-tâm nghĩ đến thế-đạo cả.

11° *Việc tang.* — Từ khi vua Văn-đế nhà Hán hạ chiếu cho đoản-tang, nên các quan đại-thần không có theo cái lễ tang ba năm, đã thành lệ đi rồi. Kể cả các thần-liêu hai đời Hán không mấy người để trở cha mẹ ba năm. Đặng Diễn không để tang cha, vua Minh-đế cũng biết, tuy vẫn bỉ là người vong-bản, nhưng triều-đình vốn không

có định-lệ để tang, nên cũng không lấy thế mà bắt tội được. Các quan có người bị đình-ưu, xin cáo về để trở, thì phải dâng thư lên tâu xin, cũng có người được cáo về, có người không được cáo về, cũng có người tạm cho cáo về rồi triều-đình lại khởi-phục gọi ra. Đời Lưỡng-Hán về lễ tang không có định-chế, cho nhân-dân được tự-do để trở khinh trọng thế nào tùy ý, vậy nên những người giữ danh-nghĩa thường làm quá, trừ mấy người như Giang Hoa, Vương Trần, Nguyên Thiệp, Diêu Kỳ, Vi Bưu, Pháo Ngang, Viên Thiệu là để trở cha mẹ ba năm, lại còn như Tiết Bao để trở cha và bà hậu-mẫu đến sáu năm, Công-Tôn Hoằng để trở bà hậu-mẫu cũng đến ba năm, Phó Nghị, Tuân Sảng, Hoàn Loan để trở người tiến-cử cho mình cũng ba năm, Vương Doãn, Hoàn Điển, Lý Tuân để trở quan quận-tướng cũng ba năm, Hầu Ba, Phùng Trụ thì chế áo để trở ông thầy, Thôi Thực, Vi Nghĩa, Dương Nhân, Tiền Nguyên, Mã Dung, Trần Thực, Đới Phong, Giả Qui thì lấy lẽ có tang cơ-niên mà cáo quan về. Khi người chưa mất thì cũng có làm sinh-phần, khi mất rồi có lễ chiêu-hồn, đưa ma có câu hát vãn, có bài kể hàng-trạng, có mượn thầy địa-lý để xem đất tốt xấu, khi chôn rồi có bài văn bia, có bài minh mộ chí; Trên mộ hay trồng cây bách, có làm nhà từ-đường, trong nhà từ-đường có nhà thờ ảnh. Cố Đình-Lâm bảo rằng từ khi bỏ lễ đặt thần Thi thì lại làm ra nhà thờ tượng. Lễ tế mộ khởi-thủy từ đời nhà Châu, mà người đời Hán cũng trọng lễ tế mộ. Kiều Nguyên khi mất rồi, Tào Tháo cảm thương người tri-kỷ, gặp tiết hàn-thực, Tào Tháo tự làm bài văn và đem gà rượu ra tế ở trước mộ. Thế là người đời Hán lấy lễ tế miếu mà đem ra tế mộ, nên có kẻ nhân-thần mà về tâu việc ở trước lăng, có khi nhân tế mộ mà họp cả họ hàng cố-nhân và các quan ở hàng huyện, có khi nhân tế mộ mà quan-nhân phải cung ứng, có khi ông vua cũng đến thăm mộ kẻ nhân-thần, có khi vua ban cho tên thay ở trước mộ, có kẻ thứ-dân mà tế mộ đấng tiền-hiền, nhân-tình sự-hướng như thế hèn thành ra phong-tục. Về sau lưu-tệ đến như Dương Luân làm lễ tang ở cung-lăng, Triệu Tuyên đã táng cha rồi mà không lấp đường tụy-đạo, nhân lưu ở đấy để trở đến hai mươi năm. Lại còn những kẻ tiểu-nhân ở chốn thị-tình họp nhau đến và mươi người làm hiếu-tử cùng phụng-thủ Tuyên-lăng, rồi được làm chức Thái-tử xá-nhân cả, thực là bại-hoại mất cả lễ-giáo. Khi ấy cái tục hậu-táng là theo cái thói cũ từ đời Xuân-thu. Nhưng trộm giặc nó thường phát-quật ra để lấy của, dẫu lăng nhà vua cũng không khỏi. Lưu Hướng đã có bài sớ tâu về việc khởi đắp Xương-lăng, kể rõ cái tai vạ hậu-táng như Ngô Hạp lư, Tần Thủy-Hoàng đều vì hậu-táng mà bị khai quật. Cung Thăng, Trương Hoán thì chủ về lễ bạc-táng cho khỏi khai-quật. Cống Vũ, Chân Bàn, Vương Phủ, Triệu Tư thì đều cho hậu táng làm không phải. Dương Vương-Tôn muốn đến để táng trần để kiểu-tục lại. Bài thư của Vương-Tôn đáp người bạn bảo rằng người đã chết rồi thì thể-phách còn biết gì, mong cho chóng tiêu nát đi là hơn. Triệu Tư đưa thư cho con cũng bảo ý như thế, cốt để khuyên răn người đời rất là khích-thiết lắm.

12° *Dâm-tự* — Đời xưa điển-lễ, đã có chức Trận-tôn coi giữ; Châu-lễ có chức Xuân-quan coi về việc lễ, không thể sai lầm được. Tự đời Xuân-thu trở xuống mới có thói dâm-tự cúng tế nhảm nhí. Đời Tần Hán có những kẻ phương-sĩ bày ra dâm-tự không sao kể xiết, xem như tờ thư phong-thiện của Sử Thiên thì biết. Nhưng tờ thư phong-thiện của Sử Thiên làm ra thực

là có thâm-ý, cuối cùng nói rằng việc cầu-đảo không có hiệu-nghiệm gì, thì chính là bài-bác những việc dâm-tự. Cống Vũ, Khuông Hành, Vi Huyền-Thành, Cốc Vĩnh, cũng hết sức bài-bác dâm-tự, lễ tế giao đời Hán còn là giữ cổ-chế, nhưng đến cuối đời Vương Mãng đền thờ dâm-tự có đến một nghìn bảy trăm sở. Thiên *tự-điển* trong sách *phong-tục-thông* của Ứng Thiệu về những việc dâm-tự thần-quái cấm-kỵ đều nói chỉ-trích để chỉnh-đốn lại. Lại bài-bác việc vua Vũ-đế đi tế Phong-thiện để cầu sống lâu và những truyện Thái-Bạch-tinh, truyện thần-tiên, truyện giời mưa ra thóc, truyện mặt trời trở lại chính ngọ, truyện hồ bơi qua sông, truyện ngựa mọc sừng, đều cho là bất-kinh cả. Vương Phù cũng chê những việc đồng-cốt cúng-tế là phí-tổn vô-ích, Tống Quản thì giết đứa đồng-cốt mà cấm tuyệt cái thói tế thần Hà-bá, Đệ-Ngũ Luân thì khép án bắt tội những đứa vu-thác quỉ thần để lừa kẻ ngu-dân, ấy điều là những lời nghị-luận chính đáng và phép cấm nghiêm ngặt để tuyệt thói dâm-tự đi, nhưng dân-gian mê-tín đã lâu, có khi buổi sớm cấm buổi chiều lại thôi, điều tệ này tuyệt đi lại sinh ra cái tệ khác, cũng đều bởi dân-trí chưa khai cho nên mới còn mê-tín như vậy.

13° *Phật-đạo.* — Phật pháp tràn vào nước Tàu, cứ như sách *Liệt-tử* nói thì tự đời Lần cùng với lũ người Đảo Lợi-Phòng giao-thông, hoặc tự đời Tây-Hán đem tượng phật từ nước Hung-nô về, ấy là lúc bắt đầu nước Tàu mới có Phật, nhưng chưa xét rõ được đích-xác. Song cứ xét trong *chính-sử* thì nước Tàu có Phật tự đời vua Minh-đế nhà Đông-Hán năm Vĩnh-bình thứ mười, khi ấy có hai người sư Ấn-độ là Nhiếp Ma Chúc Pháp-Lan, vâng tờ chiếu mời đem kinh-điển nhà Phật đến nước Tàu, ấy là lúc phật-giáo mới đông-độ Song dân-tộc Tàu cái lòng mê-tín tôn-giáo rất bạc, không mấy người theo đạo phật. Đến vua Hoàng-đế mới tin theo phật-giáo, khoảng năm Hưng-bình dân-gian mới có người theo, từ đấy qua đời Tam-quốc đến đời Lục-triều, đời Tùy đời Đường, mới thực là cái thời-đại phật-giáo cực-thịnh. Đạo-giáo là một chi-lưu về phái học Lão-tử, chia có hai phái: 1° Phái Đan-đỉnh. 2° phái Phù-lục. Phái Đan-Đỉnh khởi-thủy từ đầu đời Hán, phái Phù-lục khởi-thủy từ cuối đời Hán. Đạo-giáo ở Tàu tức là phái Phù-lục, khoảng đời vua Thuận-đế Hoàng-đế có người Tương Khải mới đem sách thần-thư của Vu Cát dâng vào trong triều, về sau Trương Giốc mới dùng cái thuật ấy để làm loạn thiên-hạ; lại có Trương Đạo-Lăng cũng truyền cái thuật ấy, truyền-thụ mãi về sau người ta mới tôn làm bậc chân-nhân, phụng làm đấng Thiên-sư, từ đấy kẻ sĩ-phu ở Nam Bắc-triều đều tôn theo đạo-giáo, Khấu Khiêm thì hiển ở phương bắc, Đào Hoằng-Cảnh thì hiển ở phương nam, làm cho Lục-nghệ, Cửu-lưu đều mất sạch cả, từ đấy phái Đạo-giáo mới tràn khắp cả trong nước.

14° *Nô tỳ* — Đời xưa người bị tội mới gọi là nô-tỳ. Xét kinh *Thư* có nói ta thì nô-lục mày, sách *Luận-ngữ* có nói Cơ-tử đi làm kẻ nô, ấy đều là kẻ nô có tội-lệ. Đời *Xuân-thu* kẻ nô-lệ biên tên riêng vào sổ đan thư, có kẻ xấu hổ làm nô muốn đốt cái sổ ấy đi. Nguyên cái thói cũ thì không có kẻ nô-tỳ, chỉ có kẻ nào mắc tội mới phải một-nhập làm nô-tỳ mà thôi. Than ôi! Từ khi nước Tàu không có quân-sản, thì trong số người mới nẩy ra một hạng nô-tỳ, thực là đáng thương. Đấng tiên-vương khi xưa chia đều đất ruộng cho dân, không có một người nào thất-sở mà phải đi làm nô-lệ. Lúc bấy giờ phụng-sự cha anh đã có con

em, phụng-sự bố chồng mẹ chồng đã có con gái con dâu. Châu-quan chín chức có kẻ thần-thiếp để thu nhặt tài-sản, có kẻ chất-nhân để coi về việc khế-ước của dân, đó đều là những người phục-dịch ở nhà các quan sĩ-phu, tức như những kẻ quan-nô đời sau. Từ đời Chiến-quốc đời Tần đời Hán trở về sau, kẻ thường-dân mới được mua bán nô-tỳ. Nhưng phép nhà Hán vẫn nghiêm-cấm cái tục bán người cùng với luật đời Đường cấm không cho cầm bán những trai gái nhà lương-dân để làm kẻ nô-tỳ sai khiến, thế cũng còn là giữ được cổ-đạo. Còn như những kẻ tội-lệ mà phải làm việc dâm xay, hoặc phải đầy làm nô-tỳ, cũng nên thương lắm. Cho nên nhà Hán có cái luật cấm giết nô-tỳ, cấm đốt nô-tỳ, về sau lại cho nô-tỳ bằng hạng thứ-dân, hoặc cho miễn làm hạng thứ-dân. Than ôi! Đời Hán thực đã có cái phong phóng-thích nô-tỳ. Cố Đình-Lâm có nói nhà sĩ-phu mà dùng người sai khiến, thì phải bỏ tiền ra thuê. Đối với kẻ nô-tỳ đãi một cách hà-ngược cũng không nên, mà khoan-túng quá cũng không được, nên bắt-chước cái cách nhà họ Viên trị-gia đãi kẻ nô-tỳ có phép-tắc rất kỹ. Nhưng vẫn chưa bỏ hẳn cái danh nô-tỳ đi được, ta chắc rằng sau này thế-giới tiến-hóa mà thực hành cái chế một vợ một chồng, bỏ hẳn cả cái thói súc-tỳ-thiếp đi, thì mới gần được như cổ-phong, chứ bất-tất phải ra cái luật cấm mãi-nô nữa.

15° *Thi ca.* — Người đời Hán lấy ba trăm thiên đều có ngụ ý can-ngăn, từ vua Vũ-đế lại mới lập ra nhạc-phủ nhặt lấy những lời ca-dao, như những câu hát ở đất Triệu đất Đại, những câu phong-dao ở nước Sở nước Tần, đều là cảm về sự thương sự vui mà phát ra ca-vịnh, cũng có thể xem được phong-tục hậu hay bạc. Từ-phú cũng là một lối cổ-thi, thời bây giờ những người văn-thần từ-chương thì có Tư-Mã Tương-Như, Ngu-Khâu Thọ-vương, Đông-Phương Sóc, Mai Cao, Vương Bao, Lưu Hướng. Các quan công-khanh đại-thần như là Nghê Khoan, Khổng Tang, Đồng Thư, Lưu Đức, Tiêu Vọng-Chi, cũng thường làm thơ ca để đạt hạ-tình mà ngụ ý qui-phúng, hoặc tuyên thượng-đức mà tỏ lòng hiếu trung, cái công hiệu cũng như tờ báo ngày nay. Xét ra thì Đông-Phương Sóc cũng là người lấy văn chương mà can khéo, Tương Như, Dương Hùng thì thường đem thơ ca để dua-nịnh. Bài phú Lưỡng-đô của Ban Cố, bài phú Lưỡng-kinh của Trương Hành, thì thực là phúng-gián thâm-thiết. Lại còn những lời phong-dao Triệu Phi-Yến, Trương công-tử, và những câu đồng-dao về đời vua Hoàn vua Linh, hoặc chê chính-sự tham-lam, hoặc nói về cái vạ đảng-cố, hoặc kể về cái đời loạn về hoạn-quan thường-thị, đều là thực-lục có thể để làm răn về sau được.

Lại còn như bài ca *Canh-điền* của Chu-hư-hầu, bài *Tú-sầu* của Trương Hành, bài *Ngũ-y* của Lương Hồng, cũng là những giọng hát bi-phẫn của Sái Diễm và Giang-đô-vương Kiến, đều là có lòng ái-quốc. Ban Tiệp-Dư có bài thơ Hoàn-phiến, La Phu có bài thơ trách Sứ-quân, vợ Dậu Nguyên có câu thơ rằng: Áo thì không gì bằng áo mới, người thì không gì bằng người cũ. Xem những thi-ca trên ấy thì không những là ái-tình chiền-miên, mà lại biết được cái tiết-tháo lẫm-liệt. Lại còn bài *Bạch-đầu-ngâm* của Trác Văn-quân đủ tăng được hào-khí cho người; bài *hành-quân-ca* ở trận đánh thành Nam, đủ làm khởi-phát được tinh-thần thượng-võ; bài *Lương-phủ-ngâm* của Gia-Cát Võ-hầu thì thực là có ý nghĩa-hiệp tự-phụ không vừa.

16° *Ngôn-ngữ. A. Danh-xưng.* — Hai chữ *tiên-sinh* 先生 về thời Hán cũng có lúc chỉ xưng chữ tiên, hoặc

bỉ xưng chữ *sinh*, như trong truyện Triều Thố xưng chư-công là Đặng-tiên, Hán-thư xưng Trương Khôi là Khôi-sinh. Nhan-chú đều thích là tiên-sinh cả. Hai chữ *túc-hạ* 足下 về đời Chiến-quốc chỉ xưng về vua. Đến đời Hán Sở, Lịch-sinh cũng gọi Bái-công là túc-hạ. Đến sau mới thông xưng cho cả mọi người. Hai chữ *môn-sinh* 門生 thì là thông xưng những người học-trò thụ-nghiệp, hoặc có nghĩa bảo những người y-phục quyền-thế cũng gọi là Môn-sinh. Chữ *thần* 臣 về thời Chiến-quốc đối với mọi người đều xưng thần, cũng như là bây giờ xưng chữ *bộc* 僕. Đến sau thì quan đối với quốc-quân, thuộc-lại đối với phủ-chủ đều xưng thần. Nhưng đời Hán vua chư hầu cũng có xưng thần, như là Tề Ai-Vương viết thư tự xưng thần với các vua chư-hầu. Vua thiên-tử cũng có xưng thần, như là Hán Cao xưng thần chúc thọ cho Thái-thượng-hoàng. Hai chữ *Vạn-tuế* 萬歲 là lời chúc mừng, đời Hán kẻ duyện-lại cũng xưng vạn-tuế, lại khi Lý Cố mới ở trong ngục ra, kẻ nhân-dân ở chốn kinh-sư đều hô vạn-tuế, sau Lý Cố bị Lương Ký nó ghét, rồi phải bị giết.

B. *Ngạn-ngữ* — Trong Sử-ký có những câu : Lấy quyền-lợi họp, khi quyền-lợi hết thì lại sơ. Hay làm vị tất đã hay nói, hay nói vị-tất đã hay làm. Biến-cổ loạn thường, thế nào cũng chết. Con nhà giàu nghìn vàng không khi nào chết ở giữa chợ. Nghề nông không bằng nghề công, nghề công không bằng nghề thương. Kẻ trộm vàng thì phải bị giết, kẻ trộm nước lại được phong hầu. Chăm cày ruộng không bằng gặp năm được mùa, khéo làm quan không bằng gặp vận-hội. Nghìn người trỏ một, không ốm cũng chết. Nước rất trong thì không có cá, người hay xét-nét thì không có đồ-đảng. Để cho con đầy hòm vàng, không bằng dạy con một cuốn sách. Vợ chết bụng thương, chỉ mình mình biết, vàng không thể làm ra được, cuộc đời không thể lường trước được. Trở lên những lời ngạn-ngữ còn nhiều, cũng có câu thì ngụ-ý cơ-phúng, cũng có câu thì duy-trì thanh-nghị, không thể dịch ra hết được, lược xem đó cũng có thể xét biết được dân-tình.

17° *Phong-tục cuối đời Hán.*— Cuối đời Hán Vương Mãng cướp ngôi. Tuy cũng có nhiều người ca-công tụng-đức Vương Mãng, nhưng cũng có nhiều người cao-tiết như Hà Võ, Pháo Tuyên, Cao Cố không chịu theo Mãng mà chết, lại có người khởi-binh đánh Mãng, hoặc tử-chưng không ra làm quan với Mãng, cái tiết-tháo ấy có thể hưng-khởi được kẻ ngoan-phu nọa-tử. Song những người chí-sĩ ấy ví như cây tùng, cây bách mùa đông, không được mấy người, vì đời Tây-Hán dẫu nhiều bậc sư-nho nhưng đại-nghĩa chưa rõ. Đến đời Đông-Hán mới tôn-sùng tiết-nghĩa, cử-dụng những người minh-kinh đức-hạnh, nên phong-tục cũng biến đổi đi. Đến cuối đời Đông-Hán, triều-chính dẫu nát, quốc-sự dẫu suy, mà những bọn nho-lưu đảng-cố vẫn chủ-trì nhân-nghĩa, thủy chung không biến, từ đời Tam-đại trở về sau, phong-tục tốt nhất không đời nào bằng Đông-Hán. Phạm Uất-Tôn bảo rằng khoảng đời vua Hoàn vua Linh, triều-đình đổ nát, chính-sự suy-đồi, ai cũng biết rằng có cơ đến mất, thế mà những kẻ quyền-thần không dám dòm-nom, đã đổ rồi mà lại chống lại được, đều là nhờ về những bậc nhân-nhân quân-tử lấy thanh-nghị phù-trì, thực thế không sai.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

PHONG-TỤC CÁC DÂN THƯỢNG-DU AI-LAO

Ai-lao chia ra làm ba phần : thượng-du; trung-du và hạ-du, trong ba miền đó thì ngôn ngữ cho tới tôn-giáo có khác nhau ít nhiều, còn về phong-tục ở thượng-du thì thiệt khác xa với hai miền dưới. Ở đây có tới mười tám, mười chín giống người, ngôn-ngữ khác nhau nhưng không thể nói ra hết được. nay ký-giả xin nói về người Youn *ở* Houesai *và người* Lư *ở* Muongsing *thôi.*

Hai xứ dưới thì ký-giả thiết-tưởng đã nhiều người khảo tới, còn về miền thượng-du này thì chắc chưa có mấy người xét đến, nên ký-giả xin nói ra sau này để chư độc-giả xem cho vui và cho biết phong-tục của dân thượng-du Ai-lao.

Trước khi nói tới mấy điều kể trên, thì ký-giả xin thưa rằng : về đường ngôn-luận ký-giả thật còn vụng lắm, lời văn không được cẩm-tú thanh-tao, nhưng xin cứ nói ra rõ ràng những điều tai nghe mắt thấy.

I. — Bàn về tôn-giáo — *Khắp hoàn cầu thì dân nào cũng có một tôn-giáo làm chủ, xét ra nước Nam ta thì dân có hai ba tôn giáo, chẳng có đạo nào cho hoàn-toàn cả. Người thì thờ đạo Thiên-chúa, kẻ thì tùng đạo Phật, lại có kẻ thì hầu như không có đạo gì cả. Việt Nam có tên trong sử xanh đã hơn bốn ngàn năm nay, mà dân không có chủ-đích một đạo nào cả. Ôi ! tôn-giáo là cái giây liên lạc, là cái ngôi đạo-đức của thầy giống người, mà dân ta xem ra thường quá. thì đạo-đức làm sao cho phát đạt được, đạo-đức không phát-đạt thì nước ắt phải chậm đường tiến-hóa. Người theo đạo Phật thì nói Phật phải, người theo đạo Thiên chúa thì nói đạo Thiên-chúa hay ; cũng con Hồng cháu Lạc cả, mà một người một ý-tưởng, nghĩ thiệt lo thay. Sách có câu :* « Bất đồng đạo bất tương vi mưu », *thế thì dân Nam-Việt đã rõ-ràng một người một ý khác nhau, sao bảo được hai chữ « Đồng-tâm » để anh em đồng-bào đưa nhau lên con đường tiến-hóa được !*

Xứ Ai-lao dân-trí còn khờ, đặt đâu ngồi đó, họ chỉ mong ước làm sao trong gia-đình được sung-túc, còn về việc xã-hội thì tha-hồ ai khép mở, nhưng về đường tôn-giáo thì từ vua chúa cho tới kẻ cày sâu cuốc mướn cũng tùng đạo Phật cả, ngoài đạo Phật thì họ chẳng có đạo gì khác nữa. Nên trong một làng ít ra cũng có tới hai ba cái chùa, một chùa cũng có tới chín mười người cả sư cả tiểu. Trong một chùa thì có một người đứng đầu gọi là Koupawat (*người này là người tu-hành đã lâu, dân-sự đã kính-trọng lắm rồi*). *Hễ trong dân làng ai muốn trừ ma yểm quỉ, hay có đám tang chay gì thì là thỉnh tới cả. Cũng như ở mình, kẻ theo đạo Phật thì rước sư Cụ, kẻ theo đạo Chúa thì rước các đấng nhà thờ vậy. Nhưng người Lào người Lư rước* Koupawat *thì dễ lắm, chỉ một vài cành bông và một đôi nến là được, chứ không phải xôi oản hay cơm hầu gì. Trong dân-gian thì ở nhà không có ai thờ-phượng gì cả, trừ ra những khi mời sư tới nhà, còn có việc gì thì cứ ra cầu-nguyện tại chùa.*

Thầy chùa ở xứ này không có ruộng-nương gì cả, thế mà cũng no ấm, thung-dung. Ở về hai miền dưới, thì sáng mai từ 5 giờ, người Koupawat *cầm một cái thẻ đi trước đọc kinh, theo sau một đoàn chừng 9, 10 người tiểu, một người mang một cái rổ, dân trong làng hoặc già, hoặc trẻ sáng dậy một người bưng một*

« ép khẩu » (cái đựng xôi) ra ngồi hai bên đường, hễ khi nào nhà chùa đi qua thì lại nắm một nắm xôi bỏ vào trong rổ cho mỗi một người tiểu, khi nào trong làng có mấy chùa đã đi lấy cơm đủ rồi mới trở ra về. Còn các nhà sư thì một ngày chỉ sáng đi lấy cơm một lần về ăn cả ngày ; về sư tiểu thì đã có tiền của các sư cụ đi làm đám về, hễ đi một đám boun (làm phước), than (làm chay), ít ra cũng được chín, mười đồng, nhưng cái tiền đó không phải nhà mời phải chịu, hễ ai có lòng thành bỏ vào bao nhiêu cũng được, rồi cái tiền đó bỏ vào chùa, mà trong một tháng có tới ba bốn nhà rước.

Còn về miền thượng du này thì về sự ăn uống không như hai miền dưới, mấy người đi tu hễ có cha mẹ thì về nhà ăn, không có thì về nhà cô bác, chứ sáng mai không có ai đưa cơm cả, có người không có cô bác thì người trong làng nuôi. Thế là sáng mai không phải mang rổ đi lấy cơm mà xem ra chừng lợi lộc hơn hai miền dưới, vì dân đua nhau làm boun làm than luôn.

Ký-giả thiết nghĩ rằng : không có tôn-giáo nào mà không có kẻ chê, mà những người cầm quyền tôn-giáo ấy được cho hoàn-toàn cả.

Ký-giả ở Vientiane lên tới Muong-sing, ở đấy thấy phong-cảnh lạ-lùng, một mình đất khách, phần thì nhớ nhà, phần thì nhớ anh em bạn, ngày bận việc, đêm phải kết bạn với một người Lư đạo chơi trong làng, trước cho đỡ buồn, sau cho biết cái phong tục của họ làm sao. Đêm nào đi chơi cũng gặp toàn nhà sư tay xách đèn đi chơi rầm-rập, ký-giả mới hỏi người bạn rằng : « Làm sao đêm nào ta đi chơi cũng gặp Chaufa (sư đi chơi cả là sao ? » Người bạn nói : « Họ có tính quen vậy đó, đầu hôm đọc vài câu trong chùa, chừng chín mười giờ là bảo nhau đi chơi làng ». Ký-giả lại hỏi rằng : « Sao vậy ? » Bảo : « Trong một chùa thì chỉ có người Koupawat là có giữ được chính-chuyên một chút thôi, nhưng cũng có người thấy cảnh chùa lạnh lẽo rồi cũng đi chơi « đêm », còn những người khác vẫn cái thói như vậy, vì họ vào chùa tu là để lấy phước cho cha mẹ đó thôi, một năm hay năm bảy tháng họ lại ra, lại có kẻ trong gia-đình quẫn-bách, cha mẹ chẳng còn mới vào chùa để nhờ cửa Phật, cơm no áo ấm, rồi lại muốn tiêu-khiển nữa. » Ôi ! Nghĩ đã chán cho mấy người tu hành như vậy ; người nói đi làm phước cho cha mẹ, thì phước chưa thấy đã thấy tội, người nói vào chùa nương-náu nhờ Phật cho ấm tấm thân, thì uổng cơm làng nước quá, lại mang cái tội rối đạo nữa. Hay là họ mới vào chùa ở xem trong sách nhà Phật, biết cuộc đời tang-điền thương-hải, chúng-sinh còn đắm ở bể khổ, bến mê, họ muốn ra lộn với vòng tục để xử-đoán cho tường-tận, may ra siêu-thoát tử-sinh, lên tâu cùng Ngọc-hoàng Thượng đế rằng : Cõi trần còn nhiều điều rắc-rối, xin ngài ra tay tế-độ ? — Hay là họ nghĩ : ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, tu-hành có được đắc-đạo không, mà bỏ uổng một đời xuân-xanh ? — Hay họ nghĩ ăn rồi ôm lấy cuốn kinh nằm co-co trong chùa cả năm tận tối thì khuyết-điểm vệ-sinh quá, nên đi ra chơi cho tiêu-khiển ? Nếu họ nghĩ như hai điều sau, thì gì hơn chắp tay lạy Phật Nam-Mô, rồi cởi cái áo cà-sa đi, để theo phường công-tử « bột », chẳng phải khoái hơn là mang cái lốt nhà chùa mà lô-mô cả đêm thì tôn-giáo có ra gì nữa !

Một hôm ký-giả đi chơi gặp một đứng tu hành, nâu-sồng ăn bận, thế mà dưới chân đi một đôi giầy tây vàng, ký-giả thấy kỳ mới hỏi rằng : « Người là một đấng tu hành, làm sao không theo các người ở chùa, lại có đi giầy vàng nữa ? » Sư-ông mới trả lời rằng :

« Bọ thử cợp pha-lạng phou sao bọ mắc » là: « Không đi giầy tây, con gái không yêu, » Ôi! câu trả lời của một đấng tu-hành thiệt là tự-do quá, đáng khinh thay! Còn nhà sư hút thuốc phiện, nhà sư đánh bạc, nhà sư cưỡi xe đạp đi lung-tung trong tỉnh, thì không kể cho xiết được.

Trông rằng mấy đấng tu-hành ở nước nhà, dốc lòng từ-bi, bác-ái, mà ra tay tế-độ vớt kẻ trầm-luân, chứ đừng theo đúng « mốt » quá mà hại cho tôn-giáo nước nhà.

II. — Hôn-tục.— Tất thảy dân ở xứ Ai-lao thì dựng vợ gả chồng theo về cách tự-do giá-thú, hoặc khi hội hè, hoặc khi gặp nhau đường chợ, hai bên anh chị cứ được tự-do mà trò-chuyện cùng nhau, cha mẹ không hề ngăn-trở. Đầu chuyện xa, sau lại gần, khi hai bên đã ưng nhau rồi, thì người con trai cứ mỗi một đêm tới nhà người con gái chuyện trò suốt đêm, khi hai bên đã trao lời vàng đá, hẹn-hò tát cạn bể Hồng, thì mới ngỏ lời cùng cha mẹ biết; đến lúc bấy giờ cha mẹ mới biết con mình có chồng, chứ trước cho chàng rể có tới nhà luôn thì họ cũng chẳng hay gì, vì ở xứ Lào, hễ nhà nào có con gái tới tuổi lấy chồng thì con trai các làng cứ tới nhà mà trò-chuyện, sau gái yêu ai ấy được, cho nên ở xứ này thường có nhiều đám mạng ghê-gớm vì tình. Người Lào người Lư nói hễ trong nhà có con gái lớn không có con trai tới thì là nhà tiểu-phước, và người con gái cũng thẹn mặt với chị em. Nên nhà nào có gái lớn mà không có con trai đi lại, thì họ giết heo gà mà cúng ma quỉ. Thiết-tưởng mấy chị má đào ở xứ này mà sinh-trưởng ra ở Hà-thành hay Kinh-đô thì cha mẹ lại phải vác rùi mà trục các ma quỉ nữa!

Ở về miền thượng-du này, hễ người gái nào đã đến tuổi lấy chồng, thì phải may dệt lấy đồ mà bận trước khi ra ở với chồng, nếu chị nào khi ra ở với chồng mà không có đồ tự mình làm lấy thì họ cho là gái giang-hồ, cho nên đàn bà xứ này từ kẻ ở tỉnh-lỵ cho tới người ở nơi rừng xanh núi đỏ cũng biết may dệt cả.

Đám cưới. — Khi hai bên đã hẹn ngày rồi, nhà con trai phải đưa tới nhà gái một con heo, vài chục cần rượu (một cần chừng 10 chai lớn) và bảy đồng bạc, còn trang-sức lấy nhà giầu hay nghèo không bắt buộc, duy ba khoản trên đó thì phải có đủ, vì trước khi ăn đám cưới cha mẹ bên gái đã đi tin cùng bà con làng nước rằng ngày nọ ngày kia ăn cưới con mình, hay người con gái tự đi tin lấy cũng có. Cho nên con heo và rượu để thết-đãi bà con. còn bảy đồng bạc thì gọi là tiền « mặt khoản » (buộc chỉ vào tay cho hai người vợ chồng trước khi hợp-cẩn), rồi lấy cái tiền đó mua đồ về cúng ma quỉ trong nhà, để tin với ma quỉ rằng: hôm nay trong nhà có thêm một người nữa, nếu có đau yếu xin phù-hộ cho.

Nghinh-hôn. — Ở ta gọi là nghinh-hôn thì đúng, chứ ở đây gọi là nghinh-tế mới phải, vì con trai đi lấy vợ thì phải theo vợ, cho nên người Lào sinh con trai không bằng sinh con gái. Một đứa con gái thì sau già yếu có thể nhờ, còn sinh ba người con trai thì không trông cậy, vì lấy vợ xa bao nhiêu cũng phải tới ở với cha mẹ vợ.

Khi bên trai đã sắm đủ rồi, thì một vài người anh em đưa người con trai tới nhà con gái. Bên gái thì cỗ bàn đã sắm-sửa chỉnh-bị rồi, làng nước bà con đến đủ rồi, thì mới làm lễ buộc chỉ. Trong đó người ta cũng chọn lấy mấy người già cả, hay những người có chức tước trong làng buộc chỉ vào tay cho hai người vợ chồng mới; buộc xong người con gái hài tay chắp lại đi lạy các người dự tiệc (chỗ này không thể tả ra hết được). Xong rồi mới ngảnh

ra chén hát lu-bù suốt đêm, chén khi nào không thấy đường đi mới thôi. Vậy mới gọi là kin khẹc (*ăn cưới*).

Giàu nghèo chẳng kể, hễ lấy nhau mà không có lệ buộc chỉ thì họ bảo là trai đường gái chợ. Nếu trong gia-đình có xảy ra sự gì, vợ chồng không hòa-thuận, hay đau ôm thì họ nói vì cưới xin không buộc chỉ cả, nhất là khi xảy ra sự ly-dị thì không ai xử-đoán cho.

III. — Tang-tục. — *Trong làng nhà nào có người chết, thì nhà nào nhà nấy, trừ ra một người ở nhà còn nữa thì tới nhà người chết cả, để hát xướng hò thét suốt đêm tới khi cất đám mới thôi. Họ nói rằng : Người chết còn nằm trong nhà, thì cái hồn vẫn ở đó, hát xướng cho cái linh-hồn người chết nghe lần sau cùng và cho tang-chủ bớt sự buồn sầu. Cái cách họ nghĩ thiệt hay, nhưng những người con mắt trông thấy thì thiệt là buồn cười quá. Trong nhà cha hay mẹ mất, không hề khi nào mà nghe một tiếng khóc cả, chỉ nghe đàn hát suốt đêm ngày, cha mẹ chết nằm đó, chứ con cũng ra múa hát như người. Thiệt có ai bảo, hay vào tới nơi mà xem mới biết nhà có người chết, chứ đứng ngoài thì ngờ là đám ăn mừng. Nhưng khen cho họ là : người nào tới đó thì ăn miếng trầu, uống bầu nước lã, chứ tang-chủ không phải mổ trâu giết heo gì để trả nợ miệng cả, thế mà xem ra người nào người nấy cũng có lòng sốt-sắng cả, không phải như ở xứ ta, tới viếng tang-gia nghe ba tiếng « ô-hô ! ô-hô ! ô-hô ! » trước linh-cữu người chết, rồi quay ngay lên giường đánh chén, cười như pháo rang, hễ tang-gia có điều lầm lỗi thì trách-móc ngay. Ghê thiệt ! họ lấy ba tiếng khóc « xôi » của họ, mà nhẫn-tâm hành-hạ những nhà tang trở. Ước sao cái thói hủ-lậu đó bỏ đi cho rồi !*

Tống-táng. — Nhà giàu có, và nhà thế-phiệt thì dùng hỏa-táng, còn nhà nghèo và dân thường thì chôn-cất thôi.

Nói về hỏa-táng thì có ý phiền-phức quá ; những người nào ngoài bốn mươi tuổi chết mà gia-tư sung-túc mới dùng hỏa-táng được. Vì trước khi dùng hỏa-táng thì phải cúng tiền vào chùa và phải rước sư tới tụng kinh trong nhà luôn-luôn. Khi cất đám, cái quan-tài để lên một cái xe, bà con tới cột một sợi dây vào xe, rồi sáu bảy người sư đi trước tụng kinh, bà con thân-thích ai tới đi đưa thì cầm lấy sợi dây ấy kéo đi dần-dần, đi ra tới chỗ đất, họ sắp một đống củi thông, hình chữ nhật, để cái quan-tài lên trên, khi đó con hay cháu trèo lên mở nắp quan ra, bồng tử-thi ngồi lại, cởi hết cả áo quần ra, nhà sư đứng dưới tụng kinh, tụng xong, khi đó ai đi đưa thì cầm một người một bó đóm châm vào là cháy như cháy rừng. Cháy xong họ làm rậu che chung quanh thiệt kỹ, hễ ba ngày ra thấy dấu chân người thì hót tro vào gửi trong chùa, mà thấy chân thú-vật thì xây lăng lại đó, rồi trong con-cái có ai chưa vợ con thì vào ở chùa như ký-giả đã nói trên kia.

Ký-giả đã được xem nhiều đám, nhưng chỉ thấy dấu chân chim-chóc thôi, chứ không thấy dấu chân người bao giờ, thiết-nghĩ những cái đó là huyền-hoặc cả, vì chim quạ nghe hơi thịt nướng thì vào kiếm ăn đó thôi.

Ký-giả ở về miền thượng-du này đã hơn một năm có biết được bấy nhiêu, xin hiến chư độc-giả xem cho biết phong-tục của các dân về miền Thượng du Ai-lao.

TỪ-GIANG

QUẢ DƯA ĐỎ (1)

PHIÊU-LƯU TIỂU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Trí Tiến-Đức năm 1925)

XI

XXVI. — Cáo-thành

Ở ngoài bến Sứ bỗng nghe thấy tiếng lệnh râm-ran, tiếng người xí-xố, người trong bến tới-tấp ra xem, thì thấy chiếc tàu buồm to tướng mà đen trùi-trũi, đang vào bến, hỏi ra là thuyền người Tề mà năm ngoái đã vào bến một lần, nhưng chuyến này sang chỉ có người lái thuyền là Trần Tử-Nguyên mà thôi, còn Điền đại-phu thì không sang nữa; thuyền Tề vào tới bến, lại vừa gặp mùa dưa Việt-nga chọc chầy, trông lên đã thấy hai ba cái mành đỗ ở bến, trên bờ thì những người bản-xứ trong nội-địa đang khênh gánh « dưa hấu » là thứ dưa người Tề đã mua về năm ngoái đem xếp xuống mành. Tử-Nguyên lấy làm ngạc-nhiên, lên mui đứng trông trước bến thấy hai dẫy nhà ở hai bên, giữa thì đường cái thung-thỉnh, người đi kẻ lại rầm-rập, xa-xa lại lác-đác mỗi chỗ dăm ba cái nóc nhà mới, Tử-Nguyên ngờ là thuyền mình đi lạc đường vào một cái đảo nào khác, bèn sai một tên thủy-thủ là người nước Ngô có võ-vẽ tiếng Việt-ngữ lên bờ hỏi thăm, thì chính đấy là đảo Nam-hải, đảo-chủ là Mai tướng-quân, mà nhân-dân thì mới chiêu đến đó. Tử-Nguyên nghe nói giật mình kính-phục An-Tiêm thực là thần-nhân, trước Tử-Nguyên nghĩ cái cảnh-huống ở đảo Nam-hải vẫn y-nhiên như cũ, thì khi tới bến sẽ có mang tặng đảo-chủ một ít thực-phẩm và mời xuống thuyền chơi, nay thấy đảo Nam-hải bỗng có cơ-đồ hưng-thịnh, khác hẳn ngày trước, thì cái sự đối-đãi với đảo-chủ, Tử-Nguyên cũng đổi ngay ra cách khác, bèn đưa thủy-thủ và lễ-vật lên yết-kiến. Thầy trò vừa mới lên đến bến, thì đã thấy một người thiếu-niên tuấn-tú, khăn thâm áo rộng đi trước và bốn người nữa theo sau, người nào cũng ăn mặc gọn-gàng ra dáng binh-sĩ đứng đón ở bên đường; người thiếu-niên vái chào Trần Tử-Nguyên mà rằng:

— Đảo-chủ cho chúng tôi ra nghinh-tiếp sứ-giả của quan Đại-phu nước Tề.

Tử-Nguyên cũng vội-vàng đáp lễ, rồi theo bọn thiếu-niên ấy đưa đi. Nguyên lúc thuyền Tề vào bến thì một người la-tốt ở đầu phố đã chạy về báo, An-Tiêm bèn cho Thạch Thiện-Kế — tức là người thiếu-niên ấy, — đưa bốn người thủy-thủ ra đón. Tử-Nguyên vừa đi vừa trông, chỗ nào cũng thấy cỏ-dả lau-lách đã phá quang thành nương thành ruộng, chỗ thì trồng cây trồng rau đã tốt, đường đi lối lại phong-quang; góc bể nọ chài phơi thuyền đỗ, chân đồi kia bò thả trâu cày, nghiễm-nhiên một cái đảo-quốc đang tân-tạo; đi khỏi bến Sứ một lát thì đến nhà « tiếp-tân », nhà này là một cái sang đất mới trình, lợp cỏ. Vào tới sân, đã thấy An-Tiêm với các người thuộc-viên đứng chờ, hai người trông nhau mừng rỡ, rồi An-Tiêm mời Tử-Nguyên

(1) Xem N.-P. từ số 103. — Bộ tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

lên tầng gác. Một bên thì Tử-Nguyên, một bên thì An-Tiêm với Thạch Thiện-Thừa, phân tân chủ ngồi yên, Tử-Nguyên dưa một phong thư với hai gói vật của Điền đại - phu gửi sang, lại một gói chi-lễ của Tử-Nguyên tặng riêng nữa. An-Tiêm giơ hai tay nâng lấy phong thư bóc ra xem, thư rằng :

«齊中大夫田氏致書于南海枚賢契。

君之高節。吾中華聞者三嘆。國大臣特命致聘。兩間浩蕩。人生蜉蝣。不膜路犒。君其勿辭»。

(*Tề trung-đại-phu Điền-thị trí thư vu Nam-hải Mai hiền-khế. Quân chi cao tiết, ngô Trung-hoa văn giả tam thán, quốc đại - thần đạc mệnh chi sinh, lưỡng gian hiệu đãng, nhân sinh phù du, bất điền lộ khao, quân kỳ vật từ*).

Nghĩa là : « Quan Trung đại - phu nước Tề họ Điền gửi thư cho người bạn thân họ Mai ở Nam-hải rằng :

« Trong đất Trung-hoa này ai nghe thấy cái cao-tiết của bác thời cũng thán-phục, vì vậy quan đại-thần nước tôi sai tôi mời bác, bác phải biết rằng người ta ở đời cũng như con phù-du ở trong trời đất mông-mênh kia, có thấm vào đâu, thì nghĩ làm gì, vậy cái lễ sinh mọn này để bác ăn đường sang chơi, bác không nên từ ».

An-Tiêm đọc đi đọc lại hai ba lần rồi đặt cái thư xuống chỗ ngồi một cách trân-trọng mà rằng :

— Qui đại-phu có lòng quyền-quyền bất-xả, tiện-lệnh thực minh-bội không bao giờ quên, cái khổ-trung của kẻ tiện-lệnh này thế nào đã từng bộc-bạch ở trước qui đại-phu với qui thuyền-chủ biết cho rồi, xin hai ngài ngọc-thành cho kẻ tiện-lệnh được trọn cái đạo làm kẻ thần-tử ở trong trời đất, thì thuyền-chủ sẽ vì kẻ tiện-lệnh này mà thuyết minh cho, đồ sinh-vật này xin phụng-hoàn.

Tử-Nguyên tự nghĩ như năm ngoái hoang-tịch là thế mà An - Tiêm còn không chịu dời cái đảo này, nữa là bây giờ đã nên một nơi có nhân-dân, có xã-tắc như thế, thì y còn chịu đi đâu nữa, nên nghe An-Tiêm trả lời thì lặng yên, không khuyên dỗ gì nữa. Khoản-đãi xong hai bên đem hóa-vật đổi cho nhau ; năm nay hàng ở đảo từ dưa cho đến hải-vị trân-bảo thứ nào cũng nhiều hơn năm ngoái. Tử-Nguyên đổi được một thuyền đầy. Hôm nhổ sào, An-Tiêm lại gửi đồ sản-vật và một phong thư về cảm tạ Điền đại-phu. Thư rằng :

«文郎國。南海令。枚氏。再拜齊大夫田足下。海天知遇。沒齒不忘。君國深恩。靡首莫報。萬里辱聘。昧死以辭。惟賢大夫其諒之。大夫能使吾兩國邦人。得互通有無。敝島藉以殷盛。實惟大造。薄賦一笥。再答高義。»

(*Văn-lang quốc, Nam-hải lệnh, Mai-thị tái bái Tề đại - phu, Điền túc-hạ.*

Hải thiên tri ngộ, một xỉ bất vong, quân-quốc thâm ân, mi thủ mạc báo, vạn lý nhục sinh, muội tử dĩ từ, duy hiền-đại-phu kỳ lượng chi, đại - phu năng sử ngô lưỡng quốc bang nhân, đắc hỗ thông hữu vô, tệ-đảo tạ dĩ ân thịnh, thực duy đại tạo, bạc-phú nhất khuông, tái đáp cao-nghĩa.)

Nghĩa là: « Quan Lệnh Nam-hải nước Văn-lang là họ Mai tái-bái nói với quan Điền đại-phu nước Tề rằng :

« Được ngài tri-ngộ ở chốn bể trời, không bao giờ tôi dám quên, mà cái thâm-ân của vua của nước, tôi dẫu nát thân cũng không đủ báo, thì cái sự hạ-sinh đến tôi ở chốn xa-xôi này, tôi

chịu chết mà xin từ, xin hiền đại-phu xét cho, đại-phu mà để cho người dân hai nước ta được buôn bán đổi chác với nhau cho tệ-đảo nhờ đó mà nên thịnh-vượng, ấy là ơn ngài nhiều lắm, gửi chút sản-vật, gọi là đáp lại cái lòng cao-nghĩa của ngài. »

Thuyền buôn nước Tề chuyến này về rồi, người ta đồn đại vào trong nội-địa Cửu-chân, Hoài-hoan, cho đến các nước Xà-bàn, Qua-oa, ngoài nam-dương các lái buôn đều nô-nức chở sản-vật đến để bán cho người Tàu rồi lại cất hàng Tàu về bản-xứ mình, vì người Tàu thì lúc mới chỉ có người Tề, sau người nước Ngô nước Sở nước Ô-việt cũng kéo đến buôn bán, kẻ thì ở lại mở cửa hàng. Từ đó thuyền buôn các nước ra vào quanh năm, không có kỳ-hạn nào nữa, đảo Nam-hải toại-thành ra một cái chợ đông vui, đồ hàng phần nhiều của ngoài đưa lại, chứ trong đảo thực không có mấy tí, thứ dưa Việt-nga đến hãy giờ bất-quá chỉ là một vị quà quí làm môi-giới cho các lái buôn ta mà thôi. Một cửa bể đã lập thành phố-xá cho các nước ra vào buôn bán, thời cái cuộc tụ-tập đông vui, sinh-nhai phong-hậu, bất-tất phải kể ai cũng biết. Còn cái sự An-Tiêm đối với cụ Thạch cao-nhân thế nào thì ta không nên bỏ qua.

Thạch cao-nhân từ khi trông thấy bọn ngoan-ngu trong nội-địa tức là bọn con cái học trò cụ họ đưa vợ con và mộ người kéo nhau ra phấp-phới, thì cụ lẳng-lặng không nói gì, rồi lội ngay sang bên Lạc-viên, chui qua rừng mưỡu tới một nơi hẻo lánh mà ở lại, chỗ ấy là một cái doi đất ở Lạc-viên ăn ra, địa-thế nhỏ hơn vườn Lạc-viên mà cảnh-trí lại đẹp hơn, có suối nước trong, có rừng cây rậm, có bãi cỏ để hóng gió chờ trăng, có đồi cao để trông xa tứ bề trời bể. An-Tiêm với ba anh em họ Thạch, Tử-Ngang, Tiếp-Trọng và hai bác Phùng Trưng sang lạy van mời cụ thế nào cụ cũng nhất-định không về nữa. Bất-đắc-dĩ An-Tiêm với Thạch Thừa cùng các người phải ra tay giùm một mái tinh-xá để cụ nghỉ ngơi, rồi cắt nhau mỗi ngày hai người sang túc-trực ở cái nhà bên cạnh nhà tinh-xá, ngoài bọn An-Tiêm, ba anh em họ Thạch-Tử-Ngang, Tiếp-Trọng ra thì cấm tuyệt không ai được lai-vãng sang vùng đó. An-Tiêm muốn truy ơn họ Thạch, nhân đặt tên chỗ vùng tinh-xá là « Thạch-viên ». Nguyên-lai một vùng đảo Nam-hải về bên núi Vọng thì trơ-trọi đã đành mà về bên Lạc-viên cũng như bên Thạch-viên, tuy có rừng cây mưỡu rậm mà tuyệt-nhiên không có một con thú vật nào, chim thì chỉ có một loài quạ bể mà thôi, đến những giống ve cùng những giống ong bướm cũng không có. An-Tiêm từ khi mới tìm ra được chỗ đất ấy, đã nghĩ ngay rằng : một bức họa thiên-nhiên tuyệt-diệu như thế này chỉ thiếu mất mấy con vật để điểm-trang nọ, thành ra bức tranh cũng phải giảm-sắc, khi nào mình đắc-chí, mình phải giúp cho tạo-vật mà bổ-khuyết thêm vào dăm ba nét bút bằng mấy con vật nữa, thì bức họa mới là toàn-mĩ. Bởi vậy đến nay nhân dịp sửa sang một chốn tinh xá cho một vị cao-nhân nhàn-ngọa, chàng lại càng tỏ ra rằng : một cái cảnh yên-hà tuyền-thạch, đủ để làm khuây-khỏa cho cái lòng cao-thượng mà vắng hẳn thanh-tích của những con vật kia thì cũng một-thú lắm, cái phận-sự mình là phải mở-mang cho vũ-trụ, tô-điểm cho giang-sơn, và phải báo-đáp cho người có ơn có nghĩa với mình, mình đã không để cho cái thế-giới xinh đẹp ngoài trời này chịu cái phận chăn-vu mãi mãi, thì mình cũng không đành lòng để cái khu-vũ tốt lành mà mình đã có công khai-thác ra đây chỉ cô-độc có một loài người hưởng-thụ

cả lấy cái ơn-huệ của Thượng-đế, mà không cho những con vật thuần-lương kia được dự một phần sinh-dục vào đấy. Vả trong một cái đảo-quốc tân-lập như cái đảo này, có cái quang-cảnh náo-nhiệt, lại phải có cái cảnh-sắc an-nhàn, có cái công sức của nhân-dân giúp nên thịnh-vượng, lại phải có cái khí-tiết của đấng đật-dân cao-sĩ để huân-đào cho lòng người, thì mới là một nước có đủ nề-nếp được. — Nghĩ như thế, nên mỗi chuyến thuyền về trong nội-địa, An-Tiêm đặn đem ra cho đủ các giống quả-hoa, côn-trùng, cầm-thú mà ngoài đảo chưa có, để gây cho sinh-sản nhiều ra, mà những giống quả-hoa côn-trùng, cầm-thú ra đến đảo, được nơi đất tốt thì sinh-sản ra cũng chóng lắm, nào lan, nào huệ, nào nhãn, nào cam, đủ các thứ quả ngon hoa đẹp, trồng thành từng luống từng nương; thú thì nào hươu, nào nai, nào vượn, nào hầu; chim thì có công, có khướu, yểng, vẹt, họa-mi, cùng những con ve sầu bướm đẹp, đều là những vật ngày trước ở đây không có, mà nay từng lũ từng đàn, mà xem ra những con vật đó cũng có cảm-tình với người, vì nó thấy người ở đây nhân-lành, không có ý mưu hại nó, nên nó cũng quấn-quít lấy người mà không sợ hãi như ở trong nội-địa khi trước. Những đêm trăng thanh cùng ngày gió mát, cánh bướm rập-rờn trên bông hoa tươi cười, tiếng ve não-nùng trong bụi tùm-bum, hươu rỡn nhau trên bãi cỏ xanh, mẹ nằm con chạy, công nhảy nhót trước nhà tinh-xá, con múa con bay, tiếng chim riu-rít trên cành, tiếng vượn nỉ-non đầu núi, cụ Thạch cao-nhân thưởng ngoạn một cái vũ-trụ kỳ-quan vậy, lại cảm thấy những con vật mới đến, dường như cùng người cùng ca-vũ cái thú êm-đềm tĩnh-tịch của hoa-công đã để dành cho, mà quên cả cái lo phiền xáu-xé ở thế-gian ngày trước. An-Tiêm, Thạch Thừa biết ý cụ đã nguôi-nguôi mà tạm yên, thì hằng ngày lại cho mấy đứa trẻ con trai con gái lớn của nhà họ Mai họ Thạch là Mai Lâm, Quế-nương, Thạch Tiểu-nga và Thạch Bảo rủ nhau sang bên Thạch-viên, trước còn tưới cây nhặt cỏ ở ngoài sân ngoài vườn, rồi lân-la vào quét nước cất dọn ở chỗ bên cao-nhân, thư thả thì anh em chị em chúng nó lại mang sách-vở ra tập đọc tập viết với nhau ở dưới nhà, dần-dà cao-nhân thấy mấy đứa trẻ nhũn-nhặn và ngộ-nghĩnh, ra vào lễ phép, cười nói vui-vẻ, cái lạc-thú cùng cái chân-tính tự-nhiên của mấy đứa trẻ làm cho cụ đang hầm-hầm thống-tuyệt với đời, đang bất-mãn với bố mẹ chúng nó, chính ngay chúng nó lúc mới sang hầu cụ, cụ cũng tưởng cái nghiệp-chủng của bọn ngoan-ngu đã kéo đến mà lừa-dảo cụ, cụ tuyệt-nhiên không hỏi đến, thế mà bây giờ cụ đã yêu giấu chúng nó, cụ sờ đầu sờ tai, rồi cụ bảo chúng nó đem sách vở ra cụ dạy cho học. Từ đó bên Thạch-viên lại thêm ra được một cái nhà học-xá nữa, mà có Thạch cao-nhân dần dần đổi cái lòng phẫn-thế ra cái bụng thương đời. An-Tiêm thấy thế mới lấy làm mừng. Một ngày rảnh việc, bấy giờ sắp đến mùa dưa, An-Tiêm cùng vợ con ngồi chơi trong nhà cung-thất trước bang Hướng-Việt, cái nhà này là cái nhà làm lại lần thứ ba rồi, lần thứ nhất là một cái túp bằng gianh que mà chính tay hai vợ chồng An-Tiêm giùm nên, lần thứ hai thì hai bác Phùng Trưng chữa lại cho rộng rãi hơn, đến lần thứ ba này thì thực là một cái cung-thất, nền cao hiên rộng, sảng-khái huy hoàng, vợ chồng đang khi trông ngắm ra những phong-cảnh trước cửa sổ phương nam, xa-xa ngoài bến Sứ thì cột buồm tầu lố-nhố như một hàng rào thưa, trên đồi mé nam núi Vọng là trại nhà họ Thạch, mái nhà xan xát như bát úp, con đường

bên núi Vọng ra bến Sứ, kẻ đi người lại quần-quật, về bên hữu con đường ấy, cái mồ ông liệt-sĩ, bên mé bể chót vót một quả núi đá bằng từng hòn nhỏ mà người ta chồng chất dần lên, linh-khí như vẫn u-ám ở đó, về bên tả con đường ấy cái tự-đàn ngày nào bằng đất mà nay thấp thoáng những tường xây bệ đá ở trong chỗ cây thông cây da, lá tơ bóng rợp, đang khi cùng nhau ngắm trông vui vẻ, Nàng Ba bỗng sa sầm nét mặt lại gục đầu vào những trấn song cửa sổ, không nói năng gì.

An Tiêm hỏi :

— Hiền-thê có điều gì không vui?

Nàng Ba nói :

— Thiếp trông thấy cái cảnh-sắc ngày nay mà sực nhớ đến lúc hai vợ chồng với hai đứa con thơ bị bỏ lên chốn hoang-đảo hiểm-ác ngoài trời này, thì lòng nào còn tưởng còn có ngày hôm nay nữa, nhờ ơn Thượng-đế không nỡ tuyệt người ngay, thấm-thoắt mười bốn năm trời, đổi một chỗ quạnh-hiu thiên-cổ nên một nơi lạc-quốc đông vui như thế này, tưởng cái công-nghiệp đã thành-tựu rồi, không biết lang-quân đã đồ-hồi đến cái qui-kế chưa?

An-Tiêm nói :

— Cái con đường qua bể đông để về chốn quê hương mà buổi ban đầu hiền-thê đã quyết cùng tôi hóa chim tha đá, xe cát giã-chàng mà lấp cho đầy, lời hứa can-đảm kiên-cường kia còn chúa-chan ở trên mấy câu thơ nọ, thì nay Thượng-đế đã cho ta thành công rồi, cái phận tiền-thân của ta còn dài, ta nên tính về là phải, nhưng trước khi về tôi có nghĩ hai điều là : 1º ta vì nước mà mở mang nên chỗ đất này, thì ta lại phải vì nước mà chọn người giữ lấy cái sự-nghiệp ta ở đây là nhờ ở một nhà họ Thạch, mà xem nhà họ Thạch cũng là một nhà có tâm-chí với nước non, thì khi về ta xin vua cho nhà họ Thạch được thế-thủ cái đảo này để làm chốn phiên-bình cho tôn-quốc ; 2º tôi xem Đại-Thạch-lang được ba đứa con lớn, con gái đầu lòng là Tiểu-nga, con trai thứ hai là Thạch Bảo, con gái thứ ba là Quỳnh-hoa dong-mạo đức-tính cũng phẳng-phất với ba đứa con nhà ta, vậy tôi muốn xin Tiểu-nga cho Mai Lâm, gả Quế-nương cho Thạch Bảo và xin Quỳnh-hoa cho Mai Hải để hai nhà kết cái mối ân-tình với nhau cho thêm được lâu dài, mà ta không phụ với cái chốn ta đã có công để tạo nên này vậy, thì hiền thê nghĩ sao?

Nàng Ba nói :

— Lang-quân đã nghĩ cho việc nước việc nhà tư tình công-nghị vẹn cả hòa hai như thế thì còn gì hơn.

Bấy giờ An-Tiêm bèn cho mời Thạch Thiện-Thừa đến chơi bàn bạc.

Thạch Thừa cũng lấy làm mừng, rồi hai người cùng sang Thạch-viên bẩm mệnh với cao-nhân, mà chọn ngày làm lễ « cáo-thành » trên núi Vọng, làm lễ cáo ở tự-đàn, ở mồ ông liệt-sĩ, rồi hai họ mở tiệc làm lễ cho con cái kết-hôn, tinh-kỳ rực-rỡ, nhã-nhạc vang lừng, suốt mấy ngày trời trong thôn ngoài bến ; xong An Tiêm mới sửa soạn cống-phẩm và viết thư cho người về vương-triều dâng cống.

XXVII .— Vua nhớ

Xanh xanh áng cỏ xanh non,
Giang-sơn vắng-vẻ vương-tôn xa vời.
Vì đâu góc bể bên trời,
Trăm thân dễ chuộc một người đống-lương.

Đó là một một bài thơ của bọn hậu-cung vua Hùng-vương XVII người ta thấy ngài đêm ngày trằn-trọc, nhớ-nhung một người con nuôi tin, yêu có tài-mạo có kinh-luân là ông Mai Yền

hiệu An Tiêm bị hàm-oan nơi bãi bể, vậy người ta hát nên bài thơ đó.

Nguyên từ khi triều-đình vắng mặt ông An-Tiêm rồi thì ông Lạc-hầu già họ Thi không còn sợ có mặt nào tân-tiến lên để thiên-tử yêu dùng mà mon-men vào cái ngôi Tể-tướng ấy nữa, trong thì Hầu cung-đốn hai ông Quan-lang cùng những bọn hoạn-quan biền-bế, ngoài thì Hầu kết nhân-gia với các nhà thế-thần. Hầu dụng tâm duy-trì các ngôi phú-quí đỉnh-chung như thế tưởng cũng đã là vững-vàng lắm. Mùa hạ năm ấy, có việc binh-biến nước Thục tiến bức gần vương-kỳ, nhưng nhờ được trời giúp, binh Thục bị bão chết nhiều, phải lui về nước, vài tháng sau binh Thục xương-quệ chực trùng-lai, Hầu định chước kết-hiếu, thì ngoài biên mới được tạm an, Hầu tự lấy làm công cao, xin vua tấn-phong, vua thấy bè đảng của Hầu cũng nài xin cho hầu nhiều lắm, vua cũng phải chiều lòng bọn đông người mà phong cho Hầu làm «Thi-quân» chỗ thái-ấp của Hầu gọi là «Thi-ấp», là theo lệ của các nhà Tể-tướng bên Trung-quốc được phong thời ấy. Đã ba bốn năm, khi thì Thi-quân ở vương-kỳ, khi thì về nghỉ ở Thi-ấp để kiểm-điểm tài-sản trong thái-ấp của mình, trong Thi-ấp thì Thi-quân có dùng một người chủ-bạ là Công Cật là một người đầy-tớ bí-mật được việc, từ khi Thi-quân còn ở chức hạ-liêu, nay cho vào làm chủ-bạ trong Thái-ấp chưa từng xảy ra có sự gì khi-trá bao giờ, duy Công-Cật có máu say cờ bạc, dạo này lại gặp hồi đen, trong mấy năm kiếm chác trong thái-ấp được đồng nào tất hết mà cũng không đủ, bởi vậy Công-Cật hóa quẫn phải làm liều, một hôm thi-quân kiểm sổ, xét ra được hai khoản mà Công-Cật ăn cắp tất cả tiền thóc trâu bò về những dân trong Thi-ấp nộp thuế và giả nợ. Thi-quân giận lắm nhất-định làm tội không tha. Công-Cật sợ tội quá, không biết làm thế nào được, bèn trốn ra trước triều-đường cáo-giác Thi-quân hai việc : 1º Cái số tài-sản ở trại sông Bờ của An-Tiêm, Thi-quân chỉ sung vào binh-phí một nửa, còn thì chuyển vận cả về Thi-ấp ; 2º Cái tòa Đại-tư-nông khai ra lấy của vương-phủ trợ-cấp cho các chỗ khẩn-hoang thiên-hạ, kỳ thực chỉ đem về tư-ấp và các nơi cũng không đâu thành việc gì. Thiên-tử thân xét ra thì việc là thuộc thực cả, ngài giận Thi-quân gian-tham hại nước, bèn bãi-truất cả chức tước họ Thi, tịch-một cả Thi-ấp và đầy Thi-quân cùng quyến-thuộc ra ba nghìn dặm. Thi-quân tuổi già sức yếu, đi đến giữa đường vừa mệt vừa phiền muộn phát bệnh ra mà chết.

Vua Hùng-vương XVII bấy giờ mới nghĩ ra An-Tiêm là oan, mà chính Thi-quân vu-chức ra cái oan-ngục ấy, ngài bèn giáng chỉ ra đảo Nam-hải triệu An-Tiêm và vợ con về, nhưng thuyền Thủy-quân ra đến phận bể Cửu-chân, hỏi khắp cả những dân ở các đảo và ven bể thì chẳng có cái đảo nào gọi là đảo Nam-hải, mà cũng không có vị vương-thần nào cùng gia-quyến bị đầy ra bao giờ. Thuyền Sứ về tâu vua, vua hỏi khắp triều-thần không ai biết cái đảo ấy ở đâu cả, mà Thi-quân là người kết cái ngục ấy thì chết rồi, sau phải tra hỏi đến người áp-giải lúc bấy giờ là Trần thủy-sư, thì Trần thủy-sư đã cách chức về quê, vua đặc-triệu cho đi tìm An-Tiêm về thì được khai-phục lại cả quan-chức. Kể thực ra thì cũng chỉ có Trần Thủy-sư biết có cái đảo ấy mà thôi, vì một lần ông đi đánh Nam-man, thuyền ra khỏi cửa Thần-phù bị bão, giạt ra đến đấy, khi tạnh bão phải chiếu la-bàn mà trở về, lại một lần ông đi càn giặc hải-khấu, giặc cứ chạy lần lượt hết đảo nọ đến đảo kia, ông cho thuyền đi quá đỗi mà lại đến đảo ấy, thế là ông đến đảo ấy hai

lần, nhưng chỉ lên đến bãi cát lại xuống, chứ không vào trong đảo bao giờ, bình-nhật ông thường nói với ông Thi-quân việc đến đảo ấy để phô cái tài can-đảm của mình. Thi-quân vẫn nhớ, đến khi lập cái mưu kỳ-hiểm để hại An-Tiêm, thì Thi-quân bịa ngay ra là đảo Nam-hải ở gần ven bể Cửu-chân, đã có dân-cư để tâu với Thiên-tử trích An-Tiêm ra đó cho biết hối mà thôi. Kỳ thực thì Thi-quân âm-sử Trần Thủy-sư đưa An-Tiêm và gia-quyến ra tận cái đảo cùng kiệt vô-danh này, nay Thiên-tử hỏi đến, Trần Thủy-sư nghĩ rằng vài bao lương khô với một cái đảo xa cách cõi đời như thế, đến nay dẫu nằm xương một nhà An-Tiêm cũng không còn nữa là người, bây giờ nói ra, không những không còn thấy người đâu nữa, mà sợ lại liên lụy đến mình là đồng mưu, nên bất-đắc-dĩ ông cũng lĩnh thuyền ra bể, lanh quanh rồi về tâu rằng : « Cái đảo chỗ An-Tiêm bị trích vỡ cây nước phúc-một cả vào bể rồi, » thế là xong chuyện.

Hùng-vương thứ XVII nghĩ đến An-Tiêm là một đứa con nuôi, ngài đã có công gây dựng từ thuở tấm bé, chẳng khác sinh-thành, lại nghĩ đến những lúc chàng vào sinh ra tử để hỗ-giá thân-chinh rợ Thục, những cái tài chàng hiến-sách khẩn-hoang đã nên công-hiệu, thật là có cái tài kiêm cả Tôn, Ngô, Quản, Án làm một, thì ngài càng thương càng tiếc càng hối-hận lúc bấy giờ vội giận mà cả nghe quá, mỗi khi nói đến quốc-sự bình yếu dân nghèo thì ngài nhắc đến An-Tiêm mà thở dài, cho đến bọn cung-nữ cũng phải cảm-tình ngài mà hát ra lời thơ trên ấy.

XXVIII. — Triệu-hồi

Một buổi sáng kia từ kẻ chợ nhà quê, náo nức tưng bừng, già trẻ gái trai, lũ lần lũ lượt đông như nước chảy kéo nhau ra tận bến Thủy-quân sông Cái, đó là người ta nghe tin một vị vương-thần là Mai An-Tiêm, một nhà bốn người, bị bỏ ra hoang-đảo ngoài trời, 14 năm nay không chết, mà lập nên thành ấp đông vui, cái người kỳ-tài như thế, nay lại được trở về vương-triều thì nước nhà dân-sự sẽ được nhờ là dường nào, nên người ta mừng rỡ mà kéo nhau đi đón rước. An-Tiêm ở dưới mảnh đi lên, đầu đội cái mũ dâu-mâu cũ đã long lở, ngoài mặc một cái giáp đỏ đã rách mướp cả ra, lưng đeo một thanh gươm không vỏ, chuôi thì bằng gỗ, lưỡi thì cụt chỉ còn độ hai gang tay, đó là ba cái vật quân-ân ngày trước mà nay còn giữ lại được tu-mi tuy có đổi khác mà uy-phong vẫn nghiêm-nhiên một đấng anh-hùng lẫm-liệt như xưa. Kế đến Nàng Ba ngoài cũng mặc một cái áo lụa thâm rách, là cái áo mặc lúc ra đi, mà dung-nhan thì cũng quang-nhuận hơn khi ở nhà. Hai vợ chồng phục-dụng như thế, là để tỏ lòng kính thờ quân-quốc một dạ kiên-trinh là thế nào. Kế đến Mai Lâm, Quế-nương, là hai người con ở nhà đem đi, rồi đến Mai Hải là đứa con trai nhỏ mới sinh ở ngoài đảo, rồi đến con dâu con rể, rồi đến Thạch Kế, Tử-Ngang, Tiếp-Trọng, Phùng Thiện, Trưng Chi-Miêng là những người ở ngoài đảo theo về. An-Tiêm lên khỏi cầu nọi, trông thấy nhân-dân trong cố-quốc là những người bấy lâu mình khao-khát nhớ mong, mà nay đi đón rước mừng rỡ mình đông đỏ đến như thế, thì chàng cảm-động mà kêu to lên rằng:

— Ối các phụ-huynh tôn-tộc, các anh em chị em kia ơi! nhờ ơn Thượng-đế, nhờ ơn Thiên-tử cho tôi lại được trùng-sinh trở về mà trông thấy các ngài đi đón rước tôi đông như thế này, thì tôi cảm-tạ biết là dường nào!

Nhân-dân nghe thấy cái lời thành-thực, thì đều cảm-khích reo ồ cả lên,

tiếng người râm ran, động một phương trời; trong bọn đông người đang náo nức, Nàng Ba trông ngay thấy Cao phu-nhân đi với họ hàng ra đón con đón cháu, Nàng Ba vội ôm ngay lấy bà mà khóc, bà cũng khóc, An-Tiêm với các cháu cũng xúm cả lại, mẹ con bà cháu chưa kịp hàn-huyên điều nào, thì có vương-mệnh giục kíp vào chầu, và cho bao nhiêu người ngoài đảo đều được vào chầu, Thiên-tử đã đang đợi ở Châu-cung rồi, mẹ con bà cháu phải rời nhau ra để theo vương-mệnh cho kịp. Bởi vì Thiên-tử tưởng nhớ An-Tiêm đằng đẵng mười - bốn năm trời, không lúc nào nguôi, một buổi ngài ra thị-triều, quan Thị - thần đệ một tờ thư ngoài bọc gấm vào tâu là thư của một nước đảo-quốc ngoài Nam hải, và có đồ cống-phẩm kính dâng. Thiên-tử bèn mở ra xem thì thấy một dòng chữ ở đầu bức thư đề rằng :

« Kẻ tội-thần bị phóng ra đảo Nam-hải là Mai Yển, hiệu An-Tiêm bách bái khể thủ thượng ngôn ».

Ngài giật mình kinh-dị nhận lại nét chữ, thì đích là tự-dạng của An-Tiêm, ngài bất-giác cảm-tình lai-láng, không đọc hết được bài thư, bèn sai quan thị-thần đọc lên. Thư rằng :

«Tội-thần Yển phụng mệnh đưa thê-noa ra khai thác đảo Nam-hải, đến nay đã được 14 năm, ngu hèn như kẻ tội-thần mà bốn bàn tay trắng, đôi chút máu đào, ở một cái hoang-đảo cách-biệt thế-gian từ khai-tịch đến nay, chưa ai lên tới, mà nay đã dần dần có thành, ấp, dân-cư, có các nước ngoài đến mậu-dịch, tiệm có cái cơ-chỉ một nơi đảo-quốc, nếu không nhờ có hồng-ân của Thượng-đế, nhờ có uy-linh của Thiên-tử và tôn-bang thì sao được thế, vì vậy kính dâng phương-vật, gọi tỏ tấm thành, dám nói dâng công, xin thánh-nhân lượng xét. Tội-thần Yển và vợ-con phủ phục đợi tội ngoài bãi Nam hải.

Phụng-kê :

Việt - nga qua 1.000 quả.

Minh-châu 5 đôi.

Hải-vị tươi 10 bao.

Hải-vị khô 10 gói. »

Thiên-tử nghe đọc hết tờ thư rồi, ngài rùng mình một cái, ngồi lặng một lát, có ý lấy làm ngờ mà rằng :

— Có lẽ An - Tiêm là người thần - nhân hay sao ?

Ngài lại sai thị-thần ra chỗ sứ-giả của An-Tiêm hỏi lại nguyên-ủy xem sao. Sứ-giả của An - Tiêm chính là Thạch Kế. Kế bèn đem dung-mạo của đảo-chủ và tình-trạng từ khi gặp nhà họ Thạch tới nay, kể cho Thị-thần nghe một lượt. Thị-thần lại hỏi :

— Trong thư chỗ kê cống-phẩm có nói 1000 quả Việt-nga là cái gì ?

Thạch Kế vừa trỏ vào những quả dưa để trước mặt vừa thưa :

— Đó là thứ dưa sản ở đảo Nam-hải, đảo-chủ mới tìm ra được về năm thứ ba, dưa này lòng đỏ hạt đen như răng người mĩ-nhân nước ta, nên gọi là « Việt-nga qua », đảo-chủ tìm được giống dưa này, nghiệm ra là một thứ trân cam dị-phẩm, mỗi năm hai vợ chồng lại trồng nhiều thêm ra, rồi khấn-nguyện Thượng đế để thơ vào ngoài vỏ quả dưa mà thả bể, trước người nước Tề với người bản-quốc là họ Thạch bắt được dưa và thơ mà tìm đến, sau người các nước mộ cái tiếng mà kéo đến mở mang buôn bán, khiến cho một cái hoang-đảo thành ra một nơi lạc-quốc thực là nhờ ở thứ dưa này làm sứ-điệp để đi chiêu-lai thiên-hạ đến vậy.

Thị-thần cứ đầu đuôi vào tâu vua, vua nghe nói An-Tiêm còn sống thật, mà việc mở mang hoang-đảo là việc hiển-nhiên, ngài mừng rỡ lắm mà rằng :

—Quả vậy thì An-Tiêm là người trời, mà phú-quí thật là tự của tiền-thân.

Ngài lại sai quan thị-thần ra lấy một quả dưa vào ngài xem, quan thị-thần dâng dưa tiến-lãm, ngài xem rồi truyền đem bổ, quan thị-thần quì trước hương-án cầm con dao chuôi ngà nạm vàng, gọt bổ quả dưa ra, xắt làm từng khoanh rồi gọt vỏ đi mà bày vào cái dĩa ngọc tiến lên. Thiên-tử trông trong chỗ ruột dưa đỏ như son, điểm những hạt đen lóng-lánh, quả như cái miệng cười của cô Việt-nga. Bấy giờ đang lúc giữa trưa mùa hạ, nắng bức lắm, ngài thử nếm một miếng ruột dưa thấy ngon mát lạ thường, ngài lại sai ra lấy mười quả nữa bổ ra ban cho các đình-thần nếm thử, các quan đình-thần nếm rồi tâu lên rằng :

— Đang lúc khốc - thử, nếm một miếng dưa mà khinh - thanh không biết bức nữa, tưởng « bàn - đào » trên Giao-trì cũng không hơn. An-Tiêm thực là một vị lương-bật, trời giáng xuống để khuông-phù xã-tắc, mà quả dưa Việt-nga này thực là điềm lành « thánh - thọ vô-cương, minh-lương hội-ngộ »

Tâu rồi đều lạy mừng.

Thiên-tử bèn sai một quan Lạc-tướng, một quan Thủy-sư đem quân-sĩ và cáo-mệnh chở ba chiếc hải-hạm ra đảo Nam - hải triệu An - Tiêm cùng quyến-thuộc về

Hôm An Tiêm về đến vương-kỳ, Thiên-tử thiết triều ở Châu-cung là cái cung vừa rộng vừa đẹp, trời mới bình-minh, các quan thị thần đã đem nghi-vệ rỡ ràng, quản huyền râm-ran vào rước Thiên-tử và Hậu-phi ra ngự giữa Châu-cung, hai bên tả hữu thì các vị Quan-lang Mị-nương, các hàng công-khanh đại-phu bài-liệt ngồi chầu ; ngoài thì cho quốc-dân vào xem đông như đám hội.

An-Tiêm sốc-sếch dưa vợ con và những người đảo nhân vào đến cửa cung, trông thấy Thiên-tử và Hậu-phi, chàng bèn sụp xuống đất mà khóc nấc-nở. Thiên-tử thân bước xuống bệ ngọc giắt tay chàng lên, an-ủi mà hỏi chuyện. An-Tiêm bèn đem việc của mình mười bốn năm ngoài đảo, một lòng tin cậy ở Thượng-đế ở tiền-thân mà làm cái phận-sự của Thiên-tử đã ủy-sử để đền ơn quân-quốc, thuật lại đầu đuôi tường-tận, rồi lại rút trong bọc ra một tập lá khô, mỗi một cái lá có một bài thơ viết bằng bút que mực nhựa dâng lên. Thiên-tử sai quan Tư-đồ đem đọc thì là những bài thơ của hai vợ chồng làm trong bốn năm còn tiền-tụy về trước, mỗi bài là một cái cảnh-huống thảm-thê, là một giọt lệ, một giọt máu, bi-thiết oán-mộ quân-phụ nước nhà, một giọng tiêu-tao trang-liệt, ai nghe cũng phải thổn-thức mà cảm-phục ; đọc xong thơ Thiên-tử trông thấy An-Tiêm đeo thanh gươm cụt bèn hỏi. An-Tiêm rút thanh gươm và lấy ra một hòn đá lửa đã mòn chỉ còn bằng một cái quân cờ, đặt trước bệ mà tâu là hai vật của nhạc-mẫu Cao phu-nhân giấu cho lúc đi đầy và tâu rằng nhờ có hai vật ấy mới sinh-nhai được với nhau. Thiên-tử lấy làm lạ cho một người phụ-nhân mà sao biết trước được cái gian-mưu để tìm đường cứu giúp như thế. Bấy giờ Cao công-tử đã làm đến quan triều, bèn tâu rằng :

— Việc ấy bấy giờ hạ-thần với đích-mẫu vấn-kế ở cụ Hoàng-cầu Cao-sơn tiên-sinh, lúc ấy tiên-sinh đã chắc An-Tiêm rồi tất về, tiên-sinh nói rằng : « Người khác thì không về nữa mà An-Tiêm rồi tất về, là vì An-Tiêm có biết tin. »

Thiên-tử hỏi các quan rằng :

— Vì sao mà Cao-sơn tiên-sinh biết trước ?

Các quan còn đang bàn đi tán lại,

bì có một quan hạ-đại-phu tâu lên rằng :

— Hạ-thần chính là môn-đệ-tử của Cao-son tiên-sinh, nghĩa ấy hạ-thần có được nghe.

Thiên-tử hỏi :

— Thế thì tiên-sinh nói nghĩa làm sao?

— Tiên-sinh con nói rằng: « Sự biết tin là cái cốt làm việc đời, có biết tin thì lấp bể cũng không lâu, không biết tin thì qua cầu cũng không lọn. An-Tiêm đã có tin, nên vững lòng mà thành-sự, kẻ không có tin thì phải nổi chí mà ngã lòng. »

Bấy giờ Thiên-tử với các quan mới tỉnh-ngộ ra rằng muốn làm việc đời phải nên có tin.

Thiên-tử bèn đặc-mệnh cho An-Tiêm làm Lạc-hầu kiêm chức cũ Nội-đình thâm-vệ Lạc-tướng, vợ con đều được gia-phong. Ấp cũ sông Lô thì lại phong cho làm thái ấp. An-Tiêm lạy tạ ơn vua, xin tính hai chức còn phong-ấp thì xin từ.

Chàng lại dâng sổ hộ-khẩu toàn-đảo và xin cho Thạch Thiện-Thừa được thay chàng giữ đảo Nam-hải mà cung chúc-công vào vương-triều.

Thiên-tử bèn đổi tên Nam-hải gọi là An-Tiêm-châu, bốn thôn ở An-Tiêm-châu thì gọi là Mai-thôn (tức là Mai-trung-thôn), Mai-bắc-thôn, Mai-tây-thôn và Mai-đông-thôn để ghi công người khai-thác, mà cho Thạch-Thiện-Thừa được thế-tập làm quan Bố-chính ở An-Tiêm-châu, lại ban ngọc lụa để thưởng tứ cho Cao-son tiên-sinh với Thạch cao-nhân, còn Thạch Sự, Thạch Kế, Phùng Thiện, Trưng Chi-Miêng, Tử-Ngang, Tiếp Trọng đều thứ-đệ được ban chức tước cả.

An-Tiêm lại dâng ba bài sách nói muốn phòng rợ Thục thì trước phải làm cho nước phú-cường và phải tu cái cựu-hiếu với Trung-quốc, nhất là hai nước Tề, Sở. Vua đều khen phải.

An-Tiêm cảm tạ ơn Thiên-tử và Hậu-phi rồi xin đưa vợ con liên-thuộc về nhà Cao phu-nhân, mẹ con bà cháu chị em một nhà, mở tiệc đoàn-viên vui-vầy.

An-Tiêm lại đem giống dưa Việt-nga tức là dưa đỏ bây giờ trồng ra khu ruộng về bộ Giác-chỉ để dạy cho người trong nước biết cách trồng, lại đặt một lệ mỗi năm thi dưa, để cổ-lệ các nhà trồng dưa giữ được giống dưa tốt ; sau người ta gọi chỗ trồng dưa ấy là đất An-Tiêm, đến đời nhà Lê còn gọi là An-Tiêm-lộ. Người ta lại gọi An-Tiêm là « Tây-qua thủy-tổ » — thủy-tổ dưa đỏ — và « Tây-qua khảo-tỉ » — bố mẹ dưa đỏ. — Tục thi dưa đỏ nay hãy còn, khi thi thì tế An-Tiêm làm tổ-sư.

HẾT

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN-UYỂN

VĂN THƠ CŨ

Nước lụt

Ôi ! mưa đòi trận gió đòi hồi,
Nghênh thấy giang sơn ngập cả rồi !
Lũ kiến bất-tài muôn khóm giạt,
Cành bèo vô-dụng mấy bè trôi ;
Le-the rừng rậm nghe chim hót,
Ngất-ngưởng giường trên thấy chó ngồi;
Nỡ để muôn dân chìm dắm mãi,
Còn ai trị-thủy nữa hay thôi !

.·.

Thượng sĩ hạ dạn

Bài sau đây là của một người hào-hoa phóng-túng làm để trả lời một người khinh mình rằng túng-kiết, trên không chẳng dưới không rễ.

Xương thịt sinh ra nghĩ cũng kỳ !
Dẫu rằng trên dưới kém nhau chi ?
Phá tan cốt-ngạnh cùng hào-phú,
Đúc nỗi nhân-tài với nữ-nhi ;
Núi thịt rừng nem từng dẫ trải,
Làn hồng gác tía lối quen đi ;
Đấy đây dẫ chắc hơn nhau chửa ?
Đấy một thì đây cũng một thì.

.·.

Phú ông Đỗ Nghệ

Bài phú sau đây là của một người ở Ninh-bình làm ra để tả một ông ở vùng ấy mà ai cũng đã biết là người hào-hoa phong-nhã, tính nết kỳ-khôi, cũng là một người lạ trong bốn người mà ta thường nói là ông Tú Xuất, Ba-Giai, Ấm Thanh, Đỗ-Nghệ.

Có một người :

Tính - khí ngang - tàng, ngôn - từ tuyệt-xảo.

Quan chẳng phải mà lại cũng không, thượng bất chí mà hạ bất đáo.

Đông, tây, nam, bắc, kẻ anh-hùng ai nấy đều quen ; Thành-thị kinh-kỳ, chốn tử-các vào ra cũng bạo.

Cũng có lúc giả danh ông cống, tì-tòe dạy trẻ ăn cơm ; lại thường khi lên mặt thầy chùa, vọc-vạch vài bài cúng cháo.

Cũng có lúc cháp sơn điếu sứ, xem hình-hài ra dáng thầy nho ; lại nhiều khi quần cấp ô thâm, ngó phong thể ra nhòng ông giáo.

Kẻ chưa biết, bẩm ông bẩm cụ, tha-hồ nói tựa pháo rang ; người đã quen, tự thánh tự thần, tâng-bốc lên như diều sáo.

Học chưa biết chi, hô, dã, giã, đã khoe mình quán sử thông kinh ; số chưa tường chế, hóa, khắc, sinh, đã múa mép tấu-thư phong-cáo.

Thả nói ra một tấc đến trời xanh ; rút cục lại mười voi không bát sáo.

Nói vượn nói hươu ; giở mèo giở cáo.

Sách có chữ rằng : Bằng hữu chi giao chỉ ư tín, xin chớ sai ngôn ; quân-tử khả khi dĩ kỳ phương, xin đừng nói láo.

Đào Thiện-Ngôn *sao lục*

VĂN THƠ MỚI

Bà Trưng Nhị

Bà Trưng Nhị là em bà Trưng Trắc, xưa nay ai cũng chỉ khen bà Trưng Trắc, mà không có một lời bình-phẩm riêng đến bà Trưng Nhị, thật là một sự sót.

Thiết-nghĩ bà Trưng Trắc anh-hùng mười phần thì bà Trưng Nhị anh-hùng đến mười lăm phần, vì hai điều :

Một là con gái chưa có oán thù, chỉ vì yêu nước thương dân, không tiếc thân bồ-liễu, cất nghĩa-binh giúp chị đề báo thù như thế, thật là một người cân-quắc trượng phu.

Hai là hai trận tấm lòng son tỏ với non sông, sống sạch chết thơm, tự-vẫn mà chết không để quân giặc nhục đến mình vàng giá

ngọc, như thế thật là một bực anh-hùng cao-thượng.

Chị đau lòng em cũng đau lòng,
Một gánh tang bồng sự-nghiệp chung;
Ra tay quét sạch quân cường-tặc,
Trong sạch còn thân gái má hồng.

Bà Mị-nương

Đời vua Hùng-vương thứ mười tám, có con gái tên là Mị-nương, nhan-sắc đẹp lắm, vua Thục cho sứ sang cầu-hôn, Hùng-vương cũng không gả. Sau vua định kén rể bảo quần-thần rằng : Mị-nương là một giống tiên, phải kén người có đức mới gả. Một hôm có hai người đến xin giam, một người là Sơn-tinh, một người là Thủy-tinh. Hai người ấy đều ở nước nhà cả, vua truyền : Tôi có một người con gái biết gả bên nào đừng bên nào. Cứ sáng mai đến bể ai đưa đồ sinh-lễ đến trước là được. Hai người lĩnh lệnh đều ra về. Sáng hôm sau Sơn-tinh mang châu báu vàng bạc các vật cầm-thú trên rừng đến nộp sinh-lễ trước, vua ý ước gả cho Sơn-tinh rước dâu về núi Tản-viên.

Thủy-tinh cũng mang sinh-lễ, nhưng chậm không kịp tức lắm, làm phép mưa to gió lớn, dâng nước mông-mênh, đem quân thủy-phủ đuổi theo. Vua và Sơn-tinh chăng lưới sắt chặn ngang sông về đầu bạt Tử-liêm. Thủy-tinh lại kéo quân đi lối sông Đáy để ra cửa Hát, vòng lên sông Bở đánh vào núi Tản ; quanh chân núi đánh sói nước thành đầm thành vực. Sơn-tinh lại hóa phép hô quân Mán kết tre nứa để chắn nước rồi đem nỏ thuốc bắn xuống loài thủy-tộc chạy cả.

Tục vẫn truyền rằng từ đấy trở đi cứ mỗi năm đến mùa nước to đức thánh Tản và vua Thủy lại đánh nhau. Tra trong thần-tích ở đền Hùng-vương thì đức thánh Tản tên là Nguyễn Công-Tuấn làng Bình-lãng huyện Thanh-thủy bây giờ.

Sau vua Thục cũng oán Hùng-vương vì việc không gả con cho, đem quân đến đánh. Ông Công-Tuấn giúp Hùng-vương đem quân đến Mai-châu đánh tan được giặc Thục, phong là Hương-lang Đại-vương, tức là thần núi Tản-viên bây giờ.

Lá ngọc cành vàng lại giống tiên
Người tiên ai chịu lấy chồng hèn;
Má hồng cũng đáng răng đen đáng
Ông thánh bà tiên thật tốt duyên.
Kia kìa vua Thục hay ghen,
Rừng Mai một trận chắc quên đến già.
Nào thần vua Thủy đâu ta,
Đố dâng hết nước mới là tri cao.

...

Phong-dao

Chị đi mua vôi

Chồng em nung gạch làm nhà,
Có gỗ có cát nhưng mà thiếu vôi.
Bảo em đi chợ mua vôi,
Chẳng may nửa buổi gặp trời đổ mưa.
Chưa tôi vôi đã nát dư,
Về nhà tả hết chỉ thừa sọt không.
Chồng em gắt giận đùng-đùng,
Ngồi sụp xuống đất van chồng suốt đêm.
Van chồng chồng hãy cứ im,
Còn rừng còn núi xin tìm được vôi !

Chị đi xem hội

Rủ nhau xem hội chùa Thầy,
Mặc yếm cổ xẻ thắt dây lưng xồi.
Chưa chồng ta hãy ăn chơi,
Có chồng thì lại không rời cái gông.
Mẹ em đuổi mắng đùng-đùng,
Con gái chết dẫm chơi giong chơi dài.
Mẹ ơi đến hội mà coi,
Chán người là lượt chán nơi cỗ-bàn.

Mắng chị đi xem hội

Giương mắt mà trông thế-gian,
Còn dại như nghếch lại toan cãi người
Đừng tranh khôn khéo với đời,
Đua ăn đua mặc là người dở hơi.
Làm nên giàu có sẽ chơi,
Chán sự vui thú chán nơi hội-hè.

MAI-ĐÔNG *nữ-sĩ*

Họa bài : « Đêm khuya xem sách »
(Của ông Nguyễn Trung-Khuyến đăng trong Nam-Phong số 80)

Hiu-hắt phòng thu trận gió vàng,
Não người khuê-các khách văn-chương!
Thân tuy lưu-ngụ miền Hương Ngự,
Mộng vẫn mơ về đất Lãng-giang;

Giở tập thơ xưa càng áo-não,
Nhớ tình bạn cũ luống mơ-màng;
Lòng dương thổn-thức người nam bắc,
Mở mắt trông trời đã sáng choang.

TUYẾT-TRANG *nữ-sĩ*

∴

Buồn mình

Duyên-nợ phù-sinh mỏng tựa tờ,
Nỗi-niềm tâm-sự rối như tơ.
Trăm năm thân-thế bèo trôi nổi;
Nửa ảng công-danh bụi mịt-mù.
Phận ấy trách chi trời đất hẹp;
Lòng này đem gửi cỏ cây vừa,
Hoàng-lương lúc mảng năm canh mộng;
Một nấm mồ đen giữa chặng bờ.

CAO THỊ-HAI (*Gò-công*)

∴

Tiễn bạn đồng-nghiệp đổi đi Vinh-Tân-ấp

Anh em ai hỡi chuyến này đi,
Non nước xa-xôi chớ ngại gì;
Chén rượu phân-ly này hãy nhớ,
Câu thơ tiễn-biệt cũng xui ghi;
Trời Nam đất Bắc tuy đôi ngả,
Con Lạc cháu Hồng vẫn một chi;
Thôi thế phen này thôi thỏa chí,
Tang-bồng hồ-thỉ đứng nam-nhi.

Vị-hoàng hoài-cổ

Thấy cảnh càng thêm chạnh tấm lòng,
Vị-hoàng đây trước phải hay không?
Giữa dòng nước chảy nên nhà cửa,
Một khoảng sông trong hóa ruộng đồng;
Thuyền ngự vua xưa đâu mất bến,
Trăng thề ước cũ chẳng còn sông.
Vì sông cũng biết như người nhỉ,
Chắc phải đau lòng với hóa-công.

Đề anh

Này mây này nước này trời,
Này tình này cảnh này người đâu ta?
Đầu xanh tuổi cũng chưa già,
Nỡ đem thân-thế bỏ qua việc đời.
Việc đời nặng lắm ai ơi!
Mà ai ai nỡ ăn ngồi cho yên.
Cuộc đời đương lúc đua chen.

TẠ BÌNH-HẢI

∴

Lữ-thứ sầu-ngâm

Lữ-khách than thân chán chán phèo,
Người buồn lại gặp cảnh buồn teo;
Bên màn gió thổi hiu-hiu thổi,
Trước giọt mưa sầu lác-đác gieo;
Nghi-ngút chân trời luồng khói tỏa,
Mập-mờ đầu núi mảnh trăng treo;
Ai xuôi gặp gỡ non tình đấy,
Cái cảnh hôm nay cảnh óc-eo.

Khóc vợ

I

Khéo khéo ông tơ khéo khuấy đời,
Nửa chừng tài-sắc rứa mà thôi;
Sông thề biển hẹn răng răng cũng,
Trâm gẫy bình tan hủy hủy rồi.
Dế khóc canh tàn khô héo giọng,
Quyên kêu sương rụng mỏi mòn hơi.
Hai tay bồng ẵm hai con dại,
Ngẫm nghĩ cơ duyên khúc-khích cười.

II

Vô-tình cam chịu với tình ôi,
Cái nợ ba-sinh đã phủi rồi;
Buồn-bực năm canh con khóc mẹ,
Héo-don mấy đoạn cảnh trông người;
Cái duyên cá nước dương đằm-thắm,
Một giấc chiêm-bao phút rụng rời:
Giọt máu giỏ theo người chín suối,
Trăm năm thân-thế thế thì thôi.

CHUNG-NGHỊ

∴

Hồn Nam - Việt

I

Vừng đông sớm mọc tỏ hơn xưa,
Chiếu khắp châu trần kẻ được thua;
Tỉnh giấc hoàng-lương hồn Việt-quốc,
Nghìn năm ngủ mãi chán hay chưa?

II

Nghìn năm ngủ mãi chán hay chưa,
Ngủ mấy mươi năm mới tỉnh vừa ?
Tứ-hải đua tranh vang vũ-trụ,
Mà mình chẳng biết sớm hay trưa !

III

Mà mình chẳng biết sớm hay trưa,
Đông-đả im hơi gọi chả thưa ;
Đã chẳng hơn ai còn kém kẻ,
Bao giờ mở mắt mới chen đua ?

IV

Bao giờ mở mặt mới chen đua,
Tủi với non sông kiếp sống thừa ;
Người thế mình đây thôi cũng thế,
Mà người dẹp phận phận mình chưa.

V

Mà người dẹp phận phận mình chưa,
Định tỉnh Hồn ơi, sớm kẻo trưa ;
Mở mắt nhìn xem người thế-sự,
Kia vừng bóng thỏ tỏ hơn xưa.

Gánh nước

I

Đôi vai nặng chĩu gánh sơn-hà,
Nỗi nước non này nghĩ xót xa ;
Nhẹ bước may ra còn mấy chuyến,
Không thôi tắm vậy nước ao nhà.

II

Không thôi tắm vậy nước ao nhà,
Khỏi bận cho người khỏi bực ta ;
Vì nước lòng lo cho nỗi nước,
Tình non nước ấy hạt châu sa.

NGUYỄN TÂM-QUYỀN

. . .

Qua đò tiễn bạn

Tà-tà bóng đã xế sang tây,
Tiễn bạn qua đò ngán nỗi đây ;
Vị-thủy mông-mênh cơn gió gợn,
Nam-thành mờ-mịt đám mây bay ;
Bắc nam cách trở lòng thêm ngán,
Vàng đá dinh-ninh dạ khó lay ;
Con tạo trêu ngươi chi lắm tá,
Bước đường xẻ nửa dạ như ngây.

Không thèm đi thi

Người thế lăm-le những muốn thi,
Văn-chương như tớ chẳng thèm đi ;
Tước trời vì nước sao cho tỏ,
Nét đất gương nhà dám để phi ;
Danh phận xu-xi thêm chán chuyện,
Tiếng tăm huyền-hão có ra chi ;
Vũ-môn mặc sức ai bay nhảy,
Mà tớ từ nay có bận gì !

LƯƠNG DUYÊN-HỒI

. . .

Năm mới tự-vịnh

Xuân thu tới đã bấy nhiêu mà,
Tính tới năm nay chục mới ba ;
Dạo gót tang-bồng vui tuế-nguyệt,
Đem thân hồ-thỉ hẹn sơn-hà ;
Hai bàn tay trắng xoay trời đất,
Một tấm lòng son chở nước nhà ;
Nhắn với tri-âm ai đó nhỉ,
Non xanh nước biếc vẫn không già.

NGUYỄN VĂN-HÙNG

. . .

Nhớ ai

Đêm nằm không ngủ những vì ai,
Có thấu cho chăng trời hỡi trời !
Lá thắm cạn dòng ngao-ngán nhỉ,
Chim xanh đứt nẻo thế thì thôi ;
Mối tình riu-rít lòng tơ lụa,
Bể khổ chiêng nghiêng giọng khóc cười ;
Quân-tử ai ơi cầm đứng hỏi,
Đã phiền như thế ngủ sao đây ?

Thầy đồ với con muỗi

Đêm trường bay tới mãi chi đây,
Tớ lạy mà bay vẫn quấy boài ;
O-ó bên tai rầy cả ruột,
Vo-ve trước mặt mỏi rần tay ;

Nếu bay sinh-sự mà đi tối,
Thì tớ bàn cho đợi đến ngày;
Đã biết hay chưa thì cút thẳng,
Đêm trường bay tới mãi chi đây ?

Đứng trên khe

Cái cảnh khen ai khéo vẽ-vời,
Càng nhìn càng ngắm lại càng tươi;
Giữa dòng nước biếc hoa man-mác,
Dưới đáy rêu xanh cá rập-rờn;
Lấp-ló cành cây đàn chích đậu,
Nhởn-nhơ ngọn gió cặp diều bay;
Ngán cho cái cảnh trêu người nhỉ,
Dẫu bực lòng sao cũng muốn cười !

THÁI VĂN-HÒE

. . .

Chơi thuyền hồ Tây đêm mùa hạ.

Một chiếc thuyền lan bé tẻo-teo,
Thênh-thang hồ rộng dạo quanh-queo;
Sen cười trước gió hương ngào-ngạt,
Gương dọi đầu cành bóng lắt-leo;
Hoảng cuộc tang-thương quyên gọi nước,
Say bầu phong nguyệt khách buông neo;
Thiên-thai ví biết đường lui tới,
Ngàn dặm quan-san cũng quyết theo.

Thúy-sơn hoài-hồ

Bồng-lai có lẽ chốn này đây;
Núi núi sông sông khéo xếp bầy;
Người khuất dấu còn thêm nỗi nhớ,
Thu về cúc vắng mối tình gây;
Lâu-đài biến đổi riêng ta cảm,
Phong-cảnh thanh-tao lắm khách say;
Non ấy người này lòng quyến-luyến,
Xa trông sông Đáy nước vơi đầy.

Đồng bạn tự-thán

Đúc lò tạo-hóa một khuôn tròn,
Ngửa mặt giang hồ với nước non;
Mắc tiếng với đời cam chịu bạc,
Một niềm ta giữ tấm lòng son.

Vịnh Kiều xuất-gia

Nguyệt-lão ghen chi với má hồng,
Đuốc hoa để thẹn chốn phòng không;
Chàng Kim tình trước sao hò-hẹn,
Họ Mã duyên sau lại bế-bồng;
Bạc-mệnh bán mình chưa rũ sạch,
Đoạn-trường rút sổ mới là xong;
Sắc tài cũng đáng đồng cân nhỉ,
Đem bán thuyền buôn được mấy đồng ?

Vịnh Sở-khanh

Luống để bia cười miệng thế-gian,
Vì đâu gương vỡ với bình tan;
Kia tiên « tích-việt » chưa khô mực,
Mà ngựa truy-phong đã tếch ngàn;
Nặng túi thương gì thân liễu yếu,
Phụ tình thêm tủi phận hồng-nhan;
Con nhà như thế mà như thế,
Luống để bia cười miệng thế-gian.

Bốn tố-nữ trong tranh

Rõ khéo có kia khéo hợm mình,
Để ta hỏi mãi cứ mần-thinh.
Dung-nhan ông-ả trông ra vẻ,
Kim chỉ thêu thùa ngắm cũng xinh;
Quyết chí còn mong làng sĩ-tử,
Cầm lòng chưa trả nợ ba sinh;
Thôi nghe ta bảo câu này nhỉ,
Gắn bó cùng ta một chữ tình.

Gửi cho bạn

Nhớ ông lắm lúc muốn sang chơi,
Nhưng dở việc quan mấy buổi rồi;
Trò chuyện tới lui chừng ít kẻ,
Anh em tri-kỷ độ bao người.
Bởi xa hóa ngại không chăm đến,
Vì nhớ cho nên có mấy lời.
Thôi chẳng buổi này thời buổi khác,
Còn non còn nước còn ông tôi.

Vịnh Ngâu

Ngán thay cái kiếp vợ chồng Ngâu,
Một giải sông Ngân kẻ cuối đầu;
Li-biệt vắn dài rơi hạt ngọc,
Trùng-phùng than thở gạt dòng châu;
Trăm năm duyên nợ tình hờ-hững,
Một mối tơ vương đắp đổi sầu;
Trẻ Tạo đa-đoan bày lắm nỗi,
Nước đời cay-nghiệt nghĩ mà đau.

Khai-bút

Năm nay tuổi tớ đã hăm ba,
Mưa móc theo xuân đến chật nhà;

Đào lý vui-vầy phô vẻ đẹp,
Trúc mai xum họp nẩy thêm hoa;
Hẹn cùng non nước xuân còn trẻ,
Đối với công-danh chí chửa già;
Năm mới cảnh nhà coi cũng mới,
Mừng xuân say tỉnh khắp san-hà.

Sầm

Anh thì đồ... anh thì đồ... suốt ngày cùng bọn trẻ ngây-thơ, *b*, *a* năm sáu chữ, viết tô bảy tám dòng. Anh nghĩ như anh số kiếp long-đong, sôi kinh nấu sử những mong gặp thời. Ai biết đâu mà toan-tính cái cơ trời, thôi thời cố sức vun chồi Lạc Long. Họa mai sau gặp hội mây rồng, năm châu biết mặt bố công anh cặp rèn. Chẳng lo chi rồi cũng có phen, đất nhà sẵn có cũng có thể đua chen được với đời. Lúc ngồi xuống anh nói bấy nhiêu lời, mượn duyên văn-tự mà gửi cho người tình chung. Ai ơi! Xin giốc một lòng!

NGUYỄN HUY-ĐẠI

.·.

Cảm hương

(*Ô-thước-kiều*)

Ngồi nhìn canh tàn những dẫn-đo,
Cảnh này ai dễ thấu tình cho;
Thần-thơ dưới nguyệt kìa ai đó.
Hoa cỏ non sông những hẹn-hò.

Hẹn hò hoa cỏ với non sông,
Cái thú thanh-cao thú lạ-lùng;
Bướm lượn ong qua lòng chẳng bợn,
Đài gương vằng-vặc bóng trăng trong.

Trăng trong vằng-vặc chốn đài gương,
Gối chiếc hiên tây luống đoạn-trường;
Nông nỗi nước nhà tình vấn-vít,
Cung đàn gượng dạo khúc Nam-thương.

Nam-thương gượng dạo giải sầu tây,
Thánh-thót cung đàn dạ ngẩn ngây;
Ngọn gió Nam qua rèm sịch động,
Tiếng đàn văng-vẳng nước non này.

Này non nước cũ bốn ngàn thâu,
Man-mác trời mây lẫn một mầu;
Tiếng cuốc đau lòng nơi nước thẳm
Song the lã-chã giỏ hàng châu.

Hàng châu lã-chã suốt năm canh,
Tạo-hóa gây chi nỗi bất-bình?
Muốn vạch trời cao kêu một tiếng,
Lòng thành ghi tạc với non xanh.

Non xanh nước bạc rộng bao-la,
Trăm mối tơ vương nỗi nước nhà;
Cảnh ấy tình này thêm luống những,
Mối sầu muốn gỡ, gỡ cho ra.

Gỡ cho ra được dễ ru mà,
Nương-náu canh tàn mãi thế a?
Thấm-thoắt ngày qua cùng tháng trọn,
Đầu xanh mấy lúc tuyết sương pha.

Sương pha tuyết nhuộm mấy thu tròn,
Dạ bách lòng tùng một tấm son;
Thanh-nhỡn trần-ai chừng mấy kẻ,
Mưa sầu gió thảm giục đòi cơn.

Đòi cơn vơ-vẩn suốt canh dài,
Non nước nghìn trùng cảm xót ai;
Thanh-khí lẽ hằng son sắt tạc,
Thấu tình chăng hỡi khách chương-đài?

Không nên chán đời

Đã trót đem thân đứng cõi đời,
Cõi đời há phải đám trò chơi?
Can chi ngao-ngán đời nghiêng ngửa,
Mà cứ lôi-thôi nỗi ngậm-ngùi;
Đồng rộng ao sâu bao xiết kể,
Áo dày cơm nặng một mình ai?
Còn non còn nước còn vương nợ,
Thu xếp xong xuôi kẻo thế cười.

Sư cự

Há phải quên đời tự thủa xưa,
Cà-sa tha-thướt đến bây giờ!
Hồi chuông tỉnh mộng khi khuya sớm,
Tiếng mõ chiều hôm lúc gió mưa;
Tế-độ xót thương người khốn khó,
Phù-trì dưỡng-dục kẻ ngây thơ;
Đêm ngày niệm niệm câu kinh-kệ,
Sinh phúc cho đời khỏi bến mơ.

PHẠM ĐÌNH-BẢN

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Kỳ trước đã thuật các việc lớn trong thế-giới cho đến tháng mười tây. Kỳ này nói về việc trong tháng mười một. Tháng mười một không có việc gì là quan-hệ cho lắm. Những việc bắt đầu từ trước vẫn cứ tuần-tự tấn-tới, phần nhiều chưa giải-quyết được xong, nhưng cũng không trở-ngại gì lắm. Nhân tình-hình chung trong thế-giới không có đổi mới gì, nhà chép việc có thể cai-quát cái đại-thế gần đây mà khái-luận một câu rằng: các nước ngày nay xem ra đương phân vân do-dự, một bên thì những lối chính-trị ngoại-giao cũ, xưa kia đắc-lực lắm, bây giờ đã thấy có phần không thích-hợp rồi, một bên thì những cái khuynh-hướng cùng sự yếu-cần mới có cấp-thiết nhưng còn hỗn-độn, hai bên chưa quyết theo hẳn bên nào, phái bảo-thủ với phái cấp-tiến đương xung-đột nhau, phái cấp-tiến thì xem ra có ý hăng-hái hơn, bề ngoài tựa-hồ như đắc-thắng, nhưng phái thủ-cựu không phải là đã chịu thua hẳn, vẫn hết sức chống lại. Ấy cứ lấy con mắt triết-học mà xét việc thiên-hạ thì thấy đâu đâu cũng có hai cái phản-động-lực đó chống lại với nhau, nơi thì kịch-liệt, nơi thì ngấm-ngầm, nhưng đâu đâu cũng cùng một tình-trạng ấy. Hai cái phản-động-lực ấy có thể điều-hòa với nhau được không, hay là bên nào thắng bên nào bại? Thực ra thì cái chính-sách bảo-thủ không thể nào thắng được cái phong-trào cấp-tiến, chỉ mong hạn-chế được ít nhiều cho khỏi cấp-tiến quá mà đến khuynh-đảo hết cả như ở nước Nga mà thôi. Xem ra cái đại-thế trong thiên-hạ bây giờ là ở sự châm-chước hai cái khuynh-hướng trái nhau đó. Nhưng châm-chước có được không đó là cái vấn-đề rất khẩn-cấp của các nước ngày nay vậy.

Việc nước Đức. — Về phần riêng nước Đức thì xem chừng đã tìm được đường giải-quyết cái vấn-đề đó rồi; hoặc nói thế khi quá thì cho là đã tìm được cách điều-hòa cái chính-sách cố-hữu của mình từ trước khi chiến-tranh với cái tình-thế mới trong thiên-hạ từ sau khi chiến-tranh đến giờ. Nước Đức tỏ ra quyết-chí theo cái chủ-nghĩa hòa-bình thân-thiện đã tuyên-bố ra ở hội-nghị *Locarno* và ở *Thoiry*, tức các báo Tây gọi là cái « tinh-thần *Locarno* » (*l'esprit de Locarno*). Tuy trong các chính-đảng có đảng tả-dương, có đảng phản-đối, các báo cãi-cọ nhau kịch-liệt, coi bề ngoài tựa-hồ như còn phân-vân lắm, song các nhà có trách-nhiệm cầm quyền, khi tuyên-bố, khi diễn-thuyết đều công-nhiên chủ-trương một cái chính-sách quả-quyết mà ôn-hòa, hợp với cái tinh-thần mới đó. Về đường kinh-tế quyết ý muốn đề-huề với nước Pháp, xem như sẵn lòng ký hiệp-ước về việc buôn-bán ở hạt sông *Sarre* thì đủ biết. Lại thuộc về vấn-đề tài-giảm binh-bị, cũng xin quả-quyết thi-hành, nhưng xin đền-bồi cho khoản khác để khỏi thiệt-thòi. Trong suốt tháng mười-một, việc ngoại-giao nước Đức với các nước Đồng-minh cũ toàn là thương-thuyết về vấn-đề giảm-binh cả. Nước Đức thì quyết rằng đã thi-hành đúng như trong điều-ước rồi, xin với Đồng-minh bãi Hội-đồng kiểm-sát binh-bị đi. Theo điều 213 trong hòa-ước *Versailles* thì sau khi bãi Hội-đồng rồi, việc kiểm-sát binh-bị ở nước Đức là thuộc quyền hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc, khi nào

muốn truyền khám-xét ở đâu cũng được. Chính-phủ Đức giải nghĩa điều ấy nói rằng thế là từ nay trở đi không có đặt cơ-quan thường-trực để kiểm-sát nữa, chỉ khi nào hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc xét cần phải khám xét nơi nào thì bấy giờ mới truyền-lệnh khám-xét mà thôi. Nước Pháp thời lại hiểu ra cách khác, cho rằng dẫu quyền kiểm-sát chuyển sang Hội Vạn-quốc mặc lòng, cũng là thi-hành luôn luôn, chứ không phải là lâm-thời mà thôi. Hai bên còn không đồng-ý nhau về một khoản đó. Còn chính về việc giảm-binh của Đức thời nước Anh có gửi tờ thông-tư cho các nước đồng-minh nói rõ Đức đã giảm được những khoản nào đúng như lời ước, còn những khoản nào là hãy còn khiếm-khuyết. Thuộc về cách giải-nghĩa điều thứ 213 trên kia, Anh cũng gần đồng-ý như Pháp. — Hiện ở Đức còn một hạt sông *Rhin* quân Đồng-minh vẫn đóng, nay Đức cũng muốn xin cho rút về. — Nói tóm lại, cái chí của Đức ngày nay là muốn thoát cho khỏi hết những sự bó-buộc của hòa-ước *Versailles*. Vấn-đề sáp-nhập nước Áo với nước Đức, vẫn thấy bàn đến luôn. Ở địa-giới về mặt Đông, là nơi giáp liền với Ba-lan, thì xảy ra việc gì Đức cũng muốn lợi-dụng về phương-diện mình cả. Như việc bầu-cử thị-tỉnh ở *Haute Silésie*, thì theo các báo Đức cho là lợi cho nước Đức, theo các báo Ba-lan thời lại cho là các dân quê có ý khuynh-hướng về Ba-lan hơn. Ở Đức vẫn còn một đảng quân-quốc, muốn hết sức khuếch-trương thế-lực cho nước, dù phải chiến-tranh mới đạt được mục-đích ấy cũng không nề, đảng này vẫn còn thịnh, cho nên các nước còn có ý ngờ cái lòng hiếu-hòa-bình của Đức không biết có được thực không. Tuy-nhiên người Đức ngày nay phần nhiều đã hiểu rằng không giữ lấy hòa-bình thì không làm ăn gì được, không sao khôi-phục được cái cơ-sở thịnh-vượng từ trước, cho nên cách đối-đãi với nước ngoài không thể không theo cái « chính-sách *Locarno* » được. Việc khôi-phục và chỉnh-đốn kinh-tế ở nước Đức ngày nay thật đã thành-hiệu, đáng làm gương cho các nước. Có người Pháp cho là chính nước Pháp tuy là nước chiến-thắng mà tài-chính quẫn-bách, tình-hình kinh-tế kém cả Đức, cũng nên bắt chước Đức mà khôi-phục lại dần. Ở nước Đức, chính-phủ có quyền, người dân sẵn lòng phục-tùng, cho nên Chính-phủ bắt ép được tư-dân phải chịu nhẫn-nhục thiệt-thòi để cứu cho quốc-gia khỏi đến hư-hảo. Bởi thế mà nước Đức sau khi chiến-tranh suy-sút dữ quá, thế mà có trong mấy năm khôi-phục được mau như-thế. Chính-phủ chẳng qua cũng là tiêu-biểu cho cái lòng nguyện-vọng chung của quốc-dân mà thôi, cho nên có thể nói rằng nước Đức khôi-phục được là ở cái chí cương-cường của dân Đức không muốn chịu cái thân-phận kém hèn kẻ chiến-bại, muốn cố phấn-phát tự-cường để phục lại địa-vị cũ. Trước kia tưởng rằng có thể dụng võ-lực để khuếch-trương thế-lực được, nay thua mới biết rằng lầm, bởi lầm mà phải chịu nhục, bây giờ đã biết rồi, cố cần-cù nhẫn-nại để sửa lại cái lầm ấy, rửa sạch cái nhục ấy. Cái công thảm-đạm kinh-doanh của người Đức ngày nay, thật đáng thế-giới kính-phục vậy. Ngay người Pháp cũng biết công đó, mà hiện đã có nhiều người xướng-suất nên hiệp-lực cộng-tác với Đức về đường kinh-tế, cho rằng duy có cách đó để dàng-buộc lợi-quyền với nhau mới có thể bảo-toàn cho cuộc hòa-bình trong hai nước được.

Việc Ý-đại-lợi. — Nước Ý-đại-lợi từ ngày thuộc quyền chuyên-chế của thủ-tướng MUSSOLINI đến giờ, có người tự hỏi không biết rồi có ảnh-hưởng gì đến việc thế-giới không. Chính phủ « Pha-xi » đã giữ cho việc

trị-an trong nước được hoàn-toàn, người dân dâu-dâu cũng được yên-ổn làm ăn, điều đó ai cũng phải công-nhận, dẫu người phản-đối chính-thể ấy cũng phải chịu như thế. Về đường nông-nghiệp, đường công-nghệ, cũng thấy có khởi-sắc hơn mấy năm trước, là nhờ được ông Mussolini hết sức chấn-hưng về thực-nghiệp. Cách cổ-động của ông hăng-hái mạnh-bạo, như ông tướng cầm quân đi trận vậy. Như mới rồi ông cổ-động về nghề nông, xướng lên gọi là « trận ngũ-cốc » (*la bataille du grain*), hẹn cho quốc-dân phải đánh trận này cho kỳ được toàn-thắng khải-hoàn mới nghe. Quả-nhiên thấy kết quả rực rỡ. Xem như thế thì thế-lực của Chính-phủ « Pha-xi » càng ngày càng thấy mạnh. Mới rồi Chính-phủ kết án làm tội những người phản-đối, bắt đầy ở các nơi ở trong nước, cả thấy chỉ có 522 người phải tội mà thôi, coi đó thì biết đảng phản-đối đã yếu thế đi nhiều, và đại-đa-số trong quốc-dân đều thiếp-phục hết cả. Song, như mấy kỳ trước đã nói, đảng Pha-xi muốn duy-trì lấy thế-lực, tất phải kích-thích cái lòng ái-quốc trong dân-gian, muốn kích-thích cái lòng ái-quốc trong dân-gian, tất phải ra mặt hục-hặc với các nước ngoài, nhân đó mà đảng Pha-xi thành một cái hiểm-tượng cho cuộc hòa-bình Âu-châu. Thứ nhất là đối với nước Pháp, nước Ý hình như muốn gây chuyện. Kỳ trước đã nói việc xảy ra ở *Bologne*, chính-phủ Ý chửa xin lỗi về việc đó xong, lại thấy nhiều nơi khác nữa cũng xảy ra những việc vận-động phản-đối người Pháp như thế, như ở *Vintimille*, ở *Benghazi*, ở *Tripoli*, xem ra thì là dân-chúng vô-tri bị có kẻ xui ngầm mà sinh ra những cách cử động trái lẽ quốc-tế đến thế; đã hay rằng hiện nay cũng không có quan-hệ gì cho lắm, nhưng kết-quả sau này không biết đâu mà lường được. Có lẽ chính thủ-tướng Mussolini rồi lâm-thời cũng không đủ sức mà ngăn-ngừa cho được. Ngoại-tướng Pháp Briand đã diễn-thuyết phân-giải các lẽ, nói rằng nước Pháp và nước Ý không có lẽ gì mà ác-cảm với nhau, tưởng rất nên thân-thiện với nhau mới là phải. Nhưng mà phàm sự cử-động của công-chúng là vô-ý-thức; người dân Ý kia vận-động phản-đối người Pháp có hề nghĩ đến lẽ hơn lẽ thiệt gì không, hay chẳng qua là bị kích-thích theo đường nào thời cử-động theo đường đó mà thôi? — Cứ ngoại-diện mà xét, thì hiện nay ở Ý-đại-lợi không có chính-đảng gì cả; duy chỉ có một đảng chuyên-quyền, độc-tôn, là đảng « Pha-xi » mà thôi. Đảng quốc-gia chỉ có một người đại-biểu trong Nội-các, là Federzoni, trước ở Bộ Nội-vụ, nay chuyển ra Bộ Thuộc-địa, tức cũng như là giáng xuống một trật vậy. Còn tổng-trưởng các bộ khác đều là người trong đảng Pha-xi hết cả. Thủ-tướng Mussolini nhân mấy lần phải bị ám-sát hụt, nên nay đặt ra luật-lệ rất nghiêm để giữ trật-tự trong nước. Nay ông đã kiềm-chế được các đảng phản-đối ông rồi, có lẽ ông sẽ biết hạn-chế cái khí hăng-hái quá-độ trong dân-gian, để cho khỏi sinh ra cử-động xằng, và chăm-chút chấn-hưng về đường nông-công-thương như trên kia đã nói, thì vừa may cho nước Ý và may cả cho cuộc hòa-bình Âu-châu nữa. Ý đối với Pháp công-nhiên chỉ có trách Pháp một điều, là dung-túng cho những kẻ phản-đối Ý trú-ngụ ở Pháp. Nước Pháp xưa nay vẫn là một nước rất khoan-dung đối với những người quốc-sự-phạm ở các nước khác, cho nên bất-cứ người Ý, những bậc chí-sĩ ở các nước khác vẫn thường sang lánh mình ở nước Pháp, miễn là tuân theo pháp-luật, còn vẫn được ăn ở yên-ổn, đi lại tự-do. Vậy Chính-phủ Pháp đối với những tay quốc-sự-phạm của Ý sang trú ngụ ở Pháp, không thể tự-nhiên sách-nhiễu

hay bắt-bớ được, trừ khi những người ấy âm-mưu vận-động việc gì thì không kể. Bởi thế nên thủ-tướng MUSSOLINI vẫn có ý giận nước Pháp không vì mình giúp trị những người Ý phản-đối đảng Pha-xi mà hiện lánh ở Pháp. Mới đây xảy ra việc một người tên là RICCIOTTI GARIBALDI là người Ý ngụ ở Pháp mà muốn âm-mưu kết đảng để khuynh-đảo Chính-phủ Ý. Sở cảnh-sát Pháp giò bắt được ngay, liền xử án thủ-phạm và tùng-phạm phải phạt giam cùng phải trục-xuất cảnh-ngoại. Chính-phủ Pháp xử thế là hợp với lệ quốc-tế lắm. Sau xét ra việc này là rắc-rối chứ không phải hẳn như thế. Nghe đâu Chính-phủ Ý mật mưu kết-cấu ra việc này để kiếm chuyện với Pháp, cái cách hành-động âm-muội như thế tưởng không xứng-đáng với Chính-phủ một nước lớn vậy. Nếu phép ngoại-giao mà phải dùng đến những kế-hoạch như thế thì việc giao-hiếu không thể bền được và tất có ngày sinh sự lôi-thôi. Hoặc-giả nói MUSSOLINI tự-đắc rằng ở trong nước mình có đủ sức làm cho nhân-dân phải thiếp-phục, đối với nước ngoài cũng sẽ ra tay cho các nước phải né sợ. Nhưng xem như một điều sau này thì biết rằng cái thế-lực của thủ-tướng cũng chưa phải đã chắc-chắn gì. Hiện thủ-tướng các nước thường nay gặp nhau chỗ này, mai hội nhau chỗ khác để bàn-bạc về việc quốc-tế, nhiều người cũng muốn gặp mặt với thủ-tướng Ý, nhưng chỉ ngại có một điều là định gặp ở đâu cũng sợ có người muốn ám-sát mà cảnh-sát không canh giữ cho xiết được. Một nhà chính-trị cầm quyền một nước lớn mà không thể ra khỏi nước không sợ người ta giết chết thì thực là nguy-hiểm quá!

Việc nước Nga. — Việc nước Nga tháng này cũng không được rõ hơn tháng trước mấy. Duy cái tin về đảng TROTZKY bị thất-thế thì nghe chừng là tin thực. Còn như cách sinh-hoạt ở nước Nga bây giờ thì nghe nói trộm cướp nổi lên nhiều lắm và nhân-tâm rất lấy làm khủng-hoảng. Phong-tục có ý suy-biến, vì cái luân-lý cũ đã đảo-điên mất cả. Đối với ngoài thì cái đại-thủ-đoạn ngoại-giao của chính-phủ Sô-viết vẫn là chỉ chủ muốn làm hại nước Anh. Việc thợ mỏ bãi-công ở Anh, ngày nay đã rõ-ràng là có tiền của Nga ám-trợ, và cái phong-trào bãi-công ấy dẫu không phải tự người Nga nhóm lên, nhưng thực là người Nga duy-trì cho diên-man ra mãi. Lại việc ngoại-tướng Nga TCHITCHÉRINE với ngoại-tướng Thổ-nhĩ-kỳ TEWFICK ROUCHDI BEY gặp mặt nhau ở *Odessa*, cũng là có chủ-ý đối với nước Anh cả; việc gặp mặt này chắc là không phải có bàn việc gì đích-xác đâu, chỉ có ý nhất-diện là dọa chơi cho các nước Âu-tây sợ, nhất-diện kết thân với Thổ-nhĩ-kỳ để lợi-dụng sau này, và hiện nay thì là để lấy lòng nước Thổ. Nước Thổ vẫn lấy làm lo về việc hàng-hải tự-do ở trong eo bể *Bosphore* và trong Hắc-hải. Giám-quốc Thổ MUSTAPHA KEMAL biết rằng nước Anh vẫn có ý bám-chế nước mình, tự xét chưa thể chống lại được, nên muốn tìm vây-cánh ở các nước khác. Nước Nga biết ý như thế sẵn lòng muốn kết-thân với Thổ. Đó tức là một cách quảng-cáo cho Nga để lấy lòng các dân Hồi-giáo ở Á-châu và tìm kế nhiễu nước Anh ở các thuộc-địa Á-châu. Xét như thế thì chính-phủ Sô-viết ngày nay cái chính-sách ngoại-giao đối với Anh cũng chẳng khác gì chính-phủ Nga-hoàng ngày trước. Nói rút lại Anh vẫn là kẻ thù thiên-cổ của Nga. Nhưng mà Nga xưa kia cũng là kẻ thù của Thổ, kẻ láng-diềng mạnh đã mấy lần muốn xâm-lấn nước Thổ; nếu cái chính-sách ngoại-giao của nước Nga

ngày nay cũng vẫn giống như ngày xưa, thì trong việc giao-thiệp nước Thổ với nước Nga, nước Thổ cũng nên để ý cẩn-thận. Hiện nay thì Nga vẫn cứ cổ-động cách-mệnh trong các nước, nơi thì công-nhiên, chỗ thì ngấm-ngầm, nhưng cái sức truyền-bá cổ-động vẫn không nhụt chút nào. Đối với nước Pháp thì đã mấy tháng nay thương-thuyết về việc kinh-tế, nhưng không thấy tấn-tới một chút nào. Đại-sứ Nga KRASSINE trước ở Pháp sau dời sang Anh, vốn là cự-phách trong đảng cộng-sản nước Nga và là một người bạn thân của LÉNINE khi trước, gần đây mới phải bệnh chết, xét ra thì tài-sản của ông kể có hàng triệu, các báo Tây bình-phẩm về việc đó nhiều lắm, ngờ rằng bình-sinh ông vận-động việc cách-mệnh nói là để mưu sự hạnh-phúc cho kẻ bần-cùng lao-động trong thiên-hạ, có lẽ chẳng qua chỉ mưu-sự vinh-thân phì-gia cho một mình mà thôi. Ông chính là một người lãnh-tụ trong đảng cộng-sản; vậy thì các tay lãnh-tụ khác thế nào?

Việc nước Tàu. — Tình-hình nước Tàu mỗi ngày một nguy-kịch. Nhưng cái đại-thế xem ra đã ràng-rạng hơn trước. Quân Nam-phương đi đến đâu đánh được đến đấy, bây giờ đã rõ cái thế đắc-thắng về Quốc-dân-đảng rồi. Hiện cả các tỉnh ở phía Nam sông Trường-giang là thuộc quyền Nam-quân giám-đốc; quân Nam lại tiến mãi lên, chỉ nay mai là đến Thượng-hải. Còn các đốc-quân phía bắc thì Ngô Bội-Phu đã đánh bị bẹp rồi, Tôn Truyền-Phương cũng thua hết trận ấy đến trận khác, không biết có giữ nổi Thượng-hải không, đến Trương-Tác-Lâm thì cũng có cái chí rắp-danh muốn làm Tổng-thống đấy, nhưng tựa vào chính-phủ Bắc-kinh như tựa vào cái tường sắp đổ, thế không thể vững được, mà ỷ vào Liệt-cường ám-trợ thì Liệt-cường ngày nay cũng phân-vân, chưa biết xoay ra mặt nào. Cứ tình-hình bây giờ thì các đốc-quân phía Bắc quyết không thể nào chống lại với quân Nam-phương, đương có cái thế tràn ra như nước thủy-triều. Cứ kể về đường quân-bị thì quân Nam-phương vị-tất đã giỏi gì hơn quân Bắc-phương, nhưng mà quân Nam-phương là tiêu-biểu một cái chủ-nghĩa giải-phóng cho nước nhà, cho nên quân-khí mạnh, mà đi đến đâu cũng được người dân hoan-nghênh. Hoặc-giả nói quân Nam-phương có phần chỉnh-đốn hơn các quân Bắc-phương là nhờ có các tướng Nga đốc-suất. Sự người Nga giúp chính-phủ Nam-phương thì là sự cố-nhiên rồi, nhưng mà hết thảy qui-công cùng qui-tội cho người Nga cả, thiết-tưởng cũng là quá. Phải biết rằng phàm lý-tưởng vẫn có sức mạnh, mà sức mạnh của lý-tưởng nhiều khi cũng dữ-dội lắm. Chính-phủ Quảng-đông lấy cái chủ-nghĩa hợp-nhất nước Tàu, khôi-phục cho nước Tàu hoàn-toàn độc-lập, tức là đem một cái lý-tưởng cao làm nguyên-động-lực cho công-việc mình. Việc bắc-phạt cũng là do một cái lý-tưởng ấy mà làm, cũng sẽ nhờ một cái lý-tưởng ấy mà sớm trưa tất được thành-công vậy. Vậy thì về phương-diện nước Tàu có lẽ cũng nên mong cho Nam-quân chóng được toàn-thắng, để cho nước Tàu khỏi phải cái cảnh loạn-li hỗn-độn như mấy năm nay, thật là không xứng-đáng với một lão-đại-đế-quốc ở Đông-Á ta vậy. Duy có hai điều đáng lo cho nước Tàu: Một là Quốc-dân-đảng và chính-phủ Nam-phương cho được làm thành-công đã từng nhờ-vả người Nga nhiều, mà cái chí của người Nga là chỉ muốn truyền-bá chủ-nghĩa cộng sản ra khắp mọi nơi để gây thành cuộc thế-giới-cách-mệnh sau này; nay sau khi thành-công rồi có thể thoát-ly được chủ-nghĩa cộng-sản hay không, hay là đã chìm-đắm vào quá mà đến xoay

ra theo hẳn, nếu thế thì tưởng quyết không phải là sự hạnh-phúc cho nước Tàu; — hai là nước Tàu là một cổ-quốc, đã có một cái văn-hóa rất thâm-trầm, nay xoay ra kinh-doanh tổ-chức theo lối mới, không biết có đủ nhân-tài xứng-đáng mà làm việc không, vì phá-hoại đã vậy, chứ kiến-thiết tưởng cùng khó thay; vẫn biết rằng những bậc thông-minh tuấn-tứ ở nước Tàu đi học ngoại-quốc về đã nhiều, tựu-trung cũng có người thành-tài xuất-sắc, thí-dụ như ông Trần Hữu-Nhân (*Eugene Tchen*) hiện làm ngoại-vụ tổng-trưởng cho Chính-phủ Nam-phương, các nhà ngoại-giao Âu Mĩ cũng phải chịu là người giỏi, nhưng mà những hạng như thế một là hãy còn ít lắm, hai là đại-dể đi học ngoại-quốc từ tuổi còn nhỏ, học dẫu thành tài mà về đến nước nhà dân-tình phong-tục có khi mang-nhiên không hiểu, chính như ông Trần nghe đâu chỉ nói tiếng Anh là thạo, còn tiếng Tàu nói không được xõi, như thế thì giao-thiệp với người ngoại-quốc được, nhưng cai-trị người bản-dân mình phỏng có được không? Đó cũng là cái vấn-đề khó giải cho nước Tàu. — Ấy là nói về phương-diện nước Tàu. Nay nói đến phương-diện Liệt-cường có quyền-lợi ở nước Tàu và thứ nhất là nước Anh có quyền-lợi to hơn nhất. Gần đây thấy quân Nam-phương càng ngày càng đắc-thắng, Liệt-cường cũng có ý khủng-hoảng. Giá mươi mười lăm năm trước thì dể binh-thuyền sang thị-uy ngay lập tức. Nhưng ngày nay thấy dân-khí nước Tàu đã hăng-hái lắm, nước nào xem ra cũng rụt rè chờ đợi. Vả lại chính trong Liệt-cường với nhau cũng ganh ghen tị-nạnh nhau, cho nên không mong hiệp-lực mà dùng cách bạo-động đối với Tàu được, thành ra đại-khái nước nào cũng giữ cái thái-độ nghe ngóng, không thấy cử-động gì. Mới đây, nhân người Tàu phá các tô-giới Anh ở Cửu-giang, ở Hán-khẩu và ở mấy nơi khác nữa, nước Anh đã thấy phái đại-biểu để thương-thuyết với Chính-phủ Nam-phương. Ông Trần Hữu-Nhân thay mặt chính-phủ quốc-dân đã mấy lần họp mặt với đại-biểu Anh và đã từng tuyên-bố cái chương-trình của Chính-phủ Quảng-đông đối với Liệt-cường ở Tàu. Chương-trình ấy tóm lại mấy khoản như sau này: 1º Thuộc về các tô-giới ngoại-quốc ở Tàu thì xin trả lại nước Tàu cả, chính-phủ Tàu cam-đoan bảo-hộ cho quyền-lợi của người ngoại quốc ở các nơi tô-giới đó, không sợ thiệt hại gì; 2º Phàm các điều-ước bất-bình-đẳng của Liệt-cường ký với Thanh-triều trước, xin bãi bỏ hết, sau này sẽ định-định điều-ước mới, hai bên đứng địa-vị bình-đẳng; 3º Xin bãi bỏ cái lệ « trị-ngoại pháp-quyền », nghĩa là cái quyền của người ngoại-quốc ở Tàu khi phạm tội được lãnh-sự nước mình xử, và xin từ giờ trở đi phàm người ngoại-quốc ở Tàu sẽ thuộc quyền thẩm-phán của tòa-án Tàu hết cả. Ba điều ấy chưa điều nào thương-thuyết xong cả: nhưng mà thuộc về điều thứ nhất thì nhân công-chúng phá hại mấy nơi tô-giới của Anh, các Anh-kiều đã phải chạy trốn đi hết và mấy nơi ấy giao lại cho quan Tàu quản-lý rồi; thuộc về điều thứ hai thì hiện nay mới có hai nước là điều-ước ký với nước Tàu đến năm nay hết hạn, hai nước ấy là nước Tỉ với nước Nhật, hiện Chính-phủ Nam-phương đã tuyên-bố rằng hết hạn này thì không tiếp-tục hạn mới theo như ước cũ nữa và sẽ thương-thuyết ký ước khác hợp lẽ bình-đẳng hơn. Tỉ với Nhật cũng muốn kháng-cự lại, nhưng thấy tình-thế không thể được, nay cũng đã chịu rồi. Thuộc về điều thứ ba thì hiện mới có nước Nga và nước Đức chịu bỏ cái quyền lãnh-sự tài-phán và thuận theo pháp-

luật nước Tàu, còn các nước khác chưa nước nào chịu cả. — Xem cái tình-thế như thế thì quốc dân-đảng sớm trưa thế nào rồi cũng hợp-nhất được nước Tàu. Liệt-cường xem cơ-hội thấy không thể cưỡng được nữa rồi cũng sẽ nhượng-bộ. Vả lại trong sự xung-đột Liệt-cường với nước Tàu, Liệt-cường chẳng qua là chỉ muốn bảo-tồn lấy chút đặc-quyền ở cõi Á-Đông này mà thôi, còn như người Tàu là chống giữ lấy sinh-mệnh của nước mình, hai bên khinh-trọng khác nhau, Liệt-cường nếu biết điều ra thì dẫu có thiệt-hại ít nhiều cũng không nên khăng-khăng cố giữ. Nay cứ xem dư-luận trong các báo tây thì cũng biết rằng ở Pháp và ở Anh đã có nhiều người đem cái kiến-giải rộng-rãi mà đối với việc nước Tàu, không thấy lắm những lời thóa-mạ nước Tàu như mấy tháng trước nữa.

Việc Mã-lai-quần đảo thuộc Hà-lan. — *Mã-lai-quần đảo là nơi thuộc địa của Hà-lan, gồm mấy cái đảo lớn như* Java, Sumatra, *và vô số những cù-lao nhỏ ở chung quanh. Người dân thuộc về giống Mã-lai, là một giống đã từng văn-minh chứ không phải hãy còn bán-khai. Cách người Hà-lan cai-trị có lẽ cũng không được khôn-khéo, cho nên dân-tình có điều oán-giận. Lại thêm chủ-nghĩa cộng-sản đã tràn vào trong dân-gian, chủ-nghĩa quốc-gia nhân đó lại càng phát lên kịch-liệt. Bởi các duyên-cớ đó cho nên trong khoảng tháng mười một mới rồi ở khắp đảo* Java, *về vùng* Batavia, Bandoung, Sérang, Labouan, Bantam, *nhân-dân nổi loạn lên dữ quá, công-nhiên chống nhau với cảnh-sát và quân chính-phủ; nghe đâu chủ-trương việc loạn này là tay lãnh-tụ đảng cộng-sản bắn-xứ tên là* Hardjono. *Chính-phủ Hà-lan phải dùng võ-lực để giẹp mới yên, nhưng mà chết hại cũng nhiều lắm. Xem như thế thì ra cái phong-trào cách-mệnh nay đã lan tới cả quần-đảo Mã-lai vậy.*

Việc nước Mĩ. — *Ở Mĩ mới rồi có bầu-cử lại Đại-biểu-viện và Nguyên-lão-viện, tức là Thượng Hạ nghị-viện nước Mĩ. Việc bầu-cử này cũng không thay đổi gì địa-vị của các đảng. Ở viện Đại-biểu đảng cộng-hòa vẫn chiếm phần đa-số; ở Nguyên-lão-viện thời hai đảng cộng-hòa và dân-chủ ngang sức nhau, còn một đảng độc-lập đứng ngoài, tuy số ít nhất mà thật là đứng địa-vị chủ-nhân trong viện, vì có thể tự quyết theo về bên nào bên ấy sẽ được phần hơn. Đứng đầu đảng độc-lập ấy là nghị-viên* La Follette, *ông này tương-lai chắc sẽ có dịp nói đến luôn. Còn như việc bầu-cử này có ảnh-hưởng gì đến cái thái-độ của nước Mĩ đối với Âu-châu không, thì hiện nay cũng chưa thể đoán biết được. Các báo nghị-luận về việc này nhiều lắm, nhưng xét ra trong cuộc bầu-cử, những vấn-đề nợ Đồng-minh, vấn-đề cấm rượu hay không cấm rượu, không có ảnh-hưởng gì mấy đến việc bỏ vé cả. Người có quyền bầu-cử ở nước Mĩ trong khi kén-chọn người để bỏ vé bầu, chắc là chỉ nghĩ đến cái vấn-đề kinh-tế trong nước trước nhất, nghĩ đến cách làm thế nào cho công-nghệ nước Mĩ cứ giữ được thịnh-vượng mãi như bây giờ. Ấy việc quan-hệ nhất cho người Mĩ ngày nay tưởng chỉ có việc đó. Chính Giám-quốc* Coolidge *cũng không xét nghiệm ở cuộc bầu-cử tháng mười một mới rồi mà đoán biết được phần riêng ông sau này có chắc được tái-cử nữa hay không. Về bản dự-ước của quan Tài-chính Mĩ* Mellon *cùng thảo với đại-sứ Pháp* Berenger *mấy tháng trước để giải-quyết vấn-đề nợ của nước Pháp, thì có lẽ không đến Nguyên-lão-viện mới bầu phải xét, vì viện mới này chừng đến cuối năm 1927 mới triệu-tập. Như vậy thì hiện nay thái-độ nước Mĩ đối với Âu-châu không*

có thay-đổi gì. Hai bên vẫn gián-cách nhau mà vẫn khó lòng chưa hiểu được nhau. Nước Mĩ ngày nay là nước giàu nhất, nhiều vàng nhất trong thế-giới, cho nên tựa-hồ như không cần đến ai mà cũng không thiết đến ai, không biết rằng các nước trong thế-giới ngày nay là có liên-đái-quan-hệ với nhau cả, không nước nào có thể dời hẳn các nước mà biệt-lập được. Điều đó người Mĩ hoặc là chưa hiểu đến, hoặc là không muốn hay không chịu hiểu, dẫu cố-động thế nào chắc cũng không có kiến-hiệu gì. Cho nên thuộc về vấn-đề nợ Mĩ, người Pháp cũng đã đành chịu rằng không thể lấy tình mà nói được nữa, phải giở giọng mặc-cả như hai chú lái buôn mà thôi. Vấn-đề này tháng này cũng không tấn-tới hơn tháng trước được chút nào. — Việc ngoại-giao nước Mĩ với nước Mạc-tây-kha (Mexique) cũng đương vào hồi khó-khăn. Chính-phủ Mạc định sắp thi-hành luật mới hạn-chế quyền sở-hữu của người ngoại-quốc, thứ nhất là về các mỏ dầu hỏa. Người Mĩ vốn có nhiều mỏ dầu ở Mạc-tây-kha, sẽ bị thiệt-hại nhiều về luật mới này, cho nên chính-phủ Mĩ muốn can-thiệp, không biết rồi hai bên xử ra thế nào. Việc giao-thiệp hai nước từ trước đến nay cũng đã không lấy gì làm lương-hảo cho lắm, nay lại thêm chuyện này nữa mới càng lôi-thôi.

Việc nước Anh. — *Việc thợ mỏ bãi-công mãi đến cuối tháng mười một mới gọi là tạm-tạm giải-quyết xong. Bọn thợ trước vẫn khăng-khăng đòi phải điều-đình chung cho cả toàn-thể nghề mỏ trong nước mới nghe, sau thấy không đủ sức chống lại được lâu nữa, đành phải chịu nhận điều-đình riêng từng địa-phương một. Song chịu là chịu thế mà thôi, chứ chưa phải là bên chủ mỏ đã thắng hẳn mà bên thợ mỏ là thua hẳn. Việc xung-đột này có thể một mai lại dấy lên lần nữa cũng không biết đâu. Hiện nay thì là tạm yên rồi. Ai cũng thừa-nhận rằng cái chế-độ nghề mỏ ở nước Anh còn khuyết-điểm nhiều, tất phải sửa đổi lại. Việc bãi-công vừa rồi hại cho nước Anh nhiều lắm. Chính-phủ Anh chắc sẽ cùng với các đoàn-thể chủ mỏ và thợ mỏ nghiên-cứu để sửa-đổi cho thích-hợp. Việc bãi-công nguy-hiểm như thế mà nước Anh qua trót-lọt được, đủ tỏ người Anh có kiên-nhẫn và có nghị-lực thật.*

Việc nước Pháp. — *Trong suốt tháng mười một giá đồng phật-lăng cứ lên cao dần dần, mà giá tiền* livre *của Anh, tiền* dollar *của Mĩ thì xuống dần. Thế là cái triệu tốt cho nước Pháp. Nhân đó các nhà sành về tài-chính cùng nhau thảo-luận hoài cho biết đồng phật-lăng lên như thế thì sẽ có ảnh-hưởng về sự sinh-hoạt trong nước, về đường doanh-nghiệp, về tình-hình chung thế nào. Có hai cái thuyết: một thuyết là cứ để cho tiền tự-nhiên khôi-phục dần lại giá cũ, thế gọi là « phục giá » (revalorisation); một thuyết là nên lấy một cái giá trung-bình mà ấn-định hẳn cho tiền khỏi bấp-bông, thế gọi là « định-giá » (stabilisation); muốn bổ-cứu cho tài-chính trong nước thì hai cách đó tất phải theo một cách nào; như nước Tỉ là dùng cách « định-giá » (Xem Thời-đàm kỳ trước), như nước Pháp bây giờ là đương theo cách « phục giá ». Cách nào cũng có điều lợi mà cũng có sự nguy-hiểm. Đáng sợ nhất là khiến cho công-nghệ bị đình-đốn, mà bọn thợ không có việc làm. Các nhà cầm quyền ở nước Pháp đương lo về hai điều đó. Nay muốn cho qua được trót-lọt cái buổi khó-khăn này (cũng ví như người bệnh, mới chắc rằng không đến nỗi nguy, nhưng thân-thể còn suy-nhược lắm, chưa bình-phục lại được), thì cốt nhất là các chính-đảng phải bỏ cả mọi sự tranh-cạnh nhau đi mà*

đồng-tâm hiệp-lực chuyên-chủ về một vấn-đề khôi-phục tài chính cho nước. Hiện nay thì tình-thế Nội-các POINCARÉ vẫn được vững, ở Nghị-viện tập-hợp được 350 vé tán-thành. Nhiều người cũng biết công cho ông thủ-tướng POINCARÉ đã quả-quyết cứu cho đồng phật-lăng khỏi đến bại-hoại. Cho nên bấy lâu nay Nghị-viện đại-đề cũng vẫn biểu đồng-tình với ông mà không chỉ-trích điều gì mấy. Nhưng nước Pháp là nước cái họa đảng-tranh vẫn dữ lắm; có người e rằng các đảng tạm nghỉ trong mấy tháng nay không công-kích gì nhau, có lẽ đã lấy làm lâu lắm rồi, nay mai không khỏi lại nhớ đến thói cũ mà không chịu để cho Nội-các POINCARÉ ở yên mà làm việc đâu! Ta sẽ nghiệm xem sau này thế nào.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị. — Ông VARENNE nghe nói là đến trung-tuần tháng Mars sẽ xuống tàu sang đây, nhưng hiện chưa có tin đích. Ông ở Pháp đã có dịp diễn-thuyết nhiều nơi để bày tỏ về tình-hình chính-trị bên này. Các báo tây mới sang vừa rồi có thuật lại tường mấy bài diễn-thuyết của ông ở Hội chính Hội Nhân-quyền Paris và ở Hội Ái-hữu các nhà báo Paris. Hai bài này đều tỏ ra cái lòng ông ân cần với người Việt-Nam và bất-bình với phái thực-dân Tây ở đây, giận bọn này làm ngăn-trở cái chính-sách rộng rãi của ông. Ông có câu nói rằng: Người Pháp ở Đông-Pháp, người hay có nhiều, nhưng kẻ vô-giá-trị cũng lắm. — Lại nói: Bọn thực-dân vẫn có cái thói quen coi người Tây mạt-hạng cũng là hơn người An-Nam thượng-lưu, v. v. — Mấy lời diễn-thuyết đó truyền sang đến đây, các báo Tây ở đây cố-nhiên là bình-phẩm lắm. — Một kỳ trước, bản-chí đã nói về việc ông chưởng-lý COLONNA. Nay có tin ông COLONNA đã về tới Pháp rồi, nghe đâu bị bên Bộ khiển-trách về cái lỗi chỉ-trích quan Toàn-quyền là mạn phép thượng-quan, muốn bắt về hưu-trí nhưng vì ông có nhiều con, nên hãng để ra viện Cao-đẳng Thẩm-phán xét việc ông trước đã, rồi sẽ định. Có lẽ cũng vì việc này nên ông VARENNE ở chậm lại chưa sang chăng. — Ông phó Toàn-quyền MONGUILLOT cũng có tin sẽ về hưu không trở sang đây nữa. — Ông PASQUIER, quyền Toàn-quyền, thì hiện đương đi kinh-lược mọi nơi, ở Trung-kỳ, rồi về Nam-kỳ, về Cao-miên, nay mai sẽ trở ra Hà-nội.

Ở Nam-kỳ, mấy người bị bắt giam-cứu về việc báo Nhà-quê, như kỳ trước đã nói, nay đã được tha cả, có lẽ là xét ra không tội gì khép án được, nên phải tha chăng. — Việc lập nhà ngân-hàng An-Nam, vẫn đương vận-động, chưa rõ có thể thành được không. — Ông Phan Văn-Trường, luật-khoa tiến-sĩ, làm chủ báo L'Annam, đã được Chính-phủ chuẩn nhận cho vào ngạch trạng-sư các tòa Phúc-thẩm Đông Pháp, thế là từ nay có quyền được ra cãi ở các tòa án Tây; hiện ông làm thư-ký cho trạng-sư MONIN.

Ở Trung-kỳ, ông D'ELLOY là quyền Khâm-sứ mới phải gọi ra làm việc ở Phủ Toàn-quyền Hà-nội, chức quyền Khâm-sứ giao cho ông FRIÈS là quan cai-trị hạng nhất mới ở Tây sang, trước đã từng quyền chức ấy một lần. Ông D'ELLOY mấy tháng giữ quyền thủ-hiến ở Huế, nghe như không được đắc dân-tình lắm. Cuối năm ngoái ông có gửi một tờ chư-trì cho các ông nhân-dân đại-biểu Trung-kỳ, lời lẽ không được thỏa-đáng lắm; trong tờ ấy có ý

trách các ông dân biểu là không hiểu bổn-phận, chỉ mưu tư-lợi, v. v.. Nhân-dân lấy việc đó làm ác-cảm. Viện Đại-biểu có gửi giấy kháng-nghị đến tận Phủ Toàn-quyền. Có lẽ cũng vì cớ này nên ông D'ELLOY *phải cất chức và gọi ra Hà-nội chăng ; hoặc còn cớ khác nữa thì không rõ.*

Ở Bắc-kỳ không có sự gì lạ. Ông Thống-sứ ROBIN *có tin đích đến hạ-tuần tháng* Avril *thì xuống tầu về Tây nghỉ, chừng đầu sang năm mới trở lại đây. Ông Giám-đốc* GRAFFEUIL *sẽ quyền chức Thống-sứ Bắc-kỳ. — Ở các tỉnh hiện đương đắp lại các đê, theo cái chương-trình bản-chí đã thuật rõ một kỳ trước. Lần này nghe như chính-phủ đã hiểu rằng việc cần, phải lo-liệu ngay từ mùa nước cạn, nếu để nước đến chân thì không kịp nữa. Nhưng cần nhất là chính-phủ phải có một cái « đê-chính » cho quả-quyết và cho phân-minh mới được. Các triều vua ta ngày xưa đều cho việc đê-chính Bắc-kỳ là việc tối-khẩn tối-trọng ; Chính-phủ Bảo-hộ cũng nên noi theo cái chính-sách cũ đó.*

Ở Ai-lao thì ông Khâm-sứ Bosc *cùng với một ông quan Lào độ rày đi tàu bay kinh-lược khắp các miền Thượng Lào, để chấn phục dân-tâm. Miền Thượng-Lào là miền rừng núi hiểm-trở, xưa nay ít ai đi đến, bây giờ mới có ông Khâm-sứ đến kinh-lược là một.*

Giới - thiệu sách mới.

1. — Nho-phong. *Tiểu-thuyết của ông* NGUYỄN TƯỜNG - TAM *soạn*, 124 *trang. Bán tại hiệu Ngọc-xuyên phố Hàng Bông Hà-nội. Giá 4 hào.*

2. — Người quay tơ. *Tập mười một bài đoản - thiên tiểu - thuyết, của ông* NGUYỄN TƯỜNG-TAM *soạn. In bằng giấy An-Nam. 100 trang. Bán ở Nghiêm-Hàm ấn-quán. Giá 3 hào rưỡi.*

3. — Một tại chán đời. *Tiểu-thuyết của ông* NGUYỄN VĂN LỊCH *soạn. 300 trang. Bán tại hiệu Thụy-ký, giá 1 đồng.*

4. — 育兒新法 Phép nuôi con. *Dịch sách của một ông y-sĩ Nhật-bản. Dịch-giả là ông,* TỊNH-LIÊU. *76 trang. Bán tại nhà in Long-quang, giá 2 hào.*

5. — Recueil de Textes (thèmes, versions et rédactions) à l'usage des candidats aux Brevets de langue Annamite (1er et 2e degré). *Par* G. CORDIER. — *Imprimerie Mạc Đình-Tư, Hanoi, 202 pages.*

6 — Nam-kỳ vĩ-nhân lục (*tiểu-sử quan cố tổng-đốc Chợ-lớn Đỗ Hữu-Phương*). TRƯƠNG HOÀN-PHÁT *soạn.— Imprimerie de l'Union, Saigon.*

7. — Việc quản-trị chốn thương-thôn, và Dân-quê nên biết, *hai quyển sách nguyên bằng pháp-văn của ông* PIERRE GROSSIN, *công-sứ Ninh-bình soạn, ông* NGUYỄN VĂN-NGHỊ, *tri-huyện Gia-khánh dịch ra quốc-ngữ. Xuất-bản tại Viễn-đông ấn-quán (một quyển 104 trang, một quyển 168 trang). — Ông* NGUYỄN VĂN-NGHỊ *lại mới in một cái « Bảng tính số qui vuông tây ra số qui vuông ta »* (Barême pour la conversion des mesures de surface français en mesures agraires annamites.)

8. — Rạng đông. *Tạp-chí bằng quốc-văn, mới xuất-bản ở Sài-gòn, mỗi tháng một kỳ. Ông* TRẦN HUY-LIỆU *chủ-bút, — Tòa soạn : 70 Rue d'Ormay, Saigon.*

9. — *Khi báo đã sắp ra, bản-quán mới tiếp được quyển dịch truyện* Kiều *ra thơ Pháp của ông* RENÉ CRAYSSAC, *mới xuất-bản ở nhà in Lê Văn-Tân, 136 phố Hàng Bông, Hà-nội, giá mỗi quyển 2 đồng. Kỳ này hãng giới-thiệu tạm mấy câu, kỳ sau sẽ nói tường, vì là một bộ sách rất có giá-trị.*